BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 12

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – TRẦN HẠNH MAI – HÀ VĂN MINH
NGUYỄN THỊ NƯƠNG – ĐỖ HẢI PHONG – NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

NGỮ VĂN

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ hai)

12

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Các bạn sắp hoàn thành chương trình học tập môn Ngữ văn cấp Trung học phổ thông. Với sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12, các bạn sẽ bước vào chặng cuối của chương trình, để rồi sau đó, mỗi người sẽ chọn một cách đi mới vào thế giới của ngôn ngữ và văn chương tuỳ theo sở thích, điều kiện riêng của mình.

Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 được biên soạn bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình đối với học sinh lớp cuối cấp, có những điều được củng cố, khắc sâu và có những điều mang tính chất mở rộng, nâng cao. Tất cả đều tạo cho các bạn cơ hội soát xét lại những gì đã được môn Ngữ văn chuẩn bị, để tự tin bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời với những yêu cầu học tập, làm việc có nhiều thử thách hơn.

Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 có chín bài học, được tổ chức theo mô hình đã được xác lập từ sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10, đề cao tính tích hợp và chú trọng thiết kế hoạt động. Ở đây có sự kết hợp hài hoà giữa hướng dẫn tìm hiểu các văn bản cụ thể với việc định hướng khám phá các yếu tố đặc trưng của loại văn bản, thể loại văn học và cách sử dụng tiếng Việt sao cho chính xác, nhuần nhị; giữa triển khai hoạt động đọc với việc tổ chức thực hiện các văn bản viết và nói; giữa nêu các câu hỏi, bài tập đơn giản với việc đưa ra những yêu cầu cao về sản phẩm hoạt động, nhất là hoạt động viết báo cáo nghiên cứu và thực hiện một dự án phù hợp với điều kiện học tập ở trường phổ thông.

Trong chín bài học của sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12, có năm bài giúp các bạn tìm hiểu thêm một số đặc điểm quan trọng của những loại văn bản và thể loại văn học tiêu biểu đã quen thuộc: Bài 2 – *Những thế giới thơ*, Bài 3 – *Lập luận trong văn bản nghị luận*, Bài 4 – *Yếu tố kì ảo của truyện kể*, Bài 5 – *Tiếng cười của hài kịch*, Bài 8 – *Dữ liệu trong văn bản thông tin*. Riêng với những thể loại lần đầu được học chính thức như tiểu thuyết hiện đại, phóng sự, hồi kí, hai bài học có liên quan rất chú ý đưa tới cho các bạn

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

một cái nhìn tổng quan. Đó là các bài: 1 – *Khả năng lớn lao của tiểu thuyết*, 7 – *Sự thật trong tác phẩm kí*. Bài 6 – *Hồ Chí Minh – "Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi"* hướng dẫn các bạn khám phá những tác phẩm tiêu biểu cho thành tựu sáng tác của Hồ Chí Minh thuộc ba loại, thể loại chính: văn nghị luận, truyện – kí và thơ. Bài 9 – *Văn học và cuộc đời* gồm một cụm văn bản thuộc các thể loại khác nhau (thơ trữ tình, tiểu thuyết, kịch) chứa đựng những gợi mở quan trọng đối với việc hình thành thái độ ứng xử tích cực trước cuộc đời. Tất cả văn bản đọc trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 đều có thể được nhìn nhận như là điểm hội tụ của nhiều mối quan hệ thiết yếu trong cuộc sống. Do vậy, khi tìm hiểu, khám phá văn bản, các bạn sẽ học được cách huy động hiệu quả những kiến thức lịch sử, văn hoá, xã hội, nghệ thuật,... từng tiếp nhận từ một số môn học khác. Những kiểu bài viết và nội dung nói, nghe được yêu cầu thực hiện trong sách này như viết và thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, viết thư trao đổi công việc, viết bài phát biểu trong một buổi lễ phát động, viết và trình bày báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án,... đều là những kiểu bài, nội dung hoạt động thật sự thiết thực và mang tính ứng dụng cao, đưa người học đến với các cuộc tập dượt bổ ích.

Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 được thiết kế phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập. Từ việc đọc một văn bản cụ thể và thực hành viết, nói và nghe với những nội dung cụ thể, các bạn sẽ hình dung được sáng rõ cách thực hiện các hoạt động ấy trước muôn vàn đối tượng, tình huống mới mà mình sẽ đối diện trong tương lai.

Hi vọng rằng với sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12, các bạn sẽ củng cố được tình yêu đối với văn học, tiếng Việt, để từ đó có được nền tảng nhân văn vững chắc và tầm nhìn khoáng đạt khi bước ra hoà nhịp với cuộc đời rộng lớn.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

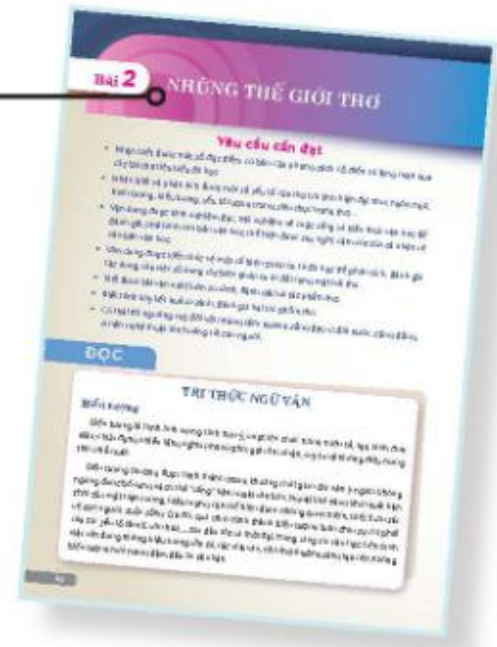
BÀI	NỘI DUNG		TRANG
1	**KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT**		**9**
	ĐỌC	*Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* (Trích *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng)	**11**
		Mùa lá rụng trong vườn (Trích – Ma Văn Kháng)	**19**
		Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng	**26**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	**27**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	**34**
	Củng cố, mở rộng		**36**
	Thực hành đọc	*Trên xuồng cứu nạn* (Trích *Cuộc đời của Pi* – Y-an Ma-ten – Yann Martel)	**37**
2	**NHỮNG THẾ GIỚI THƠ**		**40**
	ĐỌC	*Cảm hoài* (*Nỗi lòng* – Đặng Dung)	**42**
		Tây Tiến (Quang Dũng)	**44**
		Đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo)	**48**
		Thực hành tiếng Việt: Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ	**51**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	**52**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	**58**
	Củng cố, mở rộng		**59**
	Thực hành đọc	*Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go – Rabindranath Tagore)	**60**
3	**LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**		**62**
	ĐỌC	*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* (Trích – Trần Đình Hượu)	**64**
		Năng lực sáng tạo (Trích – Phan Đình Diệu)	**68**
		Mấy ý nghĩ về thơ (Trích – Nguyễn Đình Thi)	**72**
		Thực hành tiếng Việt: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa	**78**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)	**80**
	NÓI VÀ NGHE	Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ	**86**
	Củng cố, mở rộng		**88**
	Thực hành đọc	*Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt)	**89**

4	**YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ**		**92**
	ĐỌC	*Hải khẩu linh từ* (*Đền thiêng cửa bể*, Trích – Đoàn Thị Điểm)	**94**
		Muối của rừng (Trích – Nguyễn Huy Thiệp)	**106**
		Thực hành tiếng Việt: Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học	**114**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học	**115**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học	**122**
	Củng cố, mở rộng		**123**
	Thực hành đọc	*Bến trần gian* (Trích – Lưu Sơn Minh)	**124**
5	**TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH**		**130**
	ĐỌC	*Nhân vật quan trọng* (Trích *Quan thanh tra* – Ni-cô-lai Gô-gôn – Nikolai Gogol)	**132**
		Giấu của (Trích *Quẫn* – Lộng Chương)	**140**
	VIẾT	Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội	**146**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	**152**
	Củng cố, mở rộng		**153**
	Thực hành đọc	*Cẩn thận hão* (Trích *Thợ cạo thành Xê-vin (Séville)* – Bô-mác-se – Beaumarchais)	**153**
	ÔN TẬP HỌC KÌ I		**158**
	Bảng tra cứu thuật ngữ		**161**
	Bảng giải thích một số thuật ngữ		**162**
	Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt		**164**
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		**166**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Tên bài học nêu một vấn đề hay yếu tố nổi bật của loại, thể loại văn bản chính hoặc nêu chủ đề được học trong bài, giúp bạn có định hướng phù hợp khi thực hành đọc, viết, nói và nghe.

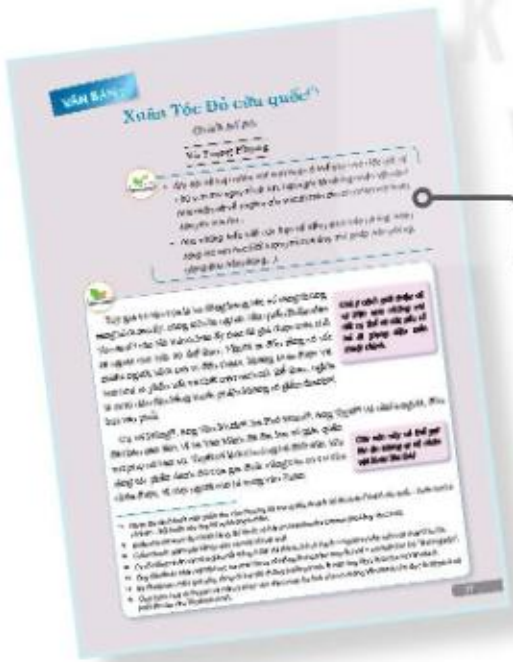




Yêu cầu cần đạt cho biết mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của bài học, quy định rõ điều phải đạt được với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Tri thức ngữ văn trình bày khái quát về những đơn vị kiến thức mang tính chất công cụ, giúp bạn có thể đọc hiệu quả các văn bản chính của bài học và thực hiện các hoạt động viết, nói và nghe một cách thuận lợi.





Gợi dẫn trước văn bản đọc (kèm logo) gồm một số câu hỏi và yêu cầu, đòi hỏi bạn huy động những kiến thức và trải nghiệm liên quan đến nội dung văn bản, nhằm thực hành đọc hiểu với tâm thế tích cực, chủ động.

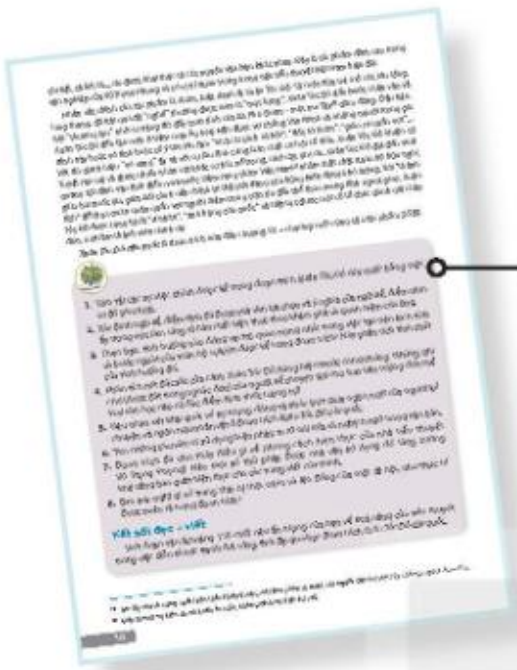


Thẻ chỉ dẫn trong văn bản đọc thường có hình thức của câu hỏi hay đơn thuần chỉ là lời nhắc về chiến lược đọc mà bạn cần vận dụng khi đọc từng phần của văn bản.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

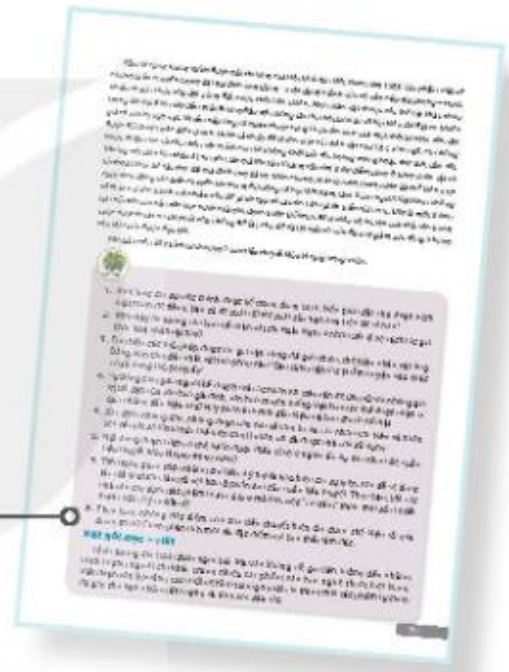
Giới thiệu tác giả, tác phẩm đưa đến những thông tin khái quát về tác giả, thể loại và xuất xứ của tác phẩm, giúp bạn có thêm căn cứ để đánh giá văn bản vừa đọc một cách toàn diện.





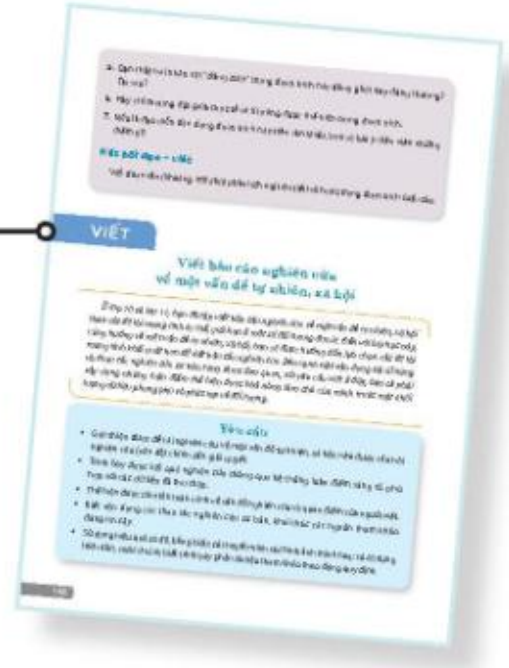
Yêu cầu sau khi đọc (kèm logo) gồm hệ thống câu hỏi và yêu cầu thuộc nhiều cấp độ nhận thức, hướng dẫn bạn tìm hiểu văn bản đúng trọng tâm và hướng theo yêu cầu cần đạt của bài học.

Kết nối đọc – viết nêu yêu cầu viết ngắn, tạo cho bạn thói quen ghi nhanh những ấn tượng, cảm nhận, suy nghĩ của mình về văn bản vừa đọc.





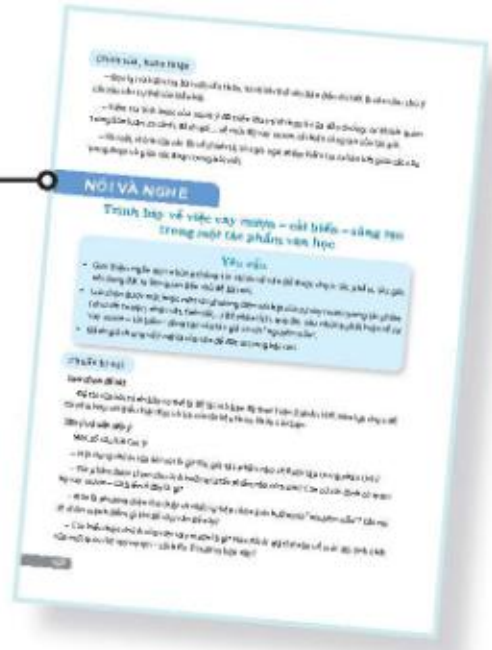
Thực hành tiếng Việt lưu ý bạn về các hiện tượng ngôn ngữ trong văn bản đọc cần được tìm hiểu sâu, giúp bạn củng cố hoặc làm giàu thêm kiến thức về tiếng Việt để đọc, viết, nói và nghe một cách tích cực, hiệu quả.

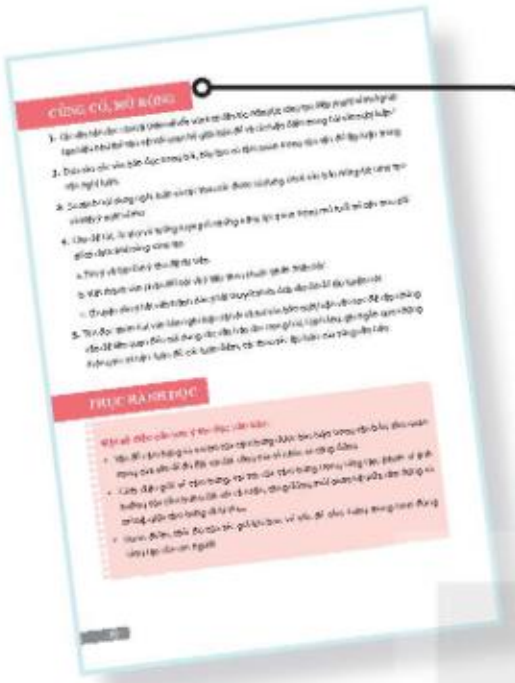


Viết nêu kiểu bài, yêu cầu chung của kiểu bài, bài viết tham khảo và những hướng dẫn cụ thể về quy trình viết. Bài viết tham khảo được đưa ra kèm một số chỉ dẫn, giúp bạn hiểu rõ cách triển khai bài viết để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

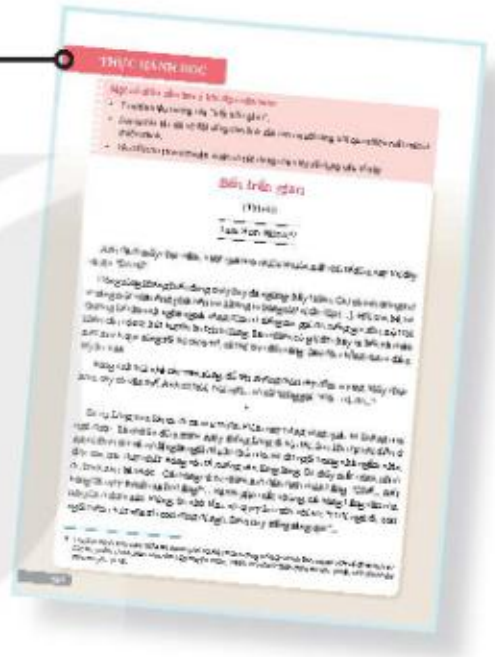
Nói và nghe gồm nhan đề cho biết nội dung cụ thể của hoạt động, yêu cầu chung của kiểu bài nói và những hướng dẫn chi tiết về cách thực hiện (chuẩn bị nói; thực hành nói; trao đổi, đánh giá).

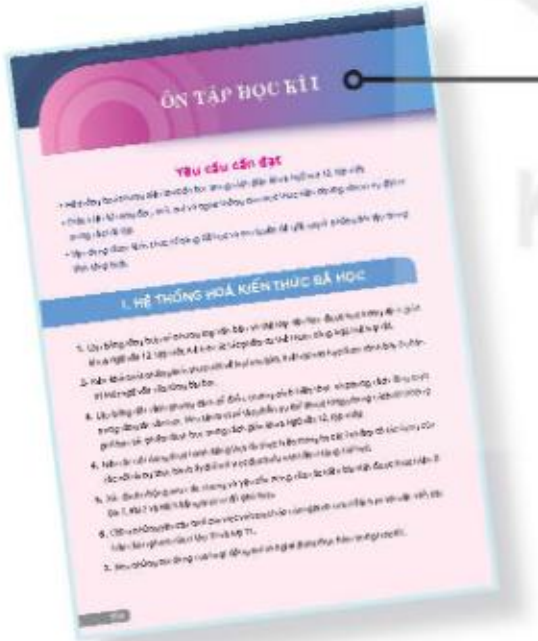




Củng cố, mở rộng là phần đặt cuối bài học, giúp bạn ôn lại những điều đã được học và rèn luyện, đòi hỏi bạn mở rộng vốn đọc và biết vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành viết, nói và nghe theo một số đề tài mới.

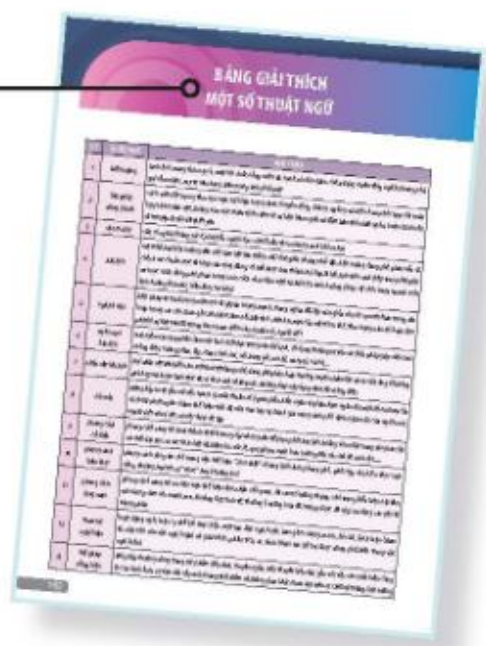
Thực hành đọc đưa ra một văn bản cùng loại hay thể loại với các văn bản đọc chính và một số gợi ý, yêu cầu bạn tự đọc theo hướng dẫn, trên cơ sở vận dụng kiến thức và kĩ năng đọc đã được hình thành trước đó.





Ôn tập học kì là phần đặt cuối mỗi tập, gồm hai nội dung chính: hệ thống hoá những nội dung đã học và thực hành luyện tập, vận dụng theo một số dạng đề mang tính tổng hợp, đòi hỏi bạn huy động đồng thời các kiến thức và kĩ năng đọc, viết để thực hiện những yêu cầu đặt ra.

Cuối sách có bốn **bảng tra cứu** hỗ trợ bạn tìm hiểu những thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học của mỗi tập.



Logo sử dụng trong sách

- Khởi động
- Đọc văn bản
- Thực hiện các yêu cầu sau khi đọc văn bản
- Thực hiện các yêu cầu sau khi đọc bài viết tham khảo

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 1

KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết; phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trau dồi nhân cách và lựa chọn thái độ ứng xử chuẩn mực với cộng đồng; biết trân trọng, gìn giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của nền văn hoá truyền thống.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tiểu thuyết hiện đại

Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng thường dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Từ những hình thái đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng riêng biệt, tuỳ thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá, thẩm mĩ nhất định. Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt được bước tiến lớn, trở thành một thể loại chính của đời sống văn học và tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

Tiểu thuyết hiện đại là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện mạo chung của nó trở nên phức tạp. Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quá đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm nổi bật sau của tiểu thuyết hiện đại:

– Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hoá hiện thực.

– Nhân vật là "con người nếm trải", không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí.

– Có kết cấu nhiều tầng lớp, tuyến tính hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều "bè" ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.

– Có khả năng tổng hợp cao mọi thành tựu hay kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. Phong cách này có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các sáng tác thuộc nhiều thể loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình,... Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tác thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là S. Đích-ken (Ch. Dickens – Anh), H. đờ Ban-dắc (H. de Balzac – Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy – Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky – Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),... Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,... Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn – một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hoá đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

Nói mỉa và nghịch ngữ

Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết đối với sự vật, sự việc được đề cập.

Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bỉu. Nói mỉa chủ yếu được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mỉa có thể có nghịch ngữ.

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

VĂN BẢN 1

Xuân Tóc Đỏ cứu quốc(*)

(Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

- *Khi nói về loại nhân vật văn học có thể gây cho độc giả sự chú ý, tò mò ngay từ cái tên, bạn nghĩ tới những nhân vật nào? Nêu nhận xét về ý nghĩa của việc đặt tên cho các nhân vật trong sáng tác văn học.*
- *Nêu những hiểu biết của bạn về tiếng cười trào phúng trong sáng tác văn học (đối tượng trào phúng, thủ pháp trào phúng, giọng điệu trào phúng,...).*

Tuy giá vé vào cửa là ba đồng hạng bét, số công chúng sáng hôm sau ấy, cũng trên ba nghìn. Sân quần Rollandes Varreau(1) của Hà thành bữa ấy thật đã ghi được một chỗ rẽ ngoặt cho lịch sử thể thao. Người ta đồn rằng có rất nhiều người hâm mộ vì đến chậm, không mua được vé, bèn hoá ra phẫn uất và chết một cách rất thể thao, nghĩa là tự tử dần dần bằng thuốc phiện không có giấm thanh(2), hút vào phổi.

Chú ý cách giới thiệu về sự kiện qua những chi tiết cụ thể và các yếu tố hé lộ giọng điệu trần thuật chính.

Cụ cố Hồng(3), ông Văn Minh(4), bà Phó Đoan(5), ông Typn(6) và nhiều người, đều đã chán nản lắm, vì bà Văn Minh đã đại bại về giải quần vợt phụ nữ bản xứ. Tuyết cố làm cho ông bố đỡ buồn, kêu rằng cái phần danh dự của gia đình cũng còn có cơ cứu chữa được, vì mọi người còn hi vọng vào Xuân.

Câu văn này có thể gợi lên ấn tượng gì về nhân vật Xuân Tóc Đỏ?

(*) Nhan đề văn bản là một phần tên của chương XX trong tiểu thuyết *Số đỏ*: *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc – Xuân Tóc Đỏ vĩ nhân – Nỗi buồn của ông bố vợ không bị đấm.*

(1) *Rollandes Varreau*: đọc là Rô-lăng-đơ Va-rô; có bản in là *Rollandes Carreau* (*Rô-lăng-đơ Ca-rô*).

(2) *Giấm thanh*: giấm gây bằng rượu và một số loại quả.

(3) *Cụ cố Hồng*: nhân vật nhà giàu nổi tiếng ở đất Hà thành, bố cô Tuyết – người vợ sắp cưới của Xuân Tóc Đỏ.

(4) *Ông Văn Minh*: nhân vật Tây học, con trai của cụ cố Hồng, là chủ tiệm may Âu hoá – nơi Xuân Tóc Đỏ "khởi nghiệp".

(5) *Bà Phó Đoan*: một goá phụ, từng có hai đời chồng (chồng trước là một ông Tây), là dì của vợ Văn Minh.

(6) *Ông Typn*: hoạ sĩ chuyên vẽ mẫu y phục cho tiệm may Âu hoá của vợ chồng Văn Minh, tên đọc là *Típ-phờ-nờ* (viết tắt của câu *Tôi yêu phụ nữ*).

Lúc ấy, trên sân quần có hai cô đầm đương tranh cái giải vô địch phụ nữ Pháp nên những người của hiệu Âu hoá đứng xem cũng không sốt sắng mấy.

Trên khán đài, ngồi giữa những vị quan chức văn võ cao cấp của ba chính phủ, công chúng thấy rõ, từ trái sang phải: quan Toàn quyền[1], quan Thống sứ[2], Đức vua nước nhà[3], S. M. Prajadophick[4] vua Xiêm[5]. Tuy vận Âu phục, vua Xiêm cũng đội cái mũ bản xứ bằng kim ngân châu bảo[6], trông như một cái tháp cao, vì nó có đến chín tầng gác, cứ lên cao thì lại nhỏ lại, một thứ biểu tượng của cái nước một triệu con voi. Đằng sau nhà vua, một viên quan hầu Đức và một viên quan hầu Nhật tỏ rằng nước Xiêm đương tiến bộ mạnh mẽ trên đường tự lập. Việc nhà tài tử Luang Brabahol[7] cũng ngồi sau đấy (quán quân[8] quần vợt Xiêm La) tỏ rằng đấng thiếu quân[9] của đất nước triệu tượng[10] cũng sẵn lòng khuyến miễn[11] thể thao. Lại nữa, nếu ai tinh ý, thì cũng thấy rằng mấy ông trị sự Tổng cục thể thao Bắc Kì lúc ấy đương lo sốt vó, đương hoá điên hoá cuồng, vì giờ tranh đấu cái giải chung kết đã sắp đến rồi, mà vẫn chưa thấy mặt hai nhà quán quân cũ, Hải và Thụ[12], ở sân!

Người kể chuyện đã miêu tả chân dung các nhân vật bằng giọng điệu như thế nào?

Làm thế nào bây giờ?

Tổng cục đã phái rất nhiều người sục sạo khắp bốn phương trời, để họ phải lục lọi cho ra hai cái ông quán quân bí mật ấy, nhưng vô hiệu quả! Chính gia đình của hai ông cũng kêu không biết hai ông đi đâu từ đêm

Đoạn văn cho thấy điều gì về bản chất của cuộc bài binh bố trận được nhà nước thuộc địa triển khai trước một sự kiện chính trị quan trọng?

---

(1) *Toàn quyền*: tức Toàn quyền Đông Dương, một chức vụ cao cấp của quan chức cai trị thuộc địa Pháp, đứng đầu Liên bang Đông Dương.

(2) *Thống sứ*: tức Thống sứ Bắc Kì – chức vị được lập ra từ năm 1889 do người Pháp nắm giữ, nhằm đại diện quyền lợi của nước Pháp và điều hành việc cai trị ở xứ bảo hộ Bắc Kì (Việt Nam) dưới thời Pháp thuộc.

(3) *Đức vua nước nhà*: tức là vua nhà Nguyễn, một vị vua phiếm chỉ, thời kì ở Việt Nam tồn tại chế độ thực dân nửa phong kiến.

(4) *S. M. Prajadophick*: đọc là *S. M. Pra-da-đô-phích*.

(5) *Xiêm*: hay Xiêm La, tên ngày trước người Việt thường dùng để chỉ Thái Lan (người, nước Thái Lan).

(6) *Châu bảo*: như *châu báu*.

(7) *Luang Brabahol*: đọc là *Lu-ăng Bra-ba-ô*.

(8) *Quán quân*: người chiếm giải Nhất trong một cuộc thi đấu.

(9) *Thiếu quân*: vị vua trẻ.

(10) *Triệu tượng*: triệu voi (*tượng* trong Hán ngữ nghĩa là *voi*).

(11) *Khuyến miễn*: khuyên gắng sức, ở đây được hiểu là thái độ nâng đỡ, ủng hộ.

(12) Hai nhân vật này đã bị Xuân Tóc Đỏ lừa đẩy vào tù, điều đó làm cho cơ hội ra sân thi đấu với quán quân quần vợt Xiêm La của Xuân Tóc Đỏ trở nên hiển nhiên.

hôm trước... Làng thể thao nhốn nháo lên, kẻ ngạc nhiên sửng sốt, người lo sợ kinh hoàng. Không ai biết rằng lúc ấy, hai ngài vẫn còn nằm trên cái sàn lim có nhiều rệp ở căn phòng để bô[1] của nhà Sécurité[2]. Chính Sở Mật thám mà cũng lại không biết nốt, vì có bao nhiêu nhân viên đều chia nhau đi hộ giá[3] ngoài phố cả, người ta chưa có người và chưa đủ thì giờ xét căn cước và hỏi cung hai kẻ bị bắt kia nữa! Và Tổng cục kết luận rằng đó chính là một sự phá hoãng[4], một cuộc phản trắc, một vố chơi xỏ lại Tổng cục, cũng như cái thói, cái thông bệnh[5] của những nhà thể thao có danh tiếng xưa nay. Sau cùng Tổng cục đành phải cứu chữa sự sai hẹn của mình trước công chúng, bằng cách mời nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ.

Tiếng loa vừa vang lên xong, công chúng vỗ tay hoan nghênh tức khắc. Vì rằng tài nghệ của Hải, Thụ và Xuân, thì người ta đã nhiều lần được mục kích[6] rồi. Nhưng thiên hạ chưa ai được biết cái tài của Luang Brabahol, nhà quán quân Xiêm La! Công chúng Pháp – Nam lại còn được rất hài lòng vì cho rằng sự Tổng cục không đề cử Hải và Thụ mà chỉ bắt Xuân là một người chưa chiếm quán quân năm nào, thì đó chính là một cử động[7] kiêu ngạo rất kín đáo vậy. Cho nên ta không cần phải xét đến cái sung sướng của Văn Minh, ông bầu, khi ông này được ban trị sự của Tổng cục nói rằng người của ông được đại diện cho Hà thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc, trước nhà vô địch Xiêm.

Lí do sự hài lòng của các đối tượng tham dự sự kiện đã được diễn tả như thế nào?

Công chúng luôn luôn vỗ tay hoan hô Xuân, còn trên khán đài, đức vua Xiêm đã lộ ra mặt rồng tất cả sự thịnh nộ của vị thiên tử thế thiên hành đạo[8] ở cái nước có hàng triệu con voi. Thật là một tiếng sét, vì sự thua kém của

Sự cường điệu trong cách miêu tả phản ứng của vua Xiêm mang lại hiệu quả nghệ thuật gì?

---

(1) *Để bô*: phiên âm tiếng Việt của từ *dépôt* trong tiếng Pháp, chỉ nhà tạm giữ, tạm lưu.

(2) *Sécurité*: từ tiếng Pháp trong nguyên văn, đọc là *Xê-quy-ri-tê*; chỉ Sở Liêm phóng hay Sở Mật thám – một cơ quan mật thám, tình báo và an ninh của chính quyền thực dân.

(3) *Hộ giá*: đi theo để bảo vệ vua – chúa, ở đây dùng với nghĩa đi theo để bảo vệ các nhân vật quan trọng.

(4) *Phá hoãng*: như *phá bĩnh*, chỉ việc gây rối nhằm làm hỏng công việc hay cuộc vui của người khác.

(5) *Thông bệnh*: bệnh (thói) phổ biến.

(6) *Mục kích*: thấy tận mắt.

(7) *Cử động*: như *cử chỉ* hay *hành động* (hiện nay, trong ngữ cảnh này, từ *cử động* thường được thay thế bằng từ *cử chỉ* hay *hành động*).

(8) *Thế thiên hành đạo*: thành ngữ Hán Việt, chỉ việc thay trời (hay vâng theo mệnh trời) để thi hành việc đúng, việc nghĩa.

tài tử Vọng Các[1] là rõ rệt quá, và ở séc[2] đầu, Xuân Hà thành được 6 – 1. Đức vua nước nhà, quan Toàn quyền và Thống sứ đều băn khoăn lắm, vì nếu Đông Pháp[3] nhân đó mà được danh tiếng về mặt thể thao thì, đối lại, về mặt ngoại giao có thể rầy rà, lôi thôi. Than ôi! Đó là cái lợi hại thiên nhiên[4], đích đáng của mọi sự trên cái thế gian này! Đến séc thứ nhì, công chúng thấy Xuân đánh uể oải hình như chấp bên địch. Ông bầu Văn Minh rất lấy làm lo. Kết quả 5 – 7. Những người không nông nổi đều hiểu ngay đó là Xuân để dành sức.

Mấy giơ[5] đầu ở séc thứ ba tỏ rằng hai bên cùng gắng hết sức. Tuy Luang Brabahol đã trổ ra hết tài năng mà cũng không lấn át được Xuân. Đến lúc trọng tài hô 15 – 30, trông tài tử của mình đã nắm phần thua, vua Xiêm tức thì lôi trong túi áo ra cái bản đồ Ấn Độ Chi Na do chính phủ Xiêm vẽ lại, tức là bản đồ nước Xiêm cũ có bờ cõi ở núi Hoành Sơn[6]. Ngài ngắm nghía cái bản đồ mà không nhìn ra cuộc đấu nữa. Viên quan hầu Đức và viên quan hầu Nhật đều cùng ghé tâu một cách thì thào "La guerre! La guerre![7]".

Dưới sân, đám công chúng Pháp – Nam ngây thơ, vô lo vô lự, vẫn vỗ tay rầm rộ để ủng hộ Xuân. Viên trọng tài luôn miệng hô:

– Ca răng! Ca răng ta! A văng ta sê vít! A văng ta đờ o[8]!

Sự hồi hộp của mọi người là không thể tả được. Cho nên đám bách tính quần dân[9] kia không biết rằng giữa lúc ấy Đức vua nước nhà, quan Toàn quyền và quan Thống sứ đã đưa mắt nhìn nhau... Rồi ông Giám đốc chính trị Đông Dương sau khi tai nghe một hiệu lệnh của quan Toàn quyền, tức thì bỏ khán đài, chạy xuống sân đi tìm ông bầu của Xuân Tóc Đỏ. Văn Minh rất cảm động khi thấy vị thượng quan ấy của Chính phủ mời mình ra một chỗ vắng, hấp tấp rỉ tai đại khái như thế này:

Các quan chức nhà nước có động thái gì nhằm cứu vãn tình hình? Các động thái đó mang tính chất khôi hài như thế nào?

---

(1) *Vọng Các*: tên phiên âm Hán Việt của *Băng-cốc* (*Bangkok*), thủ đô nước Thái Lan (danh xưng này hiện ít dùng, trừ trường hợp người viết, người nói muốn thể hiện mục đích tu từ hay giễu nhại).

(2) *Séc:* phiên âm tiếng Việt của từ *set* trong tiếng Pháp, chỉ đơn vị *ván* hay *hiệp* trong cuộc đấu thể thao thuộc các môn như quần vợt, bóng bàn, bóng chuyền,...

(3) *Đông Pháp*: danh xưng xứ thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương (tên tiếng Pháp là *Indochine*).

(4) *Cái lợi hại thiên nhiên*: cái lợi hại theo lẽ tất yếu (nghĩa trong văn bản).

(5) *Giơ*: phiên âm tiếng Việt của từ *jeu* trong tiếng Pháp, chỉ một phần của ván hay hiệp ten-nít (quần vợt).

(6) *Núi Hoành Sơn*: dãy núi chạy theo hướng tây – đông, dài khoảng 50 km, nằm ở ranh giới giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Trị.

(7) *La guerre! La guerre!*: Chiến tranh! Chiến tranh! (Các câu tiếng Pháp trong nguyên văn, đọc là *La ghe-rơ! La ghe-rơ!*).

(8) *Ca răng! Ca răng ta! A văng ta sê vít! A văng ta đờ o!*: Bốn mươi! Bốn mươi đều! Lợi thế giao bóng! Ra ngoài! (Trong nguyên bản, các câu này ghi phỏng âm tiếng Pháp).

(9) *Bách tính quần dân*: chỉ quần chúng nhân dân đông đảo (*bách tính* là trăm họ).

– Chính phủ Bảo hộ và chính phủ Nam triều cử bản chức[1] tới nhờ ngài một việc tối hệ trọng, có quan hệ mật thiết đến vận mệnh của đất nước. Nghĩa là bản chức yêu cầu ngài bảo tài tử[2] của ngài phải nhường, phải thua nhà vô địch Xiêm ngay đi! Tuy mất cái danh dự thắng cuộc, các ngài sẽ được Chính phủ bù cho bằng những cái khác một cách rất hậu hĩ!

Ông bầu Văn Minh còn đứng ngạc nhiên há hốc mồm ra, thì vị quan to lại tiếp luôn:

– Ngài cứ biết nghe đi đã! Cái việc này là rất khẩn cấp, cái thời giờ là rất ngắn ngủi! Nếu An Nam mà được Xiêm La về quần vợt thì thế nào cũng có nạn chiến tranh! Chính phủ Pháp chủ trương hoà bình, các ngài phải trông gương đó mà tránh cho bách tính lương dân[3] cái nạn núi xương, sông máu! Thôi, chốc nữa ta sẽ nói chuyện nhiều.

Bởi thế, giữa lúc công chúng reo ô reo a huyên náo cả một góc trời, giữa lúc viên trọng tài kêu Ca răng ca răng ta, đờ o séc vít thì thừa lúc Xuân Tóc Đỏ quay về với đứa trẻ nhặt bóng, ông bầu Văn Minh liền thất thanh khẽ bảo nó:

Nhịp điệu trần thuật ở đoạn này có gì đáng chú ý?

– Thua đi! Nhường đi! Được thì chết! Chiến tranh!

Công chúng đương hồi hộp vì 7 – 7, 7 – 8, đương mong giữ cho Hà thành thì sự không ngờ, quả cuối cùng mà Xuân lốp[4] một cái sang bên địch, lại bắn bổng lên không khí rồi rơi vào hàng rào găng! Kết quả thảm khốc 7 – 9 ấy làm cho mấy nghìn con người la ó rầm rĩ để tỏ sự thất vọng công cộng. Nhưng... một hồi kèn *La Marseillaise*[5] đã nổi lên mừng nhà vô địch Xiêm La, và kết liễu cuộc vui, và để các đức vua và các quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.

Khi đoàn xe hơi có cờ lần lượt đi rồi, công chúng còn đứng lại, đông nghìn nghịt, tốp này định chia buồn với Xuân, tốp kia định trách cứ Xuân. Lại có đám người hô đả đảo Xuân Tóc Đỏ nữa. Cụ Hồng, Tuyết, bà Phó Đoan, bà Văn Minh lúc ấy thất vọng vô cùng. Những nhà chụp ảnh vây quanh Xuân để chụp ảnh. Những ông phóng viên các báo định họp nhau chất vấn cái thái độ của Xuân, vì mọi người rất lấy làm ngờ vực cái giơ cuối cùng. Quả banh ấy có phải là để nhường nhịn không? Sao tài tử Xuân, giáo sư quần vợt, mà lại đến nỗi... quốc sỉ[6] như thế? Chỗ này, chỗ kia, thấy những lời hò hét vang lên:

---

(1) *Bản chức*: từ quan lại dùng để tự xưng khi nói với cấp dưới, với dân.

(2) *Tài tử*: người có tài (thường chỉ đối tượng nam giới), diễn viên có tài hoặc người giỏi một môn thể thao hay văn nghệ nhất định nhưng không xác định đó là lĩnh vực chuyên nghiệp của mình; trong văn bản, từ *tài tử* được dùng với tất cả các nghĩa trên.

(3) *Lương dân*: người dân lương thiện.

(4) *Lốp*: phỏng âm từ *lob* trong tiếng Anh, chỉ kĩ thuật bấm bóng hay đánh bóng bổng trong các môn thể thao như quần vợt, bóng đá.

(5) *La Marseillaise*: tên quốc ca của nước Pháp, đọc là *La Mác-xây-e*.

(6) *Quốc sỉ*: nỗi sỉ nhục của quốc gia.

– Quốc sỉ! Về nhà bò! Đi về nhà bò!

Có một vài người Pháp cũng kêu to:

– A bas Xuân! A bas Xuân! Des explications[1]!

Bạn có liên tưởng gì đến thực tế thường diễn ra sau một sự kiện thể thao hay văn hoá mà bạn được biết?

Thấy ở tình thế hiểm nghèo, ông bầu Văn Minh bèn cùng Xuân Tóc Đỏ trèo lên nóc cái xe hơi của bà Phó Đoan, rồi Xuân Tóc Đỏ cứ việc lắng nghe ông bầu của nó nhắc mà diễn thuyết trước cái đám công chúng mấy nghìn người hung hăng ấy. Nhưng ông bầu lúc ấy đã say sưa về cái việc hệ trọng của mình lắm, bèn nói trước đã:

– Xuân thua không phải bởi vô tài! Chắc thiên hạ đã mục kích rất rõ. Vậy xin thiên hạ hãy bình tĩnh nghe tại sao người của tôi lại phải thua.

Nói xong, ông lại thấy mình và Xuân là to. Cho nên công chúng thấy Xuân Tóc Đỏ có cái giọng trịch thượng của một bậc vĩ nhân như thế này:

Cách xưng hô của nhân vật Xuân Tóc Đỏ có gì đáng chú ý?

– Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta phải đành nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La! Quần chúng nông nổi ơi! Mi đã biết đâu cái lòng hi sinh cao thượng vô cùng, (nó vỗ vào ngực) nó khiến ta phải từ chối danh vọng riêng của ta đi, để góp một phần vào việc tiến bộ trong trật tự và hoà bình của Tổ quốc! Giữa cái giờ rất nghiêm trọng này, điều cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình, nghĩa là không phải là cốt được một ván đánh quần[2], nhưng mà là cốt giữ cái mối thiện cảm của một nước lân bang (nó đấm tay xuống không khí)! Chính phủ Pháp cũng như toàn thể quốc dân Pháp đã bao nhiêu năm nay, vẫn chủ trương và cố duy trì nền hoà bình cho thế giới! Nếu vô tình mà gây hấn, nếu thí dụ có cuộc Việt – Xiêm xung đột, thì cái phần thắng hay bại tuy chưa ai biết, nhưng mà điều chắc chắn, là nó sẽ lôi cuốn cái thế giới vào nạn can qua[3]! Cho nên ngày hôm nay, ta tỉ thí[4] không phải để tranh nhau cái thua, được ở một quả quần. Ta chỉ phụng sự công cuộc ngoại giao của Chính phủ mà thôi! Ta (nó giơ cao tay lên) không muốn cho hàng vạn mạng người làm mồi cho binh đao, mắc lừa bọn buôn súng! (nó đập tay xuống). Hỡi quần chúng! Mi không hiểu gì, mi oán ta! Ta vẫn yêu quý mi mặc lòng mi chẳng rõ lòng ta!... Thôi giải tán đi, và cứ việc an cư lạc nghiệp trong hoà bình và

Những ghi chú được đặt trong ngoặc đơn có ý nghĩa nghệ thuật như thế nào?

---

(1) *A bas Xuân! A bas Xuân! Des explications!*: Đả đảo Xuân! Đả đảo Xuân! Phải giải thích việc này! (Các câu tiếng Pháp trong nguyên văn, đọc là *A ba Xuân! A ba Xuân! Đê dít-xơ-pli-ca-xi-ông!*).

(2) *Ván đánh quần*: ván quần vợt.

(3) *Can qua*: chiến tranh (*can* là cái mộc, *qua* là cái giáo – những binh khí thông dụng trong các cuộc chiến tranh thời xưa).

(4) *Tỉ thí*: thi đấu, so đọ cao thấp.

trật tự! Ta không dám tự phụ là bậc anh hùng cứu quốc, nhưng ta phải tránh cho mi nạn chiến tranh rồi! Hoà bình vạn tuế! Hội Quốc liên[1] vạn tuế!

Với cái hùng biện của một người đã thổi loa cho những hiệu thuốc lậu, với cái tự nhiên của một anh lính cờ chạy hiệu rạp hát, lại được ông Văn Minh vặn đĩa kèn[2], Xuân Tóc Đỏ đã chinh phục quần chúng như một nhà chính trị đại tài của Tây phương. Mấy nghìn người bị gọi là mi, không những đã chẳng tức giận chút nào, lại còn vô cùng cảm phục, cho rằng người ta "phải thế nào" người ta mới dám ngôn luận tự do như thế! Cho nên Xuân Tóc Đỏ diễn thuyết vừa xong, tiếng vỗ tay của nhân dân ran lên như mưa rào! Một lần nữa, cái đạo binh[3] các ông thợ ảnh lại xông đến gần nó... Thế rồi, ở chỗ này, thiên hạ sốt sắng hoan hô:

Có thể dùng những từ ngữ gì để khái quát về tính chất phản ứng của đám đông được thể hiện qua đoạn này?

– Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!

Như một bậc vĩ nhân nhũn nhặn, nó giơ quả đấm chào loài người, nhẩy xuống đất, lên xe hơi. Rồi mấy chiếc xe của các bạn thân của nó mở máy chạy, để lại cái đám công chúng mấy nghìn người bùi ngùi và cảm động.

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 187 – 193)

Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939) quê ở tỉnh Hưng Yên nhưng sinh ra và sống chủ yếu ở Hà Nội. Ông bước vào làng báo, làng văn từ rất sớm (bắt đầu có truyện đăng báo từ năm 1930), dùng ngòi bút để kiếm sống và chống chọi một cách khó khăn với tình cảnh nghèo túng, bệnh tật triền miên. Trong vòng chưa đầy mười năm hoạt động ở chốn trường văn trận bút, ông đã để lại một khối lượng sáng tác khá lớn, thuộc nhiều thể loại, trong đó nổi bật là phóng sự và tiểu thuyết: *Cạm bẫy người* (phóng sự, 1933), *Kĩ nghệ lấy Tây* (phóng sự, 1934), *Cơm thầy cơm cô* (phóng sự, 1936), *Giông tố* (tiểu thuyết, 1936), *Số đỏ* (tiểu thuyết, 1936), *Vỡ đê* (tiểu thuyết, 1936), *Lấy nhau vì tình* (tiểu thuyết, 1937), *Trúng số độc đắc* (tiểu thuyết, 1938),...



Vũ Trọng Phụng

Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, từ các bài báo, tiểu phẩm đến kịch, phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết,... đều toát lên sự khinh bỉ sâu sắc cái xã hội đương thời mà ông nhìn nhận là đen tối, thối nát. Cảm hứng vạch trần sự thật luôn chi phối ngòi bút của ông. Vũ Trọng Phụng đã xây dựng được những hình tượng nhân vật sắc nét, vừa mang tính đặc thù của một thời đại cụ thể, vừa thể hiện rõ bản chất một số trạng huống tồn tại phổ quát của cuộc sống.

Tiểu thuyết ***Số đỏ*** ra mắt độc giả lần đầu tiên trên *Hà Nội báo*, được in nhiều kì (nhưng chưa trọn vẹn), bắt đầu từ số 40 (07/10/1936). Đến năm 1938, tác phẩm được in thành sách tại Nhà in Lê Cường, Hà Nội. Từ đó đến nay, *Số đỏ* (gồm 20 chương) đã được in lại nhiều lần với một số khác biệt về từ ngữ,

---

(1) *Hội Quốc liên*: một tổ chức liên chính phủ, thành lập năm 1920, tiền thân của tổ chức Liên hợp quốc.

(2) *Vặn đĩa kèn*: ý nói nhân vật Văn Minh mớm lời cho Xuân Tóc Đỏ như bật một đĩa hát.

(3) *Đạo binh*: toán quân, ở đây dùng với nghĩa hài hước.

chi tiết, chính tả,... do được khai thác từ các nguồn văn bản khác nhau. Đây là tác phẩm đỉnh cao trong văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng và có vị trí quan trọng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.

Nhân vật chính của tác phẩm là Xuân, biệt danh là Xuân Tóc Đỏ. Từ một đứa trẻ mồ côi, lêu lổng, lang thang, dã trải qua dủ "nghề" thường được xem là "mạt hạng", Xuân Tóc Đỏ dần bước chân vào xã hội "thượng lưu" nhờ sự nâng đỡ dầy toan tính của bà Phó Đoan – một me Tây[1] dâm dãng. Đầu tiên, Xuân Tóc Đỏ đến làm việc ở tiệm may Âu hoá. Hắn được vợ chồng Văn Minh và những người trong gia đình này hoặc vô tình hoặc cố ý tôn lên làm "nhà cải cách xã hội", "đốc tờ Xuân", "giáo sư quần vợt",... Với đủ danh hiệu "vẻ vang" ấy và với sự láu lỉnh cùng bản chất cơ hội cố hữu, Xuân Tóc Đỏ khiến cô Tuyết say mê và được nhiều nhân vật khác sợ hãi, nể trọng, nhờ cậy, ghi ơn. Xuân Tóc Đỏ đạt đến vinh quang tột đỉnh vào thời điểm vua nước Xiêm sang thăm Việt Nam[2] nhằm thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia, giữa bối cảnh nền chính trị thế giới đang có những biến động khó lường. Với "thành tích" để thua quán quân quần vợt người Xiêm trong trận thi đấu thể thao mang tính ngoại giao, Xuân Tóc Đỏ được tung hô là "vĩ nhân", "anh hùng cứu quốc" và tiếp tục được một số tổ chức danh giá chào đón, mời làm thành viên danh dự.

Xuân Tóc Đỏ cứu quốc là doạn trích nửa dầu chương XX – chương cuối cùng của tác phẩm *Số đỏ*.

1. Tóm tắt các sự việc chính được kể trong đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* bằng một sơ đồ phù hợp.
2. Xác định ngôi kể, điểm nhìn đã được nhà văn lựa chọn và ý nghĩa của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực theo khám phá và quan niệm của ông.
3. Theo bạn, tình huống nào đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo nên kịch tính và bước ngoặt của toàn bộ sự kiện được kể trong đoạn trích? Hãy phân tích tính chất của tình huống đó.
4. Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. Những ghi chú (được đặt trong ngoặc đơn) của người kể chuyện gợi cho bạn liên tưởng đến thể loại văn học nào có đặc điểm hình thức tương tự?
5. Nêu nhận xét khái quát về sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật ở đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.
6. Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ trong văn bản.
7. Đoạn trích đã cho thấy điều gì về phong cách hiện thực của nhà tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng? Nêu một số thủ pháp được nhà văn sử dụng để tăng cường khả năng bao quát hiện thực cho các trang viết của mình.
8. Bạn suy nghĩ gì về trạng thái bị thôi miên và lên đồng của một xã hội, như thực tế được miêu tả trong đoạn trích?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua học đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

---

(1) *Me Tây*: danh xưng xuất hiện thời Pháp thuộc, có hàm ý khinh miệt, chỉ người đàn bà Việt lấy chồng người Âu – Phi.

(2) Đây là một sự kiện do nhà văn hư cấu, không phải sự thật lịch sử.

VĂN BẢN 2

Mùa lá rụng trong vườn

(Trích)

Ma Văn Kháng

- *Theo trải nghiệm của bạn, mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên trong một gia đình thường được bộc lộ rõ nét ở những thời điểm hoặc tình huống nào? Vì sao?*
- *Chia sẻ ấn tượng của bạn về một tác phẩm đã đọc liên quan đến đề tài gia đình.*

Cầu được, ước thấy. Người phụ nữ mà Lý và Phượng cùng ao ước hiện ra, thật như đã hiện ra ngay trước cổng nhà, vào đúng lúc cả nhà đang tíu tít vào buổi cúng tất niên chiều ba mươi Tết.

Nghe tiếng chuông điện, Phượng chạy ra cửa. Trước hai cánh cổng sắt là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông chần hạt lựu[1]. Chiếc khăn len nâu thắt ôm một khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đằm thắm và cái miệng tươi. Người phụ nữ đó đeo một cái tay nải[2] nặng, dáng vừa đi bộ từ ga xe lửa về, không có cái vẻ ngác ngơ, lạ lẫm nhưng hai con mắt in đậm nỗi bồi hồi.

Phượng kéo cánh cửa sắt, dặt dè:

– Bác… bác hỏi ai ạ? A, có phải bác là… là chị Hoài không ạ?

Chú ý cách nhà văn giới thiệu nhân vật.

– Cô Phượng đấy như[3]?

Phượng quay ngoắt về sau, reo to:

– Chị Hoài! Chị Hoài lên, anh Đông, chị Lý, anh Luận ơi!

Sự việc diễn ra quá ư đột ngột! Đông, Lý, Luận hấp tấp từ phòng khách ùa ra vệt đường lát xi măng đi qua vườn cây ra cổng, nhìn thấy chị Hoài thật rồi mà vẫn còn ngơ ngơ ngác ngác, nửa tin nửa ngờ. Chị Hoài lên! Chị Hoài từ quê lên! Lên đúng chiều ba mươi Tết! Thật ngoài sức tưởng tượng! Trong tâm ức[4] vẫn là có hình bóng chị Hoài, chị Hoài, vợ anh cả Tường liệt sĩ. Chị Hoài, dâu trưởng, nết na, thuỳ mị. Trong tiềm thức vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nết.

---

(1) *Áo bông chần hạt lựu*: áo ấm hai lớp vải, giữa có bông, may những đường chỉ đan chéo, tạo ra các ô nhỏ hình hạt lựu trên mặt áo.

(2) *Tay nải*: túi vải khoác vai, thường dùng đựng đồ mang đi đường.

(3) *Như* (phương ngữ Bắc Bộ): ư.

(4) *Tâm ức*: nỗi nhớ giữ kín trong lòng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhưng bây giờ chị Hoài đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng nên vẫn nhớ, vẫn quý, vẫn yêu chị ấy mà lại không dám, không nỡ níu kéo chị về mình. Quan hệ của chị ở đây đẹp nhưng buồn. Chị có quyền quên mà không ai được trách cứ. Vậy mà… vậy mà lúc này trước cánh cổng lại là chị.

Phượng sôi nổi, nồng hậu:

– Em mừng quá, chị Hoài ơi. Để em xách tay nải cho.

Lý ôm chầm người phụ nữ đã một thời là dâu trưởng, nức nở:

– Đúng là có linh tính nhé. Chị xem lời em nói có thiêng không? Em vừa nói: Ước gì chị Hoài hiện ra bây giờ nhỉ!

– Hơn chục năm nay chị Hoài chưa lên Hà Nội rồi đấy. – Luận nói.

Chị Hoài tươi tỉnh:

– Làm gì! Đám cưới chú và cô Phượng chị còn lên dự cơ mà. Mới có chín năm thôi. Bận quá. Nhà nông chẳng bao giờ hết việc. Ông đâu?

*Theo dõi **lời thoại, hành động** gợi mở tính cách nhân vật.*

Luận ra vẻ thành thạo:

– Tháng này đã cấy đâu chị? Ông ở trên nhà, có lẽ sắp xuống đấy.

– Dưng[1] mà còn dỡ[2] khoai tây, còn họp đại hội. Định đi từ sớm kia, mà công kia việc nọ cứ dồn tới.

– Cứ vứt toạch công việc một chỗ đã, chị ạ. – Lý chêm, hai mắt tít lại. – Đời người chỉ những lo cùng lo có chết!

– Ông có khoẻ không, hai cô?

– Ông không khoẻ lắm, chị ạ. – Phượng đáp, chưa hết mừng rỡ. – Gặp chị ở ngoài đường không chắc em đã nhận ra được đâu. Hôm cưới em, chị mặc áo vét như cán bộ kia.

Luận đi cạnh chị Hoài, nghiêng nghiêng đầu:

– Thì chị vẫn là chủ nhiệm chứ, chị Hoài?

Người phụ nữ cười:

– Vẫn, nhưng tôi chuyển sang làm chủ nhiệm hợp tác xã đan dệt thảm ngô rồi. Đấy, cái bãi soi[3] hồi chú về chơi, đi thuyền ra, xem chọi trâu ấy, giờ bạt ngàn là ngô. À, cô Phượng chuyển được công tác về dưới này rồi nhỉ? Thôi thế cũng mừng. Rồi lo cho bà, cho cháu về dần, cô ạ.

---

(1) *Dưng* (phương ngữ Bắc Bộ): nhưng.

(2) *Dỡ*: lấy rời ra lần lượt từng cái, từng phần, từng lớp theo thứ tự, thường là từ trên xuống; đây chỉ việc thu hoạch khoai tây.

(3) *Bãi soi*: dải phù sa được bồi đắp tự nhiên ở ven hoặc giữa sông.

Phượng nắm tay chị Hoài:

– Sao chị biết em chuyển công tác về dưới này?

– Ông viết thư cho tôi. Ông kể hết. Cả chuyện cậu Cừ. Thế nên tôi mới sốt ruột, phải lên ngay. Tôi sợ ông buồn.

Đưa mắt nhìn Phượng, Luận nhận ra Phượng vừa buột khỏi tay chị Hoài. Phượng cúi mắt chớp chớp vì một cảm kích bất ngờ. Người phụ nữ tưởng đã cắt hết mối dây liên hệ với gia đình này vẫn giao cảm, vẫn chia sẻ buồn vui và cùng tham dự cuộc sống của gia đình này. Luận đã tụt lại phía sau để đi cùng Phượng. Phía trước, Lý kéo tay chị Hoài, vui vẻ quá mức, cùng Đông đưa chị vào phòng khách.

Trong phòng khách đã bày cỗ cúng. Đông súc ấm pha trà, Lý sà xuống tay nải cùng chị Hoài.

– Chẳng mang được cái gì lên đâu. – Chị Hoài xởi lởi. – Cái Ngoan, thằng Tùng cứ nhét vào, rồi giục: "Mẹ đi đi, không ông buồn, các chú, các cô mong!". Đây là gạo nếp tăng sản[1] của nhà. Cái giò thủ anh ấy gói đây. Ông thích ăn giò thủ lắm đấy, cô Lý ạ. Còn bọc này là sắn dây. Trẻ con nó giã, nó rây[2] đấy. À cái giống mướp hương này thơm ngon mà to quả lắm. Cô Phượng cất đi mà gieo. Gieo đêm nay là tốt nhất đấy. Ở nhà, trồng bờ ao, có quả hai cân bảy kia. Ờ, cho nó leo bờ tường. À, ông thợ mộc còn đấy không? Mấy con rồi? Chú Đông tóc bạc nhưng vẫn khoẻ nhỉ! Cháu Dư có hay gửi thư về không? Cô Lý, trông không nhận ra được nữa. Trẻ như gái mười tám ấy!

Tìm các chi tiết cho thấy đức tính tốt đẹp của nhân vật chị Hoài.

Lý tít mắt, hai má hây hẩy:

– Ông Đông sắp thành ông Di Lặc rồi, chị ạ. Còn em, bệnh đấy chị ơi…

Cầu thang có tiếng ba toong[3] chống lịch kịch.

Phượng và Luận chạy ra chân cầu thang.

Ông Bằng đã xuống hết bậc. Đã đến lúc phải xuống để cúng, cũng là lúc ông nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên. Ông cố đi cho ngay ngắn. Trông ông cao, gầy hơn mọi ngày, nhưng trang trọng, chỉnh tề hơn, mặc dầu vẫn là bộ com lê đen, kẻ sọc mờ, cài khuy chéo. Có lẽ do gương mặt ông ánh lên cái cảm xúc của con người trước ngưỡng cửa của năm mới, do con mắt đã qua khỏi căn bệnh, sáng dậy, át đi vẻ già nua, tàn lụi và nỗi ưu tư còn ghi vết ở trên trán và nếp da xệ ở hai bên cằm.

Ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông lật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc oà.

Hoài gần như không chủ động được mình, chị lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản, gót nứt nẻ thâm đen, giẫm trên nền đá lạnh, kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa.

---

(1) *Tăng sản*: tăng sản lượng nhờ áp dụng các biện pháp kĩ thuật mới và cách chăm sóc khoa học.

(2) *Rây*: cho chất đã tán vụn vào một dụng cụ làm bằng vải thưa hoặc lưới kim loại (được căng vào một cái khung) rồi lắc nhẹ để lấy riêng những hạt nhỏ nhất, mịn nhất rơi xuống phía dưới.

(3) *Ba toong*: cây gậy ngắn cầm tay, dùng để chống khi đi, thường có một đầu được uốn cong.

– Ông! – Người phụ nữ thốt lên một tiếng như tiếng nấc.

Và giọng ông Bằng bỗng khê đặc, khàn rè:

– Hoài đấy ư, con?

Phượng quay mặt đi, mắt ngấn lệ không nỡ nhìn cảnh gặp gỡ, không nỡ thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị Hoài, ngực dội lên những cơn sóng nghẹn ngào và hai cánh mũi se se cay. Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương, đau buồn, ê nhức cả tim gan.

Lưu ý cách diễn tả sắc thái cảm xúc đa dạng của các nhân vật, nhất là nhân vật ông Bằng.

Ông Bằng nén xúc động, rút khăn tay, chấm kẽ mắt:

– Anh ấy và các cháu vẫn khoẻ cả chứ, con?

– Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khoẻ mạnh cả. Cháu đầu đi bộ đội đóng ở biên giới Hà Tuyên[1] vừa rồi hết nghĩa vụ, về xã tham gia sản xuất. Cháu thứ hai học lớp Mười. Cháu gái thứ ba học lớp Tám. Cháu trai út học lớp Sáu. Nhà con, cảm ơn ông, vẫn được bình thường. Anh ấy giờ tham gia uỷ ban xã. Lẽ ra anh ấy thu xếp công việc được cũng lên kính thăm ông dịp này. Cả các cháu nữa, bốn đứa, đứa nào cũng đòi đi. Nhất là thằng lớn, nó cứ bảo mấy lần nó qua Hà Nội mà chưa được vào nhà thăm ông, lần này rồi rãi nó phải đi…

Câu chuyện của người phụ nữ nông thôn có cái vẻ kể cà đã đưa cuộc gặp gỡ ra khỏi những chấn động tình cảm bất thường. Và Lý đã hí húi xếp xong mâm cúng, nhảy từ cái ghế đẩu xuống, xoa xoa hai bàn tay rất ý tứ trước ông Bằng:

– Ông ạ, con đề nghị thế này, hàn huyên còn nhiều chuyện, để lát nữa tha hồ. Giờ, mời ông lại khấn cho lễ cúng gia tiên bắt đầu ạ.

Mọi người dạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ.

Ông Bằng soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ.

Liên hệ với không khí, nghi thức của lễ cúng gia tiên mà bạn từng trải nghiệm.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc toả một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điều[2], xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dãy khung ảnh đặt sát tường. Ảnh song thân[3] ở chính giữa; bên trái, ảnh bà Bằng mặt hoa da phấn[4], tóc vấn khăn nhung, phía phải, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ[5] ô quả trám, mũ ca lô[6] nghiêng, nét trắng đen đã phôi pha.

---

(1) *Hà Tuyên*: nay là tỉnh Tuyên Quang.

(2) *Lạt điều*: lạt nhuộm màu đỏ.

(3) *Song thân*: bố mẹ.

(4) *Mặt hoa da phấn* (thành ngữ): chỉ người phụ nữ có khuôn mặt đẹp, da mịn màng, tươi tắn.

(5) *Áo trấn thủ*: áo bông ngắn đến thắt lưng, không có ống tay, may chần (các đường chỉ dệt thành những ô hình thoi, giống hình quả trám), mặc bó sát thân.

(6) *Mũ ca lô*: còn gọi là mũ chào mào, một loại mũ làm bằng vải hoặc bằng da, không có vành, bóp lại ở phía trên trông giống hình cái mào của chim chào mào.

Ngước mái đầu hói, diềm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chắp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ. Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể[1]. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đỗi quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhoà, phiêu diêu lãng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn như trong chiêm bao.

Chú ý bối cảnh dẫn đến màn độc thoại của nhân vật ông Bằng và nội dung độc thoại.

"Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn văng vẳng nghe đâu đây lời giáo huấn của ông cha, tiên tổ. Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục[2] của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang[3] của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng, dắt dìu tôi cùng các cháu, các con, các em,..."

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo chập chờn. Hư ảo chập chờn mà không cắt rời với hiện tại, như tổ tiên không tách rời với con cháu, xưa rày tất cả vẫn cố kết thành một dòng mạch bền chặt thuỷ chung. Lát sau, có cảm giác như trở về với khoảnh khắc hiện tại, bỗng thấy hai con mắt cay sè, ông vội cúi xuống, lật bật những lời cầu khấn thành kính và run rẩy:

– Hôm nay, ngày ba mươi tháng Chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử[4], nữ tử[5], tôn tử[6],...

Dõi theo lời cha, Luận bỗng bấm tay Đông. Mặt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể tên các con trai, ông cụ đã bỏ qua tên thằng Cừ. Lý ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hửng: "Chị ơi, em biết khấn đúng bài kinh nhà Phật cơ".

Mắt chị Hoài đăm đắm ngước lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chắp, rút khăn tay lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

*

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn rất nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân, viên chức lúc này.

---

(1) *Bản thể*: bản thân mình (nghĩa trong văn bản).

(2) *Dưỡng dục*: nuôi nấng, dạy dỗ.

(3) *Phúc thọ an khang*: *phúc* là tốt lành; *thọ* là sống lâu; *an* là yên bình; *khang* là khoẻ mạnh.

(4) *Nam tử*: con trai.

(5) *Nữ tử*: con gái.

(6) *Tôn tử*: cháu, các cháu (nghĩa trong văn bản).

Tràn trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lý cố tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, súp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây,...

Suy đoán dụng ý và cảm hứng của tác giả khi kể một cách chi tiết về mâm cỗ Tết cũng như công phu chuẩn bị của nhân vật Lý.

Đặc sắc nhất, mà có lẽ Lý muốn bộc lộ khiếu năng cùng tấm lòng mình nhiều nhất ở đó là các món vịt tần, vây và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất tỉ mỉ và kĩ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thăn được chọn lựa, giã thật nhuyễn nhừ thay cho giò sống được chính tay chị trộn với mộc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đảm bảo phải trong veo và chính tay chị vớt, chia đều ra từng bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2024, tr. 83 – 92)

Ma Văn Kháng tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, sinh năm 1936, quê ở Hà Nội. Ông từng là nhà giáo, dạy học ở Lào Cai từ năm 1964 đến năm 1976. Khi viết văn, ông dùng bút danh Ma Văn Kháng để ghi dấu những kỉ niệm với con người vùng cao, nơi ông đã gắn bó hơn mười năm. Năm 1976, Ma Văn Kháng chuyển về công tác ở Hà Nội. Từ đó ông chuyên tâm sáng tác, đạt được nhiều thành công ở cả hai thể loại sở trường là tiểu thuyết và truyện ngắn. Ma Văn Kháng đã nhận được nhiều giải thưởng cao quý về văn học nghệ thuật. Tác phẩm chính: *Đồng bạc trắng hoa xoè* (tiểu thuyết, 1979), *Mưa mùa hạ* (tiểu thuyết, 1982), *Vùng biên ải* (tiểu thuyết, 1983), *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, 1985), *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết, 1989), *Trăng soi sân nhỏ* (tập truyện ngắn, 1994), *Một chiều giông gió* (tập truyện ngắn, 1998), *Gặp gỡ ở La Pan Tẩn* (tiểu thuyết, 2001), *Chuyện của Lý* (tiểu thuyết, 2013),...



Ma Văn Kháng
Ảnh: Nguyễn Đình Toán

Mỗi tác phẩm của Ma Văn Kháng, dù có dung lượng nhỏ như truyện ngắn hay dung lượng lớn như tiểu thuyết đều mang đậm tính luận đề, thể hiện sự quan tâm đầy chủ động, trách nhiệm của nhà văn đối với các vấn đề nóng hổi của cuộc sống đương đại. Ông thường viết về những nỗi ưu tư của tầng lớp trí thức, về tình trạng chao đảo của đạo đức xã hội trong bối cảnh đất nước chuyển mình để vươn lên và từng bước chấp nhận nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, tác phẩm của ông luôn thấm đượm cảm hứng khẳng định các giá trị nhân văn, nhân bản; trân trọng cá tính, sự hướng thiện và bản năng sống mãnh liệt của con người; tin tưởng vào triển vọng "hoà giải", kết nối giữa tinh hoa của văn hoá truyền thống với cuộc sống sôi động, phức tạp hôm nay.

Mùa lá rụng trong vườn được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986. Tác phẩm viết về những biến chuyển trong đại gia đình ông Bằng – một đại gia đình vốn có nền nếp gia phong – trước nhiều thách thức của đời sống đất nước thời hậu chiến. Mọi nhân vật thuộc các thế hệ khác nhau trong đại gia đình này đều phải đương đầu với những câu hỏi hóc búa do xã hội hiện đại đặt ra. Nhiều giá trị xưa bị ngờ vực. Nhiều nếp ứng xử quen thuộc từng là chuẩn mực của một thời bị nghi vấn, đòi được đổi thay hoặc điều chỉnh. Hoàn cảnh ấy đã khiến một số nhân vật như Lý, Cừ sa ngã, có những bước đi lầm lạc và các nhân vật chính còn lại không khỏi bối rối, hoang mang hoặc day dứt, dằn vặt. Nhưng với cái nhìn nhân ái, tin yêu, tác giả Ma Văn Kháng vẫn tìm thấy điểm sáng ở từng nhân vật và lối thoát khỏi bế tắc cho đại gia đình ông Bằng. Nhìn chung, *Mùa lá rụng trong vườn* đã thể hiện một cách sinh động các biến chuyển lớn trong đời sống xã hội Việt Nam, tâm lí con người Việt Nam những năm sau chiến tranh với nhiều vấn đề phức tạp và các tín hiệu phát triển tích cực. Đây là một thành tựu nổi bật của nền văn học nước nhà giai doạn trước Đổi mới, đánh dấu nỗ lực lớn của nhà văn trong cuộc vượt thoát sự chi phối của những đề tài, chủ đề và lối viết cũ vốn đã suy giảm sức sống, không còn lôi cuốn được độc giả.

Văn bản trên dây trích từ chương 2 của tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*.

1. Tóm lược các sự việc chính được kể trong đoạn trích. Nếu phải đặt cho đoạn trích một nhan đề riêng, bạn có đề xuất gì? Đề xuất của bạn dựa trên cơ sở nào?
2. Trình bày ấn tượng của bạn về nhân vật chị Hoài. Bạn có nhận xét gì về cách tác giả khắc hoạ nhân vật này?
3. Tìm hiểu các thủ pháp được tác giả vận dụng để giới thiệu, thể hiện nhân vật ông Bằng. Bạn tâm đắc nhất với thủ pháp nào? Bạn từng gặp tác phẩm truyện nào khác có sử dụng thủ pháp ấy?
4. Sự đồng cảm giữa người kể chuyện và các nhân vật trên vấn đề ứng xử với những giá trị tốt đẹp của văn hoá gia đình, văn hoá truyền thống Việt Nam có thể được nhận ra qua những dấu hiệu nào? Hãy phân tích một dấu hiệu mà bạn cho là nổi bật.
5. Xác định những câu, những đoạn văn nói về tâm lí của các nhân vật. Nêu và nhận xét về một số hình thức thể hiện tâm lí nhân vật đã được nhà văn sử dụng.
6. Nội dung đoạn trích có thể hé lộ được điều gì về ý nghĩa ẩn dụ của nhan đề cuốn tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*?
7. Tìm trong đoạn trích những chi tiết có ý nghĩa báo hiệu các sự kiện, vấn đề sẽ được tác giả khơi sâu, làm rõ nét hơn ở phần sau của cuốn tiểu thuyết. Theo bạn, khi các nhà văn xây dựng tác phẩm tự sự có quy mô lớn, việc "cài cắm" trước một số chi tiết then chốt có ý nghĩa gì?
8. Theo bạn, những đặc điểm nào của tiểu thuyết hiện đại được thể hiện rõ qua đoạn trích? Chọn phân tích một vài đặc điểm mà bạn thấy tâm đắc.

Kết nối đọc – viết

Hình tượng chị Hoài dưới ngòi bút Ma Văn Kháng dễ gợi liên tưởng đến những hình tượng người chị khác trong nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về hình tượng người chị trong một tác phẩm tự chọn đã gây cho bạn những ấn tượng và cảm xúc sâu sắc.

Thực hành tiếng Việt

Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng

1. Xác định biện pháp tu từ nói mỉa và phân tích hiệu quả của nó ở từng trường hợp sau đây:

a. *Công chúng luôn luôn vỗ tay hoan hô Xuân, còn trên khán đài, đức vua Xiêm đã lộ ra mặt rồng tất cả sự thịnh nộ của vị thiên tử thế thiên hành đạo ở cái nước có hàng triệu con voi.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

b. *Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. [...] Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình hai cái dấu chua nghĩa (...).*

(Nguyễn Công Hoan, *Đồng hào có ma*)

2. Xác định nghịch ngữ trong các câu có hàm ý mỉa mai sau và cho biết căn cứ để thực hiện điều này:

a. *Như một bậc vĩ nhân nhũn nhặn, nó giơ quả đấm chào loài người, nhẩy xuống đất, lên xe hơi.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

b. *Bước đường công danh của ông cũng bắt đầu từ chức lí trưởng vượt qua những bậc phó tổng,*

Dấu hiệu nhận biết biện pháp tu từ nói mỉa

– Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng: *hay ho, hay hớm, đẹp mặt, tốt mã, làm cha thiên hạ, ăn trắng mặc trơn, mèo mù vớ cá rán,...* Ví dụ: "**Hay ho** nhỉ?"; "**Đẹp mặt** chưa kìa!";... Trong các cụm từ in đậm ở hai ví dụ, các yếu tố "hay", "đẹp" biểu thị sự đánh giá tích cực, nhưng nghĩa của cả cụm từ lại thể hiện một thái độ trái ngược, hàm ý phê phán, chê bai.

– Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới. Ví dụ: "Hắn mà làm được điều đó thì tôi đi đầu xuống đất!".

– Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá. Ví dụ: "Cám ơn ngài, ngài đã dạy quá lời"; "Kẻ hèn mọn này đâu dám đứng ngang hàng với các vị".

– Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn. Ví dụ:

> ***Hẩu lố***[1], ***mét xì***[2] *thông mọi tiếng,*
> *Chẳng sang Tàu cũng tếch sang Tây.*

(Trần Tế Xương, *Mai mà tớ hỏng*)

– Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn. Ví dụ: *Ông ta khóc quá, muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chật vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xoè, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.*

– Hứt!... Hứt!... Hứt!...

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

---

(1) *Hẩu lố*: phiên âm từ tiếng Quảng Đông (Trung Quốc), nghĩa là tốt, được.

(2) *Mét xì*: phiên âm từ *merci* trong tiếng Pháp, nghĩa là cảm ơn.

chánh tổng, rồi cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau đưa ông lên ghế nghị viên.

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

3. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng nghịch ngữ trong các trường hợp sau:

a. *Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền.*

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò Sông Đà*)

b. *Trong lúc ấy, ông nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình vội vàng lấy bút máy và sổ tay ra ghi chép, coi những lời lẽ quý hoá ấy tựa hồ bật ở miệng một vĩ nhân mà ra...*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

Đọc đoạn trích trên, độc giả nhận thấy tiếng cười mỉa mai bật ra khi tác giả cố tình mô phỏng âm thanh tiếng khóc nấc một cách khác thường, ngược với lối trần thuật có vẻ khách quan trước đó.

Dấu hiệu nhận biết nghịch ngữ

– Có sự kết hợp dường như phi lí giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ. Người tiếp nhận có thể nhận ra ngay tính chất nghịch ngữ của cụm từ đó mà không cần phải đối chiếu nó với các cụm từ khác trong câu. Ví dụ: *Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải **chết một cách bình tĩnh**.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

– Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng được đề cập trước đó. Ví dụ: *Ông hứa thế; **giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa**, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.*

(Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

Lưu ý: Ở nhiều tác phẩm văn học, nghịch ngữ có thể hiện diện ngay ở nhan đề hay ở tên một số chương mục. Ví dụ: *Thi hài sống* (nhan đề một vở kịch của L. Tôn-xtôi), *Hạnh phúc của một tang gia* (một phần tên chương XV của tiểu thuyết *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng),...

VIẾT

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

So sánh hai tác phẩm văn học nhằm làm rõ một quy luật chung nào đó hay để nhìn nhận sâu hơn giá trị của từng tác phẩm là công việc quen thuộc của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Trong nhà trường phổ thông, điều đó cũng cần được thực hiện ở mức độ phù hợp vì nó có thể giúp bạn rèn luyện khả năng liên hệ, kết nối, huy động kiến thức, thiết lập cái nhìn tổng quan khi đi vào khám phá thế giới tác phẩm văn học. Ở bài học này, trước hết, bạn sẽ được làm quen với công việc nêu trên qua việc viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

Yêu cầu

- Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện.
- Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể, theo mục đích và phạm vi đã xác định.
- Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh.
- Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.

Bài viết tham khảo

Mảnh trăng cuối rừng và *Những đứa con trong gia đình* – hai truyện ngắn tiêu biểu của văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975

Mỗi khi nói đến thành tựu của truyện ngắn cách mạng Việt Nam thuộc giai đoạn văn học 1954 – 1975 viết về đề tài chiến tranh, *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình* là hai trong số những tác phẩm thường được các nhà phê bình nhắc đến đầu tiên. Điều đó có liên quan đến vị trí nổi bật của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Thi trong đội ngũ những nhà văn – chiến sĩ, lại cũng xuất phát từ ý nghĩa đại diện của hai truyện ngắn này cho cách tiếp cận hiện thực chiến tranh trong văn học một thời.

Nêu cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm: viết về cùng đề tài, tiêu biểu cho những cách tiếp cận hiện thực chiến tranh của văn học trong một giai đoạn cụ thể.

Ở bài viết này, vấn đề sẽ được làm rõ qua so sánh *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình* chính là sự thống nhất trong cảm hứng sáng tác của các nhà văn cách mạng khi viết về cùng một đề tài, bên cạnh đó là cách họ thể hiện phong cách cá nhân độc đáo ở các tác phẩm cụ thể – một điều không dễ làm trong bối cảnh mọi sáng tác văn học phải mang tính định hướng cao và cần được chuốt nhọn thành "vũ khí".

Nêu mục đích của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm.

Hai truyện ngắn đều được viết ra trong khoảng nửa cuối thập niên sáu mươi của thế kỉ XX, lúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân ta bước vào giai đoạn quyết liệt. Ở cả hai miền Nam, Bắc lúc đó

Trình bày luận điểm khái quát về nét chung của hai tác phẩm.

đều nóng bỏng không khí chiến tranh. Tuy nhiên, nét nổi bật trong đời sống tinh thần của mọi người Việt Nam yêu nước là sự bình tĩnh, tự tin, lạc quan và ý chí quyết tâm. Những điều này được các nhà văn nhận thức một cách sâu sắc và từ đó tác phẩm của họ luôn mang cảm hứng khẳng định mạnh mẽ. Điều đáng nói khác là Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Thi không dừng ở việc miêu tả những biểu hiện bên ngoài của đời sống mà luôn tìm cách cắt nghĩa bề sâu của nó, tập trung soi tỏ những điều bí ẩn kì diệu đã làm nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt.

Trình bày những thông tin cần thiết về từng tác phẩm được so sánh: xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,...

Mảnh trăng cuối rừng được in vào sách lần đầu năm 1970, trong tập *Những vùng trời khác nhau* của Nguyễn Minh Châu. Truyện gồm một câu chuyện "khung" được kể từ ngôi thứ ba và câu chuyện chính được kể từ ngôi thứ nhất xưng "tôi" của nhân vật Lãm. Cả hai câu chuyện đều diễn ra trong bối cảnh đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc một cách ác liệt. Nhân một chuyến công tác, chiến sĩ lái xe Lãm dự định sẽ đến thăm Nguyệt, người anh chưa biết mặt nhưng đã thấy cảm mến, nhờ sự giới thiệu và đảm bảo của người chị gái làm việc ở cầu Đá Xanh. Tình cờ, cô gái đi nhờ xe Lãm trong đêm lại chính là người anh đang mong được gặp. Tuy không tiện hỏi nhưng Lãm từ chỗ ngờ ngợ đã đi đến chỗ đinh ninh cô gái ấy chính là Nguyệt "của mình". Qua thử thách cam go trên chặng đường đầy bom lửa, trước vẻ nhẹ nhõm, thanh thoát và sự bình tĩnh, dũng cảm của "người đi nhờ", ở Lãm dấy lên một cảm giác "gần như mê muội lẫn cảm phục". Hai người chia tay, không hỏi han thêm gì về nhau và chuyến thăm theo dự định ban đầu đã không thực hiện được. Chuyện hẹn hò vẫn còn để ngỏ cho đến ngày Lãm có dịp đến thăm đơn vị của Nguyệt. Thật oái oăm, đúng thời điểm đó, Nguyệt lại rời đơn vị để đi công tác. Câu chuyện tình yêu giữa hai người giống như một trò ú tim, mang màu sắc "huyền thoại", nhưng không phải không có cơ sở hiện thực nếu người đọc nghĩ tới bối cảnh thời chiến của nó.

Thông tin khái quát về **Mảnh trăng cuối rừng.**

Thông tin khái quát về **Những đứa con trong gia đình.**

Đọc truyện *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi (in lần đầu trong tập *Truyện và kí*, xuất bản năm 1969), độc giả được đến với một vùng không gian khác và gặp những con người khác: không gian sông nước ở miền Tây Nam Bộ và những nhân vật vừa chớm bước vào tuổi thanh niên. Truyện được kể từ ngôi thứ ba và đúng như nhan đề cho biết, nói về chuyện những đứa con trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước, cách mạng, phải chịu nỗi đau cha mẹ bị kẻ thù giết. Thừa hưởng từ ba, má đức tính can trường, tháo vát, họ dần

lớn lên trong sự đùm bọc của người chú ruột và bà con làng xóm, luôn cháy bỏng nguyện vọng được đi bộ đội để trả thù nhà, đền nợ nước. Nhờ sự ủng hộ của chú Năm, hai chị em được nhập ngũ cùng một lần. Trước ngày lên đường, họ thu xếp việc nhà thật gọn, khiêng bàn thờ má sang gửi ở nhà chú, hẹn với nhau về việc lập công. Trong một trận chiến đấu, Việt bị thương, ngất đi nhiều lần nhưng mỗi khi hồi tỉnh lại quyết bò đi tìm đồng đội và sẵn sàng chiến đấu. Cuối cùng, Việt đã được anh em tìm thấy để đưa về đơn vị. Mặc dù đã lập chiến công nhưng Việt vẫn nấn ná chưa muốn viết thư gửi chị, vì cho rằng mình chưa làm được bao nhiêu theo tâm nguyện của người mẹ đã khuất.

Phân tích cụ thể điểm tương đồng giữa hai tác phẩm: tính chất của sự miêu tả và cảm hứng sáng tác.

Qua phần tóm tắt cốt truyện ở trên, có thể thấy cả hai tác phẩm đều cố gắng làm sáng tỏ chủ nghĩa anh hùng bao trùm đời sống tinh thần của cả dân tộc trong cuộc kháng chiến. Nhân vật nào cũng tràn đầy tinh thần cách mạng, dám đương đầu mọi thử thách bằng sự kiên cường, dẻo dai đáng khâm phục. Ở các nhân vật không hề thấy dấu vết của sự ưu tư lựa chọn. Tất cả hành động đều diễn ra có vẻ dễ dàng, tự nhiên, thể hiện sự chi phối triệt để của một đạo lí sống mà mọi thành viên của cộng đồng đều thừa nhận, tin tưởng. Ở truyện *Mảnh trăng cuối rừng*, Nguyệt vẫn kiên tâm chờ đợi Lãm bằng lòng tin tuyệt đối vào sự vun đắp chân tình của tập thể. Cô giúp Lãm dập lửa cứu xe, đẩy Lãm vào chỗ trú an toàn khi bom dội, thản nhiên nói về vết thương của mình với một tinh thần đảm trách vô tư và sự xả thân nhẹ nhõm. Tương tự như vậy, ở truyện *Những đứa con trong gia đình*, mọi hành xử của các nhân vật đều không diễn ra một cách đột ngột, vì chúng được thực hiện đúng theo điều mọi người nghĩ, như là tất yếu phải thế. Vì vậy, việc hai chị em Chiến, Việt tranh nhau đi bộ đội đã được ông chú tiếp nhận một cách dễ dàng và đơn vị tuyển quân cũng hoàn toàn đồng thuận. Ở một gia đình lấy câu "trung hiếu làm đầu" thì việc thi đua lập công không có gì lạ. Cuốn sổ gia đình do chú Năm lập ra ghi chép đầy đủ mọi việc qua năm tháng, nhưng sự việc nào cũng hướng về đạo lí tự nhiên của đời sống cộng đồng, như sông thì phải chảy về với biển.

Cả hai truyện ngắn không thiếu các chi tiết nói về khuôn mặt hung bạo của chiến tranh: máy bay thường ập tới thình lình, bom cày nát mọi nẻo đường ra tiền tuyến, đánh sập cây cầu Đá Xanh đẹp huyền hoặc (truyện *Mảnh trăng cuối rừng*), giặc chặt đầu những người kháng chiến, đạn ca-nông từ đồn lính bắn bừa bãi vào làng xóm gây ra cái chết của bao thường dân (truyện *Những đứa con trong gia đình*). Nhưng điều đọng lại ở người đọc luôn là cảm giác tin yêu, ấm áp. Vẻ đẹp thanh tân "giản dị và mát mẻ như sương núi toả ra" của Nguyệt, "mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc" (truyện *Mảnh trăng cuối rừng*), mùi hoa cam

thoang thoảng ở chân vườn nơi chị em Chiến, Việt khiêng bàn thờ má đi qua, điệu cười lỏn lẻn của chàng tân binh Việt (truyện *Những đứa con trong gia đình*) là những hình ảnh làm nên chất thơ của mỗi truyện và cũng thuộc loại hình ảnh mà văn học Việt Nam thời chiến rất dụng công miêu tả. Rõ ràng, một phần do cách tiếp cận hiện thực như vậy, các tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Thi thấm đẫm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn, thống nhất với đặc điểm chung của mọi tác phẩm văn học cách mạng được viết vào giai đoạn đó.

Phân tích nét riêng trong cách viết của từng tác phẩm – một vấn đề quan trọng cho thấy sự đa dạng của văn xuôi cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975.

Phong cách thời đại tuy chi phối cách viết của từng tác giả nhưng không hoàn toàn lấn át phong cách cá nhân mỗi nhà văn. Để thể hiện ý đồ cắt nghĩa chiều sâu của "tinh thần, ý chí Việt Nam", Nguyễn Minh Châu nghiêng về tổ chức tác phẩm theo kiểu luận đề và để cho nhân vật trực tiếp nói những lời mang màu sắc chính luận rõ nét: "Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?". Trong khi đó, Nguyễn Thi lại dày công chọn lọc các chi tiết nóng hổi tính hiện thực như cuốn sổ gia đình, bàn thờ người mẹ, những cuộc đối thoại trẻ con,... để người đọc nghiệm ra cội rễ của những hành động mà nhân vật đã thực hiện. Đặc biệt, những nét riêng của cảnh sắc và con người miền Tây Nam Bộ đã được tái hiện hết sức rõ nét, khiến người đọc không thể nhầm lẫn. Tuy là truyện ngắn, *Những đứa con trong gia đình* lại có dáng dấp của một tiểu thuyết thu nhỏ với vô vàn đường nét khắc hoạ, tạo hình sống động.

Ở *Mảnh trăng cuối rừng*, tình huống truyện là điều được tác giả hết sức chăm chút. Nguyễn Minh Châu hẳn đã cân nhắc rất nhiều khi chọn tên cho nhân vật: chị Tính, anh Lãm, cô Nguyệt, chị "Nguyệt lão". Tất cả những danh xưng này đều thể hiện rõ bàn tay "dàn dựng" của nhà văn và có sự hô ứng nhịp nhàng với mọi tình tiết của câu chuyện. Còn ở *Những đứa con trong gia đình*, câu chuyện không được kể theo mạch tuyến tính mà theo dòng hồi ức đứt nối của nhân vật Việt. Ở đây, bút pháp "dòng ý thức" và thủ pháp đồng hiện đã được tác giả vận dụng rất thành công, giúp độc giả "đọc" được bề sâu tâm hồn nhân vật, mặc dù đây không phải là nhân vật suy tưởng. Như vậy, tuy nhập vào dàn đồng ca của văn học thời chiến, hai tác phẩm của hai nhà văn tài năng nổi bật là Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Thi vẫn cho thấy rõ cá tính sáng tạo của mỗi người – điều rất có ý nghĩa, nói lên sự đa dạng nhất định của một nền văn học hướng về nhân dân, luôn đề cao trách nhiệm xã hội của người viết.

Mảnh trăng cuối rừng và *Những đứa con trong gia đình* là những sáng tác mang dấu ấn thời đại rõ nét. Giờ đây, viết về cuộc chiến đã qua, các nhà văn có thể có cách tiếp cận khác và sử dụng những phương thức, phương tiện biểu hiện nghệ thuật khác, đa dạng hơn, mới mẻ hơn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng những tác phẩm được viết ra trong khói lửa chiến tranh vẫn mang một vẻ đẹp riêng, vì ở vào thời điểm đó, những tác phẩm này đã tìm được sự đồng vọng sâu sắc trong lòng biết bao con người tin tưởng vào sự lựa chọn vì phẩm giá của một dân tộc.

Kết luận chung về giá trị của các tác phẩm và gợi mở cách nhìn nhận phù hợp về văn học của một giai đoạn đã qua.

(Nhóm biên soạn)

1. Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm *Mảnh trăng cuối rừng* và *Những đứa con trong gia đình* là gì?
2. Tác giả bài viết đã xác định mục đích so sánh hai tác phẩm như thế nào?
3. Các phương diện cơ bản nào của hai tác phẩm đã được đưa ra so sánh?
4. Đánh giá nào về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Ở bước đầu làm quen với kiểu bài viết này, nên chọn hai tác phẩm truyện mà bạn nhận thấy giữa chúng có những điểm chung và ít nhất một trong hai truyện đó bạn đã được học. Hai truyện có thể của cùng một tác giả hoặc của hai tác giả khác nhau, có thể ra đời trong cùng một thời kì hoặc trong hai thời kì cách biệt, có thể thuộc về một nền văn học hoặc thuộc về hai nền văn học có truyền thống riêng,... Gợi ý một số tác phẩm truyện có thể làm thành đối tượng so sánh của bài viết: *Hoàng tử bé* của Ăng-toan đơ Xanh-tơ – Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint – Exupéry) và *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của Nguyễn Ngọc Thuần, *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng và *Thời thơ ấu* của Mác-xim Go-rơ-ki (Maksim Gorky), *Chí Phèo* và *Lão Hạc* của Nam Cao, *Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài,...

– Bạn cần xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. Khi xác lập cơ sở so sánh, cần quan tâm trả lời các câu hỏi: Hai tác phẩm có phải là những "mẫu" tiêu biểu, cho phép việc so sánh đạt được kết quả cần thiết hay không? Hai tác phẩm có những điểm gì khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau?... Bài viết có thể ưu tiên nhấn mạnh sự tương đồng hoặc chỉ tập trung nói về sự khác biệt giữa hai tác phẩm.

Dù theo định hướng nào, khi nói về sự tương đồng, vẫn cần đề cập sự khác biệt, ngược lại, khi bàn đến sự khác biệt, cần nói về sự tương đồng như một lí do khiến hai tác phẩm có thể được đưa ra so sánh với nhau.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Có thể tự đặt ra các câu hỏi như sau để tìm ý:

– Vì sao khi đọc truyện này độc giả thường liên hệ đến truyện kia? (Xác lập cơ sở để so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, giúp người viết có thể mở bài một cách thuận lợi.)

– Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào? (Lựa chọn các phương diện chủ yếu cần so sánh ở hai tác phẩm.)

– Điều gì dẫn đến sự "gặp gỡ" đó giữa hai tác phẩm truyện? (Vừa đi sâu cắt nghĩa nguyên nhân của sự tương đồng, vừa tạo được sự gắn kết giữa các đoạn viết về từng tác phẩm.)

– Dù có những điểm tương đồng, sự khác biệt giữa hai truyện vẫn thể hiện rõ. Sự khác biệt đó là gì? (Tìm ra nét độc đáo của từng tác phẩm.)

– Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm truyện với nhau.)

Lập dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.

– *Thân bài*: Cần triển khai các ý:

+ Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

+ Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy (ví dụ: hai tác phẩm cùng đề cập một loại hiện tượng đời sống hay một loại hình nhân vật; hai tác giả có cùng quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực; có hiện tượng tác giả này chịu ảnh hưởng tác giả kia về đề tài, cảm hứng, bút pháp, phong cách sáng tác;...).

+ Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy (ví dụ: mỗi nhà văn có quan điểm thẩm mĩ, cách tiếp cận hiện thực và cá tính sáng tạo riêng; mỗi nhà văn chịu ảnh hưởng của một truyền thống văn hoá, văn học khác nhau; đối tượng được miêu tả, câu chuyện được kể lại ở mỗi tác phẩm có điểm đặc thù;...).

+ Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

– *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

Viết

– Để làm sáng tỏ các luận điểm, cần chú ý khai thác bằng chứng lấy từ những phương diện khác nhau của hai tác phẩm truyện, bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... Khi trích dẫn văn bản truyện hay một bài phê bình, đánh giá nào đó về truyện, cần đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan.

– Tránh biến bài viết thành một văn bản mang tính chất lắp ghép máy móc, gồm hai "bài" nhỏ phân tích từng tác phẩm riêng biệt.

– Thường xuyên chú ý mạch lạc, liên kết của bài viết và thực hiện việc ngắt đoạn phù hợp để người đọc dễ theo dõi hệ thống luận điểm.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung.

– Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

Yêu cầu

- Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này.
- Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện.
- Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu).
- Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Đề tài của bài nói có thể là đề tài của bài viết đã được bạn thực hiện trước đó. Nếu vậy, bạn cần đọc lại bài viết, rút gọn bài viết thành một dàn ý bài nói, có điều chỉnh theo hướng phù hợp với hoạt động nói và nghe.

– Nếu bạn chọn đề tài mới thì việc chuẩn bị phải công phu hơn. Bạn cần thực hiện nghiêm túc quy trình: Chọn đọc hai tác phẩm phù hợp → So sánh → Hình thành luận điểm đánh giá về từng tác phẩm trên cơ sở so sánh → Xây dựng dàn ý bài nói (viết trên giấy hay thể hiện bằng các slide dùng để trình chiếu).

Tìm ý và sắp xếp ý

– Bám sát các yêu cầu về hoạt động nói và nghe của bài học đã nêu ở trên để tự đặt ra những câu hỏi tìm ý phù hợp.

– Ý nói về "cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện" cần bao gồm các thông tin: Bạn đã tập trung chú ý phương diện nào của hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh? Việc lập phiếu ghi chép các dữ liệu cần thiết được tiến hành ra sao?

– Các ý cơ bản của bài nói có thể được sắp xếp theo hình thức tuyến tính hoặc được tổ chức dưới dạng một bảng so sánh hay được thể hiện bằng sơ đồ tổng hợp. Tham khảo bảng so sánh sau:

Phương diện cần phân tích	Truyện A	Truyện B	Nhận xét, đánh giá
Cốt truyện			
Hệ thống nhân vật			
Ngôi kể, điểm nhìn trần thuật			
Ngôn ngữ, giọng điệu truyện			
...			

Lưu ý: Bảng này dành cho việc tìm ý và lập dàn ý, không phải bảng chứa đựng toàn bộ thông tin về bài nói. Khi tổ chức nội dung bài nói, có thể chỉ so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện ở một vài phương diện mà bạn thấy có "vấn đề" cần đặc biệt quan tâm.

Thực hành nói

– Bài nói tuân thủ dàn ý đã chuẩn bị với kết cấu gồm ba phần: *Mở đầu, Triển khai, Kết luận*. Trong khi nói, có thể đưa thêm những ý tưởng mới nảy sinh nhưng tránh sa đà.

– Cần giúp người nghe hiểu rõ tính mục đích của việc so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, thường xuyên quan tâm trả lời câu hỏi: So sánh để làm gì?

– Nếu điều kiện cho phép, nên sử dụng bảng hay sơ đồ so sánh hoặc trình chiếu các slide, giúp người nghe có được cái nhìn tổng quan về nội dung trình bày.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
– Căn cứ vào tên bài nói và mục đích hướng tới của bài nói để nêu nhận xét hay bổ sung các ý cần thiết. – Tuỳ vào hình thức trình bày đã được người nói lựa chọn (sử dụng hay không sử dụng các bảng, sơ đồ, slide,...) để đưa ra đánh giá phù hợp. – Yêu cầu người nói trình bày rõ hơn về một số luận điểm chưa được diễn đạt tường minh. – Đính chính những nhầm lẫn (nếu có) của người nói trong việc nêu bằng chứng hay đưa ra kết luận. – Gợi mở những nội dung, phương diện khác cần được so sánh ở hai tác phẩm truyện.	– Tự đánh giá về bài nói của mình trên tinh thần học hỏi. – Thuyết minh thêm về những điểm người nghe muốn hiểu rõ hơn. – Trao đổi lại những ý kiến của người nghe mà mình chưa tán đồng. – Nêu vắn tắt một số khám phá có ý nghĩa khác chưa có dịp trình bày trong bài nói về hai tác phẩm truyện được so sánh.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Bài học đã bổ sung cho hiểu biết của bạn về truyện nói chung và tiểu thuyết hiện đại nói riêng như thế nào?
2. Nêu nhận thức của bạn về khả năng lớn lao của tiểu thuyết trong việc trần thuật những sự kiện có quy mô lớn, gây ảnh hưởng đến toàn xã hội và kể về những câu chuyện đời thường dung dị, nhỏ bé.
3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* (trích) và *Mùa lá rụng trong vườn* (trích) cho thấy điều gì về sự đa dạng trong các hướng tìm tòi, phát triển của tiểu thuyết hiện đại?
4. Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo được những nguyên tắc gì? Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học (trong đó có tác phẩm truyện) dựa trên sự so sánh?

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ.
- Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt của một nạn nhân vụ đắm tàu.
- Nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.

Trên xuồng cứu nạn(*)

(Trích *Cuộc đời của Pi*)

Y-an Ma-ten (Yann Martel)(1)

Chương 78

Có nhiều kiểu trời. Trời đầy những đám mây trắng lớn, phẳng, tròn và nở rộng trên đầu. Trời tịnh không một gợn mây, xanh ngăn ngắt đến nỗi các giác quan của ta như bị rạn vỡ hết cả. Trời như một tấm chăn dày nghẹt thở đầy chặt mây xám, mà lại không có tí mưa nào. Trời mỏng dính và u ám. Trời phơ phất những vệt mây trắng nho nhỏ như lông cừu. Trời đầy những dải mây mỏng rất cao trông như thể một cục bông lớn bị kéo ra thành sợi. Trời như một đám mù màu sữa không có gì trong đó. Trời dày đặc những đám mây mưa tối đen và cuồn cuộn trôi qua mà không rơi xuống một hạt nào. Trời được vẽ lên một vài đám mây phẳng bẹt trông như những dải cát. Trời như một mảng phông chỉ để làm nổi bật những hiệu quả thị giác trên chân trời: ánh nắng chan hoà đại dương, các mép viền sáng tối thẳng đứng và rõ rệt. Trời như một tấm màn đen của làn mưa rất xa. Trời là các đám mây tầng tầng lớp lớp, có những đám thật dày và đục, có những đám trông như khói toả.

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) Y-an Ma-ten sinh năm 1963 tại Tây Ban Nha, là công dân Ca-na-đa (Canada), tác giả của một số cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn nổi tiếng. Tiểu thuyết *Cuộc đời của Pi* là cuốn sách thứ ba của nhà văn, đã được tặng giải thưởng Man Booker năm 2002. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết là cậu bé Pít-xin Mô-li-tô Pa-ten (Piscine Molitor Patel), con trai một doanh nhân Ấn Độ, người sở hữu vườn thú lớn tại vùng Pông-đi-se-ri (Pondicherry). Để tránh sự chế nhạo của bạn bè vì danh xưng có những cách phát âm và giải thích nghĩa oái oăm, cậu tự giới thiệu mình là Pi (như tên của số π trong toán học). Pi có thiên hướng ngưỡng vọng tôn giáo, thấy mình hoàn toàn thoải mái khi cùng một lúc theo cả đạo Hin-đu (Hindu), đạo Hồi lẫn đạo Thiên Chúa. Cậu có niềm tin vững chắc vào sự tồn tại của Thượng đế, vào giá trị vĩnh hằng của tình yêu thương hướng đến mọi sinh linh. Khi tình hình chính trị ở Ấn Độ có những biến động khó lường, bố Pi quyết định đưa cả gia đình sang định cư ở Ca-na-đa, đem theo phần lớn bầy thú trong vườn thú của gia đình trên một con tàu chở hàng Nhật Bản. Con tàu gặp bão và bị đắm ở vùng sâu nhất của Thái Bình Dương. Bố, mẹ, anh trai của Pi, toàn bộ thuỷ thủ đoàn cùng hầu hết bầy thú bị biển sâu nuốt chửng. Pi may mắn sống sót nhờ được ném lên chiếc thuyền cứu hộ. Trên con thuyền nhỏ hẹp, ngoài Pi còn có con hổ Ben-gan (Bengal) tên là Ri-sác Pác-cơ (Richard Parker), một con linh cẩu, một con đười ươi (Nước Cam), một con ngựa vằn và một con chuột. Sau cuộc chiến sinh tồn bạo liệt, ngắn ngủi, cuối cùng, trên thuyền chỉ còn lại Pi và con hổ Pác-cơ. Tận dụng những kiến thức từng học về đời sống của thú hoang và cách chế ngự chúng, Pi đã làm chủ được tình thế, duy trì được sự gắn kết giữa hai sinh mạng cho đến khi chiếc xuồng tơi tả đưa cả hai (đã kiệt quệ sức lực) dạt lên một bờ cát ở Mê-hi-cô (Mexico), sau 227 ngày đêm lênh đênh trên biển. Câu chuyện bắt đầu khi nhân vật nhà văn (có thể hiểu là hoá thân của tác giả) may mắn gặp Pi (lúc này đã vào tuổi trung niên, có vợ và hai con, sống tại Uyn-nơ-péc (Winnipeg), Ca-na-đa) để lắng nghe và ghi chép lại chuyện đời của anh. Cuốn sách *Cuộc đời của Pi* do Trịnh Lữ dịch ra tiếng Việt (ra mắt bạn đọc lần đầu năm 2004) đã nhận được giải thưởng về văn học dịch của Hội Nhà văn Hà Nội.

Trời là trận mưa đen ngòm và rát bỏng rơi xuống gương mặt đang cố cười của tôi. Trời chỉ là nước đổ xuống, một trận hồng thuỷ không ngừng làm da tôi nhăn nheo phồng rộp và người tôi lạnh cứng.

Có nhiều loại biển. Biển gầm thét như một con hổ. Biển thì thầm vào tai ta như người bạn rủ rỉ tâm tình. Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần. Biển sấm sét như những trận đất lở. Biển rít lên như giấy nháp cọ trên mặt gỗ. Biển kêu như người đang nôn mửa. Biển lặng ngắt như chết.

Và ở giữa hai cái đó, giữa trời và biển, là gió và chỉ gió mà thôi.

Rồi còn có đêm, trăng.

Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của một vòng tròn. Cho dù mọi vật có vẻ như biến động vô cùng – biển từ thì thầm đến gào thét, trời từ xanh ngắt đến trắng xoá rồi đen ngòm – cái hình học kia không bao giờ thay đổi. Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi mãi lớn lao. Mà thực tế là, những vòng tròn còn nhân bản lên nữa. Một kẻ đắm tàu là kẻ bị mắc cạn trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn đối nghịch cùng đang quay tít xung quanh. Mặt trời quấy rối ta như một đám đông, một đám đông ồn ào, xô đẩy nhau khiến ta phải bịt tai, nhắm mắt, khiến ta muốn lẩn trốn. Mặt trăng quấy rối ta bằng cách nhắc cho ta nhớ đến tình cảnh cô quạnh của mình, ta mở to mắt để lẩn tránh nỗi cô quạnh đó. Khi ta nhìn lên, đôi khi ta tự hỏi không biết ở tâm điểm của trận bão vũ trụ, hay ở tâm điểm của Biển Yên Bình, liệu cũng có ai như ta, cũng đang nhìn lên, cũng đang mắc cạn bởi thứ hình học này, cũng đang tranh đấu với sợ hãi, giận dữ, điên cuồng, vô vọng và vô tình.

Nếu không thế, thì là một kẻ đắm tàu lại là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi. Khi có ánh sáng, cái mênh mang của biển khiến ta mù loà và sợ hãi. Khi không có ánh sáng, bóng tối lại làm cho ta sợ như bị nhốt trong một nơi kín mít. Ban ngày, ta nóng nực và mong được mát mẻ, thèm kem, dội nước biển lên người. Ban đêm, ta rét và quấn hai ba cái chăn không đủ ấm. Khi nắng thì ta khô ran và thèm được ướt. Khi mưa thì ta ướt như chuột lội và chỉ thèm được khô ráo. Khi có thức ăn thì có thừa có thãi và ta phải ăn rõ nhiều. Khi đã không có gì thì tịnh chẳng còn gì và ta phải chịu đói. Lúc biển lặng, ta mong nó động lên. Lúc nó nổi sóng và cái vòng tròn giam hãm ta bị những núi nước bẻ gẫy, ta lại phải chịu đựng mọi sự thất thường của biển khơi, ngạt thở vì không gian bao la, và chỉ ước gì biển lặng trở lại. Những đối nghịch thường xảy ra vào cùng một lúc. Khi mặt trời thiêu đốt ta đến mức chỉ có thể ngồi im một chỗ, thì cái nắng thiêu đốt đó cũng đang sấy khô những

dẻo thịt cá phơi trên dây[1] và đang ban phước lành cho những chiếc máy cất nước[2] của mình. Ngược lại, khi trời mưa như trút và làm đầy những bình chứa nước ngọt của ta, thì sự ướt át như thế sẽ làm thiu thối những thực phẩm mà ta đã mất công phơi phóng và cất giấu. Khi thời tiết dữ dằn đã qua đi, và ta biết rằng trời biển đã để ta được sống, thì nỗi vui mừng của ta lại nhanh chóng bị tan đi bởi ý nghĩ tiếc hận rằng biết bao nhiêu nước ngọt như thế đã phí phạm rơi xuống biển và bởi một nỗi lo không biết đó có phải là trận dông mưa cuối cùng hay không, rằng liệu ta có chết khát trước khi trời lại mưa trở lại không.

Cặp đối nghịch tệ hại nhất là buồn chán và sợ hãi. Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia. Biển không một gợn sóng. Trời không một gợn gió. Thời gian như vô tận. Ta thấy buồn chán đến mức chìm hẳn vào một tâm trạng vô tình rất gần với bất tỉnh nhân sự. Rồi biển nổi sóng và quất vào các tình cảm của ta như những làn roi và khiến cho chúng phát cuồng. Nhưng ngay cả hai đối nghịch này cũng không tách biệt với nhau. Trong cơn buồn chán cũng vẫn có những yếu tố hãi hùng: ta bật khóc, ta tràn đầy sợ hãi, ta kêu thét, ta cố tình hành hạ bản thân cho đau đớn. Và trong gọng kìm của tình trạng hãi hùng – ví dụ như trong một cơn bão – ta vẫn cảm thấy buồn chán, một nỗi niềm mỏi mệt sâu thẳm về tất cả mọi chuyện.

Chỉ có cái chết là luôn luôn khích động những cảm xúc của ta, cho dù ta nghĩ về nó lúc đang an toàn và yên ắng, hay đang cảm thấy nó khi cuộc sống đang bị đe doạ và trở nên thật quý giá với ta.

Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thật sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân. Các toan tính không thể nào đơn giản hơn được nữa, và các rủi ro cũng chẳng thể nào cao hơn được nữa. Nó đặc biệt gian khổ về thể xác, và chết chóc về tinh thần. Ta phải điều chỉnh liên tục nếu muốn sống sót. Rất nhiều thứ có thể vứt bỏ đi được. Ta chộp lấy cảm giác hạnh phúc bất cứ lúc nào có thể được. Ta như rơi xuống tận đáy địa ngục, nhưng vẫn đứng khoanh tay với một nụ cười trên môi, và cảm thấy ta là người may mắn nhất trên thế gian này. Vì sao? Vì dưới chân ta vẫn có được một con cá chết bé tí xíu.

(Y-an Ma-ten, *Cuộc đời của Pi*, Trịnh Lữ dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2004, tr. 379 – 384)

---

(1) *Dẻo thịt cá phơi trên dây*: trong những ngày lênh đênh trên biển, để có thực phẩm dự trữ nhằm duy trì mạng sống của mình và con hổ Pác-cơ, Pi đã tìm cách bắt cá, xẻ thịt chúng và phơi trên chiếc bè được buộc cạnh xuồng cứu hộ.

(2) *Máy cất nước*: công cụ chưng nước ngọt từ nước biển, được chuẩn bị sẵn trên xuồng cứu hộ.

Bài 2 NHỮNG THẾ GIỚI THƠ

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.
- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Biểu tượng

Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát.

Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể "sống" bên ngoài văn bản. Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống. Do đó, quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí, văn hoá,... của dân tộc và thời đại. Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân.

Yếu tố siêu thực trong thơ

Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu. Tuy nhiên, từ phía người sáng tác, sự hiện diện của những hình ảnh ấy hoàn toàn mang tính tự nhiên vì chúng gắn với việc "cất lời" của tiềm thức, vô thức. Để khám phá được một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện tượng thông thường dễ thấy, các nhà thơ siêu thực theo đuổi "lối viết tự động", để ngòi bút "buông" theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. Yếu tố siêu thực đã xuất hiện thấp thoáng trong một số tác phẩm thơ thời trung đại hoặc thơ dân gian, nhưng chỉ trở thành hiện tượng thẩm mĩ đặc thù trong sáng tác của các nhà thơ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa này ở thời hiện đại.

Phong cách cổ điển

Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. Theo phong cách này, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn,... Từ quan niệm về thế giới như vậy, phong cách cổ điển định hình với các đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ;...

Phong cách lãng mạn

Xét theo nghĩa rộng, **phong cách lãng mạn** thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực (cả hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ thời cổ đại). Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học – nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Tuỳ theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).

Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 1

Cảm hoài

(Nỗi lòng)

Đặng Dung

Trong lịch sử và trong cuộc sống đời thường, có những thất bại khiến cho người đời không chỉ cảm thấy buồn thương, tiếc nuối mà còn nể phục, kính trọng. Hãy kể về một thất bại như thế và cho biết điều gì gây ấn tượng với bạn.

Phiên âm

Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chủ hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Dịch nghĩa

Việc đời dằng dặc, mà ta đã già, biết làm thế nào?
Trời đất không cùng, thu cả vào cuộc say ca[1].
Gặp thời, người hàng thịt, kẻ đi câu[2] cũng dễ thành công,
Lỡ vận[3], những bậc anh hùng cũng đành nuốt hận.



Nguyên văn bài *Cảm hoài* trong sách *Việt âm thi tập*, bản A.1925

(1) Nguyên văn là *hàm ca*, chỉ việc uống rượu say mà hát hoặc việc chìm đắm trong say sưa, ca múa, biểu thị trạng thái tinh thần thống khổ hay phẫn khích.

(2) Nguyên văn là *đồ điếu* (*đồ*: mổ – giết súc vật, người làm nghề giết mổ; *điếu*: câu cá, người câu cá) liên hệ đến sự tích đời Hán (Trung Quốc), thuở hàn vi Phàn Khoái làm nghề bán thịt, Hàn Tín làm nghề câu cá, về sau cả hai đều làm nên nghiệp lớn.

(3) *Vận*: vận hội, cơ hội; ở đây có nghĩa là cơ may, dịp may.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Giúp chúa, những muốn xoay trục đất[1],
Rửa binh khí[2], tiếc không có lối kéo sông Ngân[3] xuống.
Thù nước chưa trả được, mà đầu đã bạc,
Bao phen mài gươm Long Tuyền[4] dưới trăng.

Dịch thơ

Thế sự ngổn ngang đã vội già,
Đất trời bất tận cuộc say ca.
Gặp thời đồ điếu công thành dễ,
Lỡ vận anh hùng hận xót xa.
Phò chúa dốc lòng nâng trục đất,
Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.
Quốc thù chưa trả đầu sao bạc,
Bao độ mài gươm ánh nguyệt tà.

Nguyễn Khắc Phi dịch

(Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), *Kiến thức bổ trợ Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 148)

Hình dung thời gian, không gian ở hai câu thơ đầu.

Chú ý:
– Các hình ảnh thể hiện hoàn cảnh, khát vọng, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
– Biện pháp tu từ đối ở hai liên thơ giữa.

Đặng Dung (? – 1414) quê ở tỉnh Hà Tĩnh. Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha là tướng quân Đặng Tất cai quản đất Thuận Hoá[5]. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công lớn, trong đó có trận thắng Bô Cô hiển hách. Đáng tiếc là Trần Ngỗi nghe lời gièm pha, nghi kị và giết Đặng Tất. Đặng Dung bỏ Trần Ngỗi, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ, chỉ huy nghĩa quân giao chiến với quân Minh hàng trăm trận. Năm 1414, khi thua trận, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc, ông đã tuẫn tiết trên đường đi.

Cảm hoài là tác phẩm duy nhất còn lại của Đặng Dung, được đời sau ca tụng là "Phi hào kiệt chi sĩ bất năng" ("Nếu không phải là kẻ sĩ hào kiệt thì không thể làm nổi" – Lý Tử Tấn). Bài thơ có nhiều dị bản; câu thứ tư, sách *Việt âm thi tập* (ảnh minh hoạ, tr. 42) chép là *sự khứ* (việc dã qua rồi), một số bản *Toàn Việt thi lục* chép là *vận khứ* (vận dã qua). Người biên soạn sách giáo khoa dẫn nguyên văn bài thơ theo *Thơ văn Lý – Trần*, tập III, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 517 – 518.

---

(1) Nguyên văn là *phù địa trục*, ý nói xoay chuyển tình thế, thay đổi vận mệnh của đất nước.

(2) Nguyên văn là *tẩy binh*, ý nói chấm dứt chiến tranh, lập lại cuộc sống hoà bình.

(3) *Sông Ngân*: nguyên văn là *thiên hà*, mượn ý tứ từ câu thơ trong bài *Tẩy binh mã* (*Rửa khí giới*) của Đỗ Phủ: "An đắc tráng sĩ vãn thiên hà/ Tĩnh tẩy giáp binh trường bất dụng" ("Ước gì có tráng sĩ kéo nước sông Ngân xuống/ Rửa sạch khí giới, mãi mãi không dùng nữa").

(4) *Long Tuyền*: một trong hai thanh gươm quý (trong truyền thuyết Trung Hoa); thường được dùng với nghĩa biểu trưng chỉ hoài bão hành đạo giúp đời, "bình thiên hạ" của những bậc anh hùng hào kiệt thời phong kiến.

(5) *Thuận Hoá*: tên gọi cũ của vùng đất nay thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị, thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng.

1. Xác định thể thơ và nhân vật trữ tình của bài thơ.
2. Hình ảnh nào trong bốn câu thơ đầu đã gợi ra được hoàn cảnh – tình thế của nhân vật trữ tình? Hoàn cảnh – tình thế đó có đặc điểm gì?
3. Nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì khi đối diện với hoàn cảnh – tình thế đó?
4. Trong hai câu luận, tác giả đã sử dụng những biểu tượng quen thuộc của thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng. Hãy giải thích ý nghĩa của một số biểu tượng (*xoay trục đất, rửa binh khí, kéo sông Ngân,...*) và nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình.
5. Phân tích ý nghĩa của hình ảnh người tráng sĩ mài gươm trong hai câu kết.
6. Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà bạn cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*.

VĂN BẢN 2

Tây Tiến

Quang Dũng

Bạn đã học, đã đọc những bài thơ nào viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam? Đọc diễn cảm một đoạn thơ mà bạn yêu thích.

Sông Mã[1] xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao[2] sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát[3] hoa về trong đêm hơi

Chú ý:

– Hình ảnh khơi nguồn cảm xúc.

– Các từ ngữ gợi bối cảnh không gian và ấn tượng về đoàn quân Tây Tiến.

(1) *Sông Mã*: con sông chảy trên lãnh thổ hai nước Lào và Việt Nam.
(2) *Sài Khao*: một vùng đất thuộc tỉnh Sơn La.
(3) *Mường Lát*: một vùng đất thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông[1] mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch[2] cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu[3] mùa em thơm nếp xôi

*

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa[4]
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn[5] lên man điệu[6] nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn[7] xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc[8] chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc[9]
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Nhận diện nhịp điệu, nhạc điệu, hình thức đối và những kết hợp từ ngữ khác lạ trong đoạn thơ.

Chú ý những hình ảnh gây ấn tượng về thiên nhiên, con người miền Tây Bắc.

(1) *Pha Luông*: núi thuộc tỉnh Sơn La, giáp biên giới Việt – Lào.
(2) *Mường Hịch*: một vùng đất thuộc tỉnh Sơn La.
(3) *Mai Châu*: một vùng đất thuộc tỉnh Phú Thọ.
(4) *Đuốc hoa*: nguyên nghĩa chỉ loại nến có trang trí hoa văn thắp trong đêm tân hôn; ở đây có thể đã được dùng với nghĩa mới, chỉ những ngọn đuốc được thắp sáng trong đêm liên hoan ở doanh trại.
(5) *Khèn*: nhạc khí của một số dân tộc miền núi phía Bắc nước ta, làm bằng nhiều ống trúc ghép lại.
(6) *Man điệu*: chỉ điệu nhạc hoặc điệu múa của các dân tộc thiểu số ở miền núi.
(7) *Viên Chăn*: thủ đô của nước Lào.
(8) *Châu Mộc* (hay là Mộc Châu): một vùng đất thuộc tỉnh Sơn La.
(9) *Độc mộc*: thuyền dài và có lòng hẹp, làm từ một thân cây to.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ[1]
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào[2] thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành[3]

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa[4] chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh, 1948

(*Tuyển tập Quang Dũng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1999, tr. 96 – 98)

Hình dung dáng vẻ, tư thế, cốt cách của đoàn binh Tây Tiến.

Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh "người đi".

Quang Dũng (1921 – 1988) tên khai sinh là Bùi Đình Diệm (Bùi Đình Dậu), quê ở thành phố Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám, Quang Dũng vào bộ đội và gia nhập doàn quân Tây Tiến, một đơn vị được thành lập mùa xuân năm 1947, thực hiện nhiệm vụ vừa chiến đấu làm tiêu hao lực lượng quân đội Pháp, vừa tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc miền núi Tây Bắc của Tổ quốc tham gia kháng chiến.



Quang Dũng
Ảnh do gia đình cung cấp

Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài: sáng tác nhạc, vẽ tranh, viết văn xuôi, làm thơ. Thơ ông hồn hậu mà tinh tế, phóng khoáng; giàu cảm hứng lãng mạn. Đặc biệt, ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại; đậm chất nhạc và chất hoạ. Các tác phẩm chính: *Rừng biển quê hương* (tập thơ, văn, in chung với Trần Lê Văn, 1957), *Đường lên châu Thuận* (truyện, kí, 1964), *Rừng về xuôi* (truyện, kí, 1968), *Nhà đồi* (truyện, kí, 1970), *Mây đầu ô* (thơ, 1986).

Bài thơ ***Tây Tiến*** (ban đầu có nhan đề là *Nhớ Tây Tiến*) được sáng tác năm 1948, sau khi Quang Dũng chuyển từ binh đoàn Tây Tiến sang đơn vị khác.

---

(1) *Viễn xứ*: nơi xa xôi.

(2) *Áo bào*: áo khoác ngoài được may từ vải dày, có thân dài, ống tay rộng.

(3) *Khúc độc hành*: nguyên nghĩa chỉ khúc nhạc (hát) về chuyến đi đơn độc, ở đây chỉ tiếng gầm đơn độc của dòng sông.

(4) *Sầm Nứa*: một tỉnh của nước Lào, giáp với hai tỉnh Sơn La và Thanh Hoá của Việt Nam; cũng là một địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến.

1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Tây Tiến* là gì?

2. Đọc đoạn thơ 1 và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Nêu ấn tượng về trạng thái cảm xúc được tác giả thể hiện ở hai câu thơ mở đầu.

b. Cho biết hình dung của bạn về bức tranh thiên nhiên và con đường hành quân của đoàn binh Tây Tiến.

c. Phân tích những hình ảnh thể hiện ấn tượng ban đầu của tác giả về đoàn quân Tây Tiến.

d. Nêu cảm nhận về chất nhạc và chất hoạ trong bốn câu thơ sau:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

3. Trong kí ức của nhân vật trữ tình, hình ảnh đêm lửa trại và con người, cuộc sống miền Tây Bắc hiện lên với những nét đặc sắc gì? Những hình ảnh đó đã góp phần làm nổi bật hình tượng người lính Tây Tiến như thế nào?

4. Trong hai đoạn thơ 3, 4, hình tượng người lính Tây Tiến được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này.

5. Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà bạn cho là đặc sắc.

6. Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ *Tây Tiến*.

7. Hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ từng bị phê phán là "xa lạ" với hình ảnh thực tế của anh bộ đội Cụ Hồ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Theo bạn, vì sao có sự đánh giá như vậy? Hãy nêu quan điểm của bạn về vấn đề này.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận của bạn về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến.

VĂN BẢN 3

Đàn ghi ta của Lor-ca(*)

Thanh Thảo

- *Theo bạn, sứ mệnh cao cả của người nghệ sĩ là gì? Hãy dẫn ra một câu thơ, câu văn hoặc một câu danh ngôn nói về điều này.*
- *Bạn đã biết gì về đất nước Tây Ban Nha? Nêu những nét văn hoá đặc trưng của đất nước này.*

"Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn"
Ph. G. Lor-ca

Lời đề từ gợi điều gì về người nghệ sĩ Lor-ca?

những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chuếnh choáng
trên yên ngựa mỏi mòn

Chú ý nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn.

Tây Ban Nha
hát nghêu ngao
bỗng kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor-ca bị điệu về bãi bắn
chàng đi như người mộng du

Hình ảnh áo choàng được nhắc lại ở đoạn thơ thứ hai thể hiện điều gì?

(*) Lor-ca, tên đầy đủ là Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca (Federico Garcia Lorca, 1898 – 1936), là nghệ sĩ nổi tiếng của Tây Ban Nha. Từ nhỏ, ông được coi là thần đồng nghệ thuật với nhiều năng khiếu thiên bẩm trên các lĩnh vực: thơ ca, hội hoạ, âm nhạc, sân khấu,... Lor-ca có ý thức cách tân nghệ thuật thơ ca một cách mạnh mẽ và đã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống lại thế lực độc tài phát xít Phrăng-cô (Franco). Ngày 16/7/1936, trên đường trở về quê hương, ông bị bọn dân vệ của Phrăng-cô giết và phi tang xác. Cái chết của Lor-ca đã khơi lên một làn sóng phẫn nộ mạnh mẽ trên thế giới đối với bè lũ Phrăng-cô; tên tuổi của Lor-ca trở thành biểu tượng của tinh thần chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít.

Thơ của Lor-ca là biểu tượng của tự do và cái đẹp, của dân chủ và nhân quyền, giàu tính tượng trưng, siêu thực. Nhân cách nghệ sĩ của ông được nhiều người biết đến qua câu thơ nổi tiếng: "Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn" (câu mở đầu bài thơ *Ghi nhớ*).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy

không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng

đường chỉ tay[1] đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc

chàng ném lá bùa cô gái Di-gan
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặng yên bất chợt

li-la li-la li-la...

(Thanh Thảo, *Khối vuông ru-bích*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985, tr. 55 – 56)

Những hình ảnh biểu tượng gợi cảm nhận thế nào về tiếng đàn?

Hình dung về cái chết và sự bất tử của Lor-ca.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

[1] *Đường chỉ tay*: những đường vân trong lòng bàn tay. Theo nhân tướng học, đường chỉ tay có thể cho biết tính cách và số phận của mỗi người. Trong dòng thơ, "đường chỉ tay đã đứt" là ẩn dụ chỉ cái chết, sự tuyệt mệnh.

Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946, quê ở tỉnh Quảng Ngãi. Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông vào chiến trường miền Nam tham gia chiến đấu. Sau năm 1975, ông viết báo, tiểu luận phê bình và nhiều thể loại khác, song đóng góp quan trọng nhất của ông là ở lĩnh vực thơ. Thơ Thanh Thảo giàu suy tư, trăn trở về những vấn đề của xã hội và thời đại; thể hiện nỗ lực cách tân thơ ca, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do với nhịp điệu và những liên tưởng phóng khoáng, có sức khơi gợi mạnh mẽ. Tác phẩm chính: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988),...



Thanh Thảo
Ảnh do tác giả cung cấp

Đàn ghi ta của Lor-ca được rút từ tập *Khối vuông ru-bích*, tập thơ thể hiện rõ phong cách thơ Thanh Thảo: giàu tính chất tượng trưng và siêu thực, thể hiện cái tôi nội cảm, hướng tới vẻ đẹp tinh thần của con người, đặc biệt quan tâm đến những nhà thơ, nhà văn lớn có nhân cách và số phận đặc biệt như Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Xéc-gây Ê-xê-nhin (Sergei Yesenin), Gác-xi-a Lor-ca,...

1. Xác định mạch cảm xúc trong bài thơ.
2. Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? Nhận xét về âm hưởng, giọng điệu của thi phẩm này.
3. Hình tượng Lor-ca được thể hiện như thế nào trong hai đoạn thơ đầu? Những chi tiết nào trong hai đoạn thơ cho thấy mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với đất nước Tây Ban Nha?
4. Đọc hai đoạn thơ 3, 4 và thực hiện các yêu cầu sau:
   a. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng khi miêu tả tiếng đàn.
   b. Nêu ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong hai đoạn thơ.
5. Phân tích những hình ảnh đan xen giữa thực và ảo thể hiện cái chết và sự bất tử của Lor-ca trong hai đoạn thơ cuối. Dòng thơ kết có thể đem lại ấn tượng và cảm xúc gì cho người đọc?
6. Xác định yếu tố tượng trưng, yếu tố siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng.
7. Bài thơ gợi cho bạn suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận của bạn về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành tiếng Việt

Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

1. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong các ngữ liệu dưới đây:

a. *Chiều chiều oai linh thác gầm thét*
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

b. *Trời thu thay áo mới,*
Trong biếc, nói cười thiết tha.

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*)

2. Làm rõ mục đích và cách tác giả sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ trong đoạn thơ sau:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

3. Cho biết biện pháp tu từ điệp ngữ đã được sử dụng như thế nào và đạt hiệu quả gì trong các đoạn thơ sau:

a. *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

b. *tiếng ghi ta nâu*
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)

4. So sánh cách sử dụng biện pháp tu từ đối trong các ngữ liệu dưới đây:

a. *Gặp thời đồ điếu công thành dễ,*
Lỡ vận anh hùng hận xót xa.
Phò chúa dốc lòng nâng trục đất,
Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.

(Đặng Dung, *Cảm hoài*, Nguyễn Khắc Phi dịch)

b. *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

VIẾT

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Mục tiêu của kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được những giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. Đây là kiểu bài đặt ra nhiều thử thách đối với người viết trong việc xác định cơ sở và các phương diện cần so sánh, đánh giá; việc lựa chọn cách triển khai nội dung phù hợp để so sánh, đánh giá thoả đáng về hai tác phẩm thơ.

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ, nêu được những cơ sở lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá.
- Làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm.
- Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh.
- Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.

Bài viết tham khảo

Cảm hứng mùa thu trong *Thu vịnh* và *Đây mùa thu tới*

Giới thiệu hai bài thơ và định hướng so sánh.

Ở xứ Bắc, mùa thu vẫn được coi là mùa đẹp nhất trong năm và đã trở thành cảm hứng bất tận của các nhà thơ từ xưa đến nay. Đọc các bài thơ viết về mùa thu, người đọc cảm nhận được vừa vẻ đẹp của bức tranh thu, vừa những sắc điệu riêng của tâm hồn thi nhân thể hiện trong cảnh thu, tình thu. Nói đến những thi phẩm về mùa thu phải kể đến hai bài thơ nổi tiếng của hai nhà thơ lớn là *Thu vịnh* (Nguyễn Khuyến) và *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu). Ở đó, những cảm nhận và nỗi niềm được từng nhà thơ gửi gắm vừa có sự gặp gỡ vừa có điểm đặc sắc, hấp dẫn riêng.

Một trong những nét đặc trưng của cảnh sắc thiên nhiên mùa thu xứ Bắc là cái hanh hao của trời đất, cái se lạnh của gió thu, độ trong trẻo của không gian, khiến cho lòng người luôn thấy nao nao và dễ đắm mình trong hoài niệm. Có phải thế chăng mà hai bài thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến và Xuân Diệu đều có nét gặp gỡ là cảnh thu, tình thu đẹp nhưng buồn. Nỗi buồn của các thi nhân thấm đẫm trong cảnh vật và biểu hiện trong những hình thức nghệ thuật tinh tế, đặc sắc. Với *Thu vịnh*, ngay từ khổ thơ đầu, những hình ảnh thu đầy sức gợi đã được mở ra:

Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ.

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Ở *Đây mùa thu tới*, cũng vẫn là những nét dáng gợi bao niềm cảm xúc của mùa thu xứ Bắc ấy:

– *Đây mùa thu tới – mùa thu tới*
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

– *Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ...*
Non xa khởi sự nhạt sương mờ...

Mặc dù mỗi bài thơ miêu tả hình ảnh mùa thu ở những không gian khác nhau, nhưng ta đều gặp trong bức tranh thu cái sắc thu thanh nhẹ, trong sáng, se sắt thấm vào từng đường nét của không gian, cảnh vật. Cả hai bức tranh đều là những nét chấm phá tinh tế, gợi cảm giác mơ màng, một nỗi buồn man mác trong tâm hồn các thi nhân.

Song cảnh thu, tình thu trong hai bài thơ lại có nhiều nét khác biệt vì đó là sản phẩm nghệ thuật của hai nhà thơ, sống ở hai thời đại, với những quan điểm thẩm mĩ khác nhau. Nguyễn Khuyến là nhà Nho uyên bác nhưng bất đắc chí; ông là quan nhà Nguyễn nhưng do chán ghét thời thế nên đã cáo quan trở về, sống giản dị, gắn bó với đồng quê và cuộc sống thôn quê. Còn Xuân Diệu là một trí thức Tây học, sống trong một thời đại mà nhu cầu giải phóng cái tôi cá nhân đang trỗi dậy mạnh mẽ, đồng thời lớp thanh niên trí thức ngày ấy đã sớm mở lòng để cảm được những biến chuyển mới mẻ của thế giới xung quanh. Bởi vậy, qua hai bài thơ, người đọc có thể cảm nhận được dấu ấn của từng thời đại và dấu ấn tâm hồn riêng của hai nghệ sĩ.

Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo nên sự khác biệt của đối tượng so sánh.

Cảnh thu trong bài *Thu vịnh* là cảnh thu của làng quê Việt Nam, dưới cái nhìn của một bậc đại trí đã lui về ẩn dật nơi thôn dã. Bức tranh thu hiện lên trong không gian thu hẹp về chiều rộng, mở ra bằng chiều cao với sắc trời "xanh ngắt mấy tầng cao" đặc trưng của mùa thu xứ Bắc, với đường nét đơn sơ, màu sắc thanh đạm, không khí hiu hắt, ao thu nước biếc với sương khói phủ nhạt nhoà. Trăng thân mật và lặng lẽ đến với thi nhân như một tri kỉ:

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Phân tích nét riêng trong cảnh và tình của bài Thu vịnh.

Hoa mùa thu đang nở nhưng lại gợi về "hoa năm ngoái" và âm thanh thì lạc lõng với tiếng ngỗng trời không biết từ đâu bay tới:

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào.

Cảnh thu vừa thực, vừa ảo và ngưng đọng trong một nỗi hoài niệm bàng bạc cả không gian và thời gian. Tình thu man mác, đượm buồn vấn vương với những sắc màu và thanh âm của mùa thu. Thế nhưng thi hứng dạt dào trước cảnh thu lại đến cùng một nỗi "thẹn".

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

"Thẹn với ông Đào" cũng là một cách biểu hiện nỗi đau nhân thế trước mùa thu của xứ sở. Ông Đào là Đào Tiềm (Đào Uyên Minh), một nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng về tài thơ lẫn khí phách khi ông đã từ quan một cách dứt khoát. Còn cụ Nguyễn thì dù đã từ quan về quê mà dường như tâm vẫn có chút gì chưa an, trí vẫn có điều gì chưa thanh thoả. Nỗi thẹn ở đây có thể được Nguyễn Khuyến nhìn nhận là thẹn về nhân cách, khí tiết. Cảm xúc thu trong *Thu vịnh* vì thế mà đượm buồn trong không gian thu, da diết trong sắc thu, bàng bạc trong âm thanh mùa thu và đầy day dứt trong nỗi niềm thi nhân.

Cảnh thu trong *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu mang nhiều dấu ấn nơi phố phường và phảng phất hình ảnh mùa thu Hà Nội. Nếu hồn thu trong *Thu vịnh* là cây trúc thì hồn thu trong *Đây mùa thu tới* là cây liễu:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;

Nỗi buồn mùa thu được miêu tả đầy trực cảm, cảnh buồn nhưng vẫn khiến lòng thi nhân náo nức "Đây mùa thu tới, mùa thu tới". Mùa thu đến và đi gợi cảm xúc về dòng thời gian đang trôi chảy nên cảnh sắc không ngưng đọng như cảnh thu trong thơ Nguyễn Khuyến. Sự vận động của thời gian, sự tàn phai của cái đẹp in đậm trong những hình ảnh: "sắc đỏ rũa màu xanh", "rét mướt luồn trong gió", "đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh",... Cảnh thu hiện lên qua cảm nhận của một hồn thơ hiện đại và được thể hiện bằng những hình ảnh thơ giàu tính cảm giác, thấm đẫm tinh thần cô đơn của cái tôi cá nhân. Đây quả là điều chưa từng bắt gặp trong thơ cổ điển.

Phân tích nét riêng của bài Đây mùa thu tới *trong sự đối sánh với bài* Thu vịnh.

Cảnh thu trong thơ Nguyễn Khuyến vắng lặng, chỉ có cái tôi trữ tình của thi nhân đang trải lòng mình. Cảnh thu trong thơ Xuân Diệu cũng vắng vẻ đìu hiu, nhưng vẫn có bóng dáng con người, tất nhiên với Xuân Diệu phải là bóng dáng thiếu nữ:

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Tình thu của cụ Nguyễn buồn, xót xa, day dứt; tình thu của chàng thi sĩ Xuân Diệu có buồn, cô đơn, nhưng tràn đầy khao khát về sự sống trần thế, tha thiết giao cảm với đời. Quan điểm thẩm mĩ của Nguyễn Khuyến do vậy mang đậm sắc màu cổ điển và giàu phong vị ẩn dật, còn quan điểm thẩm mĩ của Xuân Diệu – một nhà thơ lãng mạn, một nhà thơ hiện đại với thế giới quan mới mẻ – lại ưa thể hiện bằng những vần thơ lay thức các giác quan và rạo rực lòng người.

Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ.

Hai bài thơ của Nguyễn Khuyến và Xuân Diệu đều là những thi phẩm đặc sắc về mùa thu của quê hương, đất nước Việt Nam, đem đến cho người đọc những cảm xúc tinh tế trước những hình ảnh đầy gợi cảm của thiên nhiên và những nỗi niềm, tâm sự gửi gắm trong đó. Cả hai tâm hồn lớn đều yêu tha thiết mùa thu của xứ Bắc, nhưng do điệu tâm hồn và quan điểm thẩm mĩ khác nhau mà cảnh thu, tình thu của mỗi bài thơ mang một vẻ đẹp riêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta tình yêu quê hương xứ sở nồng nàn, sâu sắc.

Nêu ý kiến khẳng định về kết quả và ý nghĩa của việc so sánh.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

1. Bài viết cho thấy tác giả đã dựa trên những cơ sở nào khi chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá?
2. Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá như thế nào? Bạn có nhận xét gì về hiệu quả của cách triển khai đó?
3. Theo bạn, có thể có những cách trình bày nào khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Trước hết, cần xác định được những cơ sở để triển khai các nội dung so sánh, gắn với đặc trưng của thể loại thơ (đề tài, phong cách sáng tác, bút pháp nghệ thuật,...). Từ những cơ sở đã xác định, cần lựa chọn các bài thơ tiêu biểu với những điểm tương đồng và khác biệt có ý nghĩa.

– Phạm vi lựa chọn để so sánh, đánh giá rất mở và linh hoạt. Hai bài thơ đó có thể của hai tác giả hoặc của một tác giả.

– Xác định được các phương diện cần so sánh: đối tượng cụ thể được miêu tả, thể hiện; cảm hứng; cái nhìn nghệ thuật; bút pháp;...

– Một số đề tài gợi ý:

+ So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ thuộc các giai đoạn văn học, xu hướng văn học khác nhau: Tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du) và *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo);...

+ So sánh, đánh giá cảm hứng và bút pháp trong các tác phẩm thơ: Cảm hứng về đất nước trong *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) và *Việt Bắc* (Tố Hữu);...

+ So sánh, đánh giá các hình tượng: Hình tượng người lính trong *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng); Hình tượng người phụ nữ trong *Tự tình II* (Hồ Xuân Hương) và *Thuyền và biển* (Xuân Quỳnh);...

+ So sánh, đánh giá về hình thức nghệ thuật: Cách thể hiện nỗi nhớ trong *Tây Tiến* (Quang Dũng) và *Tiếng hát con tàu* (Chế Lan Viên);...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Dựa vào yêu cầu của kiểu bài, định hướng từ bài viết tham khảo và đề tài đã xác định, có thể nêu các câu hỏi sau để tìm ý:

– *So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào?* Việc xác định cơ sở để so sánh, đánh giá được thực hiện dựa trên nội dung (hiện thực đời sống, tư tưởng, tình cảm của tác giả,...) và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm (thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, giọng điệu, hình ảnh, chi tiết, thủ pháp nghệ thuật,...). Chẳng hạn, ở bài viết tham khảo, tác giả so sánh, đánh giá cảm hứng mùa thu trong hai bài thơ *Thu vịnh* và *Đây mùa thu tới* ở cả hai bình diện nội dung miêu tả (cảnh thu, tình thu) và cách thể hiện (chọn hình ảnh, không gian,...).

– *Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì?* Ở bài viết tham khảo, tác giả đã làm rõ điểm tương đồng trong cảm hứng mùa thu của hai bài thơ là cảnh thu đẹp và tình thu buồn, tất cả được thể hiện bằng những hình ảnh chấm phá, giàu sức gợi.

– *Đâu là điểm khác biệt giữa hai bài thơ?* Ở bài viết tham khảo, tác giả đã phân tích sự khác biệt trong cảnh thu, tình thu của hai bài thơ; bút pháp miêu tả và quan điểm thẩm mĩ của hai tác giả thuộc hai thời đại khác nhau.

– *Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác biệt của hai bài thơ?* Điểm tương đồng và khác biệt thường xuất phát từ những yếu tố thuộc về đặc trưng của thơ ca và phong cách nghệ thuật riêng của mỗi nhà thơ, hoặc xu hướng và bút pháp thi ca của từng giai đoạn sáng tác. Ở bài viết tham khảo, tác giả đã phân tích, lí giải điểm tương đồng và khác biệt trong cảm hứng về cảnh thu, tình thu của hai bài thơ: tương đồng do có sự đồng điệu về tâm hồn trước vẻ đẹp của mùa thu đất nước; khác biệt do hai nhà thơ thuộc hai thời đại, hai phong cách thơ đặc thù.

– *Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ?* Qua so sánh, bài viết tham khảo đã khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ viết về mùa thu đối với người đọc bao thế hệ cũng như ý nghĩa của việc cảm nhận hai bài thơ từ góc độ so sánh.

Lập dàn ý

Cần sắp xếp các ý đã tìm được thật hợp lí để có dàn ý hoàn chỉnh.

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.

Thân bài:

Có nhiều cách trình bày nội dung so sánh, đánh giá. Người viết cần linh hoạt trong việc lựa chọn cách trình bày phù hợp với hiểu biết và hứng thú của bản thân, điều này sẽ góp phần quan trọng vào thành công của bài viết. Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau:

– **Cách 1:** Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này dễ thực hiện nhưng bài văn có khi bị trùng lặp ý và mục đích so sánh không được làm nổi bật.

– **Cách 2:** Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này cũng dễ thực hiện và bài văn tránh được tình trạng trùng lặp, thể hiện tốt ý so sánh, nhưng mạch so sánh khi trình bày bài thơ thứ nhất dễ bị chìm.

– **Cách 3:** So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. Cách này làm nổi bật được tính chất so sánh nhưng dễ làm mờ tính liền mạch, chỉnh thể của mỗi bài thơ, đòi hỏi người viết phải có khả năng tư duy tổng hợp và lập luận chặt chẽ, có sự tinh nhạy trong phát hiện vấn đề.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.

Viết

– Vận dụng kinh nghiệm đã tích luỹ được qua việc thực hành viết bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện ở bài học trước để viết *Mở bài* và *Kết bài* ngắn gọn, gây được ấn tượng đối với người đọc về ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; triển khai *Thân bài* theo các ý đã xác định và làm nổi bật được nội dung.

– Thể hiện khả năng cảm thụ văn học tinh tế trong quá trình phân tích, so sánh; lựa chọn dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu với từng nội dung so sánh, kết hợp với ý kiến lí giải, đánh giá; diễn đạt mạch lạc, sáng sủa, có cảm xúc.

– Có những sáng tạo riêng của cá nhân trong quá trình phân tích, đánh giá về những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ (qua những phát hiện sâu sắc hoặc qua cách diễn đạt độc đáo) để tăng sức thuyết phục và hấp dẫn cho bài viết.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để có hướng chỉnh sửa. Ngoài việc soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn,...), cần tập trung vào việc làm rõ cơ sở và các phương diện so sánh khi triển khai nội dung bài viết.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Yêu cầu

- Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ đó để so sánh, đánh giá.
- Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định.
- Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.
- Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.

Chuẩn bị nói

Bài nói nhằm truyền tải đến người nghe kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần *Viết*. Để đạt được mục tiêu này, cần chuẩn bị bài nói theo những yêu cầu sau:

– Tóm tắt nội dung bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

– Đánh dấu những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. Ghi chú những dẫn chứng quan trọng cần được nêu lên khi trình bày từng luận điểm.

– Xác định những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để dễ triển khai, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm.

– Chuẩn bị các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ và hình ảnh minh hoạ (nếu có) với các thông tin chắt lọc về mỗi bài thơ.

Thực hành nói

– *Mở đầu*: Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn để so sánh, đánh giá. Việc giới thiệu có thể được dẫn dắt theo lối trực tiếp hoặc gián tiếp; lí do trình bày có thể là lí do khách quan hay chủ quan, nhưng cần nêu được những cơ sở để so sánh.

– *Triển khai*:

+ Trình bày được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ trên một số phương diện đã xác định.

+ Đánh giá được giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.

– *Kết luận*: Nêu ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá trong tiếp nhận văn bản thơ.

Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
– Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm. – Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá (chẳng hạn có thể trình bày thêm cơ sở để so sánh, cách trình bày các nội dung so sánh,...).	– Cần làm rõ thêm những ý mà người nghe chưa rõ. – Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ trung đại Việt Nam, nêu đề tài, chủ đề, thể thơ và chỉ ra một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ đó.

2. Giới thiệu một bài thơ có phong cách lãng mạn và chỉ ra một số biểu hiện nổi bật của phong cách đó trong bài thơ.

3. Tìm đọc một bài thơ có yếu tố siêu thực (chẳng hạn, *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử, *Tì bà* của Bích Khê, *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm,...). Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một số hình ảnh siêu thực trong bài thơ đó.

4. So sánh, đánh giá hình tượng người lính được thể hiện trong tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và một bài thơ cùng đề tài mà bạn đã được học hoặc đọc thêm.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Các hình ảnh thơ có tính chất biểu tượng.
- Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.
- Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.

Bài thơ số 28(*)

Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (Rabindranath Tagore)(1)

Đôi mắt băn khoăn của em buồn,
Đôi mắt em muốn nhìn vào tâm tưởng của anh
Như trăng kia muốn vào sâu biển cả.
Anh đã để cuộc đời anh trần trụi dưới mắt em,
Anh không giấu em một điều gì
Chính vì thế mà em không biết gì tất cả về anh.
Nếu đời anh chỉ là viên ngọc
    anh sẽ đập nó ra làm trăm mảnh
    và xâu thành một chuỗi
    quàng vào cổ em.
Nếu đời anh chỉ là một đoá hoa
    tròn trịa, dịu dàng và bé bỏng
    anh sẽ hái nó ra để đặt lên mái tóc em.

(*) Bài thơ được in trong *Người làm vườn*, một tập thơ nổi tiếng gồm 85 bài không đặt nhan đề, chỉ đánh số thứ tự. Tác giả sáng tác tập thơ bằng tiếng Ben-gan, sau đó tự dịch sang tiếng Anh và xuất bản năm 1914. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

(1) Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (1861 – 1941) là nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ, danh nhân văn hoá thế giới. Ông để lại một di sản nghệ thuật đồ sộ, bao gồm nhiều thể loại nhưng nổi tiếng nhất là thơ. Ông là tác giả đầu tiên của châu Á được trao giải Nô-ben (Nobel) Văn học. Thơ Ta-go thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết, mãnh liệt; giàu ý nghĩa triết lí và tư tưởng nhân văn; sử dụng thành công những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa biểu tượng, các hình thức liên tưởng so sánh và biện pháp tu từ điệp ngữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhưng em ơi, đời anh là một trái tim
Nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó.
Em là nữ hoàng của vương quốc đó
Ấy thế mà em có biết gì biên giới của nó đâu.
Nếu trái tim anh chỉ là những phút giây lạc thú
Nó sẽ nở ra thành một nụ cười nhẹ nhõm
Và em thấu suốt rất nhanh
Nếu trái tim anh chỉ là khổ đau
Nó sẽ tan ra thành lệ trong
Và lặng im phản chiếu nỗi niềm u ẩn.
Nhưng em ơi, trái tim anh lại là tình yêu
Nỗi vui sướng, khổ đau của nó là vô biên.
Những đòi hỏi và sự giàu sang của nó là trường cửu.
Trái tim anh cũng ở gần em như chính đời em vậy,
Nhưng chẳng bao giờ em biết trọn nó đâu.

(*Ta-go – Tuyển tập thơ*, Đào Xuân Quý dịch, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000, in trong *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 169)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3

LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết được lỗi logic và lỗi câu mơ hồ, biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...).
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Lập luận trong văn bản nghị luận

Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết.

Các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận thường dùng các thao tác như **chứng minh, bình luận, bác bỏ** để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục. **Chứng minh** là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. Tuỳ đề tài cụ thể, người viết chọn bằng chứng từ thực tế cuộc sống hoặc từ tài liệu khoa học, báo chí, tác phẩm văn học, nghệ thuật,... **Bình luận** là đánh giá về sự đúng – sai, hay – dở,

tốt – xấu, tích cực – tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động,... nhằm thể hiện rõ chủ kiến của người viết. **Bác bỏ** là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó củng cố điều được người viết xem là lẽ phải, chân lí.

Bên cạnh đó, văn bản nghị luận cũng có thể dùng những thao tác như giải thích, phân tích, so sánh giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận.

Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,...) một cách chi tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề được bàn luận trong văn bản. **Phân tích** là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc nhìn thấy rõ hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó. **So sánh** là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó, làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận.

Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên đây thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

Lỗi logic của câu

Câu mắc lỗi logic là câu có sự mâu thuẫn giữa các ý được trình bày, lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng, đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng,... Ví dụ: *Bên cạnh việc hăng hái cách tân thi ca, ông còn là một chiến sĩ nhiệt thành đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít*. Vế đầu câu nói về hoạt động của chủ thể, vế sau lại nói đến vị thế xã hội của chủ thể, mặc dù câu được cấu trúc theo mẫu: *bên cạnh... còn...* Chính sự lẫn lộn các bình diện như thế khi nói về đối tượng đã khiến cho câu mắc lỗi logic.

Lỗi câu mơ hồ

Câu mơ hồ là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau. Ví dụ: *Tôi đồng ý với những đánh giá về truyện ngắn của ông ấy*. Khó xác định câu này muốn đề cập *những ý kiến của ông ấy đánh giá về truyện ngắn* hay *có những ý kiến của người khác đánh giá về truyện ngắn do ông ấy sáng tác*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 1

Nhìn về vốn văn hoá dân tộc(*)

(Trích)

Trần Đình Hượu

- *Hãy chia sẻ hiểu biết của bạn về một số di tích văn hoá tiêu biểu của nước ta. Theo bạn, đặc điểm nổi bật ở những di tích ấy là gì?*
- *Trong xu thế hội nhập hiện nay, vì sao người Việt Nam cần có hiểu biết về văn hoá truyền thống của dân tộc mình?*

1 Trong lúc chờ đợi kết luận khoa học của các ngành chuyên môn, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc; không phải cái hình thành vào thời kì định hình mà là cái ổn định dần, tồn tại cho đến trước thời cận – hiện đại. Chúng tôi không nghĩ đó là đặc sắc văn hoá dân tộc nhưng chắc chắn có liên quan gần gũi với nó. [...]

Cách nêu vấn đề nghị luận.

2 Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật. Ở một số dân tộc hoặc là một tôn giáo, hoặc là một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội hoạ,... phát triển rất cao, ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hoá, thành đặc sắc văn hoá của dân tộc đó, thành thiên hướng văn hoá của dân tộc đó. Ở ta, thần thoại không phong phú – hay là có nhưng một thời gian nào đó đã mất hứng thú lưu truyền? Tôn giáo hay triết học cũng đều không phát triển. Người Việt Nam không có tâm lí kiền thành(1), cuồng tín tôn giáo, mà cũng không say mê tranh biện triết học. Các tôn giáo đều có mặt, nhưng thường là biến thành một lối thờ cúng, ít ai quan tâm đến giáo lí. Không có một ngành khoa học, kĩ thuật, giả khoa học(2) nào phát triển

Chú ý luận điểm được nêu và cách lập luận để làm sáng tỏ luận điểm.

(*) Nhan đề văn bản lấy theo sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 193.

(1) *Kiền thành*: cung kính một cách thực lòng, chân thành.

(2) *Giả khoa học* (tiếng Anh: pseudoscience): còn gọi là *nguỵ khoa học*, chỉ các bộ môn không phải khoa học, nhưng có bề ngoài giống như khoa học.

đến thành có truyền thống. Âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ[1]. Trong các ngành nghệ thuật, cái phát triển nhất là thơ ca. Hầu như người nào cũng có thể, cũng có dịp làm dăm ba câu thơ. Nhưng số nhà thơ để lại nhiều tác phẩm thì không có. Xã hội có trọng văn chương, nhưng [...] bản thân các nhà thơ cũng không ai nghĩ cuộc đời, sự nghiệp của mình là ở thơ ca. Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.

Thực tế đó cho ta biết khuynh hướng, hứng thú, sự ưa thích, nhưng hơn thế, còn cho ta biết sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. Đó là văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị. [...]

3 Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo. Họ coi trọng hiện thế[2] trần tục hơn thế giới bên kia. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình. Tuy là coi trọng hiện thế nhưng cũng không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết (sống gửi thác về). Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. Của cải vẫn được quan niệm là của chung, giàu sang chỉ là tạm thời, tham lam giành giật cho nhiều cũng không giữ mãi mà hưởng được. Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thong thả, có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường[3], không mong gì cao xa, khác thường, hơn người. Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa. Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng. Dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ. [...] Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên. Thần uy linh bảo quốc hộ dân và Bụt hay cứu giúp mọi người; còn Tiên nhiều phép lạ, ngao du ngoài thế giới thì xa lạ. Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lội nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn. Đối với cái dị kỉ[4], cái mới, không dễ hoà hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.

*Cách nói **có tính khẳng định** của **tác giả** về các nội dung **được bàn luận**.*

---

(1) *Tuyệt kĩ*: sự khéo léo đạt tới mức độ cao nhất.

(2) *Hiện thế*: cuộc đời hiện tại nơi trần thế.

(3) *Yên phận thủ thường*: bằng lòng với thân phận và chỉ muốn giữ nếp sống bình thường như đã có, không cầu tiến thủ, không muốn gì hơn.

(4) *Dị kỉ*: khác với mình.

Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoảng[1]. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.

Không có công trình kiến trúc nào, kể cả của vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn. Hình như ta coi trọng Thế hơn Lực, quý sự kín đáo hơn sự phô trương, sự hoà đồng hơn rạch ròi trắng đen. Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, nhiều bất trắc?

Nhìn vào lối sống, quan niệm sống, ta có thể nói người Việt Nam sống có văn hoá, người Việt Nam có nền văn hoá của mình. Những cái thô dã[2], những cái hung bạo đã bị xoá bỏ để có cái nền nhân bản. *Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.* Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ các khó khăn, tìm được sự bình ổn.

Chú ý thái độ của tác giả khi bàn về văn hoá Việt Nam.

Những cái vừa nói là cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình. Phật giáo, Nho giáo tuy từ ngoài du nhập vào nhưng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc. Có điều, để thích ứng với cái vốn có, Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát, mà Nho giáo cũng không được tiếp nhận ở khía cạnh nghi lễ tủn mủn, giáo điều khắc nghiệt. Đạo giáo hình như không có nhiều ảnh hưởng trong văn hoá nhưng tư tưởng Lão – Trang thì lại ảnh hưởng nhiều đến lớp trí thức cao cấp, để lại dấu vết khá rõ trong văn học.

Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hoá những giá trị văn hoá bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh.

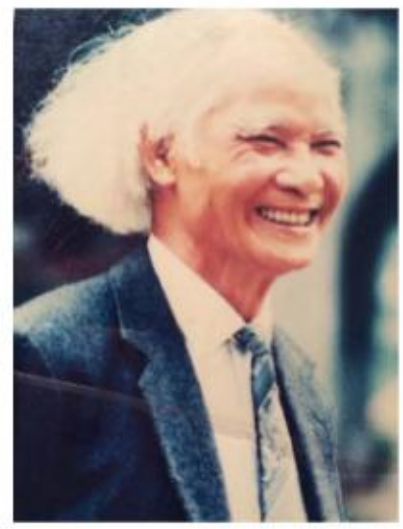
(Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1996,
in trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, Sdd, tr. 194 – 196)

---

(1) *Phải khoảng*: vừa phải.

(2) *Thô dã*: còn mang những nét nguyên sơ, tự nhiên, thiếu sự tinh khéo; ở đây dùng để chỉ phần hoang dã chưa được cải tạo, tồn tại trong từng con người và trong cuộc sống.

Trần Đình Hượu (1926 – 1995) quê ở tỉnh Nghệ An, là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hoá, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn hoá, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930* (Chủ biên, 1988), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (1995), *Đến hiện đại từ truyền thống* (1996), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông* (2001),...



Trần Đình Hượu
Ảnh do gia đình cung cấp

Văn bản ***Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*** trích phần II của tiểu luận *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc* công bố năm 1986. Số thứ tự các phần của văn bản được hiệu chỉnh trên cơ sở số thứ tự ở nguyên bản.

1. Xác định vấn đề nghị luận của văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa vấn đề đó với nhan đề của văn bản.
2. Đặc điểm của văn hoá Việt Nam được tác giả khái quát bằng những luận điểm nào? Tác giả căn cứ vào đâu để khái quát như vậy?
3. "Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật." – luận điểm này đã được tác giả chứng minh như thế nào? Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao?
4. Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tác giả đã bộc lộ thái độ gì? Bạn suy nghĩ như thế nào về thái độ nghiên cứu đó?
5. Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản.
6. Theo bạn, trong bài viết, kết luận nào về văn hoá Việt Nam là quan trọng nhất? Kết luận đó gợi cho bạn những suy nghĩ gì?

Kết nối đọc – viết

Từ câu chủ đề "Trong quá trình hiện đại hoá đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hoá dân tộc là rất cần thiết.", hãy viết tiếp một số câu để hoàn thành đoạn văn theo kiểu diễn dịch (khoảng 150 chữ).

VĂN BẢN 2

Năng lực sáng tạo

(Trích)

Phan Đình Diệu

Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà bạn biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì?

[...] Khó tìm được một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo. Các từ điển thường chỉ cho ta một vài hiểu biết khái quát và phiến diện về nội dung phong phú của các khái niệm đó. Ta biết hoạt động sáng tạo là một loại hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng. Có người nói "... sáng tạo là nhìn cùng một việc như mọi người nhưng nghĩ về một điều nào đó khác". Tính mới, tính độc đáo là những tính chất cốt yếu của kết quả sáng tạo; khả năng tư duy và trí tưởng tượng là những năng lực cần thiết cho sáng tạo; có nhà khoa học đã tổng kết thành công thức "thiên tài sáng tạo là bằng ý thức đổi mới, không lệ thuộc nếp cũ nhân với bình phương của trí tưởng tượng và khả năng trừu tượng hoá" (F. Ba-li-ba – F. Balibar, nhà vật lí Pháp, khi nói về thiên tài của A. Anh-xtanh – A. Einstein). Điều cốt lõi trong một tiến trình sáng tạo là việc xuất hiện các ý tưởng (ideas) từ trong suy nghĩ và tưởng tượng của nhà nghiên cứu. Nhà khoa học nổi tiếng H. Poanh-ca-rê (H. Poincaré) từng nói "trong sáng tạo khoa học, ý tưởng chỉ là những ánh chớp, nhưng ánh chớp đó là tất cả". Và ta hiểu, ánh chớp không xuất hiện trong trời yên biển lặng, ánh chớp sáng tạo cũng chỉ có thể loé lên một cách đột biến và tức thời như sự bùng phát của những tích tụ trí tuệ đến tột cùng. Mỗi chúng ta, dù là nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc hay nhà mĩ thuật, là người làm toán hay vật lí, sinh học, nhà kinh tế hay quản lí, trong cuộc đời trải nghiệm sáng tạo của mình hẳn đã có lúc bất ngờ được hưởng hạnh phúc cảm nhận ánh hào quang xuất hiện những ánh chớp như vậy. Vâng, những ánh chớp ý tưởng; có ý tưởng, có nhiều ý tưởng là sẽ có kết quả sáng tạo; nhà nghiên cứu không thể

Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo?

Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?

đặt kế hoạch cho sự xuất hiện các ánh chớp mà chỉ có thể bằng lao động cần mẫn của mình tạo nên trạng thái tích tụ những "gió mây giông bão" trí tuệ để hi vọng một lúc bất thần nào đó xuất hiện các ánh chớp mà thôi.

Phạm vi của hoạt động sáng tạo.

Xưa nay, khi nói đến sáng tạo, thường ta chỉ xem đó là hoạt động riêng của một lớp người được gọi là "trí thức", như các nhà khoa học, các nhà thơ, nhà văn, các nghệ sĩ,... Và bây giờ, bỗng nhiên ta nghe nói đến "kinh tế tri thức", đến năng lực sáng tạo như là yếu tố quyết định của khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế đó. Và phải chăng khả năng cạnh tranh đó chỉ có thể tạo nên bởi các "nhà" trí thức? Sức cạnh tranh của một nền kinh tế phải được tạo nên trước hết từ những lực lượng trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế, trong những lực lượng đó tất nhiên là có, nhưng không phải chỉ có, các nhà trí thức. Vậy thì, cái năng lực sáng tạo để làm nên sự giàu có và sức cạnh tranh của nền kinh tế mới phải là từ mọi thành phần của nền kinh tế đó, tức là từ mọi người trong xã hội. Trong nền kinh tế mới, mọi người đều tham gia sáng tạo, và mọi người đều có năng lực sáng tạo, đó là điểm mới đầu tiên mà tôi nhận thức được trong quá trình đổi mới tư duy của mình. Nói mọi người đều sáng tạo thì có vẻ khó tin, nhưng "đổi mới tư duy" ở đây đòi hỏi trước hết phải xác lập niềm tin đó: anh là người sáng tạo, tôi là người sáng tạo, mỗi người đều sáng tạo; sáng tạo, có năng lực sáng tạo là thuộc tính tự nhiên của con người. Trong danh sách mười chìa khoá hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo cá nhân do tổ chức CoachVille[1] đề xuất, điều tin rằng mình là người sáng tạo được xem là chìa khoá quan trọng số một. Chín chìa khoá tiếp theo là: hãy mở rộng những điều mà mình quan tâm để có thêm nhiều nhận thức mới, kinh nghiệm mới; hãy thu thập thêm nhiều rung cảm, ấn tượng, nhiều thông tin mới chuẩn bị cho sáng tạo; hãy tìm kiếm các mối quan hệ liên kết, kể cả các mối liên hệ ít ngờ nhất; từ bỏ những thói quen thường ngăn cản ta đến với những điều mới; tạo cho mình một môi trường thoải mái theo sở thích; bố trí thời gian thuận tiện cho mọi hoạt động, có nghỉ ngơi thư giãn, có suy nghĩ, nhớ rằng có những quãng thời gian dài không nghĩ được gì, nhưng cũng có thể có những "năm phút" làm nên sự khác biệt; cần có đức kiên trì; mở rộng mọi giác quan để tiếp nhận mọi tri thức trực giác; và cuối cùng là biết quên đi nhiều điều mà mình đã biết để luôn có một trí tuệ nguyên lành với đôi mắt tươi sáng.

Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?

---

(1) *CoachVille*: một tổ chức chuyên đào tạo, huấn luyện các chuyên gia, được Thô-mớt-xơ Lê-ô-na (Thomas Leonard) thành lập vào năm 2000.

[...] Cái chung nhất của sáng tạo là tìm kiếm những cái mới, một tri thức mới hay một cách vận dụng mới của những tri thức đã có, một phương pháp mới hay một giải pháp mới cho một vấn đề tưởng rằng đã cũ, nói gọn lại là tìm những đóng góp mới để giải quyết các vấn đề mà con người gặp phải trong cuộc sống. Có những sáng tạo lớn làm nên những tên tuổi lẫy lừng, nhưng phải chăng đối với đại đa số con người bình thường chúng ta, phấn đấu trở thành người sáng tạo, chúng ta không hi vọng sẽ có tên tuổi được thế giới thừa nhận, mà chỉ mong được vui hưởng chút hạnh phúc thầm lặng của một sự thoả mãn tinh thần, của một đời sống có ý nghĩa mà thôi.

Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.

Sáng tạo là một loại lao động phức tạp và vất vả. Ta nhớ câu nói nổi tiếng của nhà phát minh Ê-đi-xơn (Edison)[1]: "Trong mỗi phát minh có 1% cảm hứng và 99% việc đổ mồ hôi". Vậy để con người có thể hăng say sáng tạo hẳn phải có những động lực mạnh mẽ. Ham hiểu biết, tìm kiếm cái hay cái đẹp đã từng là động lực thúc đẩy sự nghiệp sáng tạo của biết bao thế hệ các nhà bác học, văn nhân, nghệ sĩ. Rồi kinh tế thị trường xuất hiện cùng với chủ nghĩa tư bản, và thị trường với cơ chế cạnh tranh ngày càng khốc liệt dần trở thành nguồn động lực cho sáng tạo, sáng tạo trong sản xuất, trong phát triển công nghệ, trong quản lí kinh doanh,... Và đến ngày nay, kinh tế thế giới đã phát triển đến giai đoạn của "kinh tế tri thức" toàn cầu hoá với một thị trường mở rộng ra phạm vi toàn thế giới, yếu tố "năng lực sáng tạo" trở thành chìa khoá chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập, thì việc chăm lo tạo dựng và phát huy năng lực sáng tạo không còn là việc của từng cá nhân, mà trở thành vấn đề chiến lược của mọi quốc gia. [...]

Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.

Sáng tạo cho đến nay vẫn là năng lực riêng có của con người. Sáng tạo thường là việc riêng của từng bộ óc, từng con người. Nhưng sự tiếp xúc, trao đổi giữa các bộ óc, thường giúp cho các ý tưởng gặp gỡ, đối sánh, chọn lựa, ý tưởng làm nẩy sinh ý tưởng,... cho nên sáng tạo cũng có thể được coi là kết quả của tập thể. Ngoài ra còn có sự tham gia đắc lực của công nghệ thông tin và truyền thông trong việc cung cấp các kho thông tin và tri thức ngày càng phong phú và các phương tiện xử lí tri thức ngày càng tinh tế. Đó là sự cộng năng sức mạnh của công nghệ tri thức hiện đại với trí tuệ sáng tạo riêng có của con người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc. Năng lực sáng tạo là vấn đề hưng vong của quốc gia, đất nước; nó cũng là vấn đề thành bại của mỗi tổ chức,

Điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện đại.

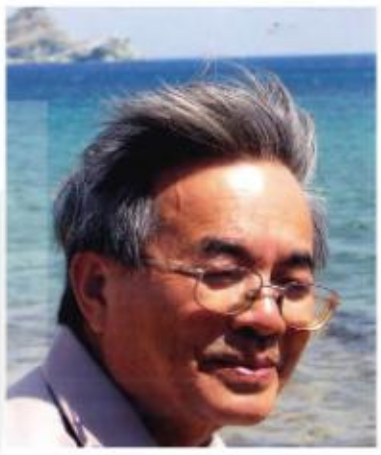
[1] Ê-đi-xơn (1847 – 1931) là nhà phát minh và sáng chế người Mỹ.

doanh nghiệp; và cũng là vấn đề sống còn của mỗi cá nhân. Lợi ích chung và lợi ích riêng hoà hợp một cách hữu cơ trong cùng một nhiệm vụ là nâng cao năng lực sáng tạo chung đó. Ta hi vọng là với tiềm năng vốn có, với những nhận thức mới về cuộc sống mới và thế giới mới, với những hiểu biết mới về những yêu cầu đối với tri thức trong thời đại mới, chúng ta sẽ tạo dựng được một năng lực sáng tạo hùng hậu, đủ đưa đất nước ta tiến kịp thế giới, tiến cùng thế giới, trong thời đại mới.

(Nhiều tác giả, *Một góc nhìn của trí thức*, tập bốn,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr. 200 – 205)

Phan Đình Diệu (1936 – 2018) quê ở tỉnh Hà Tĩnh, là nhà toán học xuất sắc, am hiểu nhiều lĩnh vực khoa học, có công dẫu trong việc định hướng phát triển ngành Tin học tại Việt Nam. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, ông còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội với tư tưởng đổi mới, viết nhiều bài báo quan trọng đề cập các vấn đề nóng hổi của đất nước trong thời kì hội nhập, phát triển.

Trong cuốn *Một góc nhìn của trí thức*, tập bốn, văn bản trên có nhan đề *Năng lực sáng tạo: làm sao để có?*. Năm 2021, văn bản được in lại trong cuốn *Trên đường đến những chuẩn mực khoa học* (NXB Hà Nội) với nhan đề ***Năng lực sáng tạo***.



Phan Đình Diệu
Ảnh do gia đình cung cấp

1. Theo bạn, luận đề của văn bản có được thể hiện rõ ở nhan đề không? Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung của văn bản và nhan đề.
2. Khi bàn về năng lực sáng tạo của con người, tác giả đã triển khai những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó.
3. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Việc trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng có phải là một cách nêu bằng chứng không? Vì sao?
4. Những thao tác nghị luận nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác đó.
5. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, năng lực sáng tạo có vai trò như thế nào đối với mỗi người và đối với đất nước?
6. Tác giả thể hiện tư tưởng gì khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

VĂN BẢN 3

Mấy ý nghĩ về thơ

(Trích)

Nguyễn Đình Thi

Trong các bài nghiên cứu, phê bình về thơ bạn đã đọc, bạn thích nhất bài nào? Vì sao?

Chú ý một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên và nhận xét.

1 Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ, nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ. Có người nghĩ rằng thơ là những lời đẹp. Nhưng đâu phải như vậy. Dưới ngọn bút của Hồ Xuân Hương, những chữ tầm thường của lời nói hằng ngày, nôm na mách qué, đã trở thành những lời thơ được truyền tụng mãi. Và Nguyễn Du không những để lại những câu thơ như "Mai cốt cách, tuyết tinh thần", mà còn viết:

Thoắt trông lờn lợt màu da,
Ăn chi to béo đẫy đà làm sao![1]

Cũng không phải thơ là ở những đề tài "đẹp", phong hoa tuyết nguyệt của các cụ ngày xưa, hoặc những nhớ mong sầu luỵ của các chàng và nàng một thời trước Cách mạng. Nhà thơ Pháp Bô-đơ-le (Baudelaire) đã làm bài thơ nổi tiếng về cái xác chó chết đầy giòi bọ, và ở thời chúng ta, cái xe đạp, khẩu ba dô ca[2], cho đến cái ba lô trên vai chiến sĩ, bóng dây thép gai hung ác của đồn giặc, đều có thể đem nói trong thơ. Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái muôn đời viển vông bên ngoài cuộc sống thực của con người.

Một nhà phê bình cho rằng thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ. Một câu, hoặc một bài thơ hay thì có đặc điểm là ghi ngay vào trí nhớ của ta, làm cho ta không quên được nữa. Văn xuôi trái lại, trôi qua trí nhớ của ta. Cái hay của một đoạn văn xuôi còn lại sau khi đã quên hết đoạn văn ấy. Còn đặc tính của bài thơ là in lại, từ gọi từ, câu gọi câu, đọc từ trước phải đến từ sau, đọc câu trước phải đến câu sau, không thể nào khác.

---

(1) Câu thơ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Có bản chép là "Ăn chi cao lớn đẫy đà làm sao!".

(2) *Ba dô ca*: vũ khí thường được bộ đội ta sử dụng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, hình ống, phóng đạn theo nguyên lí phản lực, chủ yếu dùng để bắn xe tăng và các mục tiêu kiên cố.

Nhưng những nhận xét tài tình trên đây của nhà phê bình vẫn chưa cắt nghĩa được vì sao thơ có hiệu quả làm cho ta nhớ. Và cũng có những cái ta rất nhớ, ví dụ những công thức toán học, nhưng lại không phải là thơ.

2 Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nào nhớ nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ.

Câu hỏi tu từ được dùng nhằm mục đích gì?

[...] Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vùng sáng xung quanh ngọn lửa.

3 Nói đến hình ảnh trong thơ. Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc. Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn.

Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3.

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc, tình tự[1] nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức[2] mà yêu thơ. Hiểu thơ kì thực là vấn đề của cả tâm hồn.

Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý. Nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có thơ. Thơ tìm nói với một sự suy nghĩ toàn diện hơn là suy nghĩ riêng theo luận lí. Thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ.

---

(1) *Tình tự*: ở đây dùng với nghĩa tình cảm.

(2) *Trí thức*: lí trí (nghĩa trong văn bản).

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng...

Nhà luận lí ngồi khảo cứu mãi xem vì sao mà chuyện mây trắng mây vàng lại đưa đến chuyện anh với nàng. Luận lí chưa hiểu, nhưng cả tâm hồn chúng ta đã hiểu và âm vang theo.

[...] Người làm thơ bắt chợt trong lòng mình một ý nghĩ hay tình cảm, dù thành thực và sâu sắc, cũng không vội dừng lại, đem những tiếng có vần điệu chăng lưới bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm ấy. Anh ta còn phải thấy được những hình ảnh trong ý nghĩ hay tình cảm của mình, thì tiếng nói của anh mới truyền cảm sâu sắc được cho người khác.

"Tìm hình ảnh", nói như vậy tưởng chừng việc làm thơ là đào vào trong tâm hồn mình, cố gắng nặn nọt. Cũng có trường hợp như vậy, nhưng thực ra đáng lẽ là nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình thì mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng, để rồi động sâu đến tư tưởng và tình cảm. Trong việc làm thơ bấy giờ, hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất.

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhoà của thói quen, không bị rập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy. Hình ảnh của thơ vừa làm ta ngạc nhiên, vừa đã quen với chúng ta tự bao giờ. Câu thơ đột ngột làm cho ta nhận thấy những cái gần gũi nhất với chúng ta. Trước kia, ta vẫn gặp mà không biết nhìn.

4 [...] Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gợi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn,

Người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?

làm động ánh trăng kia trên bờ đê. "Chim hôm thoi thót về rừng"[1]... Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vầng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả xung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc xung quanh. Người xưa nói: Thi tại ngôn ngoại[2].

Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chăng ta tìm nó trong nhịp điệu, trong nhạc của thơ. Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai, một người ngoại quốc không biết tiếng ta cũng có thể nghe thấy được. Nhạc của thơ không giới hạn ở thứ nhạc ngoài tai ấy. Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn. Ngâm thơ véo von mới làm cho ta nghe thấy tiếng bổng trầm của bằng trắc, chép thơ, đọc thơ bằng mắt, hoặc đọc lên như khi ta nói, có lẽ dễ cho chúng ta nghe thấy hơn tiếng nhịp điệu thực của thơ. Đó là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hoà hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động.

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bấm vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.

Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi được phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.

5 Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do, thơ không vần. Theo tôi, những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những võ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. Nhưng không phải hễ thiếu những võ khí ấy là trận đánh nhất định thua. Thiếu võ khí ấy, trận đánh gay go thêm nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng.

Tác giả quan niệm như thế nào về vần và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?

---

(1) Câu thơ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

(2) *Thi tại ngôn ngoại*: tương tự cách nói *ý tại ngôn ngoại* (ý ở ngoài lời). Ở đây, tác giả dùng với nghĩa ý thơ ở ngoài lời.

Câu chuyện vần hay không vần ở thơ ta gần đây cũng được đem ra bàn cãi. Có bạn cho rằng thơ Việt Nam, khác với thơ các nước, không thể thiếu vần. Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không? Thiết tưởng cách đáp hay hơn là để cho tìm tòi, thử thách. Không có lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.

Riêng tôi nghĩ rằng, không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ. Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó, nhưng nếu theo dõi những thời lớn của thơ đi cùng nhịp với những thời kì lớn của lịch sử, thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới, trong những bước đầu, ít khi chịu những hình thức đều đặn, cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ nảy nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy.

Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa.

[...] Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cẩu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật. Nhưng câu chuyện luật lệ trong thơ cũng như câu chuyện kỉ luật trong cách mạng. Kỉ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe doạ mà tồn tại được, kỉ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỉ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lề lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đạp đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.

12/9/1949

(*Tuyển tác phẩm văn học Nguyễn Đình Thi, Tiểu luận – bút kí*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, in trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, Sđd, tr. 50 – 54)

Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003) quê ở thành phố Hà Nội, là nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình văn học, đã có những đóng góp quan trọng cho việc xây dựng nền văn học cách mạng Việt Nam. Sáng tác của ông khá da dạng về thể loại, nhưng nổi bật nhất là thơ, với những cách tân đáng kể trên phương diện hình thức. Các tác phẩm chính: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951), *Người chiến sĩ* (thơ, 1956), *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, phê bình, 1956), *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1958), *Con nai đen* (kịch, 1961), *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, tập I – 1962, tập II – 1970), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (tiểu luận, phê bình, 1964), *Dòng sông trong xanh* (thơ, 1974), *Rừng trúc* (kịch, 1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (kịch, 1979), *Tia nắng* (thơ, 1983), *Trong cát bụi* (thơ, 1992), *Sóng reo* (thơ, 2001),...



Nguyễn Đình Thi
Ảnh: Nguyễn Đình Toán

Mấy ý nghĩ về thơ là tiểu luận dược Nguyễn Đình Thi viết từ năm 1949, sau đó in trong tập *Mấy vấn đề văn học*.

1. Tóm lược nội dung từng phần của văn bản (theo số thứ tự) và nêu mối quan hệ giữa các phần.
2. Ở phần 1 của văn bản, những quan niệm nào về thơ đã được tác giả nêu lên để nhận xét? Mục đích của việc nhận xét đó là gì?
3. Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ, phân tích cách triển khai một luận điểm tiêu biểu.
4. Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ? Tác giả đã dùng những thao tác nghị luận nào để làm sáng tỏ điều đó?
5. Tác giả cho rằng: "chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay". Bạn có tán thành quan điểm đó không? Vì sao?
6. Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?
7. Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của bạn về ý kiến: "Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc".

Thực hành tiếng Việt

Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

1. Chỉ ra lỗi logic trong các câu sau và sửa lại:

a. *Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới,* Vội vàng *của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.*

b. *Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.*

c. *Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ.*

2. Trong các câu sau, có câu mắc lỗi về ngữ pháp, có câu mắc lỗi về logic. Hãy phân tích loại lỗi của từng câu và sửa lại:

a. *Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.*

b. *Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khoẻ lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.*

c. *Hoàng Phủ Ngọc Tường – một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.*

d. *Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt.*

Nhận biết lỗi logic của câu và cách sửa

Các biểu hiện của câu mắc lỗi logic và cách sửa:

– Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu. Ví dụ: *Việc làm kịp thời này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.*

Đã nói là *kịp thời* thì không thể nói *lẽ ra phải được tiến hành* trước đó; ngược lại, nếu nói *lẽ ra phải được tiến hành* trước đó thì không thể cho là *kịp thời*. Cách sửa: Lược bỏ một trong hai ý (hoặc ý gắn với từ *kịp thời*, hoặc ý gắn với cụm từ *lẽ ra*).

– Có sự lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng. Ví dụ: *Trong các phóng sự phản ánh hiện thực đời sống Việt Nam trước Cách mạng, Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất.*

Ở câu này, người viết đã gộp hai bình diện khác nhau (tác giả và tác phẩm) làm một, khiến hai vế câu không có sự tương thích. Cách sửa: Quy các ý về cùng một bình diện (hoặc bình diện tác phẩm, hoặc bình diện tác giả).

– Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng. Ví dụ: *Báo in, báo điện tử, các phương tiện truyền thông, đài phát thanh, đài truyền hình,... đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.*

Phương tiện truyền thông đã bao hàm cả *báo in, báo điện tử, đài phát thanh, đài truyền hình,* vì vậy, không thể đặt ngang hàng với những phương tiện cụ thể đã được nó bao hàm. Để sửa chữa, cần phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.

3. Chỉ ra lỗi câu mơ hồ trong những trường hợp sau và sửa lại:

a. *Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.*

b. *Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.*

c. *Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.*

d. *Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.*

4. Từng trường hợp sau đây có thể được hiểu theo những cách khác nhau như thế nào? Các trường hợp đó có mắc lỗi câu mơ hồ hay không? Vì sao?

a. *Anh mang tình em đi*
Qua những đèo lẻ nắng
Những sông trưa không đò
Những đường mưa ngắn trắng

(Lê Đạt, *Sáng soi*)

b. *Giọt nước mắt vầng trăng*
Long lanh trong đáy giếng

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)

c. *Đất đá ong khô nhiều suối lệ*
Em đã bao ngày lệ chứa chan?

(Quang Dũng,
Mắt người Sơn Tây)

Lưu ý: Khi sửa lỗi, cần nắm bắt đúng điều người viết muốn biểu đạt để chọn hướng sửa phù hợp. Trong văn bản văn học, có những câu "phi logic" được tác giả chủ động sử dụng với ý đồ nghệ thuật riêng. Ở đây, không thể nói tác giả đã mắc lỗi.

Nhận biết lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Lỗi câu mơ hồ tồn tại ở câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau. Ví dụ:

– Câu *Giải bài không được xem đáp án*, có thể được hiểu là *giải bài không được thì xem đáp án* hoặc *khi giải bài thì không được xem đáp án*.

– Câu *Những ngôi nhà cao tầng được xây dựng ở một khu đô thị mới rất hiện đại*, có thể được hiểu là *những ngôi nhà cao tầng rất hiện đại được xây dựng ở một khu đô thị mới* hoặc *những ngôi nhà cao tầng được xây dựng ở một khu đô thị mới, hiện đại*.

Khi sửa lỗi câu mơ hồ, trước hết, phải xác định được ý cần biểu đạt, tiếp đó, đọc lại câu để biết cần sắp xếp lại trật tự các thành phần câu như thế nào hoặc thêm từ ngữ, dấu câu vào vị trí nào nhằm biểu đạt tường minh ý đã xác định.

Lưu ý: Cần phân biệt câu mơ hồ do sơ suất của người viết với những câu đa nghĩa trong văn bản văn học thể hiện sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)

Trong đời sống, có nhiều vấn đề thu hút sự quan tâm, khơi gợi những suy nghĩ về bổn phận, tác động tích cực đến việc hình thành nhân cách của giới trẻ. Qua việc bàn luận một cách thấu đáo những vấn đề như vậy, người viết không chỉ có điều kiện phát triển, hoàn thiện kĩ năng nghị luận, mà còn xác lập nền móng nhận thức vững vàng, định hướng cho cách lựa chọn hành động của bản thân.

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.
- Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
- Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.

Bài viết tham khảo

Giá trị của tuổi trẻ

Nguyễn Lân Dũng[1]

Những người trẻ tuổi là tác nhân lớn nhất của sự thay đổi trong một xã hội. Tuổi trẻ chắc chắn là một trong những khoảng thời gian đẹp nhất trong cuộc đời của mỗi người. Bạn tràn đầy năng lượng, ước mơ và có rất nhiều khát vọng. Nhưng cũng có nhiều thách thức đang chờ bạn.

Giới thiệu trực tiếp vấn đề nghị luận.

[1] Nguyễn Lân Dũng sinh năm 1938, quê ở tỉnh Hưng Yên, là giáo sư sinh học; tác giả của nhiều bài báo bàn về những vấn đề thời sự của đất nước, nhất là về giáo dục.

Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ

Nêu luận điểm thứ nhất (bằng một tiểu mục).

Tôi đã từng gặp không ít bạn trẻ tài giỏi, kể cả những thanh niên nghèo hoặc các bạn không có tay chân nguyên vẹn. Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. Từ chỗ làm thuê cho gia đình trồng bơ, anh đã lớn lên cùng với cây bơ và chẳng bao lâu trở thành "vua bơ" như mọi người đặt tên cho anh. Anh đã tạo ra bốn giống bơ quý mang tên: XM1, XM2, XM3 và XM4. Anh trở thành tỉ phú nhờ bán các giống bơ quý này và sáng kiến trồng bơ làm cây che bóng cho cà phê. Anh còn cùng tôi sang Úc mang về giống bơ quý có thể bảo quản lâu ngày để xuất khẩu. Ngày nay giống bơ Úc đã mọc trên khắp Tây Nguyên.

Triển khai nội dung nghị luận (sử dụng bằng chứng).

Tôi cũng đã gặp, đã biết những bạn trẻ như Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh; như Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.

Nhiều tài liệu nước ngoài cho rằng: Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến.

Có lẽ không có gì sai. Có tác giả đã viết: Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. Có tác giả viết: Tuổi trẻ sống bằng hi vọng, tuổi già sống bằng kí ức.

Triển khai nội dung nghị luận (nêu lí lẽ).

Tuổi trẻ là quãng thời gian vô cùng quan trọng trong cuộc đời mỗi người. Tuổi trẻ của một quốc gia là những nhà lãnh đạo của ngày mai. Vì vậy điều quan trọng là phải giáo dục họ những giá trị tốt đẹp, sự mạnh mẽ cũng như những suy nghĩ sâu sắc.

Tuổi trẻ là niềm vui. Tuổi trẻ khoẻ mạnh về thể chất, hay tò mò, thích mạo hiểm và tận hưởng cuộc sống. Đây cũng là điều cần khuyến khích ở họ.

Nêu ý kiến trái chiều để phản bác.

Chúng ta đang sống trong một thế giới bận rộn, nhiều thứ đã thay đổi, bao gồm cả quan điểm và kì vọng. Một số người lớn nghĩ rằng giới trẻ ngày nay là một thế hệ nghiện công nghệ, không muốn làm việc và chỉ tập trung vào việc vui chơi. Định kiến về tuổi trẻ như vậy dường như đã ăn sâu,

xuất hiện với chúng ta hết lần này đến lần khác. Và thử thách của các bạn trẻ bắt đầu từ đây: phải làm sao để cho xã hội thấy giá trị và tiềm năng thực sự của tuổi trẻ.

Sử dụng ý kiến của người có uy tín để củng cố quan điểm đã nêu.

[...] Rất đáng suy nghĩ về câu nói này của Phrăng-cơ-lin D. Ru-dơ-ven (Franklin D. Roosevelt): "Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể xây dựng tương lai cho tuổi trẻ của mình, nhưng chúng ta có thể xây dựng tuổi trẻ cho tương lai". Thật ý nghĩa biết bao! Thanh niên đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước và xã hội. Nếu cần mô tả những người trẻ tuổi trong ba "từ", đó sẽ là: sức mạnh, thay đổi và hi vọng. Tuổi trẻ cần được tham gia vào các hoạt động sáng tạo và đổi mới, tham gia vào quá trình ra quyết định và phải có nhiều cơ hội hơn để lên tiếng trong cộng đồng, trường học và gia đình, bởi thế tiếng nói của tuổi trẻ luôn cần được lắng nghe.

Học cách đặt mục tiêu

Nêu luận điểm thứ hai (bằng một tiểu mục).

Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. Công nghệ sẽ là trung tâm của hầu hết các công việc trong tương lai, và các kĩ năng công nghệ tiên tiến và điện toán, chẳng hạn như kiến thức về trí tuệ nhân tạo, sẽ được săn đón nhiều hơn. Không hề sợ hãi về một tương lai không chắc chắn, phần lớn những người trẻ tuổi lạc quan về tác động của công nghệ và đổi mới.

Theo khảo sát của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang "tạo ra" chứ không phải đang "phá huỷ" việc làm. Giới trẻ ngày nay rất muốn trở thành một phần của thế giới. Họ cho rằng có một "hệ sinh thái khởi nghiệp" và "tinh thần khởi nghiệp" đang là chìa khoá mở ra tương lai cho các bạn trẻ.

Triển khai luận điểm bằng cách sử dụng các loại bằng chứng khác nhau.

Vào ngày Quốc tế Thanh thiếu niên năm 2020, người ta nêu khẩu hiệu: "Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu", một khẩu hiệu nhằm làm nổi bật cách thức những người trẻ tuổi tham gia ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu. Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương, sẽ ảnh hưởng đến tương lai. Đã đến lúc cần xem xét mức độ ảnh hưởng đến nhóm dân số trẻ nhất và đưa ra các giải pháp. Những người từ 14 – 29 tuổi đại diện cho một thế hệ lớn nhất trong lịch sử.

Mối nguy hiểm lớn hơn đối với hầu hết giới trẻ không nằm ở việc đặt mục tiêu quá cao và không đạt được mục tiêu mà là đặt mục tiêu quá thấp và đạt được mục tiêu của mình.

Cha mẹ muốn con mình thành công ở trường học để đạt được thành công trong cuộc sống sau này. Các giáo viên cũng muốn như vậy vì họ có tham vọng giúp những người trẻ này thực hiện ước mơ của mình và có những lựa chọn trong cuộc sống để hạnh phúc trong khi đóng góp tích cực cho xã hội. Vì vậy, cần phát triển các chương trình để kích hoạt điều này, thấm nhuần quan điểm rằng mọi thứ chúng ta làm ở trường học và ở nhà đều phải nhằm tới việc mang lại món quà có ý nghĩa nhất có thể cho con cái chúng ta – món quà của một nền giáo dục ưu việt. Một số trường học nói về thành tích cao trong học tập, điều này có thể giúp một số người đạt được mục tiêu của họ, nhưng một trường học với triết lí khuyến khích tất cả mọi người có tham vọng còn hơn thế nữa. Đó là việc phát triển một khái niệm học tập rộng lớn hơn, vượt xa các kĩ năng, kiến thức và hiểu biết về các môn học truyền thống. Nó thúc đẩy học sinh, sinh viên xem xét bản chất của việc biết những gì chúng ta biết. Nó khuyến khích tuổi trẻ thách thức và phê bình những gì chúng đang được chứng kiến để phát triển, hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới và tất cả những gì xảy ra trong thế giới đó. Xô-cơ-rát (Socrates) đã từng nói: "Cuộc sống không được thử thách không đáng sống đối với một con người".

Triển khai luận điểm bằng giải thích, phân tích, bình luận.

Cuộc sống thường cho chúng ta thấy, một số người có tài năng nhưng ít tham vọng để thúc đẩy tiến lên sẽ dẫn đến lãng phí tiềm năng. Đó là hạt giống của động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp với các giá trị đạo đức mạnh mẽ được nuôi dưỡng trong môi trường học tập tốt nhất và khuyến khích những đặc điểm này phát triển để tạo ra những con người trưởng thành toàn diện, tự tin và tích cực cho một tương lai tốt đẹp.

Thời còn đi học, Giêm Đai-xơn (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài: "Tôi chạy khá giỏi, không phải vì thể chất tốt mà vì tôi có nhiều quyết tâm hơn. Tôi học được sự quyết tâm từ đó". Giêm Đai-xơn đã mất năm năm và tạo ra hơn 5 000 mẫu trước khi tung ra máy hút bụi không dùng túi. Tuy nhiên, không có nhà sản xuất hoặc nhà phân phối nào xử lí sản phẩm của Đai-xơn ở Anh, vì nó sẽ làm xáo trộn thị trường có giá trị cho loại máy có túi đựng bụi. Đai-xơn đã tung sản phẩm này tại Nhật Bản thông qua bán hàng theo danh mục. Ông đã đối mặt và vượt qua nhiều thách thức trước khi công ti của ông trở nên thành công trên toàn cầu như ngày nay.

Sử dụng bằng chứng để củng cố lí lẽ.

Mai-cơn Gioóc-đan (Michael Jordan), vận động viên bóng rổ nổi tiếng đã không có một khởi đầu dễ dàng. Anh ấy bị chế giễu vì quá lùn để chơi ở cấp độ cao và anh ấy không được chọn, nhưng anh đã học được từ gia đình và từ các giáo viên của

mình là không bao giờ được bỏ cuộc và với một tầm nhìn đầy tham vọng và một suy nghĩ tích cực, anh đã có thể vượt qua các trở ngại.

Như vậy, tuổi trẻ đồng nghĩa với thay đổi, tiến bộ và tương lai. Suy cho cùng, tuổi trẻ là đối mặt với những thách thức và tạo ra hoặc tái tạo ra không gian cho sự phát triển toàn diện trong tương lai. Nó có nghĩa là biến vấn đề thành cơ hội và giải pháp và là động lực của xã hội.

Khái quát vấn đề nghị luận.

(Theo Nguyễn Lân Dũng, *Giá trị của tuổi trẻ*, báo *Đại đoàn kết*, ngày 17/3/2023)

1. Ở bài viết tham khảo, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận? Người viết đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này?
2. Bài viết triển khai mấy luận điểm? Cách phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng được thể hiện như thế nào ở từng luận điểm?
3. Chỉ ra những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Để viết bài văn nghị luận đáp ứng được yêu cầu của bài học, bạn phải chọn một đề tài có liên quan đến cuộc sống của tuổi trẻ hiện nay (quan niệm sống, định hướng tương lai, việc học tập và rèn luyện, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...). Có thể tìm kiếm đề tài từ các cuốn sách, các phương tiện truyền thông hoặc từ chính những trải nghiệm đời sống của bản thân. Gợi ý một số đề tài: Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; Ý thức về giới của các bạn trẻ; Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội;...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Kết hợp tham khảo bài viết với việc tìm hiểu đề tài đã xác định, có thể nêu các câu hỏi như sau để suy nghĩ, tìm ý:

– *Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu?* Trong đề tài bài viết, có thể có các khái niệm, câu chữ cần được giải thích cặn kẽ thì mới bàn luận đúng hướng. Chẳng hạn, ở bài viết tham khảo, vấn đề bản chất của tuổi trẻ, các giá trị của tuổi trẻ đã được tác giả quan tâm giải thích trước khi nêu lí lẽ cần thiết.

– *Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận?* Người viết có thể đánh giá sự đúng đắn của vấn đề hoặc nêu những ý kiến khác với quan điểm của mình để bình luận. Ở bài viết tham khảo, tác giả đã bình luận về tiềm năng của tuổi trẻ; những thách thức đối với tuổi trẻ trong thời đại khoa học, công nghệ; thái độ thấu hiểu, đồng cảm cần có của người đi trước đối với thế hệ trẻ.

– *Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?* Tuỳ vào vấn đề đời sống và các luận điểm đã triển khai, người viết đề xuất phương hướng hành động. Bài viết tham khảo nêu trách nhiệm của xã hội đối với tuổi trẻ cũng như những điều người trẻ cần làm để phát triển bản thân.

Lập dàn ý

Theo hướng trên, người viết sẽ tìm và ghi nhanh một số ý theo thứ tự các câu hỏi. Sau đó sắp xếp lại cho hợp lí để có dàn ý hoàn chỉnh.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.

Thân bài:

– Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận liên quan đến tuổi trẻ.

– Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?...). Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.

– Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình.

– Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.

Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Viết

– Khi viết bài, cần bám sát dàn ý để triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn.

– Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, bạn cần viết với tâm thế của người trong cuộc, viết như trả lời những câu hỏi vẫn thường đặt ra cho bản thân, liên quan đến học tập và rèn luyện; cuộc sống hiện tại và định hướng tương lai; những ưu thế của tuổi trẻ hoặc khó khăn cần vượt qua;... Trong lập luận, cần khai thác dẫn chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung.

– Luôn chú ý phối hợp các thao tác thường được sử dụng trong bài nghị luận (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ) để triển khai các luận điểm của phần *Thân bài*. Trong quá trình viết từng đoạn văn triển khai luận điểm, có thể dùng các yếu tố như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn.

– Cần nhận thức rõ: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ không đồng nghĩa với vấn đề của riêng tuổi trẻ. Vấn đề được chọn làm đề tài của bài viết cũng có thể liên quan đến mọi thành viên của cộng đồng. Tuy nhiên, khi viết bài, cần biết triển khai luận điểm từ góc nhìn của tuổi trẻ và chú ý khai thác những điều có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến tuổi trẻ.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để có hướng chỉnh sửa. Ngoài việc soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn), cần tập trung chú ý các phương diện sau đây:

– Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào ở phần *Mở bài*? Người viết đã thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề chưa?

– Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm ở phần *Thân bài* đã đầy đủ chưa? Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm trong bài không?

– Các thao tác nghị luận được sử dụng và phối hợp với nhau như thế nào?

– Phần *Kết bài* đã liên hệ với đời sống, nêu được phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?

Lần lượt bám vào các phương diện nêu trên để rà soát. Nếu thấy luận điểm nào còn mờ nhạt, lí lẽ và bằng chứng chưa đầy đủ, các thao tác nghị luận chưa rõ ràng, tương quan giữa các luận điểm thiếu cân đối,... thì phải chỉnh sửa hoặc bổ sung để hoàn thiện bài viết.

NÓI VÀ NGHE

Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.
- Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.
- Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.
- Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan đến vấn đề.
- Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Bên cạnh những đề tài đã được gợi ý ở phần *Viết*, bạn có thể tham khảo một số đề tài khác, chẳng hạn:

– Tuổi trẻ hiện nay cần nhận thức như thế nào về vấn đề cống hiến và hưởng thụ?

– Ứng xử như thế nào với các thế hệ khác nhau trong gia đình và trong cộng đồng cho phù hợp?

– Vấn đề việc làm đặt ra với giới trẻ trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo có thể làm thay phần việc của con người ở một số lĩnh vực.

– Vai trò của kĩ năng mềm đối với tuổi trẻ.

Tìm ý và sắp xếp ý

Nếu lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần *Viết*, bạn cần dựa vào nội dung bài viết để lập dàn ý cho bài thuyết trình. Chú ý điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. Còn nếu chọn đề tài mới thì bạn cần tìm ý và xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình. Để có hướng tìm ý, bạn hãy nêu một số câu hỏi xoáy vào các khía cạnh trọng tâm sau:

– Bản chất của vấn đề là gì?

– Vấn đề có liên quan như thế nào đến đời sống của giới trẻ?

– Những khía cạnh nào của vấn đề cần làm rõ?

– Cần định hướng hoạt động như thế nào sau khi đã nhận thức rõ về vấn đề?

Xây dựng dàn ý của bài thuyết trình bằng cách sắp xếp những ý đã tìm được vào các phần *Mở đầu*, *Triển khai*, *Kết thúc* một cách hợp lí.

Thực hành nói

– Bài nói đảm bảo các phần: *Mở đầu* (giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, chọn cách giới thiệu gây được chú ý cho người nghe); *Triển khai* (đi sâu vào từng khía cạnh của vấn đề, làm rõ sự liên quan của từng khía cạnh đó đối với đời sống của giới trẻ, lí giải và nêu cách thức ứng xử,...); *Kết luận* (làm rõ ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề).

– Việc nhận xét vấn đề tuy cần thiết, nhưng cần tiết chế, tránh làm cho bài thuyết trình (vốn ưu tiên cho việc cung cấp thông tin) biến thành bài nghị luận (chủ yếu đánh giá, bàn luận về vấn đề).

Trao đổi, đánh giá

– Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.

– Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận?

2. Dựa vào các văn bản đọc trong bài, hãy làm rõ tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn nghị luận.

3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*.

4. Cho đề tài: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

   a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề tài trên.

   b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*.

   c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình, dựa vào đó để tập luyện nói.

5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận xã hội và hai văn bản nghị luận văn học để cập những vấn đề liên quan đến nội dung các văn bản đọc trong bài. Lập bảng, ghi ngắn gọn những thông tin cơ bản: luận đề, các luận điểm, các thao tác lập luận của từng văn bản.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Vấn đề cảm hứng và vai trò của cảm hứng được bàn luận trong văn bản; tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống của cá nhân và cộng đồng.
- Cách diễn giải về cảm hứng; vai trò của cảm hứng trong sáng tạo; phạm vi ảnh hưởng của cảm hứng đối với cá nhân, cộng đồng; mối quan hệ giữa cảm hứng và trí tuệ, giữa cảm hứng và tự do;...
- Quan điểm, thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề cảm hứng trong hoạt động sáng tạo của con người.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Cảm hứng và sáng tạo

(Trích)

Nguyễn Trần Bạt[1]

[...] Cảm hứng thường được biểu hiện dưới hình thức của văn hoá, nó là một trạng thái tinh thần được phát tán, lan truyền, ảnh hưởng rất nhanh và hiệu quả thông qua văn hoá. [...] Mọi sáng tạo không chỉ theo đuổi ngôn ngữ hay cái vỏ hình thức bên ngoài mà còn phải theo đuổi tinh thần cơ bản thuộc về con người để tạo ra giá trị phổ quát có tính chất kích thích sự phát triển của đời sống, của tâm hồn con người. Chính cái tinh thần cơ bản ấy là yếu tố quan trọng nhất khơi dậy sự đồng cảm của con người. Sự lan toả các giá trị văn hoá giúp con người hiểu nhau dễ hơn, truyền tải chất lượng tâm hồn con người dễ hơn, và do đó, tác động thúc đẩy sự phát triển giữa các quốc gia diễn ra một cách dễ dàng hơn. Có như thế mới thoả mãn nhu cầu tham gia tích cực của mỗi người vào các cộng đồng công dân khác, tức là giúp con người có ích trong nhiều nền văn hoá khác nhau. Một con người có ích là một con người góp phần vào sự phát triển ở những nơi mà anh ta đến, tức là tại nhiều nền văn hoá mà người đó có mặt.

Cảm hứng có thể xúc tiến khả năng phát triển nhưng cũng có thể xúc tiến khả năng phá hoại khi nó không được cân bằng. Cảm hứng không được cân bằng là biểu hiện của sự mất cân đối trong đời sống tinh thần và trạng thái này rất nguy hiểm. [...] Đó là biểu hiện đáng sợ nhất của sự giận dữ đầy cảm hứng của những con người không biết mình đang làm gì và không kiểm soát được chính mình. Do đó, vấn đề đặt ra là làm thế nào để xác lập được sự cân đối giữa năng lực và cảm hứng của con người. [...] Tôi cho rằng, chỉ có trí tuệ mới có thể cân bằng được cảm hứng. Con người phải biết tự cân bằng cảm hứng của mình bằng trí tuệ của mình. Con người không thể để cho cảm hứng của mình được thể hiện một cách tuỳ tiện, mù quáng, nhưng con người cũng không được để cho cảm hứng bị tiêu diệt. Bởi vì, khi không còn cảm hứng, con người trở nên khô khốc trong sự tỉnh táo, mất cảm hứng là mất đi động lực phát triển các giá trị tinh thần. Hiện tượng này thường xảy ra ở những xã hội mà tính đa dạng của cuộc sống bị hạn chế hay bị tiêu diệt. Trong cuộc sống đã từng tồn tại những xã hội như thế, đó là xã hội mà

---

[1] Nguyễn Trần Bạt (1946 – 2020) quê ở tỉnh Nghệ An, là luật sư, doanh nhân, nhà nghiên cứu xã hội. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Suy tưởng* (2005), *Cải cách và sự phát triển* (2005), *Văn hoá và con người* (2006), *Cội nguồn cảm hứng* (2008), *Đối thoại với tương lai* (2010), *Tình thế và giải pháp* (2015), *Không gian tinh thần* (2019).

mọi cảm hứng đều bị dồn nén, con người không muốn làm gì cả, con người bằng lòng với sự nghèo khổ, thậm chí thiêng liêng hoá sự nghèo khổ của mình. Việc dồn nén các cảm hứng đã tạo ra mặt trái của nó là chủ nghĩa hoài cổ, chủ nghĩa yêu chuộng quá khứ và đấy là một trong những nguyên nhân gây ra sự chậm phát triển...

Như vậy, cảm hứng là nhân tố vô cùng quan trọng đối với sự phát triển. Một con người không có cảm hứng, một dân tộc không có cảm hứng thì sẽ luôn luôn lười biếng và không còn khát vọng để đi tìm cái mới ngoài những thứ mà mình đã có, và do đó, không thể phát triển được. Tất cả các dân tộc đều phải ý thức một cách rõ ràng về việc gieo trồng cảm hứng phát triển xã hội và tất nhiên, quá trình này buộc phải bắt đầu từ việc khích lệ cảm hứng của mỗi cá nhân. Điều đó đồng nghĩa với việc phải xây dựng chế độ dân chủ để tự do trở thành cảm hứng cơ bản khích lệ con người tham gia một cách hiệu quả vào tiến trình phát triển của cá nhân và của cả cộng đồng.

Vậy thông qua cảm hứng, tự do biến thành sự sáng tạo như thế nào? Con người sáng tạo thông qua năng lực tưởng tượng của mình và cảm hứng chính là chất men nuôi dưỡng năng lực tưởng tượng ấy. Như vậy, rõ ràng, tự do là chất xúc tác cho mọi sáng tạo của con người, và con người không thể sáng tạo được nếu không có tự do. Tự do tạo ra cảm hứng làm chất men nuôi dưỡng năng lực tưởng tượng, đồng thời nó khuyến khích sự phát triển năng lực tưởng tượng và làm bùng nổ năng lực sáng tạo ở mỗi người. Có một thế giới tưởng tượng tràn ngập trong mình, con người mới có đam mê sáng tạo. Nói cách khác, con người chỉ sáng tạo được nếu tự nguyện lao động, nếu yêu mến cái mình đang làm, yêu mến cuộc sống và đất nước mình đang sống. Tự do là không gian của mọi sự sáng tạo từ văn hoá, nghệ thuật cho đến khoa học, công nghệ,... Mi-ken-lăng-giơ (Michelangelo) từng nằm ngửa trên các quang treo mấy năm ròng để vẽ bức hoạ *Sáng tạo thế giới* trên nóc vòm nhà thờ Xích-xtin (Sixtine) nổi tiếng ở I-ta-li-a (Italia). Nếu không có thiên thần nhập vào trong tâm hồn của Mi-ken-lăng-giơ, nếu Mi-ken-lăng-giơ không bay trong tự do, không để mình bay lên cùng với sự thăng hoa của trí tưởng tượng thì làm sao ông có thể tìm thấy hạnh phúc bằng cách nằm ngửa trên quang treo để vẽ ra tác phẩm mà hàng trăm năm sau con người vẫn còn tấm tắc, trầm trồ? Chính cảm hứng và năng lực tưởng tượng phong phú làm nên sự đa dạng các giá trị tinh thần, nơi con người có thể nhặt được sự sáng tạo ở trong bất kì góc tối nào của cuộc sống.

Nói đến sự sáng tạo không thể không nói đến cái đẹp vì sáng tạo chính là cái đẹp. Cái đẹp tồn tại ở ngay bên trong mỗi con người nếu con người biết yêu cái đẹp.

Cái đẹp là thông điệp của sự hợp lí, sự cao thượng, thậm chí có thể khẳng định cái đẹp là biểu hiện cao nhất của trạng thái phát triển của con người, tức là sự sáng tạo. [...] Nước Pháp sẽ giảm đi biết bao nhiêu sự vẫy gọi nếu như chúng ta bỏ đi của Pa-ri (Paris) sông Xen (Seine), điện Lu-vrơ (Louvre), điện Păng-tê-ông (Panthéon),... Cho nên cái đẹp là biểu hiện tổng hợp của cuộc đời, là biểu hiện cao nhất không chỉ của sự thịnh vượng mà của cả sự bất tử. Trong đó, vượt lên tất cả, con người là sự tổng hợp cao quý nhất, là hiện thân cao nhất của cái đẹp. Bức tượng Đa-vít (David) luôn được ca ngợi là một trong những biểu tượng đẹp nhất của nghệ thuật tạo hình theo phong cách cổ điển chính vì nó thể hiện vẻ đẹp cân đối và hoàn mĩ nhất của con người.

Cái đẹp bao giờ cũng tồn tại cùng với sự đa dạng và tự nhiên của đời sống tinh thần con người. Nếu con người không có trí tưởng tượng, không nhận biết được vẻ đẹp bằng chính tâm hồn mình thì con người không biết cách tạo ra vẻ đẹp và càng không thể có được nó. Mỗi người chỉ có một tâm hồn, một đời sống tinh thần, do vậy, nếu nó khô cứng, đơn điệu hoặc méo mó thì con người không thể có động lực làm bất cứ việc gì mà cảm thấy hạnh phúc. Nếu xây dựng các tiêu chuẩn để con người trở thành những kẻ ngốc nghếch và đơn điệu, hay nếu làm cho con người méo mó và mất đi sự đa dạng tinh thần vốn có thì đấy là tội diệt chủng về mặt tinh thần. Xét trên quan điểm phát triển, sự diệt chủng về mặt tinh thần là một tội ác chống lại loài người bởi nó tiêu diệt khả năng sáng tạo của con người. Thế giới vẫn lên án tội ác diệt chủng về mặt sinh học nhưng dường như chưa nhận ra một sự diệt chủng khác còn nguy hiểm hơn, đó là sự diệt chủng con người về mặt tinh thần. Vì thế, phải xây dựng con người ở giá trị cá nhân của nó. Tôn trọng giá trị cá nhân con người là tôn trọng cuộc đời và giá trị của chính mình, của người khác và tôn trọng sự trong sạch của đời sống xã hội. Khi xác nhận được giá trị của mình thì con người mới có giá trị đóng góp cho xã hội. [...]

Tóm lại, cảm hứng và sáng tạo luôn đi liền với nhau, gắn kết với nhau bởi xúc tác là tự do. Có thể nói, chính cảm hứng và tình yêu tự do đã tạo ra những thành tựu và những dấu ấn có giá trị vĩnh cửu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người.

(Nguyễn Trần Bạt, *Cội nguồn cảm hứng*,
NXB Hội Nhà văn – Công ti TNHH Phát hành sách Sài Gòn, Hà Nội, 2011, tr. 37 – 47)

Bài 4

YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong các thể loại truyện khác.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.
- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.
- Viết được bài văn nghị luận về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một (hoặc một nhóm) tác phẩm văn học.
- Biết trình bày bài nói so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học, qua đó làm nổi bật những yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo của một tác phẩm so với tác phẩm mà nó chịu ảnh hưởng.
- Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; có lối sống hoà hợp với thế giới tự nhiên.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện truyền kì

Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hoá Hán. Thuật ngữ *truyền kì* xuất hiện vào cuối đời Đường, dùng để định danh một loại truyện mới, được phát triển từ loại truyện *chí quái*, *chí dị* vốn hình thành trước đó.

Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,... của văn học dân gian và những tín ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc. Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại.

Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì

Trong truyện truyền kì, **yếu tố kì ảo** hiện diện ở mọi thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhân vật kì ảo: Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,... Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống. Nếu như nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích và truyện chí quái thường thuộc về một tuyến nhất định (xấu – tốt, cao cả – thấp hèn,...) và có tính chức năng (do vậy mà hành động khá đơn điệu) thì nhân vật trong truyện truyền kì được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật riêng của tác giả.

Sự việc kì ảo: Các tình tiết, sự kiện, hành động,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. Sự việc kì ảo thường xảy ra trong một không gian và thời gian khác lạ, bất thường. Về không gian, có không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú; không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gợi cảm giác sợ hãi;... Về thời gian, có thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí; thời gian hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng;... Cốt truyện của truyện truyền kì thường gắn chặt với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử,... của từng dân tộc.

Thủ pháp nghệ thuật: Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm *kì* – kì lạ, khác thường, siêu phàm,... và *quái* – quái dị, ma quỷ, yêu tinh,...) với yếu tố *thực* là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì. Biểu hiện cụ thể là sự hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,...); sự thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến. Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức,... cũng là thủ pháp khá phổ biến giúp các tác giả tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tính phức hợp.

Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội – lịch sử. Do đó, yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như một phương thức nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định; yếu tố kì ảo tham gia vào câu chuyện đã tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,... của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau.

Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì

Truyện truyền kì thường có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn. Trong một truyện, có thể xuất hiện nhiều "tác phẩm" biền văn hoặc thơ ca được dẫn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, phụ thuộc vào tình tiết, diễn biến của câu chuyện hoặc đối thoại giữa các nhân vật.

Những đặc điểm nổi bật của **ngôn ngữ truyện truyền kì**: thường sử dụng lối nói so sánh – ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mĩ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng;... Nhìn chung, tính văn chương, giá trị biểu cảm của tác phẩm được tác giả truyện truyền kì đặc biệt chú trọng.

VĂN BẢN 1

Hải khẩu linh từ

(*Đền thiêng cửa bể*)

(Trích)

Đoàn Thị Điểm

- *Hãy chia sẻ cảm nhận về một số truyện dân gian có yếu tố kì ảo mà bạn từng đọc.*
- *Kể tên một số truyện truyền kì có yếu tố kì ảo mà bạn biết. Bạn có ấn tượng với tác phẩm nào nhất? Vì sao?*

1 Nguyễn Cơ – cung phi[1] triều Trần là con gái nhà quan. Nàng có tiểu tự[2] là Bích Châu, tính tình đứng đắn, dung nhan tươi tắn, lại thông hiểu âm luật [...]. Vua Duệ Tông[3] biết tiếng, cho kén vào cung.

Giới thiệu lai lịch, chân dung nhân vật chính.

Một hôm, đúng tiết Trung thu trời đẹp, vua mở yến hội các phi tần. Đứng tựa hiên ngọc, nhà vua đưa mắt ngóng nhìn bốn hướng, thấy cảnh lâu đài tấp nập, mọi nơi ca múa, ánh đèn chói lọi cùng ánh trăng lồng bóng vào nhau. Rồi nhân lúc rượu nồng, nhà vua nảy ra thi hứng, ngẫu nhiên thành một vế đối:

– *Thu thiên hoạ các quải ngân đăng, nguyệt trung đan quế*[4].

Nhà vua ngâm nga một lát, rồi ngoảnh nhìn Nguyễn Cơ mà bảo:

– Nàng có thể đối lại câu ấy chăng?

Nguyễn Cơ liền dời gót sen, hé môi đào chúm chím chậm rãi ứng khẩu[5]:

– *Xuân sắc trang đài khai bảo kính, thuỷ để phù dung*[6].

Nghe nàng ứng đối, nhà vua khen ngợi hồi lâu, rồi ban cho đôi ngọc long kim nhĩ[7] và nhân câu đối của nàng có hai chữ "phù dung" liền lấy hai chữ đó đặt tên cho nàng. Từ đó Phù Dung Nguyễn Cơ được vua yêu quý hơn tất cả các cung phi.

---

(1) *Cung phi*: chỉ chung các phi tần, cung nữ trong hoàng cung.

(2) *Tiểu tự*: tên chữ (tự), một trong số những danh xưng của các nhân vật thời xưa (*huý, tự, hiệu, thuỵ,...*).

(3) *Duệ Tông*: tên thật là Trần Kính (1337 – 1377), vua thứ mười triều Trần, lên ngôi sau khi Dương Nhật Lễ (tức Hôn Đức công) bị phế truất.

(4) Gác tía trời thu treo đèn bạc, quế đỏ ở trong trăng. (*Đan quế*: hoa quế đỏ, hình ảnh ước lệ, tượng trưng cho cõi tiên, cung trăng.)

(5) *Ứng khẩu*: ứng đối trực tiếp.

(6) Đài trang xuân sắc mở gương trong, phù dung nơi đáy nước. (*Phù dung*: hoa phù dung, tượng trưng cho vẻ đẹp kiêu sa.)

(7) *Ngọc long kim nhĩ*: vòng đeo tai bằng vàng, nạm ngọc hình rồng.

Bấy giờ Nguyễn Cơ thấy chính sự quốc gia tiếp theo thói tệ thời Hôn Đức nên ngày càng suy kém, bèn viết bài biểu[1] *Kê minh thập sách*[2] dâng lên. Đại khái, nội dung của bài đó như sau:

"Trộm nghĩ dời củi khỏi bếp tranh[3]*, để phòng cháy trước khi chưa cháy, dùng dâu ràng cửa tổ*[4] *để ngừa mưa trước lúc chưa mưa. Dân tình dễ chìm đắm vào sự yên vui, còn thế vận khó lòng giữ được luôn bình trị [...]. Thần là kẻ thiếp hèn mọn, tên tự Bích Châu, lúc nhỏ sinh ở bồng môn*[5]*, khi lớn được hầu nơi tiêu thất [...]. Xin bày tỏ mười điều băn khoăn tấc dạ:*

Một là, năng giữ cỗi gốc của nước, trừ hà bạo[6] *thì lòng người yên vui.*

Hai là, giữ phép xưa bỏ phiền nhiễu thì kỉ cương không rối.

Ba là, nén kẻ quyền thần, để ngăn ngừa chính sự mọt nát.

Bốn là, thải bớt kẻ nhũng lạm[7] *để trừ tệ khoét đục của dân.*

Năm là, xin cổ động Nho phong[8]*, khiến cho đuốc lửa cùng ánh mặt trời soi sáng.*

Sáu là, mở đường cho người nói thẳng, để cho cánh cửa của lòng thành cùng với đường can gián đều mở toang.

Bảy là, cách kén quân, nên chú trọng vào dũng lực hơn là cao lớn.

Tám là, chọn tướng nên cầu người thao lược mà không căn cứ vào thế gia[9]*.*

Chín là, khí giới quý ở bền sắc, không chuộng văn hoa.

Mười là, trận pháp[10] *cốt cho tề chỉnh, cần chi điệu múa.*

Mười điều kể trên rất là thiết thực, phơi bày tấm lòng trung, mong được bề trên soi xét. Hay tất làm, dở tất bỏ, vua nghĩ đến chăng! Nước được trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy!"

Tờ sớ dâng lên, vua vui thích quá, vỗ vào cây đàn mà reo lên:

– Không ngờ một nữ tử lại thông tuệ dường này! Thật là một Từ phi[11] ở trong cung của trẫm vậy.

Tuy nhiên nhà vua vẫn còn do dự, chưa đem thi hành [...].

---

(1) *Biểu*: một loại văn bản có tính chất hành chính, do bề tôi trình lên vua để trình bày một ý kiến hay vấn đề nào đó.

(2) *Kê minh thập sách*: mười kế sách (khuyên vua) trong buổi dậy sớm để coi việc triều chính. *Kê minh* (gà gáy) là tên bài thơ trong *Kinh thi* (Trung Quốc), thuật lời một phi tần khuyên vua dậy sớm để chăm lo việc nước.

(3), (4) *Dời củi khỏi bếp tranh, dùng dâu ràng cửa tổ*: dẫn điển trong *Hán thư* (Trung Quốc), ý nói phòng ngừa từ trước để tránh những hậu hoạ.

(5) *Bồng môn*: cửa liếp lều tranh, chỉ sự nghèo hèn; đối với "tiêu thất" ở sau: buồng lụa, phòng son, chỉ sự quyền quý, cao sang.

(6) *Hà bạo*: hà khắc, bạo ngược.

(7) *Nhũng lạm*: nhũng nhiễu, lạm quyền.

(8) *Nho phong*: phong cách, trào lưu Nho học.

(9) *Thế gia*: ở đây có nghĩa là gia thế lớn, dòng dõi xuất thân cao quý.

(10) *Trận pháp*: phép tắc bài binh bố trận.

(11) *Từ phi*: Từ Huệ phi của Đường Thái Tông (Trung Quốc), là một cung phi hiền đức, từng can gián vua không nên xa xỉ và ham việc động binh.

(**Lược một đoạn**: *Năm Long Khánh thứ tư – 1376, có bề tôi tâu trình việc quân Chiêm Thành quấy phá bờ cõi, vua muốn đem quân trừ diệt. Quan Ngự sử Lê Tích can gián "vua không nên lấy giận riêng mà khởi binh". Bích Châu biết vua không nghe lời nói thẳng và tỏ rõ ý khinh địch, bèn làm biểu dâng lên, nói rõ lẽ thiệt hơn, trong đó nhấn mạnh: bậc thánh nhân nên rộng lượng, đạo trị nước nên chú ý cái gốc, nên nghỉ việc binh để dân chúng yên vui*).

2 Tờ biểu dâng lên, vua không trả lời, lại hạ lệnh duyệt binh, định đến tháng Chạp kéo quân đi đánh. Nàng thấy lời can không được vua nghe theo, so sức mình, lượng sức giặc, tấm lòng lo nước nhớ vua đăm chiêu ra sắc mặt. Nàng than:

– Nghĩa là vua tôi, ơn là chồng vợ, đã không lấy lòng trung can gián nổi để giữ nền bình trị, lại không khéo lấy lời ngay để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi đất trời vậy.

Từ đó, nàng không để lòng đến sự trang điểm, ăn ngủ không yên, cố ý nài xin được đi hộ giá. Vua chuẩn y lời tâu ấy. Đúng ngày, nhà vua đem hai mươi vạn quân lên đường. Bóng cờ rợp trời, thuyền bè đầy sông, ba quân thuận dòng mà tiến, thẳng tới địa giới Kỳ Hoa[1]. Các phụ lão nghe tin quân nhà vua đến, tranh nhau dâng lụa cùng thức ăn, đứng xếp hàng ở bờ sông chào đón và tâu:

– Thần miếu ở phía trước rất hiển linh, các tàu thuyền qua lại nếu đến đó lễ bái thì sẽ được thuận buồm xuôi gió, không thì một mái chèo, một mảnh buồm đều bị đắm xuống đáy biển hết!

Vua uý lạo các phụ lão, cho lui về, rồi hạ lệnh tạm đóng quân ở bên bãi vắng. Khi ấy đang cuối mùa đông, mưa tuyết mới tạnh, trăng mờ mờ sáng, tiếng gió tiêu điều, cá bơi lượn đớp bóng cây mai, chim về tổ đan cành cổ thụ. Nàng Bích Châu cuốn rèm gấm lên, ngồi tựa mạn thuyền một mình, nàng rót rượu ngon, đốt hương thơm, bao nhiêu cảnh trời biển thiên nhiên đều thu vào trong tầm mắt. Lúc gần nửa đêm, Bích Châu ngửa mặt lên xem tượng trời[2], thấy một đám mây đen từ phương đông lại, lấn vào ngôi sao thứ tư bắc cực[3] rất gấp. Nàng sợ hãi chỉ vào sao ấy mà nói:

– Ngôi sao kia ứng vào phận phi tần, chả biết yêu khí nơi nào dám đến xâm phạm? Có lẽ sao kia khinh ta không có thanh gươm Bao Công[4] hay sao?

Những chi tiết gợi sự linh thiêng, huyền bí có tác động như thế nào tới cảm xúc của bạn?

---

(1) *Kỳ Hoa*: tên vùng đất thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

(2) *Tượng trời*: nguyên văn là *thiên tượng*, chỉ chung các biểu hiện, đặc điểm thiên văn, khí tượng,...

(3) *Sao thứ tư bắc cực*: ở đây chỉ nhóm sao Bắc Đẩu, gồm bảy ngôi sao, ở thiên cầu bắc, mỗi sao có tên gọi riêng. Sao thứ tư có tên Hán Việt là Thiên Quyền.

(4) *Thanh gươm Bao Công*: ý nói công minh chính trực. Bao Công (Bao Chửng) người đời Tống (Trung Quốc), nổi tiếng là người cương trực, liêm khiết, có tài xử án.

Nói xong, nàng liền đóng cửa sổ đi nằm, trằn trọc không yên giấc. Chợt nghe tứ bề đã điểm trống canh tư. Nàng ngồi dậy bói một quẻ Kinh dịch[1], trúng vào quẻ "Phục" biến sang quẻ "Di" [...].

Khi mặt trời chiếu vào cửa sổ trong thuyền, thì thuyền quân tiến đến cửa biển. Bỗng một trận gió lốc cuồn cuộn thổi vào thuyền vua, lớp lớp cờ đào bị gió cuốn sang phía tây nam. Nàng nói:

– Trận gió ấy lạ thay! Tiếng ào ào, sắc ảm đạm, chắc là một thứ gió gian tà!

Vua hỏi:

– Là nghĩa thế nào?

Nàng tâu:

– [...] Xin nhà vua cấp tốc chỉnh bị[2] sáu quân[3] để đối phó.

Nàng nói chưa dứt lời, quả nhiên gió bão nổi lên, sóng biển gào thét. Nhà vua hạ lệnh thả neo để lánh trận gió mạnh. Cuối canh ba bỗng có một người nanh to râu xồm, diện mạo hung tợn, đầu đội mũ lưu tinh, mình mặc áo gấm vây, bước dài, cúi đầu, nghiêng mình, lắc lư đi thẳng đến trước mặt vua thi lễ. Vua hỏi:

– Ngươi là ai? Đêm khuya tới đây chắc có điều gì muốn nói?

Người ấy thưa:

– Tôi là đô đốc vùng biển nam[4], làm quan nơi giang hồ, hiện còn thiếu người nội trợ. Nghe nói, bệ hạ cung tần rất nhiều, nay ngẫu nhiên gặp nhau, cho nên nổi cơn sóng mạnh để thay câu thơ Hoa đường[5]. Vậy xin nhà vua ban cho một mĩ nữ, tôi sẽ kết cỏ[6] để báo đáp. Nếu bệ hạ chỉ để làm của riêng thì tôi không thể nào bỏ qua được.

Vua gật đầu, sực tỉnh giấc. Vua liền cho vời phi tần đến, kể lại giấc mộng. Các cung phi đều tái mặt, nhìn nhau im lặng, không ai nói gì cả. Trong lúc đó, nàng Bích Châu chứa chan nước mắt, nghẹn ngào nói chẳng ra lời, quỳ trước mặt vua, tâu:

– Ngôi đền thiêng kia, các phụ lão đã trình tâu; cái nguy sóng gió đó, chứng nghiệm đã báo. Nếu không phải là oan khiên ngày trước, cũng tất là nghiệp chướng

---

(1) *Kinh dịch*: một trong *ngũ kinh*, bộ sách triết học cổ Trung Hoa, luận về quy luật của trời đất và xã hội thông qua các quẻ bói. Quẻ "Phục" và quẻ "Di" có ý nghĩa *trở lại* và *di dưỡng*. Văn bản lược một đoạn, nói việc Bích Châu luận quẻ bói, cho rằng hành quân không có lợi, sau quả đúng như vậy.

(2) *Chỉnh bị*: chỉnh đốn cho đầy đủ, hoàn bị.

(3) *Sáu quân*: chỉ quân đội nói chung. Nguyên văn là *lục quân*: theo *Chu lễ* (Trung Quốc), quân đội của thiên tử gồm sáu quân, mỗi quân có 12 500 người.

(4) *Biển nam*: biển phương nam; ở đây chỉ vùng biển phía nam nước Đại Việt thời bấy giờ.

(5) *Hoa đường*: một bài thơ trong *Kinh thi* (Trung Quốc), nói chuyện con gái vua được gả cho chư hầu.

(6) *Kết cỏ*: dẫn điển xưa, kể chuyện một ông già, kết cỏ làm vướng chân giặc để trả ơn người cứu con gái mình; ý nói tìm mọi cách để báo ơn. Thành ngữ "kết cỏ ngậm vành" xuất phát từ điển này.

ngày nay. Thiếp không dám tham luyến phồn hoa, tiếc thân bồ liễu, xin trả cho xong cái nợ trước mắt kia.

Vua buồn rầu nói:

– Lành dữ có mệnh, phúc hoạ do trời. Thiêng như Kiềm Doanh[1] cũng không tự chủ trương được. Này xem, Diệt Minh[2] là một tráng sĩ đã chém được con thuồng luồng cướp ngọc bích, Kính Chi[3] là một văn nhân còn giết được loài trai bể quen thói hiếp đáp, huống chi trẫm là một ông vua vạn thặng lẽ nào không tự chủ được, lại tin lời mê hoặc để nàng mắc luỵ oan?

Nàng khẩn khoản:

– Thiếp tuy là phận gái, vả cũng theo đòi bút nghiên, có tin mê những việc ma quỷ đâu! Nhưng khốn, việc đã đến nơi, thế không thể đừng được. Ví bằng nấn ná e lại xảy ra tai biến to, có khi hải thuyền bị tan vỡ hết. Vả lại, khi hành quân, tướng sĩ là trọng, ân ái là nhẹ; đời xưa có người giết vợ, vứt con, cũng là do sự vạn bất đắc dĩ.

Vua nghe nàng nói, lòng thêm buồn bã, không nỡ rời bỏ nàng. Chính lúc ấy gió gào cuộn đất, sóng vỗ ngút trời, đã mấy phen thuyền rồng chực lật úp. Nàng khóc, tâu:

– Có duyên may được hầu chăn gối, dám tiếc cái chết để nghĩa phụ phàng; không phải Cai trướng[4] ngậm oan, cũng khác Ngôi đình[5] nuốt giận, chỉ hiềm:

Dự đoán về hành động, ứng xử của nhân vật Bích Châu.

Ra quân chưa thắng thân xuôi trước,
Luống để anh hùng nước mắt tuôn![6]

Đó là điều di hận của thiếp vậy. Sau khi thiếp chết, xin bệ hạ sửa văn nghỉ võ, kén dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa, dựng chước dài lâu cho nước nhà. Được như thế thì u hồn[7] thiếp có thể ngậm cười nơi chín suối!

Nói xong, nàng nhảy xuống biển. Trong gió gào sóng cuộn, còn nghe văng vẳng tiếng nàng:

– Đa tạ quân vương, từ nay xin vĩnh biệt...

---

(1) *Kiềm Doanh*: tên một vị thần (theo truyền thuyết Trung Hoa).

(2) *Diệt Minh*: nhân vật trong truyền thuyết Trung Hoa. Diệt Minh mang ngọc qua sông, bỗng sông nổi sóng, có hai con thuồng luồng bám vào thuyền, Diệt Minh rút gươm chém chết, sông liền lặng sóng.

(3) *Kính Chi*: tức Hứa Tốn, người đời Tấn (Trung Quốc), học đạo tiên, chu du giang hồ, dùng phép thuật để trừ hại cho dân, từng giết yêu quái là một con trai biển thường hiếp đáp dân lành.

(4) *Cai trướng*: màn trướng (doanh trại chỉ huy quân đội) ở Cai Hạ (Trung Quốc). Hạng Vũ bị Hán Cao tổ vây ở Cai Hạ, tình thế nguy cấp, Vũ vẫn uống rượu ngâm thơ cùng vợ là Ngu Cơ. Ngu Cơ hoạ lại một bài rồi tự vẫn.

(5) *Ngôi đình*: đình Mã Ngôi (Trung Quốc). Đời Đường, An Lộc Sơn dấy loạn, đánh phá vào kinh đô. Khi Đường Huyền Tông chạy đến đình Mã Ngôi thuộc đất Thục, tướng sĩ cho rằng tai hoạ loạn lạc là do Dương Quý Phi và Dương Quốc Trung (anh họ Quý Phi), bèn lùng giết cả nhà Quốc Trung và ép vua xử chết Quý Phi.

(6) Dịch hai câu thơ của Đỗ Phủ vịnh nhân vật Khổng Minh Gia Cát Lượng thời Tam Quốc (Trung Quốc).

(7) *U hồn*: linh hồn chịu oan khuất.

Vua và các phi tần kinh hoàng luống cuống, ai cũng thương khóc. Bỗng chốc, gió tan mưa tạnh, biển hết sóng cồn. Vua sai thuỷ quân mò tìm không thấy tung tích nàng đâu cả.

Nhà vua liền đặt lễ tế, đọc bài văn chiêu hồn [...].

Nhà vua tế xong, ba quân văn võ đều khóc sướt mướt. Vua lập tức hạ lệnh lên đường, tiến sâu vào cửa động Ỷ Mang(1), trúng phải quỷ kế của Bà Ma(2), toàn quân và nhà vua bị hãm ở trong động ấy, khiến bụi trần dậy đất, cáo hổ đầy đường.

*

3 Nhưng rồi vận suy đã hết. Bĩ cực thái lai(3). Lòng trời quyến cố(4) nhà Lê mở ra vận hội lớn. Đến triều Thánh Tông trị vì, khoảng niên hiệu Hồng Đức, ngoài biên thuỳ lại có giặc ngoại xâm. Vua nghe tin, bảo tả hữu:

– [...] Ngày nay, hôn chúa Chiêm Thành kiêu căng khinh mạn, đảo ngược luân thường, tàn hại sinh dân, nếu không đem quân đi trị tội, thì làm sao cứu được dân lành?

Rồi hạ chiếu xuất quân, vua thân hành thống suất thuỷ binh tiến phát. Khi ấy gặp mùa xuân khí trời ấm áp, buồm gấm gió đưa, thuyền rồng êm sóng. Hai bên bờ sông chim oanh học nói, ngang mặt nước cò diệc lặn bơi [...].

Chưa đầy một tháng, thuỷ quân đã kéo đến cửa bể Kỳ Hoa. Bỗng nhiên mưa gió mịt mù, sóng biển dâng trào. Vua hạ lệnh cho các chiến thuyền theo thứ tự đóng lại. Trông sang bên kia bờ, cây to rợp đất, khí uất ngang trời, vua bèn cho dời thuyền đến gần xem. Thì ra đó là một toà miếu cổ, hương khói nghi ngút, hoa thơm ngào ngạt, cáo chuột ra vào trong bụi rậm, chim sẻ ríu rít nơi lau lách, hành khách treo tiền giấy trên cành cây, người làng gác thuyền bên cạnh đền. Vua hỏi dân sở tại, biết rõ đầu đuôi chuyện trước, liền chỉ vào miếu truyền rằng:

Dự đoán về diễn biến câu chuyện.

– Đã lâu nay nghe tiếng nhà ngươi thường làm nhiều điều ngang ngược. Nay quân của trẫm đi qua đây, còn dám làm điên cuồng như thế, dẫu âm dương cách biệt nhưng phép nước trong tay ta. Nhà ngươi há lại không biết việc mộc yêu(5), cổ quái(6) chăng? Nay phải hối lại lỗi xưa, nếu không thì một phiến gạch vụn, một nắm tro tàn cũng bị phá tan thành đất phẳng.

---

(1) *Ỷ Mang*: một địa danh thuộc đất Chiêm Thành ngày trước.

(2) *Bà Ma*: tên một vị tướng của Chiêm Thành, lập mưu vây hãm quân nhà Trần, dẫn đến thất bại của nhà Trần trong lần chinh phạt này.

(3) *Bĩ cực thái lai*: hết vận hạn trắc trở tới thời kì phát triển thuận lợi; *Bĩ* (khó khăn), *Thái* (sáng sủa, hanh thông) là tên hai quẻ trong *Kinh dịch*.

(4) *Quyến cố*: yêu mến, chiếu cố.

(5), (6) *Mộc yêu, cổ quái*: yêu quái ẩn trong cây cối hay trong cái trống. Dẫn truyền thuyết Trung Hoa, nói việc các loài ma quỷ, yêu quái phải trả giá cho những việc làm ác.

Nói xong, tiếng sóng càng mạnh, khi ấy mặt trời đã lặn, bóng trăng lên cao, đêm khuya thỉnh thoảng nghe tiếng người thuyền chài hát văng vẳng ở trong cảng nhỏ. Vua băn khoăn không ngủ, ngồi xem sách. Gần lúc gà gáy, vua tựa án rồng chợp mắt thiu thiu, bỗng thấy một người con gái, nhan sắc rất đẹp, từ dưới nước hiện lên, lạy khóc mà nói:

– Thiếp là cung nhân đời Trần Duệ Tông, không bị chìm đắm ở bến Đố Phụ[1] và cũng không bị nước cuốn ở Tiêm Đài[2], chỉ là hồng nhan bạc mệnh, chiếc bóng một mình, phiêu lưu vào trong tay yêu quái. Từ khi về nơi thuỷ quốc[3], ở lẫn với loài hôi tanh, xấu hổ làm vợ họ Trương[4], bi luỵ làm tù nước Sở[5], ngậm sầu như biển, coi ngày bằng năm, giận thân không thể hoá ra hồn tinh vệ[6], chỉ đau lòng mà thốt ra phú *Li tao*[7]. May sao ngày nay gặp đức Thánh hoàng, dám xin cả gan tâu bày, mong được ra tay tế độ, vớt kẻ trầm luân, để cho tiện thiếp lại được trông thấy ánh sáng mặt trời. Đó là ân lớn của bệ hạ tái tạo vậy.

Vua nghe nói xót thương mà bảo:

– Nỗi oan của phu nhân cũng như Liễu Thị[8], có nghĩa hơn Tào Nga[9], ngàn đời về sau cũng lấy làm đau lòng cắn răng! Chỉ hiềm, âm dương cách biệt, thuỷ bộ đôi đường, dẫu có rừng gươm núi giáo cũng chưa rõ làm cách gì để cứu vớt?

Nàng thưa:

– Việc này rất dễ. Bệ hạ nhân từ tín nghĩa khắp cả đến mọi loài vật. Tên đô đốc kia, tội ác đầy rẫy, sóng biển không rửa hết. Ngoài biển có Quảng Lợi vương là vị thống trị nó, xin bệ hạ gửi cho Quảng Lợi vương một lá thư trách rằng, thiếu sự ngăn phòng kẻ dưới, tự khắc Quảng Lợi vương phải trị tội tên hung thần kia.

---

(1) *Đố Phụ*: bến sông Đố Phụ ở đất Lâm Thanh (Trung Quốc). Tương truyền, vợ Lưu Bá Ngọc đời Tấn tính hay ghen, Bá Ngọc làm thơ khen ngợi nữ thần sông Lạc, bà giận, gieo mình xuống sông chết, hoá làm thuỷ thần bến sông ấy. Phụ nữ qua bến đều phải bỏ trang sức, không được trang điểm, nếu không thuỷ thần sẽ nổi sóng gió cuốn đi.

(7) *Tiêm Đài*: đài làm trên sông. Sách *Liệt nữ truyện* (Trung Quốc) chép rằng: Sở Chiêu Vương đi ra ngoài chơi, để phu nhân ở lại Tiêm Đài. Nước sông dâng to, vua sai người về đón nhưng quên không mang vật làm tin nên phu nhân không chịu đi; nước sông lên ngập đài, bà bị chết đuối.

(3) *Thuỷ quốc*: lãnh vực ở dưới nước, chỉ sông biển.

(4) *Làm vợ họ Trương*: điển tích này hiện có nhiều thuyết khác nhau. Phỏng đoán là Trương Kỷ, người thời Tam Quốc (Trung Quốc), bị ép uổng trong hôn nhân, số phận gặp nhiều ngang trái.

(5) *Làm tù nước Sở*: thời Xuân Thu (Trung Quốc), Chung Nghi theo tướng nước Sở đi đánh nước Tấn, bị quân Tấn bắt giam.

(6) *Tinh vệ*: tên một loài chim ở bãi biển. Truyền thuyết Trung Hoa chép chuyện con gái Viêm đế chết đuối ở biển, hoá làm chim tinh vệ, mỗi ngày đều ngậm đá vụn và cành cây nhỏ để lấp biển.

(7) *Li tao*: tên tác phẩm của Khuất Nguyên (Trung Quốc). Khuất Nguyên tận trung với nước Sở, vì can gián Sở vương mà bị đuổi, nước Sở bị diệt vong. Khuất Nguyên viết *Li tao*, thể hiện chí hướng và nỗi u uất của mình.

(8) *Liễu Thị*: tương truyền là người đời Đường, xuất thân ca nương, có tài sắc; từng có mối tình duyên với nhà thơ Hàn Hoằng. Về sau, do xã hội biến loạn, nàng phải chịu nhiều nỗi oan khiên, bèn xuống tóc nương nhờ cửa Phật.

(9) *Tào Nga*: tương truyền vào đời Đông Hán (Trung Quốc), khi Tào Nga mười bốn tuổi, cha bị chết đuối, nàng khóc thương thảm thiết rồi gieo mình xuống sông; ít ngày sau, người ta thấy thi thể nàng ôm xác cha nổi lên.

Rồi nàng liền dâng ngọc minh châu mà bảo:

– Ngọc châu này gọi tên là triệt hải[1], soi thấy cả nơi âm u, kính dâng lên để thay thông thiên tê[2] ở Ngưu Chử[3].

Nói xong nàng biến mất. Vua duỗi tay ra nhặt lấy ngọc châu, chợt tỉnh giấc thì tiếng chuông đã báo sáng. Nhà vua sai thị thần là Nguyễn Trọng Ý viết một phong thư, bắn ra ngoài biển, treo ngọc minh châu nhìn ra, quả nhiên thấy lầu son gác tía, thành đồng ao nóng, con cháu ngư long cưỡi ngựa đi kiệu, qua lại dưới thành, không lúc nào ngớt bóng. Khi ấy có Kình hiệu uý[4] đi tuần tiễu về, nhặt được bức thư mà nhà vua đã niêm phong cẩn thận, vội vàng đem vào tâu.

Chú ý nội dung đối thoại qua thư trao đổi giữa Quảng Lợi vương và Lê Thánh Tông.

4 Chính lúc ấy Quảng Lợi vương ngồi ở điện Linh Đức, sai Long thượng thư[5] mở ra đọc. Thư rằng:

"Thường nghe: ban phúc người thiện, ra tai kẻ dâm, đạo trời nhanh như tiếng dùi với trống; ban thưởng người tốt, phạt tội kẻ xấu, vương chính[6] vững như chất đá cùng vàng, trên dưới như nhau, xưa nay một lẽ. Nay trẫm nối ngôi chính truyền của tổ tiên, đem quân đánh Chiêm Thành là do tội ác của chúng, trời đất thần người đều không tha thứ. Quân thuyền trăm vạn tiến phát, ba nghìn thuỷ lộ mở đường. Hoàng việt[7] vẫy thì cá tôm chìm lặn, loài vật cũng biết sợ hãi; bạch mao[8] trỏ thì gió mây biến sắc, ai là không sợ giản thư[9]? Ấy thế mà bầy tôi diều hâu độc dữ của ông còn dám chống lại đội quân chim cắt tung cánh[10] của trẫm, y làm yêu làm quái, hiếp oan cung nữ vua Trần, tham sắc tham tài, lại nhiễu hại tính mệnh dân lành. Kẻ kia tất hung hăng quá lắm, sao ngài cứ lặng ngắt ngồi yên? Phải sáng suốt soi gian, đừng để kẻ tiểu nhân lẫn với người quân tử; nên quyết đoán việc làm, nghiêm dùng quốc pháp, giết bọn gian tà. Xin gửi phong thư, chờ mong phục bút!".

---

(1) *Triệt hải*: nước biển (hải) trong thấu suốt (triệt); ở đây ví viên ngọc châu như chiếc gương thần, có thể soi thấu tất cả.

(2) *Thông thiên tê*: chiếc gương trong suốt như băng, có thể soi thấu mọi chỗ trong trời đất. Xem thêm cước chú 3 (Ngưu Chử).

(3) *Ngưu Chử*: một bến sông trên dòng Trường Giang, thuộc tỉnh An Huy (Trung Quốc). Truyền rằng, Ôn Kiệu người đời Tấn, qua bến sông này, dùng gương thần soi thấy ở đó có nhiều loài thuỷ tộc rất kì quái.

(4) *Kình hiệu uý*: hiệu uý cá kình.

(5) *Long thượng thư*: thượng thư rồng.

(6) *Vương chính*: nền chính trị tốt đẹp; nói tắt của *nhân chính* (nền chính trị theo đường lối nhân nghĩa) và *vương đạo* (đạo đức tốt đẹp của bậc quân vương), theo tư tưởng Nho học.

(7) *Hoàng việt*: cái búa vàng.

(8) *Bạch mao*: cờ có gắn lông trắng. Chu Vũ Vương (Trung Quốc) khi đánh nhà Trụ từng dùng hoàng việt và bạch mao để chỉ huy quân sĩ.

(9) *Giản thư*: tờ lệnh của vua.

(10) *Chim cắt tung cánh*: ý nói đội quân có sức mạnh như chim cắt tung cánh.

Quảng Lợi vương nghe đọc xong, mặt rồng nổi giận, nói:

– Người nào cai quản địa phương ấy?

Ngao ngự sử[1] ở trong triều ban nhảy ra tâu:

– Đó là hải khẩu Giao đô đốc[2] vậy. Y là cành vàng lá ngọc, chịu trách nhiệm trông coi một phương trời, chuyên quyền phóng túng, tham sắc đẹp, ăn hối lộ.

Quảng Lợi vương đập gươm xuống bàn nói:

– Quả nhân ít đức, dùng người không xứng đáng; lũ các ngươi a dua để cho y làm rối loạn kỉ cương, mang tiếng với trần gian; tội ác của y không khác gì tứ hung[3] và ngũ cẩu[4], thực đáng sợ vậy! Nay phải phanh thây để làm răn cho hạng người tham bạo.

Khi ấy Côn thừa tướng[5] đứng lên tâu:

– Đức xấu của Giao đô đốc tung khắp cả trên trần gian và dưới âm ti, nếu chỉ dùng hình pháp[6] trị y, chưa đủ làm cho mọi người hả dạ. Nay không gì hơn là, viết thư trả lời, rồi sai tướng đi bắt để làm tội một cách công khai, cho tỏ rõ hiến chương[7] của chúng ta rất nghiêm ngặt.

Quảng Lợi vương cho là phải, liền hạ lệnh cho Ngạc tổng binh[8], Miết tòng sự[9] đem vài nghìn lính mặc áo giáp, đội mũ trụ đi tróc nã Giao đô đốc. Lại sai Lí hàn lâm[10] thảo thư, Long các thần[11] sửa lại, Quy đốc bưu[12] sung chức giang sứ[13] mang thư ra đầu bãi biển. Vua sai học sĩ Lương Thế Vinh nhặt lấy xem. Đó là một lá thư viết vào lụa, mở ra đọc, thấy thư viết:

"Thường nghe: khí mùa xuân ấm áp, hang tối chưa kịp thấm nhuần; ánh mặt trời soi chung, chậu úp không thể thấu đến. Vì trời đất còn có chỗ thiếu sót mà tạo hoá cũng phần nhiều không đều. Tôi đây thẹn rằng, tài hèn lạm giữ chức cao, hết lòng cầu tìm người hiền tài, mong có sự phò giúp của lương tá. Vốn đã biết, vương đạo phải công bằng rất mực, nhưng khốn nỗi gian tà còn che lấp thông minh. Cho nên phiên trấn xa xôi, còn có cường thần làm bậy... Dẫu là hai nơi âm dương cách biệt, nhưng ba thước gươm sáng chẳng dung gian tà.

Kính cẩn trả lời, dám mong xét đến".

---

(1) *Ngao ngự sử:* ngự sử cá ngao.
(2) *Giao đô đốc*: đô đốc thuồng luồng.
(3) *Tứ hung*: bốn kẻ hung bạo thời vua Thuấn trong truyền thuyết Trung Hoa, sau đều bị Thuấn trị tội.
(4) *Ngũ cẩu*: năm con chó; chỉ năm kẻ gian tà đời Đường (Trung Quốc), hùa theo bè đảng của Vũ Tam Tư làm loạn.
(5) *Côn thừa tướng:* thừa tướng cá côn.
(6) *Hình pháp*: chỉ chung pháp luật và hình phạt theo quy định.
(7) *Hiến chương*: chỉ luật lệ, phép tắc của quốc gia.
(8) *Ngạc tổng binh:* tổng binh cá sấu.
(9) *Miết tòng sự:* tòng sự ba ba.
(10) *Lí hàn lâm:* hàn lâm cá chép.
(11) *Long các thần*: các vị quan ở Long các. "Long các" là tên gọi do tác giả sáng tạo để chỉ cơ quan nơi thuỷ quốc, tương ứng với "Đông các" trong bộ máy chính quyền thời phong kiến.
(12) *Quy đốc bưu:* đốc bưu rùa.
(13) *Giang sứ:* sứ giả vùng sông nước.

Đọc xong thư ấy, vua trao lại cho quần thần cùng xem. Khi mọi người để mắt trông ra ngoài biển đều thấy: đi trước là Ngạc tổng binh, theo sau có các loại cá lớn, các loài rùa, ba ba,... như sấm như sét tiến thẳng vào hải phận của Giao thần. Miết tòng sự dõng dạc tuyên chỉ:

Chú ý những chi tiết miêu tả việc thực thi luật pháp ở thuỷ cung.

– Tên Giao thần kia, nhỏ mọn tài hèn, hùng phiên trọng nhậm[1]; không giữ lòng chính trực, lại quen thói tà dâm, dấn thân nơi nguồn lợi tham ô, chìm đắm vào ba đào sắc dục. Thật là đáng đem ra chém giết, dùng chính trăm hình[2]; nhưng nghĩ đến đánh dẹp có công hãy khoan bát nghị[3] đày lên lục địa, cho được toàn sinh. Khâm thử[4]!

[...] Giao thần cụp đuôi biến mất.

5 Bỗng chốc, sóng biếc lặng im, non xanh phơi bóng, "hòn ngọc Minh Châu[5]" lúc trước không biết hiện thân vào nơi nào, chỉ thấy pha lê nhấp nhánh, hương hài nổi lên, vẻ đẹp vẫn y nguyên, nhan sắc bình sinh không thay đổi. Vua cho lấy lễ hoàng hậu mai táng, làm văn tế, dâng lên lễ điện[6] rồi đề lên tường bên trái miếu ấy bài thơ:

Một vị hiền phi của vua Trần,
Hi sinh vì nước quản chi thân.
Đào hoa chìm nổi cơn giông tố,
Đỗ Nhược[7] mơ màng giấc mộng xuân.
Dòng nước vô tình chôn Sở phụ[8],
Hương hồn nào chỗ viếng Tương quân[9].
Than ôi! Trăm vạn quân hùng mạnh,
Lại kém thư sinh một lịch văn!

Đề thơ xong, nhà vua chỉnh đốn quân lữ lên đường. Quân đi đến đâu như gió mùa thu bẻ cành khô, núi Thái Sơn đè quả trứng, bắt sống tù trưởng, hát khúc khải hoàn. Khi vua kéo quân về, gặp lúc mặt trời xế chiều, thuyền quân lại đi qua nơi cũ, nhân tiện đóng quân ở dưới đền.

Đêm ấy trăng sáng sao thưa, nước trời hoà sắc, vua hồi tưởng lại việc thần thuồng luồng nổi sóng, bà Duệ phi quyên sinh, ngậm ngùi than thở:

---

(1) *Hùng phiên trọng nhậm*: (được giao) trọng trách lớn ở nơi phên dậu trọng yếu.

(2) *Dùng chính trăm hình*: ở đây có nghĩa đáng bị trừng trị cả trăm lần theo luật pháp.

(3) *Bát nghị*: theo *Chu lễ*, trong việc xử án, có thể nghị bàn về tám trường hợp được xét khoan giảm khi lượng tội.

(4) *Khâm thử*: từ có tính khuôn mẫu, kết thúc các sắc lệnh của vua, hàm ý mọi người phải tôn trọng chấp hành.

(5) *Ngọc Minh Châu*: ở đây chỉ nàng Bích Châu.

(6) *Lễ điện*: nơi bày rượu và tế phẩm dâng cúng thần linh.

(7) *Đỗ Nhược*: tên một bến sông, dẫn điển xưa, nói ý niệm về cuộc đời tựa như giấc mộng.

(8) *Sở phụ*: phu nhân nước Sở, xem cước chú 2 ở tr. 100.

(9) *Tương quân*: bà phi sông Tương. Theo truyền thuyết Trung Hoa, vua Thuấn đi tuần phương nam, chết ở núi Thương Ngô; hai bà phi của vua đi tìm, trông về Thương Ngô mà khóc rồi trầm mình xuống sông, hoá làm thần sông ấy.

– Quốc gia hưng vượng tất có điềm lành, quốc gia suy đồi tất có điềm dữ, điềm lành hay điềm dữ thật có liên quan đến đức của ông vua tốt hay xấu.

Nói xong, trong lòng nhà vua bồi hồi không ngớt. Ngọn đèn lờ mờ, đồng hồ nhỏ giọt, chợt nhà vua thấy một mĩ nhân vẻ mặt đoan trang, mặc áo trắng, đến trước vái chào mà thưa:

Chú ý sự lặp lại của yếu tố "giấc mộng" trong diễn biến của câu chuyện.

– Nhờ ơn Thánh hoàng tế độ u hồn, nay thiếp đã lên tiên, tiêu diêu nơi mây trắng. Thượng đế thương lòng trung thành của thiếp, sai giáng linh xuống trần, được trông coi hoạ phúc một phương. Thiếp đã mở xem tiên tích, biết bệ hạ là Tiêu Điện tiên đồng, ngày sau được gặp, sẽ ngậm vành đáp tạ để trả ơn to như núi cao biển rộng của người. Duy có một điều thắc mắc về câu kết bài thơ ngự đề vàng ngọc ở trên tường, làm cho thiếp không được yên lòng về chỗ vua tôi, chồng vợ.

Vua gật đầu nói:

– Phu nhân lúc nào trong lòng cũng nhớ đến vua, thực là một người anh kiệt trong đám nữ lưu. Trẫm sẽ vì phu nhân mà đổi lại câu ấy.

Nói rồi vua cầm bút định viết, liền sực tỉnh dậy, hoá ra một giấc chiêm bao. Sáng hôm sau, vua cho quét vôi câu cũ mà viết lại rằng:

Muôn thuở cương thường không hổ thẹn,
Thư cưu[1] *vờn sóng dưới chân đền.*

Sau khi về đến kinh đô, nhà vua hạ chiếu cho lập đền thờ phu nhân, cấp ruộng tế và cắt người coi đền, lại sắc phong thần, trong đó có hai chữ "Chế Thắng"[2]. Mãi đến đời nay khói hương vẫn còn nghi ngút, rất là linh ứng.

Ngô Lập Chi dịch

(Chỉnh lí theo: Nguyễn Đăng Na, *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập một, *Truyện ngắn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 329 – 343)

Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748) biệt hiệu Hồng Hà nữ sĩ, người tỉnh Hưng Yên, sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng. Cha và anh đều đỗ đạt và làm nghề dạy học; bản thân bà cũng từng mở trường và có công dạy học cho cung nữ trong phủ chúa Trịnh. Đoàn Thị Điểm là người tài sắc, biết nghề làm thuốc, văn chương nổi tiếng dương thời. Tác phẩm còn lại của bà gồm có *Truyền kì tân phả* và bản dịch (diễn âm) *Chinh phụ ngâm khúc* (nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn).

Truyền kì tân phả (*Cuốn phả mới về truyện "Truyền kì"*) còn có tên khác là *Tục Truyền kì lục* (*Ghi chép nối tiếp sách "Truyền kì"*). Tên truyện cho thấy rõ ý của tác giả



Trang bìa sách *Truyền kì tân phả*, bản AB. 48

(1) *Thư cưu*: loài chim nước, sống thành đôi, không rời nhau. Bài *Quan thư* trong *Kinh thi* (Trung Quốc) có câu thơ nói về loài chim này, thể hiện sự hoà hợp lứa đôi.

(2) *Chế Thắng*: vua Lê Thánh Tông ban sắc phong nàng Bích Châu là Chế Thắng phu nhân; theo nghĩa chữ Hán, *chế thắng* có ý nghĩa văn chương là tạo ra khuôn phép đẹp đẽ.

là muốn tiếp nối *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Bản gốc *Truyền kì tân phả* đã thất lạc, hiện còn biết được một số dị bản. Bản lưu truyền hiện nay do nhà sách Lạc Thiện xuất bản (đầu thế kỉ XIX).

Hải khẩu linh từ (*Đền thiêng cửa bể*) là một truyện trong *Truyền kì tân phả*, kể về nhân vật chính là nàng Bích Châu, một cung phi đời Trần, là người tài sắc đức độ, luôn quan tâm chính sự. Truyện được viết dựa trên một số sự kiện lịch sử có thật với những tên người, tên đất xác thực nhưng phần hư cấu nghệ thuật vẫn hết sức đậm nét. Ở đây, tác giả đã đưa vào nhiều yếu tố kì ảo để chuyển đổi hình thức các sự kiện nhằm thể hiện tư tưởng và quan niệm thẩm mĩ riêng của mình.

Riêng về nhân vật lịch sử Bích Châu, do các tài liệu ghi chép quá ít nên còn có những nghi vấn nhất định. Các thông tin về bà chủ yếu dưới dạng truyền tụng. Theo đó, bà sống trong khoảng đời vua Trần Duệ Tông, quê ở tỉnh Ninh Bình; là con gái của một vị tướng họ Nguyễn. Bích Châu còn có tên tự là Bích Lưu (theo chữ Hán, *bích – châu – lưu* đều có nghĩa là các loại ngọc quý), dung mạo xinh đẹp, giỏi văn chương. Sau khi được tuyển vào cung, Bích Châu thường được vua gọi là Nguyễn Cơ (*cơ* có nghĩa là người con gái quý phái). Đời Lê, vua Lê Thánh Tông có làm thơ viếng cảnh ngôi đền thờ bà. Việc bà được các triều đại phong kiến cấp sắc phong và cho thờ phụng ở vị trí thượng đẳng thần là một trong những cơ sở cho phép đoán định chuyện về Bích Châu là câu chuyện người thật, việc thật. Đền Hải Khẩu (nhân dân thường gọi là đền Bà Hải) thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Đền có từ trước đời Lê (có tài liệu cho rằng đền do Lê Thánh Tông cho lập), được trùng tu nhiều lần, đến nay vẫn được nhân dân hương khói thờ phụng với lòng thành kính. Hiện chưa xác định rõ tên thôn "Hải Khẩu" có từ bao giờ nên các bản dịch tác phẩm đều dịch nhan đề theo nghĩa chữ Hán là "cửa bể".

1. Lập bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo xuất hiện trong văn bản.
2. Thông qua lời can gián, suy nghĩ và hành động của nàng Bích Châu, bạn có nhận xét gì về phẩm chất, đức tính của mẫu hình người phụ nữ mà tác giả đã xây dựng trong truyện?
3. Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố kì ảo trong câu chuyện đã đóng vai trò như thế nào trong việc thể hiện thông điệp của tác phẩm?
4. Trong số các chi tiết, sự việc kì ảo trong *Đền thiêng cửa bể*, theo bạn, chi tiết hoặc sự việc nào hấp dẫn hơn cả? Vì sao?
5. Nêu suy nghĩ của bạn về quan điểm hiện thực của tác giả thể hiện qua:

   a. Việc miêu tả "bộ máy nhà nước" của Quảng Lợi vương.

   b. Nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương.
6. Trình bày nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đối thoại trong văn bản.
7. Bình luận về chi tiết nàng Bích Châu hiển linh giúp vua thắng trận và việc nàng được lập đền thờ.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về hình tượng nhân vật Bích Châu trong tác phẩm.

VĂN BẢN 2

Muối của rừng

(Trích)

Nguyễn Huy Thiệp

- *Nêu một số tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo mà bạn biết. Chia sẻ cảm nghĩ của bạn về yếu tố kì ảo ở một tác phẩm trong số đó.*
- *Theo bạn, con người cần phải ứng xử với thiên nhiên như thế nào?*

(**Lược một đoạn**: *Rừng mùa xuân xanh ngắt và trong lành. Được con trai tặng khẩu súng săn ưng ý, ông Diểu mặc quần áo ấm, đội mũ lông, đi giày cao cổ, mang theo nắm xôi nếp, đi vào rừng. Bỏ qua những con chim xanh, gà rừng gặp bên lối mòn, ông Diểu đi sâu vào rừng tìm bắn con thú xứng tầm*).

[...] Ông Diểu ngồi im dễ đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ấm. Dễ đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì, không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông.

Ào một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quẫy động của một con vật khổng lồ. Ông Diểu biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng gớm lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diểu mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ở mỗi chặng dừng. Ông Diểu thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. Thoắt một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng: số phận của bậc đế vương không trùng với số phận ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông vơi đi một nửa.

Chi tiết nói về sự chuyển đổi tâm trạng đột ngột của nhân vật có thể báo hiệu điều gì?

Khi con khỉ đầu đàn biến mất thì ào ra một đàn khỉ đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vắt vẻo trên cao, con đánh đu ngang cành. Có con lại nhảy xuống đất. Ông Diểu thấy ba con khỉ cứ quấn lấy nhau: con khỉ đực, con khỉ cái và đứa con nó.

Ý nghĩ con khỉ đực sẽ là con mồi bám lấy ông Diểu tức thì. Cái thằng bố ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đãng[1]! Vị gia trưởng cộc cằn! Nhà lập pháp[2] bẩn thỉu! Tên bạo chúa khốn nạn!

Ông Diểu thấy nóng bừng người. Ông bỏ mũ và áo bông ra đặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kĩ và thấy con khỉ canh gác là con khỉ cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa...

Theo dõi sự tương phản giữa suy nghĩ của nhân vật và đời sống của đàn khỉ trong rừng.

Ông Diểu tính toán rồi luồn theo hướng ngược gió với con khỉ cái canh gác. Phải tiếp cận đàn khỉ đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi rồi là ông chắc chắn thành công. Thiên nhiên đã dành cho ông chứ không ai khác chính con khỉ ấy. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cẩn nhỏ nhặng nào đó cũng chẳng hề gì. Điều ấy tưởng như phi lí mà thật bình thường.

Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diểu vẫn cứ tiếp cận đàn khỉ một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa.

Ông Diểu tì súng vào một chạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khỉ không hề biết rằng tai hoạ đến gần. Con khỉ bố vắt vẻo trên cây bứt quả ném xuống dưới đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là đê tiện. Ông Diểu bóp cò. Tiếng súng dữ dội đến nỗi đàn khỉ lặng đi dễ đến một phút. Con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề.

Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diểu sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rủn ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoắt biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vật xuống.

---

(1) *Phóng đãng*: buông thả, không có ý thức kiềm chế mình trong các sinh hoạt.

(2) *Nhà lập pháp*: định ra luật pháp, đây chỉ người có quyền định ra mọi phép tắc, quy định.

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

– Chạy đi!

Ông Diểu rên lên khe khẽ. Nhưng con khỉ cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khỉ đực nhỏm lên.

Chú ý sự mâu thuẫn trong các hành động của nhân vật.

Ông Diểu tức giận giương súng. Hành động hi sinh thân mình của con khỉ cái làm ông căm ghét. Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hệt như một bà trưởng giả! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thế này, lừa ông sao được?

Khi ông Diểu chuẩn bị bóp cò thì con khỉ cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vứt phịch con khỉ đực xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diểu thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

– Sai lầm rồi!

Ông Diểu rủa thầm vì ông vừa bước ra thì con khỉ cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc!". Y như rằng, con khỉ cái vừa lén nhìn ông vừa lao đến chỗ con khỉ đực. Nó ghì lấy con khỉ đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khỉ cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mụ ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hi sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

Chú ý sự thay đổi điểm nhìn và cách đánh giá về ông Diểu.

– Thôi Diểu ơi... – Ông buồn bã nghĩ, – với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mày chạy nhanh bằng lòng tận tuỵ, thuỷ chung của khỉ?

Như trêu ngươi, hai con khỉ vừa chạy vừa dìu lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại huơ huơ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa dâm đãng. Ông Diểu bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng văng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông mồi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuồng. Ông Diểu ngớ ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Theo dõi sự tự khám phá của ông Diểu về chính mình.

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diểu vừa đuổi vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. "Mất súng thì hỏng!". Ông Diểu nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhoài ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diểu dồn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Hình dung cảnh tượng được miêu tả ở đoạn này.

Ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rùng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong kí ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diểu lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xoá rất nhanh cảnh vật. Ông Diểu chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diểu mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diểu kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hõm Chết. Ở hõm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng.

Vì sao khi đối mặt với Hõm Chết, nhân vật lại nghĩ đến "ma"? Theo dõi tâm trạng của ông Diểu trước những "sự lạ" tiếp theo.

"Hay là ma?" – Ông Diểu nghĩ. "Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?".

Con khỉ này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy?

– "Ta có mê không?" – Ông Diểu nhìn quanh. – "Tất cả như trong mộng mị?" – Ông đứng dậy nhìn lên vách núi bàng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hõm Chết, bầu trời quang đãng không hề vướng gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diểu trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diểu lượng sức: "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày!". Ông Diểu bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diểu thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây duối. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diểu rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diểu lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó.

Điều gì khiến ông Diểu chưa chịu bỏ cuộc?

Ông Diểu đặt tay lên mình con khỉ và thấy nó nóng hầm hập. "Dễ đến hơn yến...". Ông Diểu luồn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cáu kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diểu rút phắt tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt đờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diểu bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quằn quại trông rất đau lòng.

– "Để thế không ổn!" – Ông Diểu vơ lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kĩ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông Diểu tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Một lát, con khỉ rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diểu. Miệng nó phát ra âm thanh lắp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu.

– "Thà mày chống cự thì tốt cho tao" – Ông Diểu nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày. – "Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mủi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khỉ?".

Ông Diểu đã chứng kiến những "sự lạ" nào? Dự đoán những hoạt động tiếp theo của nhân vật.

Ông Diểu suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diểu vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoắt nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sụt xuống rào rào như có sức mạnh nào đấy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diểu thót mình và bám thật chặt vào tảng đá, kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diểu không còn thấy cây duối để quần áo và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết sây sát. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây dây leo nấp chờ ban sáng, ông Diểu dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đấy đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ. Đống mối nhớp nháp một thứ đất mới đỏ au, trên đấy đầy những cánh mối ướt rụi. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diểu quay lại bế con khỉ lên.

Ông Diểu đang đối diện với tình thế gì?

"Chẳng lẽ lại cứ nồng nỗng thế này về nhà thì thật khả ố" – Ông Diểu bực mình. – "Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất...".

Ông Diểu cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

– "Thì đã sao nào" – Ông bỗng bật cười. – "Hỏi ai bắn được con khỉ thế này? Phải yến rưỡi thịt... Lông vàng như nhuộm... Bắn được con vật như thế này thì dẫu mảnh giáp không còn cũng đáng!".

Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diểu giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoắt biến vào bụi rậm. Hoá ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diểu quay lại thì vẫn thấy nó lẽo đẽo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diểu đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the thé rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diểu ngó lại thì vẫn thấy nó lẵng nhẵng bám theo.

Theo bạn, tình huống này có thường xảy ra không?

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diểu bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giãy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diểu mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông toé máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.

Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diểu buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay nơi sống mũi. Hoá ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

– "Thôi tao phóng sinh cho mày!" – Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc[1].

Chú ý chi tiết hoa tử huyền.

Ra khỏi thung lũng, ông Diểu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi.

Chỉ một lát sau, bóng ông nhoà vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.

1986

(*Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*,
NXB Văn học – Công ti cổ phần Văn hoá Đông A, Hà Nội, 2020, tr. 109 – 114)

---

[1] *Phong túc*: giàu có, đầy đủ.

Nguyễn Huy Thiệp (1950 – 2021) quê ở thành phố Hà Nội, tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1972, từng dạy học mười năm ở miền núi Tây Bắc. Xuất hiện trên văn đàn với những truyện ngắn in trên báo *Văn nghệ* thời kì Đổi mới, ngay lập tức, ông trở thành một hiện tượng gây tranh luận sôi nổi. Đến nay, ông đã được nhìn nhận là một cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.

Nguyễn Huy Thiệp sáng tác cả kịch, tiểu thuyết, thơ và viết tiểu luận nhưng truyện ngắn mới là thành tựu đặc sắc nhất của ông. Nổi bật ở truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp là cái nhìn sắc lạnh về hiện thực và lịch sử; bút pháp cô đọng, dồn nén và ngôn ngữ giàu tính đối thoại, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống.



Nguyễn Huy Thiệp
Ảnh: Nguyễn Đình Toán

Các tác phẩm tiêu biểu: *Tướng về hưu* (tập truyện ngắn, 1987), *Những ngọn gió Hua Tát* (tập truyện ngắn, 1989), *Như những ngọn gió* (tuyển tập truyện ngắn và kịch, 1995), *Tuổi hai mươi yêu dấu* (tiểu thuyết, 2003), *Giăng lưới bắt chim* (tập tiểu luận, 2006),...

Muối của rừng được in lần đầu trên báo *Văn nghệ* năm 1987, thể hiện quan niệm của Nguyễn Huy Thiệp về mối quan hệ giữa con người với đời sống tự nhiên. Đây cũng là một chủ đề nổi bật mà Nguyễn Huy Thiệp quan tâm thể hiện trong nhiều sáng tác khác, trên cơ sở quan sát sự trượt dài của con người trong đời sống khi đánh mất bản tính tự nhiên tốt đẹp. Xét về mặt nghệ thuật, cách kể chuyện từ nhiều điểm nhìn và sử dụng một số chi tiết kì ảo có thể được xem là nét đặc sắc đáng chú ý của truyện ngắn này.

1. Giữa nhan đề *Muối của rừng* và nội dung câu chuyện có liên hệ với nhau như thế nào?
2. Hành trình đi săn của ông Diểu cũng là hành trình trải nghiệm và nhận thức. Bạn hãy kể tóm tắt hành trình đó bằng sơ đồ.
3. Ông Diểu đã có những ý nghĩ gì khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng mùa xuân? Bạn có đồng tình với những ý nghĩ đó không? Vì sao?
4. Từ lúc đến Hõm Chết, những sự việc kì lạ đã làm cho ông Diểu thay đổi cảm xúc và suy nghĩ như thế nào?
5. Bạn nghĩ gì về chi tiết "hoa tử huyền" xuất hiện ở cuối truyện?
6. Phân tích sự tương phản về diện mạo và tình thế của ông Diểu được kể ở đầu truyện và cuối truyện, từ đó, làm rõ thông điệp của tác phẩm.
7. Những chi tiết kì ảo trong *Muối của rừng* có điểm gì khác với chi tiết kì ảo trong *Đền thiêng cửa bể*?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn *Muối của rừng*.

Thực hành tiếng Việt

Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học

1. Dựa vào việc tìm hiểu các cước chú trong văn bản *Đền thiêng cửa bể*, hãy xác định các điển cố trong đoạn trích sau:

Trộm nghĩ dời củi khỏi bếp tranh, để phòng cháy trước khi chưa cháy, dùng dâu ràng cửa tổ để ngừa mưa trước lúc chưa mưa. Dân tình dễ chìm đắm vào sự yên vui, còn thế vận khó lòng giữ được luôn bình trị [...]. Thần là kẻ thiếp hèn mọn, tên tự Bích Châu, lúc nhỏ sinh ở bồng môn, khi lớn được hầu nơi tiêu thất [...]. Xin bày tỏ mười điều băn khoăn tấc dạ:

Một là, năng giữ cỗi gốc của nước, trừ hà bạo thì lòng người yên vui.

Hai là, giữ phép xưa bỏ phiền nhiễu thì kỉ cương không rối.

Ba là, nén kẻ quyền thần, để ngăn ngừa chính sự mọt nát.

Bốn là, thải bớt kẻ nhũng lạm để trừ tệ khoét đục của dân.

Năm là, xin cổ động Nho phong, khiến cho đuốc lửa cùng ánh mặt trời soi sáng.

Sáu là, mở đường cho người nói thẳng, để cho cánh cửa của lòng thành cùng với đường can gián đều mở toang.

Bảy là, cách kén quân, nên chú trọng vào dũng lực hơn là cao lớn.

Tám là, chọn tướng nên cầu người thao lược mà không căn cứ vào thế gia.

Chín là, khí giới quý hồ bền sắc, không chuộng văn hoa.

Mười là, trận pháp cốt cho tề chỉnh, cần chi điệu múa.

Mười điều kể trên rất là thiết thực, phơi bày tấm lòng trung, mong được bề trên soi xét. Hay tất làm, dở tất bỏ, vua nghĩ đến chăng! Nước được trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy!

Gợi ý: Tìm đoạn trích ở tr. 95; theo dõi những cước chú có liên quan để nhận diện được các điển cố. (Điển cố có thể được tác giả sử dụng dưới hình thức nhân danh, địa danh.)

2. Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn trích sau:

Thiếp là cung nhân đời Trần Duệ Tông, không bị chìm đắm ở bến Đố Phụ và cũng không bị nước cuốn ở Tiêm Đài, chỉ là hồng nhan bạc phận, chiếc bóng một mình, phiêu lưu vào trong tay yêu quái. Từ khi về nơi thuỷ quốc, ở lẫn với loài hôi tanh, xấu hổ làm vợ họ Trương, bi luỵ làm tù nước Sở, ngậm sầu như biển, coi ngày bằng năm, giận thân không thể hoá ra hồn tinh vệ, chỉ đau lòng mà thốt ra phú Li tao. *May sao ngày nay gặp đức Thánh hoàng, dám xin cả gan tâu bày, mong được ra tay tế độ, vớt kẻ trầm luân, để cho tiện thiếp lại được trông thấy ánh sáng mặt trời. Đó là ân lớn của bệ hạ tái tạo vậy.*

Gợi ý: Tương tự cách thực hiện bài tập 1, trước hết, cần tìm đoạn trích ở tr. 100 và nhận diện các điển cố xuất hiện trong đó. Tiếp sau, thử diễn đạt lại nội dung đoạn trích theo cách không dùng các điển cố và so sánh đoạn văn vừa viết với nguyên gốc để rút ra những nhận xét cần thiết theo yêu cầu của bài tập.

3. "Hoa Quả Sơn" và "Thuỷ Liêm Động" trong những câu sau có phải là điển cố không? Nêu tác dụng của việc sử dụng hai "địa danh" đó.

Cân nhắc kĩ, ông tính đi men chân núi đá vôi sang rừng dâu da săn khỉ. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thuỷ Liêm Động của thung lũng này. Ở rừng dâu da, khỉ có hàng bầy.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Muối của rừng*)

Gợi ý: "Hoa Quả Sơn" và "Thuỷ Liêm Động" là những địa danh xuất hiện trong tác phẩm *Tây du kí* (Trung Quốc); kết nối với nội dung của *Tây du kí* để hình dung về khung cảnh của Hoa Quả Sơn và Thuỷ Liêm Động. Diễn đạt lại ý của câu thứ ba mà không dùng các địa danh này.

VIẾT

Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học

Theo dõi lịch sử văn học, chúng ta thường gặp hiện tượng: người sáng tác vay mượn một số yếu tố của những tác phẩm ra đời trước đó (cùng nền văn học hay khác nền văn học) để sáng tạo nên tác phẩm mới. Trong đó, rất phổ biến là việc vay mượn nhiều yếu tố của văn học dân gian – loại hình sáng tác thường được xem là cội nguồn của văn học viết. Vay mượn không đồng nghĩa với việc "bê nguyên xi" những gì đã có mà luôn đi kèm với sự cải biến (hay biến đổi, cách tân), sáng tạo để chất liệu cũ có thể giúp người viết thể hiện được cảm quan nghệ thuật mới, ý tưởng sáng tác mới của mình. Đây là một đối tượng khám phá thú vị. Theo yêu cầu viết của bài này, khi bàn về giá trị một tác phẩm, cần tập trung phân tích hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo. Định hướng này sẽ giúp bạn có cái nhìn rộng mở hơn về tác phẩm với tư cách là sản phẩm của việc kế thừa, giao thoa, tương tác, sáng tạo diễn ra không ngừng trong đời sống văn học.

Yêu cầu

- Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.
- Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.
- Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.
- Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.

Bài viết tham khảo

Mẫu gốc(*) *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* và sáng tạo của Hoà Vang trong truyện ngắn *Sự tích những ngày đẹp trời*

(Trích)

Nguyễn Thị Nương

Giới thiệu tác phẩm, mối quan hệ giữa hai tác phẩm thuộc hai kiểu loại văn bản.

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là một thần thoại đã được truyền thuyết hoá, nằm trong chuỗi truyền thuyết về thời Hùng Vương. Tình huống hấp dẫn, hình tượng độc đáo khiến *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* trở thành một trong những mẫu gốc có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống của nhân dân và trong văn học viết [...]. Trong số đó, sự hồi sinh độc đáo và thú vị nhất của mẫu gốc *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* được thể hiện ở truyện ngắn *Sự tích những ngày đẹp trời* của Hoà Vang. Người cầm bút "mang hồn cổ tích" này thực sự đã tạo nên một sinh mệnh mới cho câu chuyện xưa.

1. Biến đổi chủ đề và cốt truyện

Chủ đề và cốt truyện của hai tác phẩm: sự biến đổi, tính hợp lí của sự biến đổi.

[...] Viết *Sự tích những ngày đẹp trời*, Hoà Vang vẫn dựa trên nền cơ bản của cốt truyện cũ, không thay đổi những chi tiết, sự kiện đã hằn sâu trong tâm thức của bao nhiêu thế hệ, nhưng đã chuyển hướng tác phẩm của mình sang một chủ đề hoàn toàn mới: khám phá vẻ đẹp bí ẩn, kì diệu của tình yêu; sự phong phú, phức tạp của tâm hồn con người. Xuất phát từ cảm hứng này, Hoà Vang đã tạo dựng một cốt truyện với hàng loạt xung đột mới: xung đột giữa Thuỷ Tinh và Vua Hùng, xung đột giữa Thuỷ Tinh và đám thuỷ thần thuộc hạ, xung đột giữa bổn phận và khát vọng tình yêu trong tâm hồn Mị Nương,... Đặc biệt, mâu thuẫn Sơn Tinh và Thuỷ Tinh đã hoàn toàn bị lược bỏ [...].

Trong mẫu gốc, yếu tố đóng vai trò quyết định sự thành, bại của hai vị thần trong chuyện hôn nhân là thời gian sính lễ được mang tới sớm hay muộn. Tác giả dân gian đã miêu tả về các món lễ vật rất cụ thể, song nhiều tác giả đời sau đã không chú ý đến chi tiết đặc sắc này. Tiếp nối mạch chủ đề của mẫu gốc, hầu hết các tác phẩm đều tập trung phát triển các chi tiết miêu tả cuộc chiến giữa hai vị thần.

Lựa chọn chủ đề ca ngợi tình yêu, Hoà Vang đã không đi theo hướng đó mà chú trọng khám phá nguyên nhân làm nảy sinh bi kịch tình yêu Thuỷ Tinh – Mị Nương. Vì vậy, chi tiết Vua Hùng thách cưới được nhà văn lựa chọn làm đầu mối của

(*) *Mẫu gốc*: nguyên mẫu, nguồn trực tiếp mà các sáng tạo về sau khai thác với những biến đổi và sáng tạo riêng.

hệ thống xung đột mới. Tác giả đặc biệt chú ý cách ứng xử "thiếu công bằng" của nhà vua đối với Thuỷ Tinh khi yêu cầu sính lễ toàn là các sản vật của Đất, của Núi. Tính chất thiên vị của các lễ vật vốn ẩn chứa thái độ của nhân dân với Thuỷ Tinh, kẻ đại diện cho sức mạnh đáng sợ và đáng ghét của thiên tai, lũ lụt. Giờ đây, sự thiên vị này đã được chuyển hẳn sang Vua Hùng, người đứng đầu trăm họ. Điều thú vị là thái độ đó lại được Hoà Vang lí giải theo một hướng mới, độc đáo và cũng rất logic. Căn nguyên chính là "sai lầm" của Thuỷ Tinh: chàng trai đã vội vã bày tỏ với Vua Hùng những cảm xúc nồng cháy của trái tim đang yêu [...]. Trọng trách với trăm họ khiến nhà vua khó có thể lắng nghe và trân quý tiếng nói bộc bạch tình yêu của Thuỷ Tinh hơn tiếng nói hứa hẹn bổn phận của Sơn Tinh. Và lễ vật thách cưới đã được đưa ra, rành mạch, dứt khoát, hàm chứa sự ưng thuận với lời cầu hôn của Thần Núi và cả lời chối từ dành cho Thần Nước. Xung đột đầu tiên giữa vị vua "trọng việc hơn trọng tình" với chàng trai "luỵ tình" đã làm tan vỡ giấc mơ hạnh phúc của Thuỷ Thần và cũng mở ra các tuyến xung đột khác.

Nương theo dòng chính của cốt truyện xưa, Hoà Vang đã sáng tạo thêm nhiều tình tiết mới. Thế giới đơn giản, sáng rõ của thần thoại, truyền thuyết được thay thế bằng thế giới phức tạp, đa chiều của cuộc sống hiện đại [...]. Sáng tạo những xung đột mới, những tình tiết mới, Hoà Vang đã mang lại khả năng phản ánh hiện thực phong phú và gia tăng sức cuốn hút cho cốt truyện.

2. Biến đổi nhân vật

Do biến đổi chủ đề nên vị trí trong cốt truyện và tính cách của các nhân vật trong *Sự tích những ngày đẹp trời* đều có sự thay đổi. Hình tượng trung tâm giờ đây không còn là người anh hùng trị thuỷ Sơn Tinh mà là cặp đôi Thuỷ Tinh – Mị Nương. Diện mạo tính cách của từng nhân vật cũng được nhà văn khắc hoạ phong phú hơn, con người hơn.

2.1. Nhân vật Thuỷ Tinh

Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* dựng nên hình tượng Thuỷ Tinh như một ẩn dụ cho sức mạnh hung bạo của tự nhiên, sức tàn phá khủng khiếp của lũ lụt. Các tác phẩm sau này cũng thường giữ nguyên hình ảnh một Thuỷ Tinh dữ tợn, hung ác, thù dai. Nó phản ánh thái độ của người xưa đối với nạn lụt lội từng đem đến bao thảm hoạ. [...]

Phải đến *Sự tích những ngày đẹp trời* của Hoà Vang, nhân vật Thuỷ Tinh mới hoàn toàn "thoát xác" khỏi hình vóc cũ để hiện lên với vẻ đẹp hoàn hảo của một người tình lí tưởng. Dáng vẻ bên ngoài đẹp và buồn, cường tráng mà hào hoa; tâm hồn sôi nổi, nồng nhiệt mà vẫn dịu dàng, điềm đạm trước người yêu. Điều kì lạ là sự thay đổi này trái ngược hẳn với cách hình dung truyền thống mà vẫn tự nhiên và đầy sức thuyết phục. Có lẽ vì nhân vật đã được tắm trong thứ ánh sáng huyền diệu của tình yêu; được đặt vào một "lĩnh vực" mà sự phức tạp, bí ẩn, bất ngờ,... mặc nhiên tồn tại!

Hình tượng Thần Biển của Hoà Vang gắn liền với cả một thế giới cảm xúc yêu đương nồng nàn, mê đắm. Từ những rung động đầu tiên nơi nguồn suối, những nhớ nhung cồn cào ngoài biển cả, niềm hân hoan lúc lên đường đến Phong Châu, nỗi bồn chồn, khắc khoải đợi phút giây gặp mặt... cho đến cảm giác bàng hoàng và nỗi đau đớn âm thầm, dữ dội khi để mất người yêu. Trái tim chàng cháy rực ngọn lửa tình yêu có thể làm sôi sục ba tầng nước của Thuỷ Tinh cung.

Nhân vật Thuỷ Tinh và những biến đổi so với mẫu gốc.

Bị nỗi đau khổ, nhớ thương giày vò, hành hạ, nếu có một phút giây chàng không kiềm chế được nỗi đau và "điên cuồng triển hết sức mình động biển", thì cơn hồng thuỷ ấy sẽ tức khắc biến núi Tản, Phong Châu,... thành "nghìn trùng sóng vỗ mãi mãi". Nhưng chưa bao giờ Thuỷ Tinh có mặt trong những cuộc báo thù của muôn loài thuỷ tộc vì nỗi sợ này: "Tôi sẽ mất em, nỗi nhớ em, lòng mong muốn hướng về em, mất hết, mất vĩnh viễn.". Chỉ cần được nhớ thương, thậm chí đau khổ vì nỗi thương nhớ ấy, đối với chàng, cũng đã là hạnh phúc. Ngay trong cuộc trùng phùng mà Thuỷ Tinh ngày đêm mong ước, thậm chí coi đó là niềm hi vọng để sống, chàng vẫn một niềm gìn giữ, trân trọng hạnh phúc của người con gái mình yêu thương. Vì sự thanh thản của tâm hồn nàng, chàng có thể hi sinh mọi khát khao của riêng mình. Theo lời Mị Nương, chàng quay về biển cả, để nuôi giữ ngọn Hoả Tâm nồng ấm cho đại dương mãi "trong sạch, phóng khoáng, quyến rũ, tràn đầy tình yêu". Ngòi bút Hoà Vang đã "khai sinh" một Thuỷ Thần hoàn toàn mới – biểu tượng của người tình lí tưởng.

2.2. Nhân vật Mị Nương

Trong mẫu gốc, Mị Nương chỉ được giới thiệu như một "nguyên cớ đẹp" dẫn đến cuộc giao tranh của hai vị thần hùng mạnh. Các tác giả trung đại cũng không chú ý miêu tả nhân vật này... Vì thế, đối với Hoà Vang, Mị Nương như khối ngọc còn ẩn mình trong đá. Và tay thợ tài hoa ấy đã dồn cả tài năng, tâm huyết để tạc nên một hình tượng Mị Nương của riêng mình. Nàng đích thực là người con gái của nước Việt xưa: nết na, hiền thục, vâng theo khuôn phép, một niềm trong bổn phận làm con, làm vợ. Mị Nương trọng chồng, tin chồng, nhất nhất chiều theo mọi sự sắp đặt của chồng. Nhưng tâm hồn nàng đã không hoàn toàn "yên ngủ" trong cuộc sống "tuyệt vời hạnh phúc, mẫu mực". Mị Nương vẫn ấp ủ trong lòng những "chút riêng nhỏ âm thầm" mà ngay cả vị Thần Núi khôn ngoan, đầy thiên lương cũng không thấu hết. Nàng nhớ tuổi hoa niên, thèm sống lại những khoảnh khắc trong ngần, phóng khoáng giữa thiên nhiên, sống thực với mình, không bị kiềm toả bởi lễ nghi, địa vị. Nhà văn đã mượn nỗi nhớ thương muôn thuở trong lòng những người con gái lấy chồng xa để mở ra thế giới tâm hồn phong phú, tinh tế của nhân vật này. Đó cũng là cách Hoà Vang tiếp nối dòng cảm hứng ngợi ca sức sống của nhân tính và sức hút mãnh liệt của nhân thế. Cùng với nỗi nhớ nhà, còn có sự

thức dậy của những khao khát vô hình mà chính Mị Nương cũng khó lòng nhận diện. Nó tồn tại trong vô thức, tự thuở nàng còn hồn nhiên trong niềm vui trẻ thơ, cất lên tiếng hát giữa lòng con suối đầu nguồn.

Sáng tạo mới về nhân vật của Hoà Vang so với truyền thuyết.

[...] Dù đã bao năm tận mắt chứng kiến cuộc báo thù hung bạo của Thuỷ Thần, nhìn thấy người đời vẽ "tên chúa trùm nạn lụt" với bộ mặt xanh lét, đôi mắt ti hí gian xảo, đầu úp một con ốc vặn xoắn hèn mọn..., nàng vẫn nhận ra con người thực của Thuỷ Tinh "chàng trai tuyệt vời đẹp và buồn". Tiếng gọi thốt lên từ đáy lòng sau bấy nhiêu thời gian xa cách đã để lộ tình yêu mà nàng từng giấu kín với cả bản thân mình!

Trong tình yêu Thuỷ Tinh, Mị Nương đã tìm lại trọn vẹn bản thân mình nhưng nàng chưa từng có ý nghĩ vượt qua một ranh giới nào của khuôn phép. Nàng ngỡ mình sẽ chẳng bao giờ phải sống trong cảm giác có lỗi với người chồng mẫu mực. Thuỷ Tinh cũng không hề muốn làm xáo trộn cuộc sống êm đềm, hạnh phúc của nàng. Nàng không thể có được sự bình yên như cũ nhưng cuộc sống của nàng phong phú hơn, đẹp hơn, giàu ý nghĩa hơn. Nàng đón đợi những hạt mưa Thuỷ Tinh trong vắt bên khuôn cửa sổ. Và ngay trong những vách gỗ của lâu đài Thần Núi, nàng âm thầm lắng nghe tiếng vọng rì rầm của muôn ngàn con sóng "nghe, mà cồn cào tưởng đến biển, mà khát khao được thấy biển một lần...". Để rồi cuối cùng, tâm hồn Mị Nương thăng hoa trong khát vọng tình yêu thuần khiết, tìm về với Biển. Phải nói, đây là một trong những trang viết đậm chất cổ tích nhất, mà cũng hiện đại nhất của Hoà Vang [...].

Dùng luận điểm bàn về ngôn ngữ nghệ thuật để kết luận.

[...] Trong *Sự tích những ngày đẹp trời*, Hoà Vang mang lại ánh sáng lung linh cho câu chuyện bằng lời kể giàu chất thơ, giàu cảm hứng lãng mạn. Ông không ngại ngần dùng lối nói du dương, những câu văn nhiều vần điệu có khả năng hồi sinh tư duy hồn nhiên, lãng mạn của người đọc, đưa họ về với tuổi hoa niên, yêu và xúc động trước "những lời có cánh" như mạch nước trong ngần, mát lành, róc rách,... Nhiều câu văn, đoạn văn cứ ngân nga mãi trong lòng người. Giọng kể trong *Sự tích những ngày đẹp trời* cũng vang lên với nhiều cung bậc, nhiều âm sắc. Có chất giọng khi thì sôi nổi, nồng nàn; khi trầm buồn, khi thiết tha của người tình Thuỷ Tinh. Có giọng điệu trầm tĩnh, ấm áp của một Sơn Tinh trí tuệ và bao dung; có giọng điệu vừa trẻ trung, thơ ngây, nũng nịu vừa đằm thắm của nàng công chúa nề nếp, đoan trang – biết mình yêu và được yêu. Nhưng ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là giọng của người kể chuyện với tấm lòng trẻ thơ đã làm sống dậy những cảm xúc trong sáng, mơ mộng và tạo nên một thế giới cổ tích hoàn hảo. [...]

(Nguyễn Thị Nương, *http://nguvan.hnue.edu.vn*, ngày 11/10/2020)

1. Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn *Sự tích những ngày đẹp trời*, Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của "mẫu gốc"?
2. Khi bàn về sự "biến đổi" của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở "mẫu gốc", theo bạn, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào?
3. Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo.
4. Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của bạn trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Chọn một tác phẩm (thơ, truyện ngắn, truyện thơ, tiểu thuyết,...) có biểu hiện tương đối rõ sự vay mượn – cải biến – sáng tạo so với tác phẩm có trước.

– Chú ý chỉ ra được những phương diện vay mượn – cải biến trong tác phẩm. Sắp xếp các dẫn chứng thông qua lập biểu khảo sát.

– Xác định phạm vi nội dung và trọng tâm bài viết (vấn đề nghị luận); đặt nhan đề cho bài viết của mình.

Một số gợi ý:

- Trong số các tác phẩm văn học viết mà bạn đã biết, có thể có những tác phẩm vay mượn cốt truyện, nhân vật, sự kiện, hình tượng,... từ một tác phẩm văn học dân gian. Hãy nêu một vài ví dụ tiêu biểu.
- Nhiều tác phẩm văn học Việt Nam đã vay mượn cốt truyện, chịu ảnh hưởng ở các mức độ và phương diện khác nhau của tác phẩm văn học nước ngoài. Lựa chọn để trình bày về một trường hợp như vậy.
- Sử dụng điển cố là một trong những biểu hiện của hiện tượng vay mượn và cải biến trong tác phẩm văn học. Hãy trình bày về một trường hợp sử dụng điển cố mà bạn cho là độc đáo.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Có thể tự đặt ra các câu hỏi xếp theo nhóm như sau để tìm ý:

– Có những thông tin nổi bật gì cần giới thiệu liên quan đến nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa của tác phẩm "nguồn" và tác phẩm chịu ảnh hưởng?

– Sự tiếp nhận có ý thức được thể hiện rõ trên những phương diện nào (thể loại, cốt truyện, điển cố,... hay cảm hứng, quan điểm, phong cách,...)? Trong đó, phương diện nào cần được đặc biệt nhấn mạnh?

– Bạn nhận diện sự tiếp nhận (chịu ảnh hưởng, vay mượn) dựa trên những yếu tố hoặc cơ sở nào?

– Tác dụng, ý nghĩa của sự cải biến, cách tân là gì?

– Nên đánh giá về mức độ, phạm vi, tính chất,... của sự vay mượn và cải biến như thế nào cho thoả đáng?

Lập dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề (khía cạnh nào của sự vay mượn – cải biến) mà bài viết bàn luận.

– *Thân bài*: Cần triển khai các ý chính sau đây:

+ Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng.

+ Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể.

+ Phân tích, đánh giá những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn.

Lưu ý: Việc sắp xếp hệ thống ý chính cần linh hoạt, phụ thuộc vào ý tưởng triển khai mạch nghị luận. Ví dụ, có thể sắp xếp theo cấu trúc: các phương diện chỉ vay mượn mà không cải biến, vay mượn nhưng cải biến một phần, vay mượn về mặt hình thức nhưng cải biến hoàn toàn về nội dung,...

– *Kết bài*: Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến trong tác phẩm. Nêu đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.

Viết

– Triển khai các ý thành một hoặc một vài đoạn văn. Chú ý sự phù hợp về dung lượng (độ dài) của ý chính (vay mượn – cải biến) và các ý phụ.

– Hệ thống các dẫn chứng (trích dẫn, số liệu thống kê,...) gắn với từng luận điểm cần rõ ràng, xác đáng. Biết trích dẫn ý kiến từ các tài liệu tham khảo một cách hợp lí, trình bày theo đúng quy định.

– Tổ chức liên kết hệ thống ý một cách chặt chẽ.

– Lựa chọn từ ngữ thích hợp, nhất là hệ thống các từ ngữ thể hiện sự so sánh, đánh giá.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đọc lại và kiểm tra bài viết cẩn thận, từ chỉnh thể văn bản đến chi tiết là câu văn; chú ý các yêu cầu cụ thể của kiểu bài.

– Kiểm tra tính logic của mạch ý đã triển khai; tính hợp lí của dẫn chứng; sự khách quan trong bàn luận, so sánh, đánh giá,... về mức độ vay mượn, cải biến sáng tạo của tác giả.

– Rà soát, chỉnh sửa các lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; kiểm tra sự liên kết giữa các câu trong đoạn và giữa các đoạn trong bài viết.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: tác phẩm, tác giả; nội dung đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói.
- Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật của sự vay mượn trong tác phẩm (như cốt truyện, nhân vật, tình tiết,...) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn – cải biến – sáng tạo của tác giả so với "nguyên mẫu".
- Đánh giá chung về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Đề tài của bài trình bày có thể là đề tài mà bạn đã thực hiện ở phần *Viết*. Nên lựa chọn đề tài phù hợp với điều kiện đọc và tra cứu tài liệu tham khảo của bạn.

Tìm ý và sắp xếp ý

Một số câu hỏi tìm ý:

– Nội dung chính của bài nói là gì? Tác giả, tác phẩm nào sẽ được tập trung phân tích?

– Tác phẩm được chọn chịu ảnh hưởng từ tác phẩm nào có trước? Căn cứ xác định có quan hệ vay mượn – cải biến ở đây là gì?

– Đâu là phương diện cho thấy rõ nhất sự tiếp nhận ảnh hưởng từ "nguyên mẫu"? Bài nói sẽ nhấn mạnh điểm gì khi đề cập vấn đề này?

– Các biểu hiện chính của việc vay mượn là gì? Nên đánh giá thế nào về mức độ, tính chất của mối quan hệ vay mượn – cải biến ở trường hợp này?

– Tác giả có những sáng tạo nổi bật gì khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho sáng tác của mình?

– Việc vay mượn – cải biến – sáng tạo của tác giả nói lên được điều gì về bối cảnh văn học lúc tác phẩm ra đời?

Nếu bài nói được xây dựng dựa trên bài viết đã thực hiện, cần lựa chọn từ bài viết những ý (luận điểm) quan trọng nhất, thể hiện được những tìm tòi, khám phá riêng của mình; đồng thời sắp xếp các ý đã chọn theo một trình tự logic, phù hợp với tính chất của bài nói.

Thực hành nói

Mở đầu: Giới thiệu vấn đề trình bày, đối tượng và phạm vi nội dung sẽ được đề cập.

Triển khai: Lần lượt trình bày các luận điểm chính, phối hợp nhịp nhàng giữa lời nói và nội dung của các slide trình chiếu (nếu có).

Kết luận: Tóm lược vấn đề đã trình bày; nêu nhận định, đánh giá khái quát về sự vay mượn – cải biến – sáng tạo của tác giả; ý nghĩa, giá trị thực tế của việc vay mượn – cải biến – sáng tạo được thể hiện trong tác phẩm.

Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
– Đánh giá về tính hệ thống, hợp lí của vấn đề mà bài trình bày đề cập; sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn – cải biến – sáng tạo được bài trình bày lựa chọn. – Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh nghiệm,... – Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.	– Trao đổi về các góp ý, đề nghị,... của người nghe theo đúng trọng tâm. Có thể xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể hiện hết. – Có thể đặt ra các câu hỏi với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng quan tâm. – Với những vấn đề, phương diện còn có cách hiểu, cách lí giải khác nhau, cần ghi nhớ để xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết gì về đặc điểm nổi bật của truyện truyền kì thời trung đại?
2. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì và yếu tố kì ảo trong một số thể loại văn học khác (truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngắn hiện đại,...) có những điểm giống, khác nhau như thế nào?
3. Tìm đọc một tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo, viết bài giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm đó.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Ý nghĩa biểu tượng của "bến trần gian".
- Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh.
- Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này.

Bến trần gian

(Trích)

Lưu Sơn Minh[1]

Anh đã đi mấy chục năm, vượt qua bao nhiêu khuôn mặt chỉ để đêm nay tới đây và gọi "Đò ơi!".

Dòng sông không hiểu đang chảy hay đã ngừng chảy từ lâu. Chỉ có ánh trăng rụt rè sáng một nửa sông phía bên kia không bị bóng cây si che lấp [...]. Hồi còn bé, bà thường kể cho anh nghe ngoài sông đêm có tiếng ma gọi đò, tiếng gọi như một lời khẩn cầu có sức hút huyền bí đến lạ lùng. Bao nhiêu cô gái đã chạy ra bến và chèo một mạch qua sông rồi lại chèo về, cứ thế cho đến sáng. Sau đó, chẳng còn ai dám lấy họ nữa.

Bóng anh trôi nhè nhẹ ven sông, đổ lên những thân cây đẫm sương. Mấy chục năm, cây cỏ vẫn thế. Anh cứ trôi, trôi mãi... và cất tiếng gọi: "Đò... ơi, đò...".

*

Bà cụ Lăng lọm khọm đi ra sau vườn. Đêm nay trăng sáng quá, bà không sao ngủ được. Bà nhớ lại đêm trước ngày thằng Lăng đi bộ đội. Sau khi dự hội diễn ở ngoài đình trở về, nó lặng lẽ ngồi đầu hè thổi sáo. Bà thì ngồi trong nhà ngắm nhìn đứa con trai duy nhất. Bóng nó đổ xuống sân lừng lững. Bà thấy mắt mình nhoà đi, hình như bà khóc... Cái bóng cứ tự nhiên mờ dần dưới chân Lăng. "Chết... mất bóng thì mày thành ma hở Lăng?"... Bà vội giụi mắt, không, cái bóng Lăng vẫn còn nguyên ở dưới sân. Đúng, bà nhớ lắm, nó quay lại cười với bà: "U đi ngủ đi, con ngồi thêm chút nữa rồi con cũng đi ngủ. Đêm nay trăng sáng quá"...

---

[1] Lưu Sơn Minh sinh năm 1974 tại thành phố Hà Nội, thành công nổi bật với những truyện viết về đề tài lịch sử. Các tác phẩm chính: *Mưa sâm cầm* (tập truyện ngắn, 1999), *Trần Quốc Toản* (tiểu thuyết, 2006), *Trần Khánh Dư* (tiểu thuyết, 2016).

Ngoài vườn, cây nhài lặng lẽ thơm. Hồi thằng Lăng đi rồi, con Thuỳ mang cây nhài ra trồng ở vườn. Nó bảo bà: "Con chờ anh Lăng suốt đời". Chiều chiều, nó sang nhà nấu cơm quét tước giúp bà. Thế mà bây giờ con bé đã một nách năm đứa con [...]. Bà biết con bé vẫn thỉnh thoảng lẻn ra ngoài bờ sông khóc. Bà lập cập mở cánh cổng ra ngoài bờ sông, trăng đã lên cao tít trên kia.

*

Anh đã đi mấy chục năm mà vẫn luẩn quẩn trong rừng. Cho tới một hôm, trong cuộc viễn du vô định, anh gặp một ông già râu tóc bạc phơ. Ông bảo: "Lại đây con, ta biết con lang thang đã lâu lắm rồi. Ta cho con cái lá này, con hãy gài vào vành tai. Cái lá sẽ giữ cho linh hồn con không tan ra khi quay về chốn cũ. Từ giờ con sẽ bay được. Lên đường đi con. Hãy tìm về nơi con đã ra đi...".

Và suốt chục ngày trời, anh trôi nhẹ nhàng qua những làng mạc, những cánh đồng khô cằn và phì nhiêu, những con sông và núi đồi. Anh trôi qua tất cả, vậy mà đến con sông này thì anh không thể vượt qua được nữa. Phải có một con đò đón anh qua sông. Và thế là anh gọi "Đò... ơi, đò".

*

Thuỳ ngồi trên bến sông khóc. Đã lâu chị mới lại được ngồi một mình ở đây. Chị mong đêm nay bà cụ Lăng ngủ yên. Mọi khi đêm nào chị khóc ngoài này bà cũng ra an ủi. [...]

Thuỳ đứng phắt dậy, chị cần phải qua sông, chị cần phải rời bỏ cuộc sống này đi tìm Lăng của chị. Không cần suy nghĩ gì nữa, chị với lấy chèo và chèo cắm cúi. Gió thổi nhẹ vào tóc chị, vào gáy chị. Thuỳ như thấy đang quay về thời con gái...

*

Đúng rồi... có một con thuyền nhỏ. Thế là công anh gọi đò không uổng phí. Nhanh lên cô lái ơi!

Anh không nhìn xuống dòng sông nữa, anh nhìn sang bên kia sông, nơi anh trở về, u, u ơi... Mấy chục năm rồi, nhanh lên, tôi không thể đứng đây được nữa, tôi phải về với u tôi. Tự nhiên anh liếc vội vào gốc si. Chẳng hiểu có ma không nhưng anh cứ thấy rờn rợn, nhanh lên cô lái ơi...

*

Thuỳ thoáng giật mình. "Bây giờ mà có ai nhìn thấy mình thì mang tiếng quá". Chị tháo chiếc khăn vuông trên vai che kín khuôn mặt và chèo tiếp. Giờ thì chị lại chèo quá chậm. Có lẽ đúng ra là chị không chèo mà để mặc cho con thuyền trôi từ từ.

Cứ như thế, gió sẽ đưa chị đến một bến bờ, không thời gian, không còn những ràng buộc. Lăng sẽ đón chị ở đó. Mà... cũng có thể anh không còn ở nơi ấy nữa, nhưng chị cứ đi, con thuyền sẽ trôi theo những xoáy nước của định mệnh. Gió đêm nay thổi mạnh và con thuyền trôi từ bờ này sang bờ kia thẳng băng như theo một con đường định sẵn. Đuôi thuyền dần dần khuất hẳn trong bóng tối của cây si cổ thụ... Bến nào đấy ơi!...

*

Anh lượn đi lượn lại trên bờ một cách sốt ruột: "Sao cô ta lại chèo chậm như thế?". Mà hình như cô ta không chèo nhưng con thuyền vẫn từ từ trôi về phía anh [...]. Lá si rụng nhè nhẹ và đôi lúc có một quả si rụng xuống cái miếu thờ phía bên kia đánh bộp.

Con thuyền cứ chầm chậm trôi.

Và cuối cùng thì nó cũng chạm vào bờ đất. Anh hấp tấp nhảy xuống đò. Trời ơi, cô lái bịt kín mặt bằng một cái khăn vuông. Đôi mắt quen lắm, hay là... anh không dám nghĩ nữa. Có cái gì giống ánh nhìn vô cảm của cô gái chết đuối ngày xưa. Thôi chết, khéo đây đúng là con đò ma rồi. Anh ngồi rúm lại phía cuối thuyền, giọng nghèn nghẹt "Cô cho tôi qua". Dường như không nghe thấy, cô lái đò quay mũi thuyền và lại chậm chạp chèo về. Anh miên man nhìn lên những rặng cây quen thuộc.

*

Thuỳ vừa thấy mũi thuyền chạm vào bến thì nghe tiếng gọi "Thuỳ ơi, về đi con". Lại bà cụ Lăng rồi. U không cho con đi tìm anh Lăng ư, bao giờ cũng thế, khi nào con muốn về với Lăng thì u lại níu con lại với xóm làng. "U ơi"... Thuỳ bật khóc, chị quay mũi thuyền và chèo về. Chị biết rằng thế này có nghĩa là lại sống như những ngày vừa rồi. Thuỳ quờ tay lên mũi thuyền rút mấy que hương. Chị vừa châm hương vừa lầm rầm khấn. "Lăng ơi, em không thể đi với anh được, em còn phải trông nom u, với cả... còn anh ấy và các con em...".

*

Anh vẫn ngồi núp phía cuối thuyền. Cô lái đò hình như đang lẩm bẩm gì đó. Anh chỉ có thể nhìn thấy những chấm đỏ ẩn hiện ở phía trước. Anh muốn nhảy xuống sông để chạy trốn. Đúng cô ta là ma rồi, chỉ có ma mới khóc không ra tiếng và nói không ra tiếng. Nhưng dường như chân anh cứng lại, dính chặt vào thuyền. Mùi khói hương thơm nhè nhẹ đưa về phía anh. Bất giác anh sờ lên vành tai, chiếc lá vẫn còn. Sắp hết khoảng tối của bóng cây, anh khẽ xoay người cho đỡ mỏi nhưng không được. Chẳng biết rồi con thuyền ma này sẽ đưa anh về đâu. Anh hét lên:

"Hãy buông tha tôi ra, xin đừng đưa tôi về xứ của ma, tôi còn phải về thăm u, mấy chục năm rồi...".

Nhưng không có tiếng động nào phát ra nổi, ngay cả lưỡi anh cũng như hoá đá. Anh cuống cuồng nhìn qua hai bên, nhất định chỉ vì khói hương của loài ma mị này mà anh bị dính chặt ở đây...

*

Thuỳ cập con thuyền vào bờ. Bà cụ Lăng thì thào: "Mẹ cha mày, mày định bỏ mà đi hả con? Làm thân con gái thì phải chịu, mày trốn sao nổi...".

Thuỳ sà vào lòng bà và khóc. Bà cụ lập cập quờ tìm tay Thuỳ: "Thôi con, về nhà đi. Bọn trẻ nó dậy mà không thấy mày lại khóc hết nước mắt. U hiểu mày, thằng Lăng nó biết thế này cũng mát ruột con ạ. Về đi...".

Thuỳ neo thuyền vào cái cây ven sông và lầm lũi biến dần vào bóng đêm.

Còn lại một mình, bà cụ Lăng thở dài chậm chạp trở về nhà, vừa đi vừa đấm lưng "Rõ khổ con bé, thằng chồng phải cái nóng tính. Đẻ lắm thì nuôi nhiều, khổ sở quá rồi hay cáu, mai lại phải sang bảo nó một nhời"...

*

Con đò vừa cập bến, anh ngạc nhiên thấy cô lái nhảy lên bờ và khóc trong lòng một bà cụ rất lâu. Thế rồi cô ấy biến mất vào những rặng cây ven sông. Còn bà cụ thì lập cập chống gậy quay về. Cái dáng đi quen thuộc của những người quanh năm còng lưng vì hạt lúa. Bao nhiêu mùa lúa còng xuống vì thóc thì cái dáng người cũng còng xuống bấy nhiêu. Ơ, nhưng mà... ai trông như là u ấy nhỉ? Thôi khéo đúng là u rồi. U vẫn cầm cái gậy đánh chó ngày xưa, cái gậy con chặt ở bụi trúc sau nhà. Đúng rồi, u ơi, con bị trói ngoài này... Anh không hề cảm thấy rằng mấy nén hương đầu thuyền đã lụi...

*

Hình như có tiếng ai gọi dưới sông, mà giọng người làng này. Lạ nhỉ, đã về đến đây, không lên bờ còn ngồi dưới ấy mà gọi. Bà cụ Lăng lại quay ra bến sông "Ai đớ... ơ... ới?".

– Con đây mà u.

Ơ kìa, đúng thằng Lăng ngồi ở trên thuyền... Bà đánh rơi cái gậy khỏi tay và lật bật chạy xuống bến...

– Sao mày ngồi đấy hả Lăng, lên với u đi.

Lăng ngẩng đầu lên:

– Con bị ngửi hương ma nên hoá đá ở đây rồi.

– Đâu, làm gì có ma?

– Cô lái đò lúc nãy là ma đấy u ơi!

– Mày khéo mơ ngủ rồi con ạ, nó là cái Thuỳ đấy mà?

– Thuỳ hả u? – Anh cuống cuồng vùng dậy – U, bây giờ cô ấy đâu rồi, u kéo con lên với!

Bà cụ đưa tay ra. Lăng cầm vào tay mẹ. Chợt bà cụ thoảng thốt kêu lên:

– Sao tay mày lạnh thế, Lăng?

Lăng vụt lên bờ, anh chơi vơi trên những đám cỏ đầm đìa ánh trăng.

– Thôi rồi, mày là ma hả Lăng?

Và Lăng đột nhiên thấy lờ mờ trong trí nhớ rằng anh đã chết. Anh đã trúng đạn từ lâu rồi, mấy chục năm trước hồn anh cứ luẩn quẩn trong rừng cho đến ngày gặp ông già tóc bạc. Anh kêu lên:

– U ơi, thế người chết là ma hả u?

– Ừ, chết rồi phải thành ma chứ còn gì nữa! Thế ai rắc vàng cho mày mà mày biết nẻo về đây?

Và Lăng kể cho mẹ nghe những tháng ngày, những năm, mấy chục năm phiêu bạt, chuyện ông già và chiếc lá.

Bà cụ lặng người đi. Đâu đây có tiếng chó nhà ai sủa nhau nhảu nghe là lạ...

– Người chết thì phải đi thôi con ạ, đừng luấn quấn trần gian làm gì nữa. Bây giờ mày chỉ làm người ta sợ thôi!

– U ơi, u để cho con tới thăm Thuỳ đã!

Bà cụ kéo vội dải yếm lên chùi mắt.

– Không được, mày mà đến thì nó cũng sợ mày. Với cả còn chồng con nó nữa. Lăng, quay về xứ ma đi, mày không được ở lại để làm hại người sống [...].

Lăng dật dờ mấy vòng, chẳng rõ anh có khóc không bởi đêm nay sương rơi nhiều quá. Bãi cỏ ven sông ướt đẫm.

– U, u có nhớ con không?

Bà cụ Lăng quay mặt đi.

– Không, đi nhanh lên con, mặt trời sắp lên rồi. Cái lá ấy sẽ làm mày trở thành kẻ bị mọi người thù ghét. Bao giờ giỗ thì u lại khấn mày về với u, thế rồi Tết nhất lại về. Con xuống dưới ấy cũng có anh có em, cả thày mày nữa...

Lăng từ từ gỡ chiếc lá ra khỏi vành tai.

– U ơi, u cố ăn uống cho khoẻ, u nhớ...

Cả một đoạn sông tối hẳn lại, hình như có những đám mây vừa kéo ngang bầu trời. Bà cụ Lăng sụm xuống...

*

Buổi sáng ngày mười sáu là một buổi sáng đẹp trời. Thuỳ chạy sang nhà bà cụ Lăng từ sớm. Lúc chị thắp mấy nén hương lên bàn thờ thì thấy trong khung ảnh Lăng có một chiếc lá màu xám, kiểu màu của lá rụng đã lâu. Thuỳ vội vào nhà trong tìm bà cụ.

– U ơi, u khóc hở u?

– Đâu, tao có khóc đâu – Bà cụ chối đây đẩy.

– Đúng u khóc, u lại nhớ anh Lăng hở u?

– Mẹ cha mày – Bà cụ giụi mắt – Tao đang lo vợ chồng mày cãi nhau, chốc tao định sang bảo nó một nhời.

– Sáng nay anh ấy xin lỗi con rồi, u ạ.

– Rõ khéo trẻ con, có với nhau năm mặt con rồi mà cứ như là...

Thuỳ khẽ kêu lên "U..." rồi giấu mặt vào lòng bà "Thế mà lại sắp giỗ anh Lăng rồi u nhỉ...".

Bà cụ Lăng không nói gì, bà mải nhìn ra vườn. Ngoài ấy cây ổi thằng Lăng trồng đang xào xạc. Chốc bà phải ra vườn hái mấy quả vào thắp hương cho nó. "Tội nghiệp thằng bé, u nhớ mày lắm, Lăng ơi". Hai giọt nước mắt chậm chạp lăn trên gò má răn reo rồi rơi xuống tóc Thuỳ.

... Hình như ngoài sông người ta bảo đêm qua có ai lôi thuyền nhà chị Thuỳ ra ngoài này rồi lại thắp hương trên mũi thuyền mà chị ấy không biết... Nắng lên...

Tháng Tư năm Quý Dậu

(Lưu Sơn Minh, *Mưa sâm cầm*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002, tr. 57 – 67)

Bài 5 TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.
- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (dưới hình thức thuyết trình) về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Hài kịch

Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kệch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành động và hoàn cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện,... tức là từ những cái ngộ nghĩnh, ngược đời, bất hợp lí. Hài kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau tuỳ theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng: từ tiếng cười bông đùa, hài hước đến tiếng cười châm biếm, mỉa mai hay tiếng cười lật tẩy, tố cáo, đả kích,... Bằng tiếng cười phủ nhận "những thiếu sót không nên có", hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Bởi vậy, hài kịch nhất thiết phải đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhân vật, tình huống, xung đột, hành động và kết cấu hài kịch

Nhân vật trong hài kịch là những nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc những nhân vật thường xuyên nhầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Nhân vật hài kịch hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác, mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục. Những nhân vật hài kịch như vậy có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. Trong hài kịch còn có thể xuất hiện một số nhân vật châm chích, pha trò hài hước, hay nhân vật đại diện cho một lực lượng đối kháng tiến bộ nào đó, song đó thường chỉ là những nhân vật phụ.

Tình huống hài kịch là những tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thế sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. Tình huống hài kịch còn có thể là những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười, song không bi đát và luôn có thể được giải quyết tốt đẹp.

Xung đột trong hài kịch thường được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải,... (phần nhiều là ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội. Xung đột trong hài kịch dù căng thẳng đến mấy, cũng luôn có khả năng được giải quyết theo hướng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận, cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định. **Hành động trong hài kịch** chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời (hài kịch không nhấn mạnh trăn trở nội tâm – hành động bên trong). Hành động trong hài kịch hướng tới tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những mưu mô, toan tính, chứ không phải làm nổi bật sự kiện, bởi vậy, diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết. **Kết cấu hài kịch** thông thường được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu bằng việc giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính, mưu mô, ảo tưởng của họ; thắt nút theo cách đưa các nhân vật vào tình huống khó xử, đẩy xung đột đi tới đỉnh điểm theo đà thắng thế của toan tính, ảo tưởng; giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo hay một yếu tố ngẫu nhiên để bước vào kết thúc với sự sụp đổ của những toan tính, ảo tưởng đáng cười.

Thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch

Thủ pháp trào phúng bao gồm các cách thức bất ngờ làm bật lên tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, hạ thấp đối tượng. Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; tạo tương phản gây cười (hoán đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đồ vật một cách nghịch lí, cải trang lộ liễu, đột ngột biến dạng bất cân xứng,...). Về **ngôn từ**, cả trong chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật, cũng như trong lời đối thoại, độc thoại, hài kịch sử dụng

rất nhiều biện pháp như: cường điệu, tương phản, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng,... Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chát, "ăn miếng trả miếng" trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau; có khi được triển khai xoay quanh tình huống "ông nói gà, bà nói vịt" thể hiện sự lệch kênh về ý thức; cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại khiến người đọc, người xem bật cười.

VĂN BẢN 1

Nhân vật quan trọng(*)

(Trích *Quan thanh tra*)

Ni-cô-lai Gô-gôn (Nikolai Gogol)

Khoác lác và ảo tưởng về bản thân, theo bạn, có phải là một thói tật đáng cười? Vì sao?

Tóm tắt hài kịch *Quan thanh tra*:

Hồi I: Thị trưởng một thị trấn tỉnh lẻ ở nước Nga dột ngột triệu tập quan chức địa phương để tuyên bố về việc nhận được mật báo: có một quan thanh tra cấp cao bí mật tới thị trấn. Cả bọn kinh hãi, bởi có "đốt đuốc giữa ban ngày" cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế: thị trưởng mặc sức hà hiếp dân chúng, cùng với chánh án công khai nhận quà biếu hối lộ; chánh án để toà án bẩn thỉu, giấy má lẫn với roi ngựa di săn, bồi thẩm thì luôn say xỉn; chủ sự bưu vụ chuyên dọc trộm thư từ; viên kiểm học Lu-ca Lu-kích (Luka Lukitr) bê trễ công việc, coi giáo dục là "nghề chết tiệt"; trưởng viện tế bần Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích (Artemi Philippovitr) bỏ mặc người bệnh "tự ốm, tự khỏi", song lại do thám mọi chuyện để viết thư tố cáo kẻ khác; còn vợ thị trưởng An-na An-đrê-ép-na (Anna Andreevna) và con gái thị trưởng Ma-ri-a An-tô-nốp-na (Maria Antonovna) là những kẻ dầu óc rỗng tuếch, dài các rởm, chỉ biết dua dòi học làm sang và hãnh tiến,... Theo bẩm báo của hai gã địa chủ chuyên ngồi lê đôi mách, cả bọn tưởng một người khách dừng chân tại quán trọ thị trấn "không chịu trả tiền, cũng không chịu đi" là quan thanh tra, nên sửa soạn đến mời.

Hồi II: I-van A-lếch-xan-đrô-vích Khơ-lét-xta-cốp (Ivan Alexandrovitr Khlestacov)[1] vốn là một nhân viên thư kí quèn, "đoảng vị, không được việc gì", tại văn phòng của một vụ ở Pê-téc-bua

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) *Khơ-lét-xta-cốp*: họ của nhân vật trong tiếng Nga có gốc từ "khơ-li-ô-xtơ" (хлёст) – có nghĩa là "kẻ khoác lác không ngượng mồm, chuyên ngồi lê đôi mách".

(Petersburg). Anh ta từng sống chui lủi để trốn tiền trọ, phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ, sa vào bài bạc, cháy túi, song vẫn luôn giữ diện mạo bảnh bao, mơ ước "sống trên đời chỉ cốt để hái những bông hoa khoái lạc". Đang khi Khơ-lét-xta-cốp hết tiền, đói khát, bị mắc kẹt ở quán trọ, thì đám quan chức trong thị trấn, tưởng gã là quan thanh tra, tới khúm núm cung phụng. Thị trưởng mời Khơ-lét-xta-cốp thăm thú những địa điểm trong thị trấn đã được chuẩn bị trước và chuyển đến ở nhà mình để dễ bề bố trí cảnh sát canh gác, ngăn không cho tiếp xúc với những người bị hà hiếp, oan khuất.

Hồi III: Khơ-lét-xta-cốp hồn nhiên nhập vai quan thanh tra, đi thăm thú, tiệc tùng, rồi chuyển đến ở nhà thị trưởng. Việc được thết đãi linh đình tạo cảm hứng cho gã khoác lác về vị thế sang trọng và danh tiếng tưởng tượng của mình. Vợ và con gái thị trưởng sán lại làm thân. Lũ quan tham trong thị trấn lại thêm phần sợ hãi.

Hồi IV: Quan chức, những kẻ tò mò và cả những người bị oan khuất trong thị trấn lũ lượt xin vào gặp Khơ-lét-xta-cốp. Gã thoạt đầu còn sượng sùng vay tiền đám quan chức, tiến tới đòi hỏi, quát nạt để ăn hối lộ công khai của cả người bị hiếp dáp. Khơ-lét-xta-cốp còn tận dụng cơ hội để tán tỉnh cả vợ lẫn con gái thị trưởng. Sau khi cao hứng cầu hôn với con gái ông ta, Khơ-lét-xta-cốp lo bại lộ chân tướng, lấy cớ phải tạm rời thị trấn "đến nhà ông chú giàu sụ", yêu cầu cung cấp xe cộ, hành trang, tiền bạc, để nhanh chóng cao chạy xa bay.

Hồi V: Thị trưởng vênh váo, ra oai trước đám dưới quyền, say sưa với việc con gái mình sẽ kết hôn với "quan lớn" thanh tra, gia đình sẽ chuyển về thủ đô, sẽ thật thần thế, danh giá. Đang khi các nhân vật "có máu mặt" trong thị trấn đến chúc mừng gia đình thị trưởng, thì chủ sự bưu vụ đột ngột báo tin Khơ-lét-xta-cốp không phải là quan thanh tra. Chủ sự bưu vụ đưa ra cho mọi người xem bức thư của Khơ-lét-xta-cốp gửi cho anh bạn nhà báo (tên là Giẻ Rách) kể ra sự thật về chuyện hiểu nhầm, nhận xét châm biếm về thị trưởng và hết thảy các nhân vật. Thị trưởng vỡ mộng, cay đắng nói với mọi người: "Các ngài cười gì? Các ngài đang cười giễu chính mình đấy!". Đúng lúc đó, một viên hiến binh thình lình xuất hiện, tuyên bố: Quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố, yêu cầu tất cả tới trình diện. Lời tuyên bố "như sét đánh" làm cho tất cả kinh hoàng, đờ ra như hoá đá, chuyển vào Lớp Câm – kết thúc vở hài kịch.

Nhân vật quan trọng là đoạn trích từ lớp VI, hồi III của hài kịch *Quan thanh tra*.

HỒI III

LỚP VI

(Các vai trên, thêm An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na)

THỊ TRƯỞNG – Xin giới thiệu gia đình tôi: Đây là nhà tôi và cháu gái.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP (*cúi chào*) – Thưa bà, tôi rất sung sướng được cái hân hạnh đặc biệt gặp bà.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Dạ, chúng tôi còn vui mừng hơn khi được gặp một người như tôn ông...

Đối thoại xã giao thái quá của các nhân vật thể hiện điều gì?

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP (*điệu bộ giả tạo*) – Xin lỗi bà, trái hẳn lại, tôi mới là người vui mừng hơn.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Đâu phải thế! Ông nói như thế thực là quá khen chúng tôi. Xin rước ông ngồi ạ!

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Được đứng bên cạnh bà đã là hạnh phúc lắm rồi; nhưng nếu bà muốn thì tôi xin phép ngồi ạ. Được ngồi gần bà tôi sướng quá đấy ạ.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Xin lỗi ông, quả thực tôi không dám nhận những lời khen của ông. Ông quen ở thủ đô, nay phải đi Vôi-a-gi-rốp-ca[1], chắc khó chịu lắm đấy nhỉ?

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Thực khó chịu quá sức tưởng tượng. Tôi quen sống trong cái xã hội thượng lưu, comprenez vous?[2], vậy mà bỗng phải đi đường xa: nào hàng quán bẩn thỉu, nào dân đen ngu dốt tối tăm... Xin thú thực là nếu không gặp được dịp may mắn như thế này... (*nhìn kĩ An-na An-đrê-ép-na và làm điệu bộ giả tạo trước mặt mụ*), nó đền bù lại tất cả...

Lưu ý thái độ của Khơ-lét-xta-cốp với "dân đen", cũng như chính bản thân mình.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Như vậy quả thực ông phải vất vả, khó chịu nhiều lắm.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Nhưng thưa bà, trong giờ phút này, tôi lại thấy rất dễ chịu.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Ông cứ nói quá! Ông làm vinh dự cho tôi nhiều lắm, tôi thật không xứng chút nào.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Vì lẽ gì không xứng kia ạ? Thưa bà, bà rất xứng đáng...

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Tôi ở chốn quê mùa...

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Nhưng, thưa bà, thôn quê cũng có những dòng sông nhỏ, những trái đồi xinh chứ, tất nhiên ai lại đi so sánh thôn quê với Pê-téc-bua! Chà, Pê-téc-bua! Thực đấy, đời sống ở thủ đô sao mà... Có lẽ bà tưởng tôi là một anh chàng thư kí nhì nhằng? Không, quan vụ trưởng là bạn thân với tôi đấy. Ngài vỗ vai tôi thế này, nói: "Người anh em, lại đằng nhà ăn với mình!". Mỗi ngày tôi chỉ đến vụ có hai phút, đủ để ra lệnh làm như thế này,

Khơ-lét-xta-cốp sơ ý bộc lộ thân phận thật của mình qua lời khoác lác thế nào?

---

(1) *Vôi-a-gi-rốp-ca*: đúng tiếng Pháp phải là *voyage – cuộc du hành*. An-na An-đrê-ép-na học đòi nói tiếng Pháp, nhưng lại nói "tiếng bồi", nửa đầu Pháp ("vôi-a-gi"), nửa sau Nga ("rốp-ca" – "co-man-đi-rốp-ca", nghĩa là chuyến công tác).

(2) Tiếng Pháp trong nguyên bản: "Bà hiểu không?". Khơ-lét-xta-cốp nói tiếng Pháp đúng hơn An-na An-đrê-ép-na, có lẽ y học lỏm được ở thủ đô.

làm như thế kia! Ở đấy đã có một viên công chức, một anh thạo việc bàn giấy, cứ cầm bút một cái xoạch, xoạch... thảo như bay tất cả công văn cho tôi. Họ muốn cử tôi làm quan phó đoàn tuyển cử[1]. Nhưng tôi nghĩ nhận chức ấy làm quái gì. Lại còn một thằng hầu lúc nào cũng cầm bàn chải chạy theo khi tôi lên cầu thang: "Ông I-van A-lếch-xan-đrô-vích, ông cho phép con đánh hầu ông" (*Nói với viên thị trưởng*). Kìa, sao các ông lại đứng thế? Xin mời các ông ngồi!

THỊ TRƯỞNG – Dạ, theo ngạch bậc, chúng tôi phải đứng ạ.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH – Chúng tôi đứng cũng được ạ.

LU-CA LU-KÍCH – Ông cứ mặc chúng tôi, xin đừng bận tâm ạ.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Không cần ngạch bậc, lễ nghi gì cả. Mời các ông cứ ngồi. (*Thị trưởng và cả bọn ngồi*). Tôi không thích lễ nghi phiền phức đâu nhé: trái lại, bao giờ tôi cũng cố tìm cách lẩn tránh cho không ai biết mình. Nhưng không tài nào lẩn tránh được chứ lị, không biết làm cách nào! Tôi vừa có mặt ở đâu, đã thấy có người nói: "Kìa ông I-van A-lếch-xan-đrô-vích đi kia kìa". Có lần họ lại tưởng tôi là tổng tư lệnh. Thế là bọn lính từ trong bốt vội vàng nhảy xổ ra, bồng súng chào. Sau đó viên sĩ quan vốn biết tôi lắm, nói với tôi rằng: "Kìa, người anh em, thế mà bọn mình cứ tưởng lầm đằng ấy là tổng tư lệnh".

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Thế kia đấy!

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Tôi quen nhiều đào hát lắm. Vì tôi cũng có đi xem nhiều vở ca kịch vui... Tôi thường gặp các nhà văn. Tôi là bạn cánh hẩu của Pu-skin (Pushkin). Nhiều lần tôi bảo hắn là: "Thế nào người anh em Pu-skin?". Hắn ta trả lời: "Bình thường, người anh em ạ, vẫn như mọi khi thôi"... Hắn là con người rất độc đáo.

Chú ý sự vênh lệch của việc gắn tên tuổi Pu-skin với thể loại "ca kịch vui".

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Như vậy là ông cũng viết văn nữa kia à? Làm nhà sáng tác chắc thú vị lắm thì phải. Chắc ông cũng gửi bài đăng trên các tạp chí chứ?

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Phải, tôi cũng có cho đăng trên tạp chí nhiều bài. Tôi viết nhiều tác phẩm lắm: *Đám cưới chàng Phi-ga-rô (Figaro), Rô-be (Robe) con quỷ, Noóc-ma (Norma)*[2].

---

(1) Đây chỉ là một chức quan hạng thứ tám, trong số mười bốn nấc thang công chức ở nước Nga lúc đó. Khơ-lét-xta-cốp, vốn là một công chức hạng bét, chỉ biết khoác lác từ những gì nghe lỏm được về cuộc sống thượng lưu, tưởng rằng đây đã là cấp bậc cao lắm rồi.

(2) *Đám cưới chàng Phi-ga-rô* là vở nhạc kịch của Mô-da (Mozart, 1756 – 1791) viết theo hài kịch bất hủ cùng tên của nhà viết kịch Pháp thế kỉ XVIII Bô-mác-se (Beaumarchais, 1732 – 1799); *Rô-be con quỷ* là vở nhạc kịch của Mây-rơ-bi-ơ (Mayrbeer, 1791 – 1864); *Noóc-ma* là vở nhạc kịch của Ben-li-ni (Bellini, 1801 – 1835). Khơ-lét-xta-cốp nhận vơ tất cả những tác phẩm này là của mình.

Tôi không nhớ tên nhiều tác phẩm khác. Tôi viết mọi tác phẩm cũng là do tình cờ thôi. Tôi có muốn đâu, nhưng ban giám đốc nhà hát bảo tôi: "Người anh em, làm ơn viết cho tôi cái gì đi chứ!". Tôi nghĩ thầm: "Được lắm, người anh em ạ". Thế rồi hình như chỉ một buổi tối là tôi viết xong tất cả, ai cũng phải kinh ngạc. Tôi suy nghĩ thực dễ dàng lạ lùng. Tất cả những tác phẩm kí tên nam tước Brăm-bê-út, *Chiến hạm Hi vọng*, *Điện tín Mát-xcơ-va (Moskva)*[1],... tất cả đều do tôi viết.

Khơ-lét-xta-cốp đã bộc lộ thực chất trình độ hiểu biết văn chương của mình như thế nào?

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Vậy ra ông là nam tước Brăm-bê-út à?

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Cố nhiên: tôi chữa thơ cho tất cả bọn họ. Thằng Xmiếc-đin (Smirdin)[2] phải tặng tôi bốn chục nghìn rúp để tôi làm việc ấy cho nó đấy.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Như vậy, đúng ông là tác giả cuốn *Iu-ri Mi-lốt-xláp-xki* (Yuri Miloslavsky)[3] rồi.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Phải, đó là sáng tác của tôi.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Tôi đoán đúng ngay mà.

MA-RI-A AN-TÔ-NỐP-NA – Kìa, mợ ơi, cuốn ấy có ghi rõ tên tác giả là Da-gốt-xkin cơ mà!

Chú ý lời thoại của các nhân vật tố cáo lẫn nhau.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Đấy, thấy chưa, tao biết mà, đến ở đây mà mày cũng sắp cãi đấy.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Ờ đúng đấy, chính Da-gốt-xkin là tác giả cuốn sách đó, nhưng còn một cuốn *Iu-ri Mi-lốt-xláp-xki* khác nữa kia, cuốn ấy mới là của tôi.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Vậy cuốn tôi đọc đúng là cuốn ông viết đấy. Ông viết hay quá đi mất thôi!

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Thú thật là tôi sống bằng nghề văn đấy. Tôi có cái nhà đẹp nhất ở Pê-téc-bua. Ai cũng biết: nhà của ông I-van A-lếch-xan-đrô-vích (*Nói với cả bọn*). Các ông ạ, sau này nếu có dịp các ông đến Pê-téc-bua mời các ông vui lòng lại chơi, lại chơi nhà tôi. Tôi cũng hay mở những cuộc khiêu vũ gia đình lắm.

---

(1) Nam tước Brăm-bê-út (Brambeus, 1818 – 1858) là bút danh của nhà văn, nhà báo Xen-cốp-xki (Senkovsky, 1800 –1858), chủ bút tạp chí *Thư viện đọc* (1834 – 1856), nổi tiếng hay sửa chữa, can thiệp thô bạo vào các bài đăng trên tạp chí; *Chiến hạm Hi vọng* là truyện của nhà văn lãng mạn Bét-xtu-giép – Mác-lin-xki (Bestuzhev – Marlinsky, 1797 –1837); *Điện tín Mát-xcơ-va* là tạp chí nổi tiếng truyền bá tư tưởng tự do, xuất bản từ năm 1825 đến 1834.

(2) Xmiếc-đin (1795 – 1897) là ông chủ xuất bản của nhiều ấn phẩm nổi tiếng thời đó ở thủ đô Pê-téc-bua, trong đó có tạp chí *Thư viện đọc*. Thời đó, nhuận bút cho tác giả nổi tiếng như Pu-skin thường chỉ khoảng hơn một nghìn rúp, Khơ-lét-xta-cốp khuếch khoác số tiền trả cho việc "chữa thơ" thành bốn mươi nghìn rúp.

(3) Tiểu thuyết lịch sử *Iu-ri Mi-lốt-xláp-xki* là tác phẩm của nhà văn Da-gốt-xkin (Zagoskin). Ở thời điểm vở kịch của Gô-gôn ra đời, cuốn tiểu thuyết này đang được tung hô, mặc dù về nghệ thuật không được giới phê bình đánh giá cao. An-na An-đrê-ép-na, hiểu biết lõm bõm về văn chương, gán luôn cho Brăm-bê-út là tác giả cuốn tiểu thuyết này. Khơ-lét-xta-cốp, không hề hay biết, nhận tất là của mình.

AN-NA AN-ĐRÊ-ÉP-NA – Tôi chắc rằng những cuộc khiêu vũ do ông mở, tráng lệ huy hoàng không thể tả được.

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Còn phải nói! Này nhé, thí dụ, trên bàn, tôi cho bày một quả dưa hấu đáng giá bảy trăm rúp[1]. Xúp nấu xong để nguyên trong xoong từ thành Pa-ri nước Pháp được chở thẳng sang bằng tàu thuỷ, khi mở nắp xoong ra, hơi bốc lên nghi ngút chưa từng thấy ở trên đời này. Ngày nào tôi cũng dự những cuộc khiêu vũ. Rồi thì chúng tôi họp nhau chơi bài câm, quan thượng thư Bộ ngoại giao, các vị đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Anh, nước Pháp, nước Đức[2] và tôi. Chơi có thể nói là mệt lử đi như sắp chết mới thôi. Khi về nhà, chạy nhanh lên tầng gác thứ tư, chỉ kịp nói với mụ đầu bếp: "Này, Ma-ru-xca (Maruska), đưa áo khoác đây". Tôi nói lảm nhảm gì ấy nhỉ? À, quên mất, tôi ở ngay gác hai. Chỉ có mỗi một cầu thang để leo lên thôi... Mỗi khi tôi ngủ dậy, ai mà ghé nhìn chỗ hành lang nhà tôi thì sẽ thấy lạ lắm. Bá tước, hoàng thân lúc nhúc xô đẩy nhau, nói lào xào như ong ấy, chỉ nghe thấy tiếng giè... giè... giè... Đôi khi có cả quan thượng thư... (*Thị trưởng và mọi người khác khúm núm đứng cả dậy*). Họ viết thư cho tôi đề: "Kính gửi cụ lớn". Có lần tôi điều khiển cả một vụ. Câu chuyện kể cũng lạ: một hôm quan vụ trưởng biến đi đâu mất, không ai biết là đi nơi nào. Cố nhiên thế là mọi người bàn tán xôn xao: ai thế chân bây giờ? Vô số anh nguyên soái cũng muốn tấp tểnh leo lên, nhưng, xin các anh, khó lắm, không cáng đáng được đâu. Mới nhìn tưởng dễ nhưng đi sâu vào xem, chà, hắc búa lắm! Không biết làm cách nào, họ phải cầy cục tìm đến tôi. Thế là lập tức ngoài phố nhan nhản những phái viên được cử đến chỗ tôi, hết phái viên, phái viên lại phái viên,... các ông thử tưởng tượng xem, có đến ba vạn năm nghìn phái viên, hoàn cảnh khó xử quá, tôi xin hỏi các ông làm thế nào? Họ nói: "I-van A-lếch-xan-đrô-vích, xin mời ông ra điều khiển vụ ngay". Thú thật là lúc ấy tôi cũng hơi bối rối, mặc cả quần áo ngủ ra tiếp, định bụng từ chối, nhưng lại nghĩ nếu mình làm thế thì việc sẽ đến tai hoàng thượng; rồi công việc làm ăn của mình lại... Thế là tôi nói: "Thưa các ngài, được, xin vui lòng, tôi nhận nhiệm vụ, tôi nhận, làm thì làm, tôi nhận, nhưng đối với tôi ấy à, không lơ mơ đâu nhé, không. Tôi để ý đấy nhé! Tôi...". Mà thật, khi tôi qua bên vụ, thật đúng như động đất ấy, tất cả mọi người đều sợ, cứ run bắn người lên như chiếc lá ấy. (*Thị trưởng và mọi người đều run cầm cập vì hoảng sợ; Khơ-lét-xta-cốp càng nói càng hăng*). Hừ! Tôi không thích đùa đâu nhé. Tôi làm cho tất cả bọn chúng nó khiếp vía lên. Ngay đến Quốc vụ viện còn phải hãi tôi kia. Chứ sao? Tôi thế. Tôi chả xem thằng nào là gì... Tôi nói với tất cả bọn họ: tự tôi biết tôi là ai, tự tôi. Đâu cũng tôi, đâu cũng tôi.

Qua lời khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp, có thể nhận ra điều gì về các hoạt động được giới thượng lưu quan tâm?

Vì sao Khơ-lét-xta-cốp càng nói càng hăng?

---

(1) Lương thư kí văn phòng thời đó là bốn trăm rúp một năm, dưa hấu bảy trăm rúp là không tưởng.

(2) Thực ra hồi này chưa có đại sứ Đức ở Nga.

Ngày nào tôi cũng vào trong điện. Chỉ mai kia là tôi sẽ được thăng đại thống ch... (*Trượt chân, suýt ngã xuống sàn, nhưng cả bọn công chức kính cẩn đỡ y lên*).

THỊ TRƯỞNG (*lại gần, toàn thân run cầm cập, cố gắng lắp bắp*) – Hừ... hừ... qua... qua... qua... qua...

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP (*nói nhanh dõng dạc*) – Cái gì?

THỊ TRƯỞNG – Hừ... hừ... qua... qua... qua... qua...

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP (*vẫn nói với giọng cũ*) – Tôi chẳng hiểu gì cả? Ông nói lăng nhăng cái gì ấy.

THỊ TRƯỞNG – Qua... qua... qua... quan lớn ngài có muốn nghỉ ngơi không ạ? Buồng đây ạ, có đủ mọi thứ cần dùng!

KHƠ-LÉT-XTA-CỐP – Thật dấm dớ, nghỉ với chẳng ngơi. Ừ thì nghỉ, xin sẵn sàng... Các ông ạ, bữa ăn vừa rồi khá lă... ắm... Tôi bằng lòng lắm. Tôi bằng lòng lắm. Cá thu nạc muối ngon tuyệt, cá thu nạc muối ngon tuyệt!

Đi ra, vào buồng bên cạnh, thị trưởng theo sau.

(Ni-cô-lai Gô-gôn, *Quan thanh tra*, Vũ Đức Phúc dịch[1], NXB Lao động – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2009, tr. 62 – 69)

Ni-cô-lai Gô-gôn (1809 – 1852) là nhà văn, nhà soạn kịch lỗi lạc của văn học Nga nửa đầu thế kỉ XIX. Gô-gôn sinh ra trong một gia đình quý tộc ở tỉnh Pôn-ta-va (Poltava), nay thuộc U-crai-na (Ukraina). Năm 1828, ông tới Pê-téc-bua, làm trợ lí ở Vụ bất động sản hoàng gia một thời gian. Gô-gôn bắt đầu được dư luận chú ý với tập truyện đầu tay mang nhiều hương vị dân gian *Những buổi tối ở thôn gần Đi-can-ka (Dikanka)* (1831 –1832). Năm 1832, ông làm quen với Pu-skin, được nhà thơ đánh giá cao và được khơi gợi nhiều ý tưởng sáng tạo. Năm 1834, Gô-gôn được bổ làm trợ giảng về lịch sử thời trung cổ tại Trường Đại học Tổng hợp Pê-téc-bua. Trong khoảng thời gian 1836 – 1847, Gô-gôn sống nhiều ở nước ngoài (Đức, Thuỵ Sĩ, Pháp, Bỉ, Ý). Từ năm 1845, nhà văn rơi vào một cuộc khủng hoảng tinh thần, sa vào khuynh hướng tôn giáo thần bí. Năm 1852, Gô-gôn từ bỏ văn nghiệp, giam mình cầu nguyện, tuyệt thực, rồi mất tại nhà một người bạn ở Mát-xcơ-va.



Ni-cô-lai Gô-gôn, tranh của A. I-van-nốp (A. Ivanov), 1841
Nguồn: Bảo tàng Nga, Xanh Pê-téc-bua

Gô-gôn nổi tiếng trong lịch sử văn học thế giới với những tác phẩm như: *Ta-rát Bun-ba* – Taras Bulba (truyện, 1835), *Những điền chủ cổ xưa* (truyện, 1835), *Bức chân dung* (truyện, 1835), *Nhật kí người điên* (truyện, 1835), *Cái mũi* (truyện, 1836), *Quan thanh tra* (hài kịch, 1836), *Chiếc áo khoác* (truyện, 1842), *Những linh hồn chết* (tiểu thuyết, 1842). Phần nhiều những tác phẩm hiện thực của Gô-gôn thể hiện cơn mê sảng của thực tại dương thời với những hình tượng con người bị đồ vật hoá, thảm hại,

[1] Văn bản được người biên soạn sách giáo khoa chỉnh sửa một số câu chữ cho sát hơn với nguyên tác.

trống rỗng, tồn tại như những bóng ma và luôn ám ảnh về sự báo ứng. Giọng văn trào phúng của Gô-gôn, một mặt, thể hiện thái độ phủ nhận thực tại nhố nhăng đương thời "qua tiếng cười thế gian thấy rõ và những giọt nước mắt thế gian không trông thấy"[1]; mặt khác, lại đau dáu niềm hi vọng vào một thực tại khác xứng đáng hơn với cuộc sống con người.

Hài kịch năm hồi ***Quan thanh tra*** của Gô-gôn được sáng tác trên cơ sở một giai thoại do Pu-skin gợi ý. Vở hài kịch là một đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của Gô-gôn và ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của sân khấu hài kịch thế giới. *Quan thanh tra* không chỉ là vở hài kịch đả kích "tất cả những gì tệ hại của nước Nga" đầu thế kỉ XIX, mà còn khơi dậy nỗi đau về sự tồn tại trống rỗng, phi lí của con người và niềm hi vọng vào một cuộc sống tốt đẹp hơn. *Nhân vật quan trọng* là một trong những lớp kịch đặc sắc nhất trong *Quan thanh tra*.

1. Dựa vào phần tóm tắt hài kịch *Quan thanh tra*, hãy xác định tình huống hiểu lầm của vở kịch.
2. Đối chiếu hoàn cảnh thực tế của Khơ-lét-xta-cốp (qua phần tóm tắt hồi II của vở kịch) với cuộc sống "thượng lưu" mà nhân vật khoe khoang trong đoạn trích, hãy lí giải nhân vật này đáng cười ở điểm nào.
3. Thị trưởng cùng viên kiểm học Lu-ca Lu-kích, trưởng viện tế bần Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích thể hiện thái độ thế nào trước sự khoác lác, ra oai của Khơ-lét-xta-cốp? Vì sao?
4. Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na đóng vai trò gì trong việc tạo ra tiếng cười trong đoạn trích?
5. Xác định các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong đoạn trích. Phân tích một thủ pháp nổi bật trong số đó.
6. Qua việc đọc đoạn trích *Nhân vật quan trọng* và phần tóm tắt hài kịch *Quan thanh tra*, hãy nêu những điểm đặc sắc về xung đột và kết cấu của vở kịch.
7. Theo bạn, "thói Khơ-lét-xta-cốp" bắt nguồn từ đâu và có thể gây ra những hậu quả gì? Nêu suy nghĩ của bạn về nhận định của Gô-gôn: "Ít ai tránh được việc trở nên giống Khơ-lét-xta-cốp, dù chỉ một lần trong đời"[2].

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về cách khắc phục "thói Khơ-lét-xta-cốp".

---

[1] N. Gô-gôn, *Toàn tập tác phẩm*, tập 6, NXB Viện Hàn lâm Liên Xô, 1951, tr. 134.

[2] N. Gô-gôn, *Toàn tập tác phẩm*, tập 4, NXB Viện Hàn lâm Liên Xô, 1951, tr. 101.

VĂN BẢN 2

Giấu của(*)

(Trích *Quẫn*)

Lộng Chương

Hãy chia sẻ trải nghiệm của bạn khi xem một bộ phim hài, một vở hài kịch, hoặc đọc một truyện cười.

CẢNH VÀO TRÒ

Bóng tối dày đặc.

Tiếng đồng hồ tích tắc như tiếng mọt đục trong đêm. Có tiếng động bước chân thận trọng, cánh cửa ngang "két" nhẹ. Một luồng ánh sáng đèn rọi vụt loé và chạy lướt chung quanh phòng, soi sáng từng mảng đồ đạc đủ các kiểu cổ kim đông tây... Rồi luồng sáng vươn lên tường, chiếu thẳng vào tấm ảnh bán thân một người đàn bà nạ dòng, cặp mắt trừng trừng nhìn thẳng, miệng loe một nụ cười ngây thộn: Ảnh bà Đại Cát.

Vẫn luồng ánh sáng ấy bỗng nhảy vọt sang tường đối diện, cắm thẳng vào tấm ảnh bán thân một người đàn ông đeo mục kính (loang loáng trong kính ảnh) để râu vuông gọn tựa một đốt ngón tay đính giữa nhân trung, làm cho cái miệng ông ta như rúm lại, giống kiểu người chúm môi thổi sáo: Ảnh ông Đại Cát.

Lời chỉ dẫn sân khấu ở đây có những điểm gì đáng chú ý?

Tiếp đến là hai bóng người dắt tay nhau từ cửa ngang tối om, rón rén đi ra lượn quanh dưới hai tấm ảnh.

Hai bóng người đó chính là ông bà Đại Cát.

ÔNG ĐẠI CÁT – *Bật lên tiếng cười như ho.* Hụ! Hụ! Mợ xem... không suy suyển một li!

Luồng ánh sáng thu lại, chiếu thẳng vào hai người, soi rõ hai cặp chân đứng ríu vào nhau. Hai ống quần trắng của bà Đại Cát hơi rung rung.

BÀ ĐẠI CÁT – Cậu ạ... tôi thấy để đây... nó... nó lộ... lộ là!

(*) Nhan đề đoạn trích do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

ÔNG ĐẠI CÁT – Lộ gì? Hở mà kín, kín mà hở, không ai ngờ được!

BÀ ĐẠI CÁT – Thì cứ cất trong két ở ngay đầu giường mình có hơn không!

ÔNG ĐẠI CÁT – Để trong két, con Trinh nó mở ra luôn, có bao nhiêu nó biết cả...

Đến lúc phải khai vốn, nó lại khai ra hết thì hỏng bét! *Yên lặng một giây.*

Ơ hay... làm sao mợ lại run cầm cập thế?

BÀ ĐẠI CÁT – Tôi... run đâu! *Hai chân vẫn run.*

Cậu thử nghĩ xem còn giấu ở đâu kín hơn nữa không?

ÔNG ĐẠI CÁT – Không đâu hơn cả! Giấu đâu cũng không lọt được với cụ cố nhà này. Bà cụ lục lọi cả ngày...

BÀ ĐẠI CÁT – Cậu này... hay là treo nó lên buồng ngủ?

ÔNG ĐẠI CÁT – Treo ai lên buồng ngủ?

BÀ ĐẠI CÁT – Treo cậu và tôi...

Chú ý thủ pháp gây cười được vận dụng trong đoạn đối thoại.

ÔNG ĐẠI CÁT – Sao lại treo mợ và tôi lên buồng ngủ?

BÀ ĐẠI CÁT – Là tôi bảo treo hai cái ảnh ấy chứ!

ÔNG ĐẠI CÁT – À... Không được!

Ảnh đang treo ở dưới này lại vác lên đấy, có khác gì lạy ông tôi ở đây không? Cứ để ngay trước mắt thiên hạ... thế mới cao tay. Họ không công tư hợp doanh[1] ảnh của mình đâu!

BÀ ĐẠI CÁT – Hay là đem chôn?

ÔNG ĐẠI CÁT – Chôn? Chôn mợ và tôi ấy à?

BÀ ĐẠI CÁT – Khéo khỉ! Là chôn... cái khoản kia ấy chứ!

ÔNG ĐẠI CÁT – Không được! Chôn xuống đào lên lỉnh kỉnh, nhỡ con U Trinh nó biết...

BÀ ĐẠI CÁT – *Lưỡng lự một giây.* Cậu này... Thế còn vòng xuyến tư trang có đúng là...

---

[1] *Công tư hợp doanh*: nhà nước và tư nhân cùng góp vốn kinh doanh.

ÔNG ĐẠI CÁT – Đúng rồi... Tư trang không phải là vốn kinh doanh, không sợ!

Luồng ánh sáng đèn chạy vút qua hai tấm ảnh.

BÀ ĐẠI CÁT – Thế cậu cho nốt chỗ này vào... *Dúi vào tay chồng một gói nhỏ.*

ÔNG ĐẠI CÁT – Đưa đây. *Cầm gói.* Mợ khiêng với tôi cái kỉ, để tôi trèo...

Hai người khiêng lúng túng, khiến ông Đại Cát đánh rơi đèn. Căn phòng tối mù.

BÀ ĐẠI CÁT – *Buột miệng kêu to.* Ối trời ơi... Làm sao thế này?

ÔNG ĐẠI CÁT – Suỵt! Im... khẽ chứ. Mợ định đánh thức cả nhà dậy đấy à?

BÀ ĐẠI CÁT – Nhưng tối quá cậu ơi... Đèn đâu... bấm lên.

ÔNG ĐẠI CÁT – Đang mò đây. Đâu mất rồi không biết?

BÀ ĐẠI CÁT – Mất gì? Mất à?

Hai người cùng mò, đâm phải nhau.

ÔNG ĐẠI CÁT – Khỉ!

Đứng yên để người ta mò thì không, cũng lại bò ra... để mà tru lên thế...

Bà Đại Cát vẫn quờ quạng, sờ phải mặt chồng.

BÀ ĐẠI CÁT – *Lại rú lên.* Úi trời!

ÔNG ĐẠI CÁT – *Cũng rú lên.* Úi trời... Cào cả vào mặt người ta rồi.

Hai nhân vật đã rơi vào tình thế hài hước như thế nào?

Mợ ngồi im đấy, để tôi bật đèn lên vậy.

Dò dẫm ra chỗ bật điện. Đèn ống nhấp nháy, rồi bùng lên. Ánh sáng xanh lè. Bà Đại Cát vẫn còn phủ phục dưới đất. Hai vợ chồng mặc quần áo ngủ, lếch thếch, trông đến thiểu não.

ÔNG ĐẠI CÁT – Ô hay, mợ còn phục vị ra đấy làm gì nữa?

BÀ ĐẠI CÁT – *Lẩy bẩy chống gối đứng dậy.* Cái gói... đâu?

ÔNG ĐẠI CÁT – Đây! Tôi giữ thì mất làm sao được mà mợ lo! *Nhặt đèn bấm.*

BÀ ĐẠI CÁT – *Ngồi phịch xuống sập, cào lại mái tóc, tay còn run.*

Ối chao ơi, sung sướng quá! Đang buôn đang bán thì đùng đùng chuyển hướng cơ. Cậu làm khổ lây cả tôi.

ÔNG ĐẠI CÁT – *Nheo mắt nhìn vợ.* Lại sắp sửa...

BÀ ĐẠI CÁT – *Nặng giọng.* Sắp sửa làm sao?

ÔNG ĐẠI CÁT – Nói chứ... mợ chẳng khác gì thằng mù sờ voi chỉ thấy cái đuôi.

Tình hình mậu dịch quốc doanh bành trướng như thế, các luồng hàng đều tập trung quản lí như thế, mợ bảo còn tung hoành buôn bán như trước làm sao được nữa mà không chuyển sang sản xuất. Đến sừng sỏ như tay bác Tứ Hải, buôn bán khét tiếng xưa nay, đã từng chọi cả với nhà buôn Pháp mà cũng còn phải chịu phép đóng cửa hiệu, hùn vốn làm nhà máy da... nữa là mình!

BÀ ĐẠI CÁT – Thế bây giờ mới công tư hợp doanh bằng hết.

ÔNG ĐẠI CÁT – *Vẻ khó chịu*. Ô là là... mợ chẳng hiểu gì cả!

BÀ ĐẠI CÁT – *Dằn dỗi*. Phải, tôi không hiểu. Cứ như vợ chồng Đại Hưng thế mà khôn. Buôn bán cầm chừng rồi rút dần vốn về, găm chặt vào lưng, thế mà lại hay.

ÔNG ĐẠI CÁT – Hay à? Cái trò tháu cáy không bịt mắt được ai đâu. [...]

Vừa lúc ấy có tiếng động lạch cạch bên trong cửa. Bà Đại Cát nắm lấy tay chồng.

BÀ ĐẠI CÁT – Cái gì... thế? *Im lặng, lại lịch kịch.*

Khéo không con U Trinh... nó rình... đấy.

Ông Đại Cát xua tay, gật gật, rón rén đi tới cửa ngang, khe khẽ nắm quả đấm, mở ào một cái bất ngờ. Không có ai, bên trong tối om. Bà Đại Cát trừng trừng theo dõi. Ông Đại Cát trù trừ đứng nhìn vào trong tối một giây, rồi cương quyết bật đèn bước vào. Bỗng ông giật thót người, nhảy lùi lại. Bà Đại Cát đứng bật lên.

BÀ ĐẠI CÁT – Cái gì... thế... cậu?

ÔNG ĐẠI CÁT – *Cười gượng*. Hề, hề... con chuột to quá.

Đúng lúc đó, chiếc đồng hồ treo rung nhè nhẹ và dõng dạc reo bốn tiếng. Hai vợ chồng Đại Cát đứng lặng nghe đến tiếng ngân cuối của đồng hồ.

ÔNG ĐẠI CÁT – *Bàng hoàng*. Sắp sáng rồi... *Tự thấy sự thất thần của mình, vội lấy lại vẻ cứng cỏi*. Ô hay, sao mình lại hốt hoảng thế nhỉ? Phải giấu nốt chỗ này đi chứ.

Gio gói cầm ở tay.

Mợ ra đứng canh con U Trinh ở cửa ngang để tôi làm...

BÀ ĐẠI CÁT – *Chưa định thần*. Cậu ạ... hay là để... mai xem sao...

Trạng thái tâm lí luôn thay đổi của hai nhân vật cho thấy điều gì đang ám ảnh họ?

ÔNG ĐẠI CÁT – Còn xem gì nữa. Mai con Trinh nó về rồi đấy.

Không, không nhanh tay lên, nhỡ đợt thí điểm này mà xong, các ông ấy tấn công ào ạt cho một trận, thì lại trở tay không kịp... Thôi, mợ cứ ra canh đi...

BÀ ĐẠI CÁT – Nhưng tôi đứng một mình ngoài ấy, tôi sợ lắm!

ÔNG ĐẠI CÁT – Sợ gì? Ô hay...

BÀ ĐẠI CÁT – Hay tôi đóng cửa lại, tôi đứng canh ở bên trong?

ÔNG ĐẠI CÁT – *Bật cười*. Khỉ ơi là khỉ! Thôi cũng được, mợ ra đóng cửa lại.

Bà Đại Cát rón rén đi ra cửa ngang...

BÀ ĐẠI CÁT – *Nửa chừng quay lại*. Cậu này...

ÔNG ĐẠI CÁT – *Đang định bê cái kỉ đi*. Cái gì nữa?

BÀ ĐẠI CÁT – Ảnh tôi và ảnh cậu xếp chật cả rồi, còn nhét vào đâu được nữa?

ÔNG ĐẠI CÁT – Ừ nhỉ!

Nhìn lên hai cái ảnh suy nghĩ. Nhìn ra chung quanh. Dừng lại trước tấm ảnh cụ Đại Lợi to tướng, ngồi trên ghế bành lần tràng hạt.

Được rồi, cho vào ảnh mẹ... *Rõn.*

Được thêm bà lão làm thần giữ của càng vững! *Đẩy vợ*. Mợ ra đóng cửa lại.

Bà Đại Cát lại rón rén đi ra cửa ngang, nhè nhẹ đóng cửa lại.

ÔNG ĐẠI CÁT – *Ngắm lướt tấm ảnh mẹ treo giữa nhà, trên cái tủ chè, rồi quay lại bảo vợ sắc giọng lạc hẳn.*

Tắt đèn đi... sáng quá.

Bà Đại Cát như một cái máy, quờ tay tắt đèn, căn phòng trở lại tối um. Hai bóng trắng vợ chồng Đại Cát chập chờn trong đêm dày đặc. Luồng ánh sáng đèn dọi loé lên vàng úa cắm thẳng vào tấm ảnh cụ Đại Lợi. Tấm ảnh chơi vơi giữa khoảng không với đôi má chảy xệ và cặp mắt quầm quặm.

Màn từ từ hạ. Hết cảnh vào trò.

Chú ý các chi tiết về tấm ảnh của cụ Đại Lợi trong cảnh hạ màn.

(Nhiều tác giả, *Nhà hoạt động sân khấu Lộng Chương – Sống để cho đi!*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2021, tr. 15 – 21)

Lộng Chương (1918 – 2003) tên khai sinh là Phạm Văn Hiền, quê ở tỉnh Hải Dương, nay thuộc thành phố Hải Phòng, là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ văn nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong khoảng thời gian từ cuối những năm 1940 đến cuối những năm 1990, ông đã sáng tác, viết lại, chỉnh lí hàng trăm vở kịch thuộc nhiều thể loại, nổi bật là: *A Nàng* (kịch thơ, 1960), *Đôi ngọc lưu li* (chèo, 1962), *Tình sử Loa thành* (tuồng, 1979),... Ông thành công nhất ở lĩnh vực hài kịch với các vở tiêu biểu như: *Mối lo của cụ Cửu* (1950), *Hỏi vợ* (1958), *Yểm bùa trừ sâu* (1959), *Quẫn* (1960), *Cửa mở hé* (1969),... Lộng Chương đã được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.



Lộng Chương
Ảnh do gia đình cung cấp

Quẫn là vở hài kịch gồm năm hồi, được công diễn trong hơn hai mươi năm, với khoảng 2 000 buổi diễn, và trở thành tác phẩm kinh điển của hài kịch hiện đại Việt Nam. Năm 2018, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Lộng Chương, vở kịch lại được công diễn trên sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội và thu hút dược sự quan tâm của cả giới kịch nghệ lẫn công chúng.

Tóm tắt vở kịch: *Quẫn* thể hiện một vấn đề mang dậm tính thời sự của xã hội miền Bắc Việt Nam những năm 60 của thế kỉ XX. Trước chủ trương công tư hợp doanh, các thành viên trong gia đình nhà tư sản dân tộc Đại Cát có những suy nghĩ khác nhau. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác di sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. Mẹ Đại Cát – cụ Đại Lợi và em gái Đại Cát – bà Đại Hưng biết tin này, cũng đòi được chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thuý Trinh và người yêu cô – Hùng là những thanh niên hăng hái tham gia lao động kiến thiết, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. U Trinh – người làm công trong gia đình, tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của, đã mách với Thuý Trinh và Hùng. Cuối cùng, Thuý Trinh và người yêu đã thuyết phục được cha mẹ chấp thuận không "giấu của" nữa. Ông bà Đại Cát cũng nhận ra rằng mình đã "quẫn".

Đến nay, mặc dù đường lối phát triển kinh tế của đất nước đã đổi khác và vấn đề xã hội được đặt ra trong *Quẫn* đã không còn tính thời sự, nhưng giá trị của tác phẩm này ở phương diện nghệ thuật hài kịch vẫn được giới chuyên môn và đông đảo khán giả, độc giả khẳng định.

Giấu của là đoạn trích từ *Cảnh vào trò* của vở hài kịch *Quẫn*.

1. Xác định tình huống gây cười trong đoạn trích *Giấu của*.
2. Phân tích tính trào phúng trong ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật.
3. Theo bạn, trạng thái "quẫn" của hai nhân vật ông Đại Cát và bà Đại Cát được thể hiện qua những lời nói, cử chỉ và hành động nào?
4. Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích gợi cho bạn suy nghĩ gì?

5. Bạn thấy hai nhân vật "đáng cười" trong đoạn trích này đáng ghét hay đáng thương? Tại sao?
6. Hãy chỉ ra xung đột giữa thực tế và lí tưởng được thể hiện trong đoạn trích.
7. Nếu là đạo diễn dàn dựng đoạn trích này trên sân khấu, bạn sẽ lưu ý diễn viên những điểm gì?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích *Giấu của*.

VIẾT

Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

Ở lớp 10 và lớp 11, bạn đã tập viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội theo các đề tài mang tính cụ thể, giới hạn ở một số đối tượng đơn lẻ. Đến với bài học này, cùng hướng về một vấn đề tự nhiên, xã hội, bạn sẽ được hướng dẫn lựa chọn các đề tài mang tính khái quát hơn để viết báo cáo nghiên cứu. Bên cạnh việc vận dụng các kĩ năng và thao tác nghiên cứu cơ bản từng được làm quen, với yêu cầu viết ở đây, bạn sẽ phải xây dựng những luận điểm thể hiện được khả năng làm chủ của mình trước một khối lượng dữ liệu phong phú và phức tạp về đối tượng.

Yêu cầu

- Giới thiệu được đề tài nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; nêu được câu hỏi nghiên cứu (vấn đề) chính cần giải quyết.
- Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm sáng rõ, phù hợp với các dữ liệu đã thu thập.
- Thể hiện được cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết.
- Biết vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy.
- Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Bài viết tham khảo

Mĩ thuật Việt Nam thời mở cửa(*)

(Trích)

Nguyễn Quân(1)

1. Đặt vấn đề

Giới thiệu vấn đề nghiên cứu.

Trong thập niên 1990 – 2000, một thập niên có thể được định danh bằng cụm khái niệm mở cửa – hội nhập – hình thành thị trường, hình ảnh văn hoá nghệ thuật Việt Nam đến với thế giới trước tiên là qua mĩ thuật. Mĩ thuật chính là "cửa sổ đổi mới", "hình ảnh đổi mới" của văn nghệ Việt Nam thời kì này. Chỉ trong vài năm, không gian hoạt động của mĩ thuật Việt Nam đã mở rộng khắp thế giới, tạo ra một khái niệm mĩ thuật Việt Nam hiện đại trong cộng đồng nghệ thuật khu vực và quốc tế. Đây là hiện tượng cần được khái quát, phân tích thấu đáo, có thể bắt đầu từ việc nhận diện các đặc điểm nổi bật trong sự phát triển của mĩ thuật.

2. Giải quyết vấn đề

Trình bày các kết quả nghiên cứu.

Nêu luận điểm thứ nhất.

Thẩm mĩ dân tộc – hiện đại – mở cửa là thẩm mĩ chủ đạo của giai đoạn đổi mới. Khuynh hướng mạnh mẽ này được triển khai bởi một lớp nghệ sĩ khá đông đảo. Cửa mở hai chiều là đặc điểm nổi bật.

Ở chiều mở vào, ta thấy các nghệ sĩ tìm về nghệ thuật dân tộc thời tiền thực dân, thời trước khi có Trường Mỹ thuật Đông Dương cũng như trước khi có ảnh hưởng của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa châu Âu. Các nghệ sĩ tìm cảm hứng ở điêu khắc đình, chùa Việt Nam giàu đời sống tinh thần và sự mô tả đời thường linh hoạt, sắc bén. Họ cũng trở lại với nghệ thuật Chăm, Tây Nguyên, tranh thờ của các dân tộc miền núi,... để nhìn thấy những phong cách tạo hình cổ điển phương Đông, thẩm mĩ sơ khai hồn nhiên cũng như đời sống tâm linh bí ẩn. Họ nghiền ngẫm truyền thống và lịch sử mĩ thuật Việt Nam để làm chỗ dựa vượt qua những giáo điều trường quy và quan phương. Chất liệu giấy dó được đưa lên thành một chất liệu quan trọng như lụa, và trở nên rất phổ biến như một thứ "đặc sản Việt Nam".

(*) Văn bản nguyên là một phần nhỏ của công trình nghiên cứu quy mô về mĩ thuật Việt Nam thế kỉ XX, được người biên soạn sách giáo khoa bổ sung các đề mục, làm thành nội dung cốt yếu của một báo cáo nghiên cứu độc lập, hoàn chỉnh.

(1) Nguyễn Quân sinh năm 1948, quê ở tỉnh Phú Thọ, là hoạ sĩ, nhà nghiên cứu – phê bình mĩ thuật Việt Nam.

Chiều mở vào thứ hai, quan trọng không kém, là mở vào nội giới cá nhân. Nghệ sĩ coi việc thể hiện nội giới của mình, tìm hiểu nó, làm nó phát lộ trung thực trên tác phẩm quan trọng hơn vấn đề đề tài, hình tượng hay đối tượng mô tả. Sau thời gian ngự trị của chủ nghĩa tập thể, cái tôi trở lại là miền đất màu mỡ cho cảm hứng và trách nhiệm nghệ thuật. Miền quê, tuổi thơ, các mô típ cổ kính, xa vắng, những tiểu cảnh nông thôn, những không gian "không nhìn thấy" bằng mắt thường và sự tự vấn, dằn vặt, ẩn ức,... đi vào tác phẩm nhiều hơn, trong những bố cục mới lạ. Khuynh hướng "nội giới hoá", "cá nhân hoá" này cũng cho phép và đòi hỏi nghệ sĩ tìm nhiều cách thể hiện khác nhau, nhờ vậy bề ngoài thị giác của các tác phẩm trở nên đa dạng hơn nhiều. Đi liền với *cái tôi* là cái mới – cái khác. Chính sự thôi thúc này đã thúc đẩy mĩ thuật biến đổi. Vì thế, sự đổi mới lần này là cuộc đấu tranh tự thân của nghệ thuật, trong khi cuộc đổi thay lần trước, từ mĩ thuật Đông Dương sang mĩ thuật Kháng chiến – Cách mạng, là hệ quả của cách mạng tư tưởng và xã hội nhiều hơn là từ bản thân nghệ thuật.

Làm rõ các khía cạnh của luận điểm thông qua phân tích, đánh giá những dữ liệu thực tế.

Chiều mở ra cũng có hai chiều đan xen nhau. Modernism[1] thế kỉ XX đến với Việt Nam chậm trễ sáu, bảy mươi năm khi những thành tựu của nó đã trở thành cổ điển. Trong vòng hơn mười năm, các nghệ sĩ Việt Nam đã tìm hiểu và thử nghiệm lại, tiêu hoá những thành tựu một trăm năm của "phần bên kia thế giới" với một thái độ vừa vồ vập vừa dè chừng. Chỉ có nghệ thuật trừu tượng được du nhập đầy đủ như một thể loại hơn là một "chủ nghĩa". Ngoài ra, các trường phái khác từ Tượng trưng, Dã thú, Biểu hiện, Siêu thực, Lập thể tới Trừu tượng – Biểu hiện, Pop-art hay Conceptual Art (nghệ thuật ý niệm),... cùng các bậc thầy của nó không thực sự tạo ra các dòng tương đương mà chỉ vang vọng, để dấu ấn trong từng tác phẩm hay tác giả. Nếu như tới đầu những năm 1980 các bậc đàn anh còn e dè, ngỡ ngàng trước các trường phái, các –isme này thì thế hệ đổi mới đã "thuộc lòng" và tìm cách rút tỉa cho mình những gì thích hợp với thể tạng mỗi cá nhân mà không băn khoăn về phong cách hay hệ tư tưởng nữa.

Nêu luận điểm thứ hai.

Đưa ra các dữ liệu để làm tăng sức thuyết phục của luận điểm.

Chiều mở ra thứ hai bắt đầu rầm rộ từ giữa những năm 1990, với sự hội nhập, sống chung, đều bước với những gì đang diễn ra bên ngoài biên giới. Mĩ thuật trở thành môn nghệ thuật cởi mở nhất và cũng hội nhập thực chất nhất với các hoạt động quốc tế và khu vực, đã trở thành bình thường ở Việt Nam cũng như bên ngoài đất nước. Đó là lợi thế to lớn nhưng cũng là áp lực to lớn của lớp nghệ sĩ đổi mới thứ hai và thứ ba.

---

[1] *Modernism*: thuật ngữ tiếng Anh, thường được dịch là chủ nghĩa hiện đại, chỉ một trào lưu văn học, nghệ thuật hình thành từ cuối thế kỉ XIX, phát triển mạnh ở các nước phương Tây đầu thế kỉ XX sau đó lan khắp thế giới, chủ trương "phản truyền thống", đẩy mạnh những cách tân nhằm mở rộng giới hạn biểu đạt của các phương tiện nghệ thuật, thể hiện nhận thức mới về đời sống trong thời đại đầy xáo trộn, đổ vỡ.



Tranh minh hoạ được sử dụng để hỗ trợ cho kênh chữ.

Lê Anh Vân, *Chiến luỹ*, 1984, tranh sơn dầu, 100 × 129,5 cm. Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

3. Kết luận

Trình bày kết luận. Nêu đánh giá, mở rộng vấn đề.

Như đã trình bày ở trên, chính khuynh hướng dân tộc – hiện đại – mở cửa đã xác định diện mạo mĩ thuật Việt Nam trong giai đoạn đổi mới. Xét xa hơn, cuối những năm 1970, cái cây mĩ thuật Việt Nam bung ra nhiều cành nhánh về mọi phía. Dòng sông từ ngọn nguồn luồn lách qua núi rừng lan toả về đồng bằng với nhiều nhánh rẽ uốn khúc ra biển. Một phần tư cuối thế kỉ là giai đoạn trưởng thành đầy đủ của nền mĩ thuật hiện đại trong sự bừng tỉnh của đất nước tiến vào thời đại mới, vào cuộc mưu sinh nhằm đuổi kịp nhân loại vì phồn vinh và tự do, dân chủ. Tính đa dạng, phức hợp và sự đan xen là đặc điểm phát triển của nó. Sự phong phú là kết quả của quá trình phát triển ấy. Những khuynh hướng thẩm mĩ khác nhau, những thủ pháp nghệ thuật rộng mở làm nên diện mạo mới của nền mĩ thuật. Và cái tôi độc đáo, sự mở cửa "hai chiều" vừa khám phá cái tôi vừa khám phá thế giới, tạo ra nhiều phong cách cá nhân.

(Theo Nguyễn Quân, *Mĩ thuật Việt Nam thế kỉ 20*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2010, tr. 113, 125 – 127, 136)

Tài liệu tham khảo

1. Nhiều tác giả (2007), *Hai mươi năm mĩ thuật Việt Nam thời kì Đổi mới 1986 – 2006*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Quân (2004), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
3. Viện Mỹ thuật – Đại học Mỹ thuật Hà Nội (2005), *Mĩ thuật Việt Nam hiện đại*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

1. Nhan đề của bài báo cáo nghiên cứu cho chúng ta biết những thông tin gì về đề tài nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu?
2. Báo cáo nghiên cứu đã triển khai những luận điểm nào? Tìm câu chủ đề thể hiện nội dung chính của mỗi luận điểm. Các cứ liệu đã được sử dụng như thế nào để làm nổi bật từng luận điểm đó?
3. Nêu các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu.
4. Tranh minh hoạ được sử dụng có tác dụng gì?
5. Bạn có nhận xét gì về tính chất của các tài liệu tham khảo?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Lựa chọn đề tài

Cụm từ "một vấn đề tự nhiên, xã hội" trong tên kiểu bài có phạm vi chỉ định rất rộng. Mặc dù đi sâu nghiên cứu lĩnh vực mĩ thuật, bài viết tham khảo vẫn thuộc về kiểu bài được nói ở đây, do nó chạm đến những vấn đề xã hội rộng lớn, làm nền cho sự phát triển của mĩ thuật. Theo tinh thần đó, đề tài bạn chọn hoàn toàn có thể hướng về những gì liên quan đến cuộc sống và hoạt động học tập của bản thân, miễn nó thử thách được khả năng thu thập, xử lí dữ liệu từ nhiều nguồn, khả năng nêu những luận điểm thể hiện tầm nhìn bao quát về đối tượng hay vấn đề.

Gợi ý một số đề tài:

– Hành động của giới trẻ trong phong trào tái chế vật liệu đã qua sử dụng để bảo vệ môi trường.

– Vai trò của những người có ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay.

– Tác động của những khám phá mang tính chất bước ngoặt trong công nghệ đến xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh cuối cấp Trung học phổ thông.

– Sự lan toả của chủ nghĩa tối giản trong phong cách sống của một số thành phần dân cư.

– Vai trò của một xu hướng hay trường phái nghệ thuật trong việc làm thay đổi cách sống và thị hiếu của tầng lớp thanh niên.

– Những xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được học sinh quan tâm và tán thưởng.

Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin

Với định hướng viết báo cáo nghiên cứu ở bài học này, việc thu thập, phân tích, đánh giá nguồn thông tin phong phú về đề tài có tầm quan trọng đặc biệt. Cần rút ra những bài học bổ ích trên phương diện này từ bài viết tham khảo – một báo cáo nghiên cứu được triển khai dựa trên khối lượng dữ liệu lớn, có được nhờ tác giả theo dõi sát sao thực tế và đọc nhiều tài liệu tham khảo liên quan.

Xây dựng đề cương

Bạn đã được học các bước xây dựng đề cương cho báo cáo nghiên cứu ở sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 117 – 118 và tiếp tục thực hành ở sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập một,

tr. 147 – 148. Khi xây dựng đề cương cho báo cáo nghiên cứu một vấn đề có tính khái quát, cần lưu ý rằng các luận điểm phải được triển khai một cách rõ ràng, có hệ thống, giúp người đọc dễ nắm bắt. Trong mỗi luận điểm có thể có nhiều ý với các cấp độ lớn nhỏ khác nhau. Bạn cần vạch ra các ý này càng chi tiết càng tốt trong đề cương.

Viết

Trên cơ sở đề cương, cần triển khai luận điểm thành những đoạn văn. Hãy chú ý đến cách trình bày cứ liệu, cách viết câu chủ đề, cách kết nối các đoạn văn với nhau,... Đặc trưng của báo cáo nghiên cứu được thực hành ở đây là người viết cần trình bày được những đặc điểm của vấn đề nghiên cứu và lí giải những đặc điểm đó từ nhiều góc độ. Chẳng hạn, ở bài viết tham khảo, tác giả đã đưa ra hai luận điểm về "chiều mở vào" và "chiều mở ra". Ở mỗi luận điểm, tác giả lại trình bày hai ý chính, với những giải thích cụ thể.

Lưu ý:

– Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội có tính tổng hợp, khái quát có thể không nổi bật vì tính mới mẻ, đột phá, nhưng cũng không phải là một sự tổng hợp thông tin đơn giản. Khi trình bày các luận điểm, người viết phải đồng thời cho thấy cách tiếp cận riêng của mình.

– Một báo cáo nghiên cứu tốt về một vấn đề có tính khái quát còn đòi hỏi người viết thể hiện được quan điểm của mình đối với vấn đề nghiên cứu. Quan điểm đó có thể thể hiện qua các đánh giá, bình luận trực tiếp, hay qua tính định hướng, gợi mở của bài viết. Chẳng hạn, ở bài viết tham khảo, nhiều luận điểm có thể được coi là những gợi ý để tìm hiểu vấn đề sâu hơn hoặc rộng hơn.

– Trong quá trình viết, bạn cần chú ý sắp xếp và trình bày các phương tiện hỗ trợ như sơ đồ, bảng biểu, tranh ảnh,... phù hợp với nội dung được thể hiện ở kênh chữ.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Tiến hành rà soát và hoàn thiện bài viết trên hai phương diện:

– Về nội dung, các tiểu mục của bài viết cần tường minh, đầy đủ, các luận điểm được triển khai rõ ràng.

– Về hình thức, bài viết được trình bày đúng quy cách của một báo cáo nghiên cứu, đặc biệt là có các tài liệu tham khảo được tách thành phần riêng; các phương tiện phi ngôn ngữ được thể hiện hợp lí; chính tả, diễn đạt đảm bảo chuẩn mực.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn vấn đề đó.
- Trình bày được kết quả nghiên cứu một cách khái quát và có hệ thống.
- Kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

Chuẩn bị nói

Người nói cần xác định rõ mục tiêu: đưa đến cho người nghe một cái nhìn khái quát về nghiên cứu của mình và thu thập được những phản hồi, trao đổi của người nghe về nghiên cứu đó.

Quá trình chuẩn bị về nội dung và phương tiện cho bài trình bày đã được hướng dẫn cụ thể trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 119 và *Ngữ văn 11*, tập một, tr. 149 – 150.

Với bài trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát, người nói cần chú ý sắp xếp cách trình bày và thời gian trình bày các luận điểm sao cho phù hợp với thời gian thuyết trình, giúp người nghe có một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Ngoài ra, do tính chất tổng hợp, khái quát của đề tài, người nói cần chuẩn bị chu đáo các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ cho bài nói để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghe tiếp nhận thông tin.

Người nghe có thể tìm hiểu sơ lược về vấn đề sẽ được người nói trình bày trước khi nghe và dự kiến nêu một số câu hỏi có liên quan trực tiếp đến vấn đề. *Lưu ý*: Vấn đề có tính tổng hợp, khái quát, nên các câu hỏi sa đà vào các chi tiết vụn vặt sẽ không phù hợp.

Thực hành nói

– *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề.

– *Triển khai*: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi sự phản ứng người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh nếu cần thiết.

– *Kết luận*: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá khái quát, mở rộng, liên hệ,...; bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.

Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
– Nhận xét ngắn gọn về bài trình bày về cả nội dung và hình thức. – Nêu ý kiến trao đổi, đặt câu hỏi xung quanh vấn đề được thuyết trình.	– Bàn luận về các nhận xét và trả lời câu hỏi của người nghe. – Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo đã thực hiện.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tổng hợp và đối chiếu các thông tin cơ bản về hai văn bản hài kịch đã được học trong bài theo các gợi ý sau: nhân vật, xung đột, tình huống, hành động, kết cấu, thủ pháp trào phúng, ngôn từ (có thể lập bảng).
2. Thảo luận về đề tài: *Theo bạn, điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?*
3. Tìm đọc thêm một số vở hài kịch; nêu nhận xét khái quát về nét đặc sắc nghệ thuật của từng vở hài kịch đã đọc.
4. Xác định một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát; thu thập tài liệu, lập đề cương và trao đổi kết quả chuẩn bị trong nhóm học tập.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích.
- Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng.
- Tình huống gây cười và chi tiết về sự "cẩn thận hão".

Cẩn thận hão(*)

(Trích *Thợ cạo thành Xê-vin – Séville*)

Bô-mác-se(1)

Tóm tắt vở kịch *Thợ cạo thành Xê-vin*:

Ở thành phố Xê-vin thuộc Tây Ban Nha, Rô-din (Rosine), cô gái xinh đẹp dòng dõi quý tộc lâm vào cảnh mồ côi, bị người dỡ dầu là bác sĩ Bác-tô-lô (Bartholo) giam lỏng với âm mưu lấy nàng làm vợ nhằm thừa kế số tài sản lớn. Chàng bá tước An-ma-vi-va (Almaviva) và Rô-din phải lòng nhau khi tình cờ chạm mặt trên dường. Nhờ sự giúp dỡ của người dầy tớ cũ láu lỉnh là Phi-ga-rô,

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa lấy theo phụ đề của vở kịch.

(1) Bô-mác-se (1732 –1799) tên đầy đủ là Pi-e-Ô-guýt-xơ-tanh Ca-rông đờ Bô-mác-se (Pierre-Augustin Caron de Beaumarchais), nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp thời kì cuối của chế độ quân chủ chuyên chế, trước cuộc Đại cách mạng tư sản năm 1789. Từng kinh qua nhiều nghề nghiệp, nếm trải cuộc sống cả trong cung đình lẫn ngoài xã hội, Bô-mác-se đã đem những điều mình quan sát được vào trong những vở hài kịch với tiếng cười tiễn đưa cái cũ và chào đón cái mới. Hài kịch của Bô-mác-se được xem là đỉnh cao của sân khấu Pháp thế kỉ XVIII. Các tác phẩm tiêu biểu: *Thợ cạo thành Xê-vin* (1775), *Đám cưới Phi-ga-rô* (1784).

hiện đang làm thợ cạo (thợ cắt tóc) kiêm thầy lang và thường xuyên qua lại nhà bác sĩ, chàng bá tước đã có cơ hội tiếp cận Rô-din và chiếm được lòng tin yêu của nàng. Chàng muốn giải cứu Rô-din khỏi tay bác sĩ và cưới nàng làm vợ.

Đoạn trích thuộc phần cuối của vở kịch. Bác-tô-lô và Ba-din (Bazile) – nhạc sĩ và thầy dạy nhạc của Rô-din, đồng thời là một kẻ hám lợi – mưu tính để Bác-tô-lô kết hôn với Rô-din ngày hôm đó. Tuy nhiên, nhờ sự mưu trí của Phi-ga-rô, tình thế được xoay chuyển. Viên chưởng khế và Ba-din đã đến ngôi nhà mà Bác-tô-lô cho Phi-ga-rô thuê, làm phép cưới và làm chứng cho lễ cưới của An-ma-vi-va và Rô-din. Khi Bác-tô-lô nhận ra sự đảo ngược của tình thế thì đã quá muộn.

HỒI THỨ TƯ

LỚP VII

(Viên chưởng khế, Đôn[1] Ba-din, các diễn viên trên)

PHI-GA-RÔ – Bẩm ông lớn, đây là viên chưởng khế của chúng ta.

BÁ TƯỚC – Và ông bạn Ba-din cùng đi!

BA-DIN – Ôi! Tôi trông thấy gì thế này!

PHI-GA-RÔ – Do sự tình cờ nào, ông bạn ơi?.

BA-DIN – Do sự biến cố nào, thưa các ngài?...

CHƯỞNG KHẾ – Có phải đây là cô dâu, chú rể?

BÁ TƯỚC – Phải, ông ạ. Đáng lẽ ông phải phối hợp cô nương Rô-din với tôi đêm nay, ở nhà ông thợ cạo Phi-ga-rô; nhưng chúng tôi ưng chọn mái nhà này vì những lí do mà ông sẽ biết. Ông có đem theo hôn ước của chúng tôi đấy chứ?

CHƯỞNG KHẾ – Vậy ra tôi được vinh dự nói chuyện với ông lớn bá tước An-ma-vi-va!

PHI-GA-RÔ – Đúng vậy.

BA-DIN – (*Nói riêng*) Nếu vì thế mà lão đã đưa cho ta chìa khoá cổng.

CHƯỞNG KHẾ – Là vì tôi có hai khế ước hôn nhân, bẩm ông lớn; ta đừng có lầm lẫn: đây là của ông lớn, còn đây là của ngài Bác-tô-lô, với cô nương... cũng Rô-din? Hai cô, hiển nhiên là hai chị em ruột cùng một tộc danh?

BÁ TƯỚC – Ta cứ kí đi. Đôn Ba-din sẽ vui lòng làm người chứng thứ hai cho chúng ta. (*Họ kí.*)

---

[1] Đôn (nguyên văn Don) là danh xưng đặt trước tên của các quý tộc Tây Ban Nha, tương đương với "ngài".

BA-DIN – Nhưng mà, bẩm ông lớn... tôi không hiểu...

BÁ TƯỚC – Ba-din tiên sinh ơi, chuyện cỏn con cũng làm ngài lúng túng, và tất cả đều làm ngài ngạc nhiên.

BA-DIN – Bẩm ông lớn... nhưng nếu ông bác sĩ...

BÁ TƯỚC (*Ném cho y một túi tiền*) – Còn làm bộ ngây thơ! Kí mau lên nào!

BA-DIN (*Ngạc nhiên*) – A!

PHI-GA-RÔ – Kí thì có khó khăn gì nào?

BA-DIN (*Cân nhắc túi tiền*) – Chả khó khăn gì nữa; là vì tôi, một khi tôi đã hứa lời, thì phải có những lí do nặng đồng cân... (*Y kí.*)

LỚP VIII

(Bác-tô-lô, một thẩm phán, những cảnh binh, những gia nhân cầm đuốc, các diễn viên trên)

BÁC-TÔ-LÔ (*Trông thấy bá tước hôn bàn tay Rô-din và Phi-ga-rô ôm hôn Đôn Ba-din một cách kệch cỡm; lão kêu lên và túm lấy cổ viên chưởng khế*) – Rô-din với lũ ăn cắp này! Bắt tất cả! Tôi tóm cổ được một đứa đây rồi.

CHƯỞNG KHẾ – Chưởng khế của ngài đây mà.

BA-DIN – Chưởng khế của ngài đây mà. Ngài đùa đấy à?

BÁC-TÔ-LÔ – À! Đôn Ba-din, ô hay, sao mà ông lại có mặt ở đây?

BA-DIN – Đúng ra là: ngài, sao ngài lại không có mặt ở đây?

THẨM PHÁN (*Trỏ Phi-ga-rô*) – Khoan; tôi quen biết anh này. Anh đến làm cái trò nhà này, vào những giờ bất tiện?

PHI-GA-RÔ – Giờ bất tiện? Ông thấy rõ là bây giờ gần buổi sáng cũng ngang với gần buổi chiều. Vả chăng, tôi thuộc đám tuỳ tùng của ông lớn bá tước An-ma-vi-va tướng công.

BÁC-TÔ-LÔ – An-ma-vi-va!

THẨM PHÁN – Vậy ra không phải kẻ trộm?

BÁC-TÔ-LÔ – Hãy mặc kệ chuyện đó. Bất cứ nơi nào khác, thưa ngài bá tước, tôi đều là kẻ hầu ông lớn, nhưng ngài thấy rằng ưu thế của tước vị ở đây không có uy lực gì. Xin ngài làm ơn có lòng tốt rút lui đi cho.

BÁ TƯỚC – Phải, đúng lẽ là tước vị ở đây không có uy lực gì, nhưng cuộc sống một cái có rất nhiều uy lực, đó là sự ưu đãi mà cô nương đây vừa mới ban cho tôi hơn ngài, bằng cách tự nguyện trao thân gửi phận cho tôi.

BÁC-TÔ-LÔ – Ông ta nói gì, Rô-din?

RÔ-DIN – Ông ấy nói thực. Vì cớ gì mà ông ngạc nhiên? Há chẳng phải là, ngay đêm nay, tôi phải được báo thù một kẻ lừa dối? Tôi đã được báo thù.

BA-DIN – Tôi đã bảo ngài rằng chính là bá tước đấy mà, ngài bác sĩ ơi!

BÁC-TÔ-LÔ – Tôi cần quái gì? Hôn nhân tức cười! Những người chứng đâu?

CHƯỞNG KHẾ – Không thiếu cái gì cả. Tôi đã được hai ngài này làm chứng tá.

BÁC-TÔ-LÔ – Thế nào, Ba-din!... ông đã kí à?

BA-DIN – Ngài bảo làm thế nào? Con người quỷ quái đó lúc nào túi cũng đầy những lí lẽ không cưỡng được.

BÁC-TÔ-LÔ – Tôi cóc cần những lí lẽ của ông ta. Tôi sẽ sử dụng uy quyền của tôi.

BÁ TƯỚC – Ông đã mất uy quyền đó vì đã lạm dụng.

BÁC-TÔ-LÔ – Cô gái còn vị thành niên.

PHI-GA-RÔ – Cô vừa mới tự thoát li rồi.

BÁC-TÔ-LÔ – Ai nói với anh, đồ trùm bịp bợm?

BÁ TƯỚC – Cô nương đây dòng dõi quý tộc và nhan sắc xinh đẹp, tôi là người quý hiển, trẻ tuổi và giàu có, cô nương là vợ tôi; với danh nghĩa đó, nó làm cả khi chúng tôi vinh hạnh ngang nhau, người ta định tranh giành với tôi chăng?

BÁC-TÔ-LÔ – Không đời nào người ta cướp được cô ấy khỏi tay tôi.

BÁ TƯỚC – Cô ấy không còn ở dưới quyền lực của ông nữa. Tôi đặt cô dưới quyền của pháp luật; và ngài đây, mà chính ông đã đưa đến, sẽ che chở cô khỏi sự cường bạo mà ông định dùng để đối xử với cô. Những vị thẩm phán chân chính, là những cột trụ nâng đỡ tất cả những kẻ bị áp bức.

THẨM PHÁN – Hẳn thế rồi. Và sự kháng cự vô ích để chống với một cuộc hôn nhân vẻ vang bậc nhất, đủ chứng tỏ lòng lo sợ của ông ta về việc quản lí không tốt những tài sản của cô con đỡ đầu, mà ông ta sẽ phải thanh toán.

BÁ TƯỚC – Ồ! Ông ta chỉ việc đồng ý mọi việc, là tôi sẽ không đòi hỏi ông ta gì cả.

PHI-GA-RÔ – Ngoài cái biên lai nhận một trăm ê-quy của tôi; ta không nên loạn trí.

BÁC-TÔ-LÔ (*Cáu*) – Tất cả đều chống lại ta... ta đã rúc đầu vào một cái tổ ong!

BA-DIN – Tổ ong nào? Không chiếm được người đàn bà, nhưng bác sĩ ơi, xin hãy tính rằng tiền của hãy còn, phải rồi, hãy còn mà.

BÁC-TÔ-LÔ – Ề! Để tôi yên nào, Ba-din! Ông chỉ nghĩ đến tiền. Tôi, tôi cần quái gì tiền! Ừ thì, tôi vẫn giữ được tiền: nhưng ông tưởng đó là động cơ quyết định tôi chăng? (*Lão kí.*)

PHI-GA-RÔ (*Cười*) – A! Ha! Ha! Ông lớn ơi, họ cùng một dòng cả.

CHƯỞNG KHẾ – Nhưng mà, các ngài ơi, tôi chả còn hiểu gì cả. Không phải là hai chị em cùng một tên họ hay sao!

PHI-GA-RÔ – Thưa ngài, không, họ chỉ là một người.

BÁC-TÔ-LÔ (*Đau khổ*) – Thế mà tôi đã cất thang của họ đi, để cho việc cưới xin được chắc chắn hơn! Chà! Tôi bị nguy hại vì thiếu cẩn mật.

PHI-GA-RÔ – Vì thiếu lương tri. Ta nên chân thực đi bác sĩ ạ: khi tuổi trẻ và tình yêu đồng tình để lừa gạt một ông già, thì tất cả những việc ông ta làm để ngăn ngừa, đều có thể gọi tên rất chí lí là *Cẩn thận hão.*

(*Kiệt tác sân khấu thế giới*, Bô-mác-se, *Thợ cạo thành Xê-vin*, Trọng Đức dịch, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2006, tr. 157 – 163)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP HỌC KÌ I

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập một.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện để giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Lập bảng tổng hợp về những loại văn bản và thể loại văn học được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập một. Kể tên các tác phẩm cụ thể thuộc từng loại, thể loại đó.

2. Nêu khái quát những kiến thức mới về loại văn bản, thể loại văn học được trình bày ở phần *Tri thức ngữ văn* của từng bài học.

3. Lập bảng đối sánh phong cách cổ điển, phong cách hiện thực và phong cách lãng mạn trong sáng tác văn học. Nêu tên một số tác phẩm cụ thể thuộc từng phong cách đó (không giới hạn tác phẩm được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập một).

4. Nêu các nội dung thực hành tiếng Việt đã thực hiện trong học kì I và làm rõ tác dụng của các nội dung thực hành ấy đối với việc đọc hiểu văn bản ở từng bài học.

5. Xác định những yêu cầu chung và yêu cầu riêng của các kiểu bài viết được thực hiện ở Bài 1, Bài 2 và Bài 4 bằng một sơ đồ phù hợp.

6. Chỉ ra những yêu cầu mới của việc viết một báo cáo nghiên cứu ở Bài 5 so với việc viết các báo cáo nghiên cứu ở lớp 10 và lớp 11.

7. Nêu những nội dung của hoạt động nói và nghe được thực hiện trong học kì I.

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bình đựng lệ

Chế Lan Viên[1]

Từ sâu thẳm không tên
Vớt lên bình đựng lệ
Người xưa ném nỗi đau vào bể
Nhờ sóng triều vạn kỉ
Lấp vùi trong lãng quên.
Dẫu không chu kì
Như Tua Rua, sao Chổi
Chiếc bình tuột khỏi tay nhân loại
Lại về trở lại
Nằm kia
Cùng với hoa trúc đào đỏ chói
Và sóng triều vào bãi
Ném thia lia.

Tôi từ xứ lắm bom
Giáp mặt nghìn lần cùng cái chết
Đứng trước chiếc bình con
Vẫn cứ bàng hoàng
Ồ! Ta đã nghe rao giảng về hư vô
Tro tàn, gió rét
Ăn miếng buồn trong thơ
Uống nỗi đau ở triết
Ờ, thế mà chẳng có gì mất hết
Chiếc bình kia vẫn còn
Vỏ ốc hoá vôi
Rễ cây bám bình hoá thạch
Nét hoa văn vẫn cười.
Dù hoa chỉ một ngày
Dù sóng kia vạn tuổi
Dù đời nhiều chuyện rủi
Mà rất nghèo cơ may
Chiếc bình xưa vẫn đó
Người này vứt để quên
Người kia cầm lại nhớ
Thời này dù vứt bỏ
Thì thời kia nhặt lên.

1988

(*Di cảo thơ Chế Lan Viên*, tập I, NXB Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 79 – 80)

[1] Chế Lan Viên (1920 – 1989) quê ở tỉnh Quảng Trị, là nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình văn học, có nhiều đóng góp quan trọng trong việc đổi mới, cách tân thơ Việt Nam hiện đại. Các tác phẩm chính: *Điêu tàn* (thơ, 1937), *Ánh sáng và phù sa* (thơ, 1960), *Phê bình văn học* (phê bình – tiểu luận, 1962), *Những ngày nổi giận* (bút kí, 1966), *Hoa ngày thường – Chim báo bão* (thơ, 1967), *Bay theo đường dân tộc đang bay* (tiểu luận, 1976), *Hái theo mùa* (thơ, 1977), *Hoa trên đá* (thơ, 1984), *Di cảo thơ, tập I* (1992), *Di cảo thơ, tập II* (1993), *Di cảo thơ, tập III* (1996),...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Có thể xếp bài thơ *Bình đựng lệ* vào loại thơ tượng trưng được không? Vì sao?
2. Theo hiểu biết của bạn, hình ảnh "bình đựng lệ" có thể gợi nhớ đến những câu chuyện cổ nào?
3. "Bình đựng lệ" là biểu tượng của cái gì? Bạn căn cứ vào đâu để xác định những hàm nghĩa của biểu tượng này?
4. Tìm những câu thơ thể hiện nhận thức của tác giả về sự tồn tại vĩnh cửu của "bình đựng lệ". Tác giả phát biểu nhận thức này dựa trên những trải nghiệm cá nhân nào?
5. Thủ pháp đối lập đã được tác giả vận dụng như thế nào và đạt hiệu quả nghệ thuật gì?
6. Nêu nhận xét về màu sắc nghị luận của bài thơ thông qua một số dấu hiệu hình thức mang tính đặc trưng.
7. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ thái độ đồng cảm hay không đồng cảm của bạn đối với nỗi niềm và nhận thức của tác giả được bộc lộ qua bài thơ.

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện cùng sáng tác về một đề tài hoặc cùng nói về một loại nhân vật.

Đề 2. So sánh hai tác phẩm thơ cùng thể hiện chủ đề thiên nhiên, đất nước hoặc tình yêu đôi lứa được sáng tác theo những phong cách nghệ thuật khác nhau.

Đề 3. Phân tích, đánh giá việc khai thác các chủ đề, hình tượng, mô típ của sáng tác dân gian (ca dao, thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích) trong một tác phẩm văn học hiện đại.

Đề 4. Viết bài nghị luận về vấn đề: Thanh niên và việc xác lập giá trị sống.

Đề 5. Xây dựng đề cương cho báo cáo nghiên cứu về một vấn đề liên quan đến sinh hoạt học đường.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung sau:

Nội dung 1. Thuyết trình về một tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) có cách tiếp cận và thể hiện mới mẻ đối với đời sống, khát vọng của tuổi hai mươi.

Nội dung 2. Thuyết trình về mối quan hệ giữa vay mượn và sáng tạo trong sáng tác văn học qua phân tích một số tác phẩm cụ thể lấy từ văn học Việt Nam (thơ, truyện, kịch).

Nội dung 3. Thảo luận về đề tài tôn trọng và bảo vệ quyền được phát biểu chủ kiến trước các vấn đề đời sống.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	BÀI	TRANG
1	ẩn dụ	2, 4	51, 93, 117
2	biện pháp tu từ	1, 2	9, 10, 26,...
3	biểu tượng	1, 2, 3, 4, Ôn tập học kì I	40, 44, 48,...
4	bút pháp	1, 2, 4	24, 31, 33,...
5	bút pháp dòng ý thức	1	24, 31
6	câu mơ hồ	3	62, 63, 78,...
7	cốt truyện	1, 4	24, 30, 93,...
8	điển cố	4	92, 93, 114,...
9	điệp ngữ	2	51, 60
10	đối	1, 2, 4	27, 51, 94,...
11	hài kịch	5	130, 131, 132,...
12	kí	1, 2, 3, 4, 5	10, 29, 46,...
13	kịch	1, 3, 4, 5	77, 108, 113,...
14	lập luận	2, 3	62, 67, 85,...
15	mẫu gốc	4	116, 118, 120
16	mĩ thuật	5	147, 148, 149,...
17	mô típ	5, Ôn tập học kì I	148, 160
18	nghịch ngữ	1	9, 10, 26,...
19	ngôn ngữ hài kịch	5	130
20	nhân hoá	2	51
21	nhân vật	1, 2, 4, 5	9, 25, 131,...
22	nhân vật hài kịch	5	131, 153
23	nói mỉa	1	9, 10, 26
24	phong cách cổ điển	2, 3, Ôn tập học kì I	40, 41, 158,...
25	phong cách hiện thực	1, 2, Ôn tập học kì I	9, 10, 158,...
26	phong cách lãng mạn	1, 2, Ôn tập học kì I	10, 41, 158,...
27	thao tác nghị luận	3	67, 71, 77,...
28	thần thoại	3, 4, Ôn tập học kì I	64, 92, 93,...
29	thủ pháp đồng hiện	1	24, 31
30	thủ pháp kì ảo	4	92, 93
31	thủ pháp trào phúng (trong hài kịch)	5	130, 131, 139,...
32	tiểu thuyết	1, 3, 4, 5, Ôn tập học kì I	9, 10, 161,...
33	tiểu thuyết hiện đại	1	9, 25, 36,...
34	tình huống hài kịch	5	131
35	truyện cổ tích	4, Ôn tập học kì I	93, 123, 160
36	truyện ngắn	1, 3, 4, Ôn tập học kì I	17, 24, 28,...
37	truyện truyền kì	4	92, 93, 123,...
38	tự sự	1, 4	9, 92, 104
39	văn bản nghị luận	3	62, 63, 88,...
40	văn hoá	1, 2, 3, 4, 5	9, 32, 64,...
41	xung đột hài kịch	5	131, 139, 146,...
42	yếu tố kì ảo	4	92, 94, 120,...
43	yếu tố siêu thực (trong thơ)	2	41, 50, 59,...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
1	biểu tượng	hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú, gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát
2	bút pháp dòng ý thức	cách viết đặt trọng tâm vào việc tái hiện trạng thái chuyển động không ngừng và biến hoá phức tạp của toàn bộ ý thức nhân vật; không xem việc miêu tả chi tiết các sự kiện bên ngoài và đảm bảo tính nhất quán, hoàn chỉnh của cốt truyện là vấn đề thiết yếu
3	câu mơ hồ	câu có nghĩa không xác định khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau
4	hài kịch	một thể loại kịch hướng đến việc làm bật lên tiếng cười chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của cộng đồng; có thể được chia thành hai loại là hài kịch tính cách (tập trung chế giễu nét nực cười, đáng phê phán trong tính cách của nhân vật) và hài kịch tình huống (được tổ chức xoay quanh một tình huống hài hước, hiểu lầm, trớ trêu)
5	nghịch ngữ	biện pháp tu từ sử dụng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, mang nghĩa đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề nhằm làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của người nói, người viết
6	ngôn ngữ hài kịch	loại ngôn ngữ góp phần làm nên tính chất đặc trưng của hài kịch, sử dụng thường xuyên các biện pháp gây cười như: cường điệu, tương phản, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ,...
7	nhân vật hài kịch	loại nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên nhầm lẫn và có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế; có tính cách nhất quán, thường được xây dựng theo lối cường điệu
8	nói mỉa	biện pháp tu từ gắn với việc tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn nhằm thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập
9	phong cách cổ điển	phong cách sáng tác hình thành từ thời trung đại nhưng vẫn tiếp tục phát huy ảnh hưởng và in dấu trong sáng tác của các thời đại sau; có các tính chất nổi bật như: ước lệ, quy phạm, uyên bác, hướng đến các chủ đề vĩnh cửu,...
10	phong cách hiện thực	phong cách sáng tác chú trọng việc thể hiện "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá
11	phong cách lãng mạn	phong cách sáng tác ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đề cao trí tưởng tượng; chú trọng biểu hiện nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế; thường lí tưởng hoá đối tượng được đề cập; ưa dùng các yếu tố tương phản
12	thao tác nghị luận	hoạt động nghị luận cụ thể khi thực hiện một văn bản nghị luận; bao gồm chứng minh, bác bỏ, bình luận (thao tác đặc thù của văn nghị luận) và giải thích, phân tích, so sánh (thao tác bổ trợ được dùng phổ biến trong văn nghị luận)
13	thủ pháp đồng hiện	thủ pháp thường dùng trong tác phẩm điện ảnh, truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, gắn với việc cho xuất hiện cùng lúc các hình ảnh, sự việc vốn xảy ra ở những thời điểm và không gian khác nhau dựa trên cơ chế hồi tưởng, liên tưởng

14	thủ pháp trào phúng (trong hài kịch)	cách thức làm bật lên tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm nhằm hạ thấp đối tượng thông qua việc tạo tình huống oái oăm hoặc hiểu nhầm, việc phóng đại nét đáng cười trong thói tật, cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của nhân vật hài kịch
15	tiểu thuyết	thể loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân
16	tiểu thuyết hiện đại	tiểu thuyết thể hiện cảm quan hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trong thời trung đại hoặc trước thời đại tư bản chủ nghĩa; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; chú ý xây dựng hình tượng "con người nếm trải", có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí; có kết cấu nhiều lớp đa dạng, tuyến tính hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều "bè" ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội; có khả năng tổng hợp cao mọi thành tựu hay kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác
17	tình huống hài kịch	tình huống mang tính chất hài hước được khai thác từ cuộc sống sinh hoạt, thế sự nhằm làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người; phổ biến là tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười nhưng không bi đát, có thể được giải quyết theo hướng tích cực
18	truyện truyền kì	thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, được phát triển trực tiếp từ loại truyện chí quái, chí dị, kế thừa sáng tạo nền tảng thần thoại, truyền thuyết của văn học dân gian và hệ thống tín ngưỡng văn hoá, tâm linh của các dân tộc; sử dụng yếu tố kì ảo như một phương thức nghệ thuật đặc thù
19	xung đột hài kịch	loại xung đột được xây dựng dựa trên mâu thuẫn giữa tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường với những chuẩn mực đạo đức của cộng đồng và sự tiến bộ xã hội; có khả năng được giải quyết theo hướng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận, cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định
20	yếu tố kì ảo	yếu tố đặc trưng hiện diện ở tất cả các thành phần cấu tạo chủ yếu của truyện truyền kì, cũng tồn tại với những mức độ đậm nhạt khác nhau trong nhiều thể loại tự sự khác; được sử dụng như một phương thức thể hiện, lí giải các vấn đề xã hội – lịch sử; có thể được nhận biết qua hình thức, hành động khác thường, siêu nhiên của nhân vật (con người, ma quỷ, loài vật quái đản,...) và sự kì lạ, biến ảo khôn lường của các sự việc, biến cố
21	yếu tố siêu thực (trong thơ)	yếu tố thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận đặc biệt của nhà thơ về thế giới dựa trên việc nhấn mạnh tầm quan trọng của vô thức, tiềm thức; thường gắn với các hình ảnh được cho là kì dị, huyền bí và những kiểu kết hợp có vẻ phi logic thường chỉ thấy trong ảo giác, giấc mơ

BẢNG TRA CỨU
MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
1	ác	– xấu, không tốt: *ác bá, ác độc, gian ác,...* – dữ dội, khốc liệt: *ác chiến, ác liệt,...*
2	ảo	– giả, không thật; giả làm như thật: *ảo ảnh, ảo mộng, ảo thuật, ảo tưởng, hư ảo,...* – (một âm là *huyễn*): *huyễn hoặc, huyễn tưởng,...*
3	bá	trùm sỏ, tự xưng hùng (xưng bá) một vùng; chiếm đoạt, áp đặt một cách vô lí: (cường hào) *ác bá, bá chủ, bá đạo, bá quyền,...*
4	bạc	– mỏng, ít, không dày dặn; đơn giản, sơ sài: *bạc mệnh, (hồng nhan) bạc phận; đơn bạc, đạm bạc,...* – không coi trọng: *bạc đãi, khinh bạc,...*
5	bào	nhau thai, vật tròn có màng bọc bên ngoài; có quan hệ ruột thịt: *bào thai, tế bào; đồng bào,...*
6	biên	– ranh giới, địa phận giáp nhau giữa hai quốc gia, khu vực: *biên giới, biên phòng, giáp biên,...* – giới hạn (chỗ tận cùng): *biên độ, vô biên,...*
7	bộ	– một phần của chỉnh thể: *bộ phận, cục bộ, nội bộ,...* – đơn vị tổ chức bộ máy (một cấp thuộc chính phủ hoặc tổ chức đảng và đoàn thể): *bộ trưởng, chi bộ, đảng bộ,...*
8	cá	riêng, riêng lẻ; đơn lẻ: *cá biệt, cá nhân, cá tính, cá thể,...*
9	cẩn	– thận trọng, chú ý, không sơ suất: *cẩn thận, cẩn trọng,...* – coi trọng, kính trọng: *cẩn bạch, cẩn cáo, kính cẩn,...*
10	cận	gần, bên cạnh; gần gũi, thân thuộc: *cận biên, cận đại, cận thị, tiệm cận; cận thần, thân cận,...*
11	cốt	– xương; cốt lõi, quan trọng, cái tinh tuý: *cốt nhục (xương thịt), hài cốt; cốt yếu, cốt tuỷ,...* – tính cách, bản tính: *cốt cách, khí cốt, phong cốt,...*
12	cùng	– hết, tận; tới mức cùng: *cùng địa, cùng tận, vô cùng,...* – nghèo túng, khốn khó: *cùng cực, cùng khổ, bần cùng,...*
13	cứ	– bằng chứng, chứng cớ; theo, dựa vào: *chứng cứ, luận cứ, xác cứ; căn cứ, y cứ,...* – chiếm lấy, chiếm giữ: *cứ điểm, cát cứ, chiếm cứ,...*
14	chân	thật, không giả, đúng như thực; chất phác, thật thà: *chân thực, tả chân, chân tâm, chân tính, chân thành,...*
15	chí	ý hướng, quyết tâm, để tâm vào: *ý chí, chí hướng,...*
16	chiếu	soi sáng, chiếu sáng; đối xét cho rõ; chăm nom, săn sóc: *phản chiếu; đối chiếu; chiếu cố,...*
17	chinh	– đi xa: *chinh an, chinh đồ, chinh nhân,...* – đánh dẹp, thu phục: *chinh chiến, chinh phạt, chinh phục, viễn chinh, xuất chinh,...*
18	di (1)	di dời, biến đổi: *di cư, di dân, di động, chuyển di,...*
19	di (2)	còn thừa ra, để lại, sót lại: *di cảo, di chỉ, di chúc, di hận, di huấn, di ngôn, di nguyện, di sản, di văn, di vật,...*

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
20	đế	vua, bậc chúa tể: *đế chế, đế chủ, đế vương, hoàng đế, thượng đế,...*
21	điều	– thay đổi, phân phối cho đồng đều; thu xếp cho ổn thoả: *điều chỉnh, điều chuyển, điều hoà, điều phối; điều đình,...* – (một âm là *điệu*) giọng điệu, lời nói; âm cao thấp trong ngôn ngữ; thanh luật trong âm nhạc: *luận điệu; thanh điệu; giai điệu,...*
22	đoạn	– đứt, dứt bỏ, làm cho cách biệt: *đoạn tuyệt, gián đoạn,...* – (một âm là *đoán*) xét đoán, nhận định, quyết định: *đoán định, chẩn đoán, phán đoán,...*
23	hằng	lâu bền, thường thường, mãi mãi: *hằng thường, hằng số, vĩnh hằng,...*
24	hồn (1)	(thuộc về) tinh thần, cái thiêng liêng (của con người, sự vật): *hồn phách, linh hồn, quốc hồn,...*
25	hồn (2)	cái tự nhiên, chất phác, không lộ rõ: *hồn hậu, hồn nhiên,...*
26	khoảnh	mảnh đất, đơn vị đo diện tích đất, một khoảng (không gian); một khoảng (thời gian): *(anh hùng) nhất khoảnh; khoảnh khắc,...*
27	lệ	đẹp, đẹp đẽ: *diễm lệ, mĩ lệ, tú lệ,...*
28	loại	loài, giống; đơn vị chỉ sự, loại: *kiểu loại, môn loại, nhân loại; thể loại, từ loại,...*
29	phạm (1)	làm trái, có tội; xâm lấn: *phạm nhân, phạm pháp, tội phạm, vi phạm; xâm phạm,...*
30	phạm (2)	phép tắc, khuôn mẫu, chuẩn mực; giới hạn: *mô phạm, sư phạm, quy phạm; phạm vi,...*
31	tiên	tiên, thuộc về cõi tiên; siêu phàm, thoát tục: *tiên cảnh, tiên cung, thần tiên; thi tiên,...*
32	thủ	đầu tiên, (bộ phận) bên trên, (người) đứng đầu: *thủ đô, thủ lĩnh, thủ khoa, thủ tướng, thủ trưởng, nguyên thủ,...*
33	thuỷ	bắt đầu, lúc đầu; mới, trước: *thuỷ chung, thuỷ tổ; khởi thuỷ, nguyên thuỷ,...*
34	trị	– sắp xếp, lo liệu, quản lí: *trị quốc, trị vì, chính trị, đức trị, pháp trị, quản trị,...* – trừng phạt, chữa trị: *trị tội, trừng trị, điều trị, nghiêm trị,...*
35	trung (1)	– bên trong, ở giữa: *trung điểm, trung gian, trung tâm, trung tuyến, trung trực, trung ương,...* – (một âm là *trúng*) bị, mắc phải; được: *trúng độc, trúng phong, trúng tà; trúng cách, trúng thưởng,...*
36	trung (2)	thành thật, hết lòng, làm hết bổn phận: *trung hậu, trung hiếu, trung nghĩa, trung quân, trung thành,...*
37	u	– sâu xa; tối tăm, không sáng tỏ: *u uẩn, u hoài, u uất, u viễn, âm u, thâm u; u mê, u minh,...* – ẩn kín, thanh nhã: *u cư, u nhã, thanh u,...*
38	viên	– tròn, hình tròn, hình cầu: *viên phân* (toán học: *hình viên phân), viên nguyệt, phương viên (vuông tròn),...* – đầy đủ, trọn vẹn, hoàn chỉnh: *viên mãn, viên thành, đoàn viên,...*
39	vĩnh	lâu dài, mãi mãi: *vĩnh biệt, vĩnh cửu, vĩnh hằng, vĩnh viễn,...*
40	vịnh	ca hát, ngâm nga, ca ngợi: *vịnh cảnh, vịnh sử, vịnh vật, ca vịnh, để vịnh, ngâm vịnh,...*

BẢNG TRA CỨU
TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
1	Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích	Artemi Philippovitr	5	132, 135, 139
2	An-ma-vi-va	Almaviva	5	153, 154, 155
3	An-na An-đrê-ép-na	Anna Andreevna	5	133, 134, 135,...
4	Ăng-toan đơ Xanh-tơ – Ê-xu-pe-ri	Antoine de Saint – Exupéry	1	32
5	Ba-din	Bazile	5	154, 155, 156,...
6	Bác-tô-lô	Bartholo	5	154, 155, 156,...
7	Ben-gan	Bengal	1, 2	37, 60
8	Ben-li-ni	Bellini	5	135
9	Bét-xtu-giép – Mác-lin-xki	Bestuzhev – Marlinsky	5	136
10	Bô-mác-se	Beaumarchais	5	135, 153, 157
11	Brăm-bê-út	Brambeus	5	136
12	Ca-na-đa	Canada	1	37
13	Da-gốt-xkin	Zagoskin	5	136
14	Đi-can-ka	Dikanka	5	138
15	Ê-đi-xơn	Edison	3	70
16	Giêm Đai-xơn	James Dyson	3	83
17	H. đờ Ban-dắc	H. de Balzac	1	10
18	Hin-đu	Hindu	1	37
19	I-van A-lếch-xan-đrô-vích Khơ-lét-xta-cốp	Ivan Alexandrovitr Khlestacov	5	132, 133, 134,...
20	Iu-ri Mi-lốp-xláp-xki	Yuri Miloslavsky	5	136
21	L. Tôn-xtôi	L. Tolstoy	1	10, 27
22	Lu-ca Lu-kích	Luka Lukitr	5	132, 135, 139
23	Lu-vrơ	Louvre	3	91
24	Ma-ri-a An-tô-nốp-na	Maria Antonovna	5	132, 133, 136,...
25	Ma-ru-xca	Maruska	5	137
26	Mác-xim Go-rơ-ki	Maksim Gorky	1	32
27	Mai-cơn Gioóc-đan	Michael Jordan	3	83
28	Mát-xcơ-va	Moskva	5	136, 138
29	Mây-rơ-bi-ơ	Mayrbeer	5	135
30	Mê-hi-cô	Mexico	1	37
31	Mô-da	Mozart	5	135

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
32	Ni-cô-lai Gô-gôn	Nikolai Gogol	5	132, 136, 138,...
33	Noóc-ma	Norma	5	135
34	Nô-ben	Nobel	2	60
35	Pa-ri	Paris	3, 5	91, 137
36	Păng-tê-ông	Panthéon	3	91
37	Pê-téc-bua	Petersburg	5	132, 134, 136,...
38	Ph. Đốt-xtôi-ép-xki	F. Dostoyevsky	1	10
39	Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca	Federico Garcia Lorca	2	48, 49, 50,...
40	Phi-ga-rô	Figaro	5	153, 154, 155,...
41	Phrăng-cô	Franco	2	48
42	Phrăng-cơ-lin D. Ru-dơ-ven	Franklin D. Roosevelt	3	82
43	Pít-xin Mô-li-tô Pa-ten	Piscine Molitor Patel	1	37
44	Pôn-ta-va	Poltava	5	138
45	Pông-đi-se-ri	Pondicherry	1	37
46	Pu-skin	Pushkin	5	135, 136, 138,...
47	Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go	Rabindranath Tagore	2	60, 61
48	Ri-sác Pác-cơ	Richard Parker	1	37
49	Rô-be	Robe	5	135
50	Rô-din	Rosine	5	153, 154, 155,...
51	Rô-lăng-đơ Va-rô	Rollandes Varreau	1	11
52	S. Đích-ken	Ch. Dickens	1	10
53	S. M. Pra-da-đô-phích	S. M. Prajadophick	1	12
54	Ta-rát Bun-ba	Taras Bulba	5	138
55	Thô-mớt-xơ Lê-ô-na	Thomas Leonard	3	69
56	U-crai-na	Ukraina	5	138
57	Uyn-nơ-péc	Winnipeg	1	37
58	Xéc-gây Ê-xê-nhin	Sergei Yesenin	2	50
59	Xen	Seine	3	91
60	Xen-cốp-xki	Senkovsky	5	136
61	Xê-vin	Séville	5	153, 157
62	Xmiếc-đin	Smirdin	5	136
63	Xô-cơ-rát	Socrates	3	83
64	Y-an Ma-ten	Yann Martel	1	37, 39

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG – LÊ NGỌC DIỆP
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Lương Xuân Nhị, *Đồi cọ*, 1957, tranh sơn dầu, 50 x 73 cm

NGỮ VĂN 12 – Tập một
Mã số: G1HHZV004h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/207-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-39276-3
Tập hai: 978-604-0-39277-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39276-3

9 786040 392763

Giá: 20.300 đ